



Champaka 8

សិក្សា ប្រវត្តិ វប្បធម៌ និង វិទ្យាសាស្ត្រ
Nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa

Số phận dân tộc Champa trong bối cảnh xã hội hôm nay



Kỷ niệm 20 năm IOC-Champa

Công trình đặt dưới sự tài trợ của

Trung Tâm Lịch Sử và Nền Văn Minh Bán Đảo Đông Dương
Paris

Ấn hành bởi

International Office of Champa, 2008

Tái bản dùng cho hệ thống mạng Web

Champaka.info, 2012

Champaka

Tập san nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa

Hình thành vào năm 1999

Sáng lập viên

Hassan Poklaun, Po Dharma

Tổng biên tập

Pgs. Ts. Po Dharma (Viện Viễn Đông Pháp)

Ban biên tập

Pgs. Ts. Danny Wong Tze-Ken (Đại học Malaya, Mã Lai)

Ts. Nicolas Weber (Viện INALCO, Paris)

Ts. Shine Toshihiko (Đại học Ngoại Ngữ Tokyo, Nhật Bản)

Pgs. Ts. Liu Zhi Qiang (Đại học Dân Tộc, Quảng Tây)

Pts. Emiko Stok (Đại học Nanterre, Paris)

Abdul Karim (Viện Bảo Tàng Quốc Gia, Mã Lai)

Musa Porome (IOC-Champa)

Trụ sở

56 Square des Bauves

95140 Garges Les Gonesse, France

Email: champaka1999@aol.com

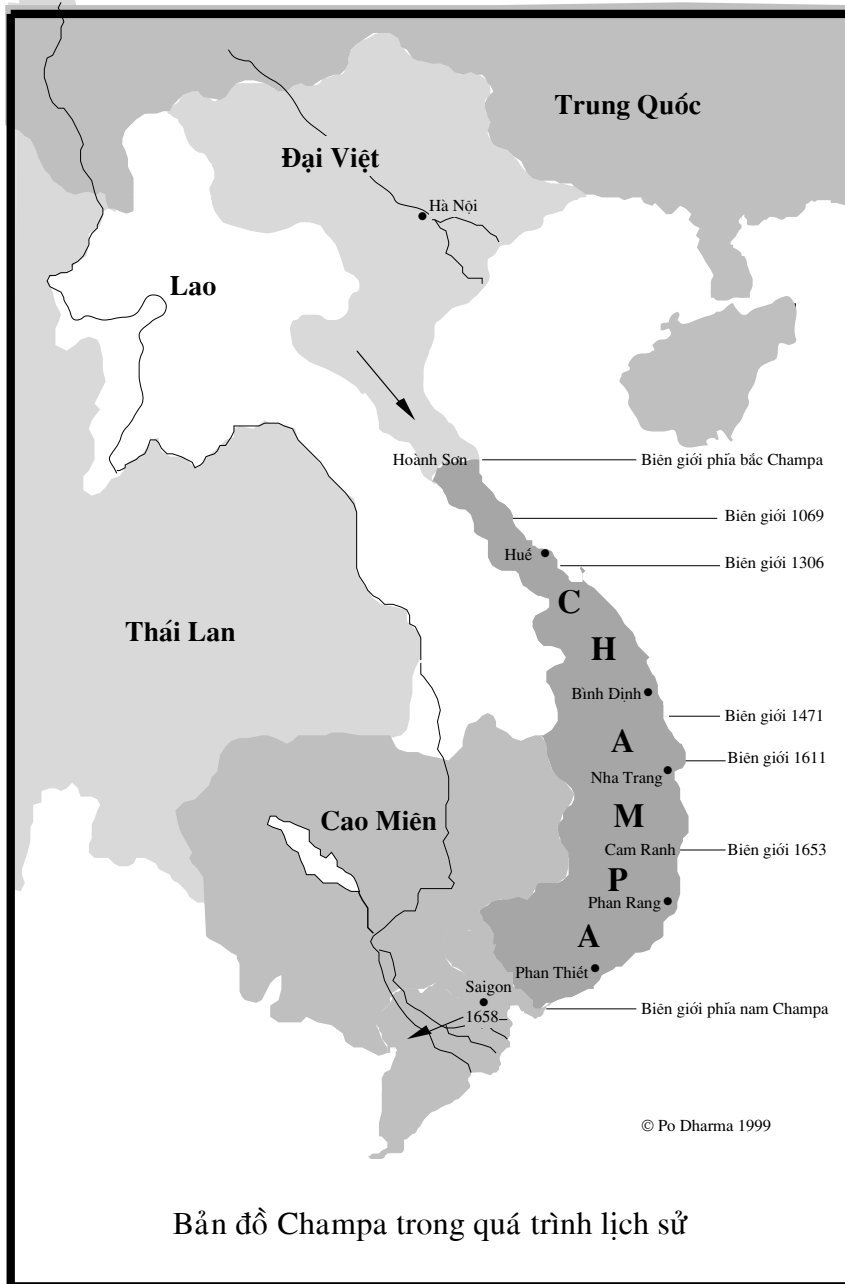
Web: www.champaka.info

Cơ quan ấn hành

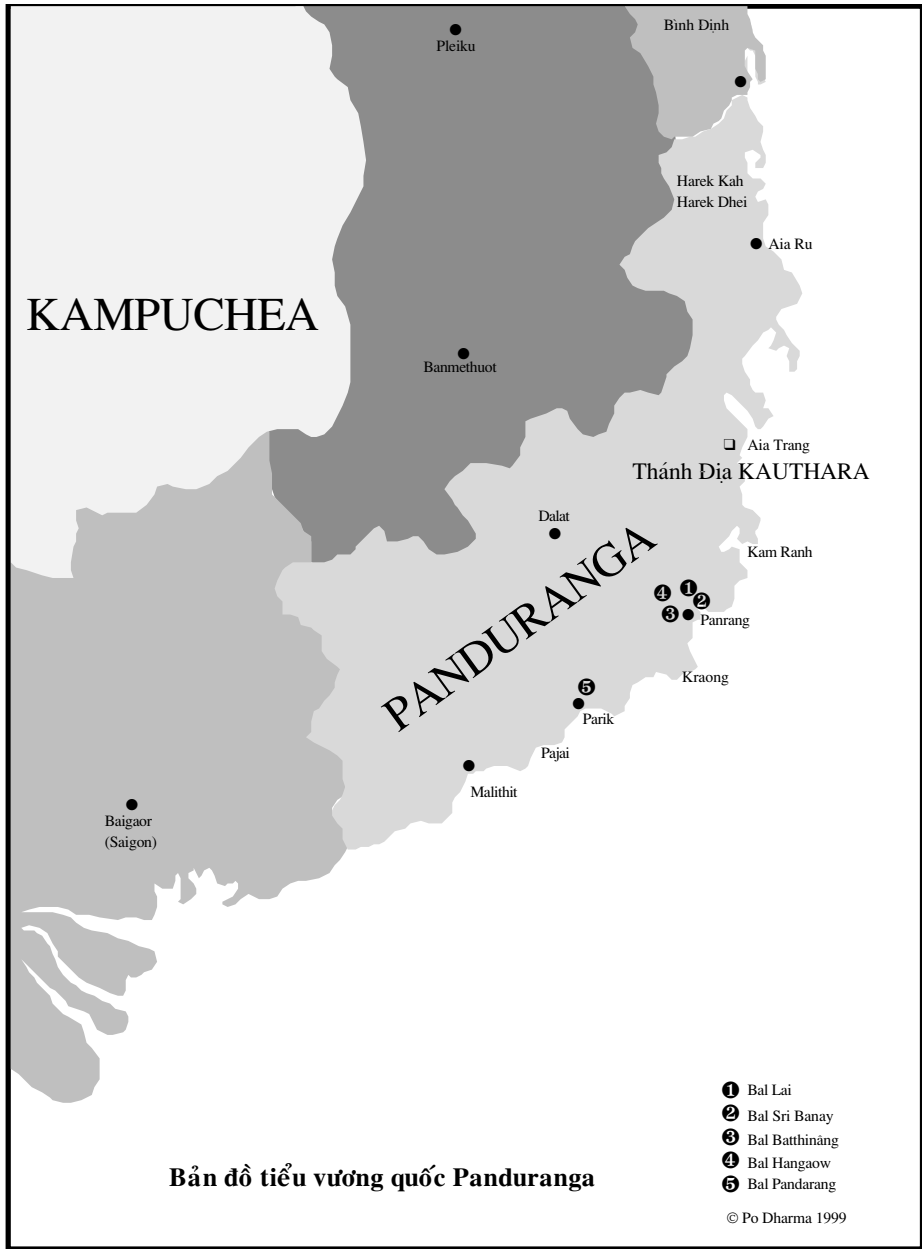
International Office of Champa (IOC-Champa)

© Champaka – 2012

Hình bìa: Tu sĩ Chăm đang cầu nguyện



Bản đồ Champa trong quá trình lịch sử



Tập san Champaka: 14 ấn phẩm nghiên cứu về Champa

Champaka là tập san nghiên cứu được ấn hành bởi International Office of Campa (IOC-Campa), do Trung tá, PGS.TS. Po Dharma làm Tổng Biên tập. Từ khi ra đời cho đến khi Po Dharma qua đời tại Pháp vào ngày 22 tháng 2 năm 2019, tập san Champaka đã xuất bản tổng cộng 14 số, được đặt tên từ Champaka 1 đến Champaka 14.

Trong thời gian 12 năm công tác và học tập tại Thailand, Singapore và Malaysia, TS. Putra Podam đã có nhiều dịp cộng tác nghiên cứu với TS. Po Dharma. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện nghiên cứu Tiến sĩ lần thứ hai chuyên ngành Công nghệ Giáo dục, TS. Po Dharma đã tham gia với vai trò người hướng dẫn thứ hai, phụ trách chuyên đề liên quan đến tiếng Cham cổ.

Website Kauthara.org, được thành lập tại Malaysia do TS. Putra Podam làm Trưởng Ban Biên tập, đã nhận được sự ủng hộ và khuyến khích từ TS. Po Dharma ngay từ những ngày đầu hoạt động.

Sau 10 năm hoạt động, website Kauthara.org đã được đổi tên miền và nâng cấp thành website Champa.one, nhằm mở rộng nội dung và phạm vi phục vụ độc giả. Website Champa.one hiện chuyển tải nhiều chuyên mục liên quan đến văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo và công nghệ của cộng đồng Cham.

Trong khuôn khổ hoạt động này, Champa.one sẽ giới thiệu đầy đủ 14 tập san Champaka trên website để phục vụ độc giả quan tâm đến nghiên cứu Champa.

Toàn bộ 14 tập san Champaka sẽ được TS. Putra Podam biên tập và kết nối các nội dung rời rạc thành các tệp PDF hoàn chỉnh, giúp độc giả thuận tiện trong việc tra cứu và tiếp cận.

TS. Putra Podam

Chịu trách nhiệm biên tập và phát hành bản PDF của tập san Champaka.

Lời mở đầu

Champaka số 8 mang chủ đề *Số phận dân tộc Champa trong bối cảnh xã hội hôm nay*, tập trung hầu hết những bài viết đã đăng rải rác trong báo điện tử Harak Champaka, từ số 1 ngày 24-4-2005 đến số 31 ngày 12-8-2008 mà nội dung có phần sửa chữa và chỉnh lý lại bởi các tác giả đã đóng góp để thực hiện số đặc biệt này, nhân ngày kỷ niệm 20 năm của tổ chức IOC-Champa.

Nói đến số phận dân tộc Champa hôm nay thì người ta phải nói đến quyền sở hữu đất đai, sinh mạng, di sản ngôn ngữ chữ viết, danh dự và quyền lợi của họ. Đó là 4 chủ đề nổi cộm đã làm xáo trộn khuôn mặt xã hội Chăm từ 10 năm qua.

Sau 8 thế kỷ đương đầu với cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt, dân tộc Chăm đã gánh chịu bao tang thương thống khổ của cuộc chiến để rồi hôm nay họ lại trở thành một tập thể vô sản nghèo đói và bần cùng, ngụp lặn trong một cộng đồng khổng lồ của dân tộc Kinh hơn 85 triệu người, chờ ngày bị đồng hóa thành một nhóm người lai căng mất gốc. Trước thực trạng bi đát này, dân tộc Chăm hôm nay lại gặp phải bao số phận hẩm hiu khác. Hết vấn đề đất đai bị tước đoạt, sinh mạng luôn luôn bị đe dọa, một số trí thức người Chăm tiêu cực lại quay lưng với tổ quốc để tàn phá di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm, kết tội dân tộc Chăm chỉ là những kẻ có khuyết tật, phỉ báng và bôi nhọ cả tên tuổi vua chúa Champa, chà đạp lên ý thức hệ lịch sử nhân ngày kỷ niệm 175 năm Champa bị xóa bỏ trên bản đồ để rồi quên đi cả danh dự của dân tộc mất nước.

Đó là những hiện tượng mà Champaka 8 đưa ra phân tích một cách trung thực hầu giúp độc giả tiếp thu thêm thế nào là xã hội Champa trong bối cảnh lịch sử cận đại hôm nay.

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

BBT Harak Champaka

Nói đến những cuộc xung đột gay go giữa hai vương quốc láng giềng ở bán đảo Đông Dương trong quá khứ, thì người ta phải nói đến chiến tranh kinh hoàng giữa vương quốc Đại Việt và Champa, hai quốc gia hấp thụ hai nền văn minh hoàn toàn khác biệt: dân tộc Việt chịu ảnh hưởng nền văn minh Trung Quốc và dân tộc Champa theo văn hóa Ấn Độ Giáo và Hồi Giáo.

Nói đến định mệnh hẩm hiu của các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á, thì người ta phải nói đến số phận của dân tộc Chăm. Sau 8 thế kỷ đấu tranh và đương đầu với cuộc Nam Tiến, lịch sử chỉ để lại cho dân tộc này một kết quả tang thương và đẫm máu: vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ, đất đai Champa bị chiếm đóng, chính quyền và vua chúa Champa bị sụp đổ, đền đài và cung điện Champa bị phá hủy, dân tộc Champa hoàn toàn bị tiêu diệt chỉ còn lại khoảng 100.000 người Chăm đang sống chui nhủi trong hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận và gần 700.000 người Tây Nguyên sống ở miền cao.

Con số 100.000 người Chăm còn sống sót ở miền trung Việt Nam hôm nay đã nói lên thế nào là hậu quả của chính sách diệt chủng mà cuộc Nam Tiến đã dành cho dân tộc này. Đây là một biến cố kinh hoàng chưa từng xảy ra trong lịch sử của các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á. Trước sự tang thương đổ nát này, dân tộc Champa chỉ biết chấp nhận, vì đây là dữ kiện đã diễn ra trong quá trình lịch sử, nhất là lịch sử thời cổ đại, vì vua chúa Đại Việt thời đó chưa ý thức được thế nào là qui luật chiến tranh giữa hai quốc gia láng giềng, cũng như vai trò và trách nhiệm của dân tộc thắng trận đối với dân tộc thua trận.

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

Sau ngày vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832, dân tộc Chăm trở thành công dân Việt Nam, hưởng một qui chế tự trị do vua Thiệu Trị ban hành và qui chế này được lưu truyền cho đến chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Cũng nhờ qui chế này, dân tộc Chăm có được cơ hội quản lý trực tiếp mọi cơ cấu tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội theo truyền thống và nhất là kiểm soát biên giới đất đai thuộc quyền sở hữu của mình. Đây là một ân huệ đầu tiên mà nhà nước Việt Nam đã dành cho dân tộc thua trận sau 8 thế kỷ chiến tranh tương tàn.

Chưa đầy 145 năm (1832-1975) đi tìm lại sự ổn định cho cuộc sống, biến cố 1975 lại một lần nữa đưa dân tộc Chăm vào một khúc quanh mới mà không ai có thể tiên đoán được thế nào là định mệnh sống còn của họ trong thế kỷ thứ 21 này.

Sau ngày giải phóng miền nam, chính quyền Hà Nội xóa bỏ ngay qui chế tự trị mà vua Thiệu Trị đã ban hành, không công nhận người Chăm là dân tộc bản địa tại miền trung Việt Nam có một chiều dài lịch sử hiện đang sinh sống trên dải đất Champa, tức là quê hương thân yêu của họ bị vua chúa Việt Nam chiếm đóng sau 8 thế kỷ của cuộc Nam Tiến. Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã quốc hữu hóa toàn diện đất đai, ruộng rẫy của dân tộc Chăm, biến họ thành một tập thể vô sản nghèo đói và bần cùng, cấm đoán mọi lễ nghi tín ngưỡng và phong tục tập quán không phù hợp với chủ nghĩa Mac-Lénin. Sự kiện này đã làm thay đổi toàn diện nguồn gốc di sản văn hóa và xã hội của dân tộc này, từ ngôn ngữ chữ viết, cách ăn mặc, phong cách đối xử, nề nếp gia đình cho đến duy tư và nhân cách của con người. Nếu nhìn theo bề sâu trong không gian lịch sử, đây cũng là chính sách diệt chủng êm đềm không đẫm máu qua chính sách đồng hóa, giết chết dần dần đi cội nguồn lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ và chữ viết của một dân tộc để rồi họ trở thành một tập thể lai căng, mất gốc trong vài thập niên tới.

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

Hết quyền làm chủ trên đất đai và di sản văn hóa của mình, người Chăm lại trở thành một công dân ngoại lệ, sống bên lề xã hội Việt Nam mang danh là một quốc gia đa chủng tộc, nhưng không được pháp luật che chở, không được Đảng và Nhà Nước cứu mang, đùm bọc. Chỉ trong vòng hai tháng, tức là tháng 7 và tháng 8 năm 2008, dân tộc Chăm đã gặp phải 4 biến cố dồn dập xảy ra:

Chiếm đoạt đất đai dân tộc Chăm

Cho dù sau ngày “đổi mới”, nhà nước đã ra lệnh trao trả lại đất đai cho dân tộc Chăm, nhưng cho đến hôm nay chính quyền địa phương tỉnh Ninh Thuận vẫn còn tiếp tục chiếm đoạt ruộng đất của dân tộc Chăm để bán nhượng cho công ty tư nhân. Chính vì thế, đàn bà và phụ nữ Chăm thôn Văn Lâm, tỉnh Ninh Thuận quyết tâm xuống đường, chặn xe phái đoàn của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vào ngày 23 tháng 7 năm 2008 để đòi quyền sở hữu đất đai họ.

Cũng vì cuộc Nam Tiến, vương quốc Champa đã nhượng cho Đại Việt toàn diện lãnh thổ của mình ở miền trung chạy dài từ Quảng Bình đến biên giới Biên Hòa. Hôm nay, dân tộc Chăm chỉ còn một vài mảnh đất canh tác để nuôi thân qua ngày. Tại sao chính quyền địa phương không thương xót cho dân bản địa này mà lại tiếp tục tước đoạt thêm đất đai của họ nữa. Đây là một hồ sơ dân oan, nhưng Đảng và Nhà Nước Việt Nam không quan tâm cho lắm, vì người Chăm chỉ là công dân ngoại lệ tại Việt Nam hôm nay?

Lò hạt nhân diệt chủng

Gần mấy năm qua, cho dù có nhiều ý kiến phản đối của các nhà khoa học chuyên môn về điện hạt nhân, nhà nước Việt Nam vẫn quyết định xây hai lò điện hạt nhân tại Sơn Hải, địa đầu của hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận nơi tập trung hầu hết người Chăm ở miền trung Việt Nam. Sự

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

viếng thăm khu vực này của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vào ngày 23 tháng 7 năm 2008 đã xác nhận sự ra đời của lò hạt nhân đầu tiên tại Việt Nam.

Lò hạt nhân là cần thiết cho sự phát triển năng lượng điện lực cho quốc gia. Tiếc rằng, chỉ cần một sơ suất trong lý do kỹ thuật, chất phóng xạ có thể tiêu diệt toàn diện dân số của hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, trong đó có 100.000 người Chăm đang sinh sống.

Ai cũng biết, sau 8 thế kỷ đương đầu với cuộc Nam Tiến, dân tộc Champa hoàn toàn bị diệt chủng trên dải đất miền trung. Hôm nay, họ chỉ còn sống sót chưa đầy 100.000 người. Sự hiện diện của họ là một vấn đề thiết yếu phù hợp với hiến chương của Liên Hiệp Quốc liên quan đến môi trường nhân sinh nhằm bảo vệ sự sống còn của một số động vật hay tộc người trên đà bị diệt chủng. Nếu không có giải pháp thích đáng, chất phóng xạ của hạt nhân sẽ tiêu diệt cộng đồng người Chăm trong chốc lát và xóa bỏ vĩnh viễn tên dân tộc này trên bản đồ chủng tộc của thế giới.

Một số động vật, vì số lượng quá ít, được các quốc gia trên thế giới che chở và bảo vệ cho sự hiện hữu của nó. Dân tộc Chăm, dù sao cũng là một tộc người, phải hưởng một qui chế bảo tồn ưu tiên hơn so với động vật, để họ còn hiện hữu bên cạnh dân tộc Kinh trong thế kỷ thứ 21 này. Không lý do gì mà nhà nước Việt Nam lại dùng lò hạt nhân để tiêu diệt họ.

Đây cũng là hồ sơ dân oan mà Đảng và Nhà Nước không đưa ra một lời giải thích. Vì người Chăm chỉ là công dân ngoại lệ, thành ra sinh mạng hay sự sống còn của họ không phải là vấn đề quan trọng đối với chính quyền Việt Nam hôm nay?

Ngôn ngữ chữ viết Chăm bị thoái hóa

Sau mấy chục năm, các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm than oán, vì Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC) do nhà nước thành lập vào năm 1978, đã tự tiện

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

chính lý chữ Chăm để đưa *Akhar Thrah* Chăm truyền thống đi vào con đường thoái hóa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2008, nhân ngày kỷ niệm 30 năm của tổ chức này, nhà nước Việt Nam không đưa ra một giải pháp nào để thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm mà dân tộc này đã yêu cầu gần 30 năm qua. Có chăng, các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm chỉ là công dân ngoại lệ, thành ra nguyện vọng của họ không đáng đưa ra để cứu xét?

Tiếp tục giết hại người Chăm

Sau ngày giải phóng miền nam vào năm 1975, người Chăm bị xếp ngay vào thành phần dân tộc phản động, tiếp tay cho tập đoàn Fulro, làm tay sai cho ngoại bang chống phá nhà nước Việt Nam, cần được cảnh giác và canh chừng thường trực. Kể từ đó, các cơ quan an ninh địa phương thao túng hăm dọa, bắt bớ, tra tấn biết bao người Chăm vô tội, che chở cho những tội phạm người Kinh giết hại người Chăm mà chúng tôi đã trình bày 9 trường hợp điển hình trong *Harak Champaka* số 12 ra mắt vào ngày 8 tháng 4 năm 2006.

Tháng 8 năm 2008 lại xảy ra thêm một vụ giết hại người Chăm nữa, đó là trường hợp ông Bá Văn Bản, 25 tuổi, một nông dân Chăm ở thôn Văn Lâm, tỉnh Ninh Thuận. Cũng vì muốn bảo vệ đất đai của mình bị chiếm đóng, ông Bản quyết tâm vào vườn trồng cây thuộc quyền sở hữu của ông ta để chặt phá một số cây nhằm bày tỏ sự bức xúc của mình.

Ngày 2 tháng 6 năm 2008, công an tỉnh Ninh Thuận bắt ông Bản đưa vào trại giam. Hơn hai tháng trong tù, ông Bản bị tra tấn một cách vô nhân đạo cho đến trọng thương. Trước tình thế này, công an ra lệnh đưa ông ta đến bệnh viện để cấp cứu. Vì mang thương tích quá nặng, ông Bản từ trần vào ngày 27 tháng 8 năm 2008.

Thay vì pháp lý Việt Nam phải đứng ra bảo vệ cho ông Bá Văn Bản, một người nông dân Chăm đấu tranh để

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

bảo vệ đất đai của mình bị tước đoạt, cơ quan an ninh Việt Nam lại tra tấn ông ta trong trại giam cho đến chết vào tháng 8 năm 2008. Giết chết một thanh niên Chăm như ông Bá Văn Bản, chỉ vì tội chặt bỏ vài cây mà người khác tự tiện trồng trọt trên đất đai của ông ta là bản án quá nặng nề, vượt ra khỏi sức tưởng tượng của nhân loại. Nhân danh cơ quan an ninh của nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam dùng quyền lực để hành hung thanh niên Chăm cho đến chết là điều mà dân tộc Chăm không bao giờ chấp nhận được.

Cái chết của ông Bá Văn Bản là một vụ án kinh hoàng chưa từng xảy ra ở khu vực Đông Nam Á, càng làm khơi dậy thêm lòng căm thù của dân tộc Chăm đối với Đảng và Nhà Nước. Vì rằng, sau 8 thế kỷ của cuộc Nam Tiến, người Chăm đã chấp nhận họ là dân tộc thua trận nên bị diệt chủng. Năm 2008 không còn cuộc Nam Tiến nữa. Thế thì tại sao nhà nước Việt Nam vẫn còn tiếp tục giết hại người Chăm vô tội trong thế kỷ thứ 21 này. Vụ án của ông Bá Văn Bản, người Chăm thôn Văn Lâm là một thí dụ điển hình.

*

Chấp nhận làm người Chăm thì phải chấp số phận hẩm hiu của dân tộc này: mất quê hương tổ quốc và mất cả quyền làm chủ trên định mệnh của mình. Vì đây là dữ kiện lịch sử đã trải dài trên dải đất miền trung kiêng kị này, nơi mà hai dân tộc Việt-Chăm đã từng lao đầu vào chiến trường đẫm máu để giải quyết những sự khác biệt chính trị của họ trong suốt 8 thế kỷ qua. Nhưng lịch sử cũng từng chứng minh rằng, dân tộc Chăm có thể vượt ra khỏi thực trạng tăm tối này, nếu Đảng và Nhà Nước Việt Nam công nhận người Chăm không phải là sắc dân thiểu số mà là dân tộc bản địa phù hợp với Bản Tuyên Ngôn Quyền Dân Tộc Bản Địa của Liên Hiệp Quốc ký vào ngày 13 tháng 9 năm 2007 tại New York mà Việt Nam là quốc gia thành viên. Điều cần thiết

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

nữa, nếu Đảng và Nhà Nước không xem người Chăm như là dân tộc thua trận cần phải tiêu diệt nữa, mà là một sắc dân cấu thành đại gia đình dân tộc trong một quốc gia Việt Nam đa chủng tộc và đa văn hóa, đáng được tôn trọng dù đó là danh dự, nhân phẩm, phong tục tập quán của họ.

Dân tộc Chăm cũng sẽ thoát ra khỏi sự diệt chủng trong thế kỷ thứ 21 này, nếu các nhà nghiên cứu, các lực lượng trí thức và các tổ chức hội đoàn Việt Nam trên thế giới quan tâm đến họ, xem họ như dân tộc anh em cần được bảo trợ và che chở, vì họ cũng là thành phần đã từng đóng góp vào lịch trình xây dựng lịch sử và nền văn hóa Việt Nam được giàu mạnh.

Định mệnh sống còn của dân tộc Chăm trong thế kỷ thứ 21 này còn tùy thuộc vào nhân tố quyết định quan trọng hơn nữa, đó là nội bộ của xã hội Chăm hôm nay. Nếu các lực lượng trí thức và hội đoàn dân tộc Champa trong và ngoài nước từ bỏ mọi tị hiềm mang tính chất cá nhân, gia đình và địa phương, để cùng nhau xây dựng một thể hệ mới trong đó mỗi người Chăm chấp nhận rằng xã hội Champa không phải là sở hữu riêng của một người nào mà là không gian liên đới giữa những thành viên Champa cùng xuất thân từ một nguồn gốc văn hóa và lịch sử. Chính vì thế, mỗi cá nhân và mỗi hội đoàn dù có quan điểm và chủ trương đấu tranh riêng, nhưng lúc nào cũng sẵn sàng ngồi chung với nhau bất cứ nơi đâu và bất kì lúc nào trong không gian liên đới này để cùng nhau tìm ra một giải pháp thực tiễn hầu bảo vệ quyền lợi chung của dân tộc Champa. Nếu không, các lực lượng trí thức và các hội đoàn Champa chỉ là một tổ chức ô hợp và tiêu cực, đang quay lưng với sự thống khổ và số phận hẩm hiu mà dân tộc Chăm trong nước đang gánh chịu hôm nay.

Số phận hẩm hiu của dân tộc Chăm hôm nay

Đâu là quyền sở hữu đất đai của dân tộc bản địa?

Qasim Tu

Cuộc xuống đường của dân tộc Chăm đòi quyền sở hữu đất đai vào ngày 23 tháng 7 năm 2008 tại thôn Văn Lâm, xã Phước Nam, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận đã gây bao xôn xao trong quần chúng Chăm ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Đây là một biến cố quan trọng phát xuất từ nhiều nguyên nhân mà chúng tôi muốn đưa ra để phân tích ở đây.

Dân tộc Chăm là một sắc dân sinh sống chuyên về nghề nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi, có một lãnh thổ đất đai riêng được công nhận kể từ triều đại vua Thiệu Trị, bao gồm hầu hết những ruộng rẫy nằm trên đồng bằng ở phía Đông giáp biển Nam Hải và núi rừng ở phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng được xem như là kho sản phẩm lâm nghiệp và nông trường chăn nuôi dành riêng cho dân tộc Chăm. Cũng nhờ qui chế đất đai này, dân tộc Chăm có đủ cơ hội để phát triển và ổn định trong môi trường nhân sinh của họ.

Sau ngày giải phóng Miền Nam vào năm 1975, Nhà Nước Việt Nam quốc hữu hóa toàn diện đất đai thuộc quyền sở hữu của người Chăm, để sáp nhập vào tài sản của hợp tác xã nông nghiệp hay nông trường quốc doanh. Chính sách chiếm đoạt đất đai này đã biến dân tộc Chăm thành một tập thể vô sản, lâm vào cảnh nghèo đói khốn cùng. Sau năm 1990, chính quyền Việt Nam quyết định giải thể hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh, tập trung toàn bộ đất đai bị tịch thu và trưng dụng để chia đều cho mỗi đầu người dù họ là dân tộc Chăm hay người Kinh, nhất là người Kinh từ miền Bắc vừa mới di cư ồ ạt vào miền Nam sau ngày giải phóng. Kể từ đó, mỗi gia đình người Chăm chỉ hưởng một vài sào đất để nuôi thân qua ngày. Đây là một

Đâu là quyền sở hữu đất đai của dân tộc bản địa?

thảm trạng xã hội vô cùng bi đát chưa từng xảy ra trong lịch sử của dân tộc này. Một cộng đồng tộc người chỉ biết sống bằng nông nghiệp, nhưng thiếu đất đai canh tác và thiếu công ăn việc làm để thay thế cho nghề nông, không thể nào thoát ra khỏi nạn nghèo đói và bần cùng.

Cuộc xuống đường của dân làng Chăm thôn Văn Lâm vào ngày 23 tháng 7 năm 2008 đòi Nhà Nước phải trả lại đất đai của họ là tiếng chuông báo hiệu cho sự chuyển động trong tiến trình đấu tranh của dân tộc Chăm mà không ai có thể đoán được hậu quả của nó. Cuộc vùng dậy của họ phát xuất từ một nguyên nhân chính đáng sau đây.

Sau ngày giải phóng, Nhà Nước Việt Nam tịch thu đất đai của 73 hộ người Chăm thôn Văn Lâm tổng cộng hơn 320 mẫu để xác nhập vào nông trường quốc doanh Quán Thẻ thuộc xã Phước Nam, huyện Ninh Phước, tỉnh Thuận Hải (cũ). Năm 1996, Nhà Nước ra lệnh giải thể nông trường này. Thay vì phải trả lại 320 mẫu đất đai cho người Chăm thuộc quyền sở hữu của họ, tỉnh Ninh Thuận lại quyết định cấp phát một số đất đai trên cho người Kinh phục vụ cho nông trường Quán Thẻ làm sở hữu, phần còn lại đem bán cho công ty tư nhân Vịnh Hạ Long nhưng không đưa ra một nguyên nhân chính đáng nào, một qui ước bồi thường như thế nào, bất chấp sự khiếu nại và kêu oan của 73 hộ người dân Chăm, chủ nhân lâu đời của 320 mẫu đất trên.

Kể từ năm 1996, 73 hộ dân Chăm bắt đầu đệ trình đơn khiếu kiện đòi lại đất đai của mình, nhưng chính quyền tỉnh Ninh Thuận không đứng ra giải quyết. Năm 2004, dân làng người Chăm thôn Văn Lâm kéo nhau đến tận Hà Nội để nhờ chính quyền trung ương can thiệp, nhưng cũng không có kết quả. Năm 2006, họ quyết định xuống đường biểu tình đòi hỏi chính quyền địa phương giải quyết hồ sơ đất đai này, nhưng không ai chú tâm đến nguyện vọng của họ. Ngày 6 tháng 12 năm 2007, tập thể đàn bà và phụ nữ Văn Lâm tập trung biểu tình trước trụ sở UBND tỉnh Ninh Thuận đòi chính quyền trả lại đất đai của họ. Thay vì giải quyết nguyện vọng của nhân dân, tỉnh ủy Ninh Thuận điều động

Đâu là quyền sở hữu đất đai của dân tộc bản địa?

công an và bộ đội dân phòng dùng hai chiếc xe cơ giới chở những đàn bà và phụ nữ Chăm Văn Lâm vứt bỏ ở huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và ở Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cách thị xã Phan Rang khoảng chừng 50 cây số. Hành động hà hiếp đàn bà và phụ nữ người Chăm thôn Văn Lâm vô tội, vì họ chỉ xin Nhà Nước trả lại đất đai của họ mà thôi, đã trở thành một chuyển động xã hội khó xử, kéo theo sự phẫn nộ của toàn thể người Chăm về sự đối xử bất công của chính quyền đối với dân bản địa, tạo thêm bầu không khí nặng nề trong mối liên hệ giữa người Chăm và Nhà Nước Việt Nam.

Đất đai của người Chăm là sở hữu do họ tạo ra từ mồ hôi và nước mắt nhưng bị chính quyền chiếm đoạt. Họ chạy lên tỉnh kêu oan thì bị chính quyền tỉnh ngược đãi, ra tận Hà Nội để nhờ chính quyền trung ương can thiệp thì cơ quan trung ương khước từ, không một ai cứu xét nguyện vọng của họ suốt hơn 10 năm qua. Một khi không tìm ra nơi nương tựa để giải bày nỗi oan ức, thống khổ của mình, dân tộc Chăm chỉ còn giải pháp cuối cùng là dẫn thân vào con đường đấu tranh bạo động, bất chấp tù tội, để đòi lại cho bằng được đất đai thuộc quyền sở hữu của họ. Chính vì thế, 73 hộ dân Chăm ở thôn làng Văn Lâm, hầu hết là đàn bà và phụ nữ, quyết định xuống đường biểu tình, ngăn chặn xe của phái đoàn Thủ Tướng Việt Nam và tỉnh ủy Ninh Thuận nhân dịp đến khảo sát dự án xây dựng lò điện hạt nhân ở khu vực Phước Dinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 23 tháng 7 năm 2008 vừa qua. Thoạt đầu, đoàn phụ nữ Chăm biểu tình rất ôn hòa, bắt bạo động với hai biểu ngữ nhỏ nhoi viết bằng tay “Thủ Tướng cứu dân với” và “Đền bù đất cho 73 hộ”. Tiếc rằng đội ngũ công an và bộ đội dân phòng dùng quyền lực để giải tỏa hàng ngũ đàn bà và phụ nữ, biến vụ biểu tình bất bạo động thành những vụ ẩu đả giữa đôi bên, kéo theo bao sự hoang mang trong quần chúng Chăm mà không ai có thể đo lường hậu quả của nó.

Đâu là quyền sở hữu đất đai của dân tộc bản địa?

Người Chăm là một dân tộc bản địa thật thà, chất phác, đã từng hiện hữu trên khu vực này từ ngay khai thiên lập địa và gắn liền với đất đai của họ như một tín ngưỡng thiêng liêng. Chính vì thế, mọi chính sách chiếm đoạt đất đai của dân bản địa trở thành một hành động vi phạm đến thế giới tâm linh của dân tộc này, một hệ thống tín ngưỡng đã từng giáo dục dân tộc Chăm thành một tập thể tộc người có một bản chất riêng biệt, nhìn qua bề ngoài họ rất là hiền hòa chất phác, nhưng bên trong họ là dân tộc rất gan dạ và trực tính sẵn sàng hy sinh cả tánh mạng để bảo vệ danh dự của họ, sẵn sàng dấn thân vào lao tù, chấp nhận chống lại với bất cứ bạo lực, một khi quyền lợi, sở hữu đất đai của họ bị lường gạt và chiếm đoạt. Biến cố ngày 23 tháng 7 năm 2008 tại thôn Văn Lâm là một minh chứng cụ thể.

Sau bao cuộc chiến tang thương trước cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt, lịch sử chỉ để lại cho dân tộc Chăm một chuỗi đền tháp hoang tàn đổ nát nằm ngổn ngang trên suốt chiều dài ở miền trung Việt Nam và một tập thể tộc người chưa đầy 100.000 người dân, sống lạng lẽ, co cụm nghèo đói ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, chờ ngày bị đồng hóa và diệt vong. Hôm nay, họ không mong muốn gì hơn là mong mỗi Nhà Nước Việt Nam đùm bọc họ, tạo cho họ điều kiện “quyền được sống” trong biên giới truyền thống của họ, công nhận quyền sở hữu đất đai của họ, xem dân tộc bản địa này như một công dân thật sự của quốc gia Việt Nam, phá bỏ mọi chiêu bài chụp mũ ghép họ vào tập thể phản động chống phá Đảng và Nhà Nước để đòi tự trị, độc lập, v.v...

Dân tộc Chăm hôm nay là một cộng đồng tộc người chưa đầy 100.000 người, không còn mảnh đất để trồng rau, không còn con trâu để cày ruộng, sống co cụm trong nghèo đói, lặn hụp trong tập thể khổng lồ hơn 80 triệu người Kinh, chờ ngày bị đồng hóa, lai căng mất gốc. Chỉ có Đảng và Nhà Nước Việt Nam mới có đủ quyền lực giúp dân tộc Chăm tìm lại cuộc sống an bình và thịnh vượng hơn, cứu mang họ để dân tộc này còn giữ lại sắc thái văn hóa truyền

Đâu là quyền sở hữu đất đai của dân tộc bản địa?

thống của họ trong thế kỷ thứ 21 này. Để đưa chính sách này đến thành công, Đảng và Nhà Nước cũng nên lắng nghe nguyện vọng chân thành mà dân tộc này thiết tha yêu cầu hơn là tin vào những báo cáo từ chính quyền địa phương cung cấp, trong đó đa số hồ sơ báo cáo không phản ánh trung thực những gì đã xảy ra tại địa phương. Vụ xuống đường của dân tộc Chăm ngày 23 tháng 7 năm 2008 là một bài học đáng suy nghĩ.

Đâu là quyền sở hữu đất đai của dân tộc bản địa?

Sự chuyển động trong xã hội Chăm vào tháng 7 năm 2008

BBT Harak Champaka

Tháng 7 năm 2008 đánh dấu một chuyển động lớn trong xã hội người Chăm, kéo theo ba biến cố đã xảy ra cùng một lúc nhưng phát sinh từ một nguyên nhân chung.

1. Trước sự đe dọa của lò điện hạt nhân

Hơn 10 năm qua, Việt Nam thường báo cáo về thành tựu phát triển năng lượng điện lực và quảng cáo hàng ngày về công trình xuất khẩu điện của Việt Nam sang Trung Quốc, Lào và Campuchia, trong khi đó dân tộc Chăm sinh sống ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận lúc nào cũng than van về việc chính quyền địa phương cúp điện hàng ngày trong khu vực của họ vì thiếu năng lượng điện. Bên cạnh đó, dân chúng còn chứng kiến nhiều hiện tượng khôi hài khác mà họ thường bàn đến rằng đất nước Việt Nam chưa có đủ chuyên viên kỹ thuật để chế tạo một chiếc xe đạp, nhưng lại mơ đến công trình xây dựng lò điện hạt nhân, một công nghệ hiện đại nhất trong thế kỷ thứ 21 này và cũng là một kỹ thuật tân tiến nguy hiểm nhất có thể tiêu diệt cả hàng triệu người cùng một lúc vì chất phóng xạ. Có chăng công trình xây cất lò hạt nhân chỉ là bích chương mang màu sắc chính trị hơn. Vì rằng, yếu tố quan trọng trong chủ thuyết xây dựng một quốc gia Việt Nam hùng mạnh không phải là tánh mạng nhân dân Việt Nam trước sự đe dọa của lò điện hạt nhân mà là sử dụng lò hạt nhân này như một phương tiện để củng cố uy quyền cho một quốc gia độc quyền nhằm chứng minh rằng Việt Nam là một quốc gia đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á có đủ điều kiện xây dựng cả lò điện hạt nhân.

Để thực hiện cho bằng được ngành công nghệ hiện đại này, chính phủ Việt Nam ký một hiệp ước hợp tác với Cộng Hòa Pháp vào tháng 4 năm 2004 về chương trình phát triển hạt nhân dân sự để phục vụ cho năng lượng điện lực. Nhân dịp viếng thăm Paris vào tháng 10 năm 2007, Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng và Tổng Thống Pháp cũng đưa ra một thông cáo chung về sự giúp đỡ của Cộng Hòa Pháp vào công trình phát triển ngành điện lực hạt nhân tại Việt Nam. Vài tháng sau, tức là ngày 15 tháng 5 năm 2008, Thứ Trưởng Công Nghệ và Thương Mại Việt Nam là Đỗ Hữu Hào và Bộ Trưởng Công Nghệ Nhật Bản là ông Masashi Nakano đã ký thêm một hiệp ước khác dành cho Nhật Bản quyền góp phần vào chương trình xây dựng lò điện hạt nhân tại Việt Nam. Trong hiệp ước Pháp-Việt, Cộng Hòa Pháp chịu trách nhiệm đào tạo chuyên gia khoa học Việt Nam để quản lý lò hạt nhân, soạn thảo những qui ước pháp lý bảo toàn an ninh lò nguyên tử và đưa ra những qui tắc trưng cầu dân ý nhân dân địa phương nơi xây cất lò hạt nhân này.

Theo dự án, Việt Nam chọn khu vực Sơn Hải thuộc tỉnh Ninh Thuận làm thí điểm của trung tâm phát triển hai lò điện hạt nhân. Lò số 1 sẽ khởi hành xây cất vào năm 2017-2020. Chính vì thế, Cộng Hòa Pháp phải hợp lực với chính phủ Việt Nam chuẩn bị đào tạo kể từ hôm nay một lực lượng chuyên viên kiến trúc có tầm vóc để thực hiện công trình xây dựng nhà máy hạt nhân và chuyên gia khoa học có khoa bảng để quản lý lò hạt nhân này. Để khởi đầu cho chương trình, Pháp và Việt Nam có tổ chức tại Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 20 tháng 5 năm 2008 một ngày hội thảo và triển lãm để giải thích thế nào là vai trò của quần chúng địa phương đối với dự án xây cất lò điện hạt nhân tại khu vực Sơn Hải, tỉnh Ninh Thuận. Cuộc hội thảo này có sự hiện diện của ông Hervé Bolot, Đại Sứ Toàn Quyền Pháp tại Việt Nam và nhất là ông Michel Laurent, chủ tịch Hội Đồng Dân Sự về Nguyên Tử Lực tại địa phương Flamanville của nước Pháp nơi hình thành một lò điện hạt nhân hiện đại nhất thế giới.

Nhân dịp hội thảo này, ông Michel Laurent giải thích cho chính quyền và dân chúng tỉnh Ninh Thuận biết rõ thế nào là vai trò của Hội Đồng Dân Sự do ông ta điều hành trong công tác đảm bảo quyền pháp lý của nhân dân địa phương đối với sự đe dọa của một lò điện hạt nhân trên lãnh thổ của họ và thế nào là trách nhiệm của chính phủ Pháp để bảo toàn tánh mạng của nhân dân sinh sống trên địa bàn này, một khi nhà máy hạt nhân bị hư hỏng. Ông Michel Laurent đưa ra kết luận rằng xây dựng lò điện hạt nhân là công trình lợi ích cho ngành điện lực của một quốc gia, nhưng chính phủ của quốc gia này không có quyền quyết định xây cất một lò hạt nhân mà không có sự đồng thuận của nhân dân địa phương qua cuộc trưng cầu dân ý.

Cộng Hòa Pháp là một quốc gia pháp trị dựa trên thể chế «dân làm chủ» theo đúng nghĩa của một quốc gia tự do. Tiếc rằng thể chế dân chủ của Pháp liên quan đến công trình xây dựng lò hạt nhân có thể áp dụng tại một quốc gia Việt Nam độc đảng được không? Bằng chứng cụ thể đã cho thấy Sơn Hải nằm trong biên giới của tỉnh Ninh Thuận là khu vực được chọn làm trung tâm lò điện hạt nhân, nơi tập trung đông đảo nhất dân tộc Chăm bản địa, nhưng người Chăm không được mời tham gia ngày hội thảo. Điều này đã chứng tỏ rằng, chính quyền Việt Nam không cần dân tộc Chăm đưa ra ý kiến hay quan điểm gì về dự án xây dựng lò hạt nhân trong khu vực của họ.

Vì không tiếp thu đầy đủ thông tin về ngành công nghệ quá hiện đại này, chương trình xây dựng lò hạt nhân tại Sơn Hải đã đưa cộng đồng người Chăm hôm nay đang sống trong lo âu và sợ hãi, vì tánh mạng của họ không được bảo toàn trước sự tàn phá của chất phóng xạ hạt nhân để rồi từ đó họ đặt bao nghi vấn về sự sống còn của họ trong thế kỷ thứ 21 này, một khi lò hạt nhân bị hư hỏng vì lý do kỹ thuật. Sự tàn phá kinh hoàng do lò hạt nhân Tchemobyl gây ra vào ngày 26 tháng 4 năm 1986 tại Ukraine là một minh chứng cụ thể mà dân tộc Chăm không thể quên được.

Sự chuyển động trong xã hội Chăm

Sự tàn phá của chất phóng xạ này đã đưa dân tộc Chăm đặt ra bao câu hỏi về định mệnh hẩm hiu của họ trong tương lai: Đây là lò hạt nhân có ích lợi cho sự phát triển năng lượng điện lực của một quốc gia hay lò diệt chủng mà quốc gia đó muốn xây dựng để tiêu diệt thêm dân tộc bản địa người Chăm, một cộng đồng sắc tộc chỉ còn vồn vẹn vào khoảng 100.000 người sau bao cuộc chiến tang thương kéo dài trong 8 thế kỷ Nam Tiến của dân tộc Việt, tức là tiến về phía nam để tiêu diệt dân tộc Champa có hệ thống để rồi hôm nay người ta không còn thấy một bóng dáng người Chăm nào còn hiện hữu ở miền duyên hải chạy dài từ tỉnh Quảng Bình đến biên giới Cam Ranh.

Dự án thành lập trung tâm hạt nhân tại khu vực Sơn Hải là yếu tố khởi đầu của sự khủng hoảng tâm thần trong xã hội Chăm hôm nay. Nhưng sự khủng hoảng này chỉ bắt nguồn từ một nguyên nhân chính yếu đó là chủ thuyết «Đảng lãnh đạo, Nhà Nước quản lý, dân làm chủ» không phải là qui ước pháp lý dành cho dân tộc Chăm, một tập thể dân bản địa không bao giờ được «quyền làm chủ» mà chỉ được «quyền im lặng» chấp nhận mọi chính sách và chỉ thị của nhà nước đã đưa ra, dù đó là chỉ thị xây dựng cả một lò điện hạt nhân di nữa.

2. Vùng dậy bảo vệ quyền sở hữu đất đai

Khởi đầu cho cuộc đấu tranh đòi quyền sở hữu đất đai của dân tộc Chăm là sự vùng dậy của 73 hộ người Chăm thôn Văn Lâm tỉnh Ninh Thuận, chủ yếu là đàn bà và phụ nữ, hô hào khẩu hiệu yêu cầu chính quyền Việt Nam phải trả lại đất đai của họ bị chính quyền địa phương chiếm đoạt gần 10 năm qua, sau đó xung phong xuống đường ngăn chặn và đập phá hai chiếc xe con của phái đoàn Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng nhân dịp ông ta đến viếng thăm tỉnh Ninh Thuận vào ngày 23 tháng 7 năm 2008 để quan sát khu vực Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Ninh Phước, nơi được

chọn lựa làm trung tâm lò diên hạt nhân. Đây là hành động cực kỳ can đảm của giới phụ nữ Chăm nhằm đương đầu với một chế độ độc đảng, sẵn sàng vào lao tù, nếu cần, để bảo vệ quyền lợi của họ.

Để trả lời cho cuộc xuống đường này, lực lượng an ninh vũ trang của chính quyền địa phương dùng cả dùi cui điện để phá tan cuộc biểu tình, nhưng đàn bà và phụ nữ Chăm nhất quyết không lùi bước, quyết tâm cầm lều ăn ngủ ngoài đường để giam giữ lại hai chiếc xe của Nhà Nước. Vì không lối thoát, chính quyền địa phương đưa ra thông báo là sẽ tìm biện pháp để giải quyết nguyện vọng của dân tộc Chăm. Ngày 25-7-2008, đàn bà và phụ nữ Chăm thôn Văn Lâm quyết định chấm dứt cuộc biểu tình và trao trả lại hai chiếc xe con cho chính quyền.

Cuộc xuống đường của phụ nữ Chăm vào ngày 23-7-2008 là một cố sự đáng ghi nhớ trong trang sử hiện đại. Đây là tiếng chuông báo hiệu cho những cuộc vùng dậy khác có thể xảy ra nếu Nhà Nước Việt Nam không từ bỏ mọi chính sách đồng hóa và tước đoạt quyền sở hữu đất đai của dân tộc bản địa người Chăm. Đây không phải là thái độ phản động chống phá nhà nước Việt Nam mà là cuộc đấu tranh bất bạo động để đòi quyền được sống và quyền sở hữu đất đai. Biến cố này cũng phát xuất từ một nguyên nhân chính đáng đó là chính quyền Việt Nam lúc nào cũng hô hào khẩu hiệu “dân làm chủ” nhưng người Chăm chưa bao giờ «làm chủ» một lần nào kể từ ngày giải phóng miền nam vào năm 1975, ngay cả quyền «làm chủ» trên đất đai do chính bàn tay, mồ hôi và nước mắt của họ tạo ra.

Dân tộc Chăm, cũng như tất cả các sắc tộc khác ở miền trung Việt Nam là một tập thể rất thật thà, chất phác nhưng rất nhạy cảm không chấp nhận bất cứ ai lường gạt họ. Nhà Nước phô trương khẩu hiệu «dân làm chủ», trong khi đó Nhà Nước lại chiếm đoạt đất đai của người làm chủ, không cần ý kiến của ông chủ này. Đối với người Kinh, đây là hiện tượng thông thường. Nhưng với dân tộc Chăm, hành

động này là điều cấm kỵ trong truyền thống của dân tộc Chăm. Biến cố đã xảy ra ở Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004 và cuộc xuống đường của đàn bà phụ nữ Chăm thôn Văn Lâm vào tháng 7 năm 2008 đều phát xuất cùng một nguyên nhân, đó là khẩu hiệu “dân làm chủ” chỉ là bích chương quảng cáo không liên hệ gì đến dân tộc bản địa.

3. Đấu tranh bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết

Tiếp theo cuộc biểu tình của phụ nữ Chăm ở thôn Văn Lâm vào ngày 23-7-2008, Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC) tổ chức kỷ niệm 30 năm vào ngày 25-7-2008 tại thành phố Phan Rang. Đây là biểu tượng cho sự chuyển động lần thứ ba trong xã hội Chăm đã xảy ra cũng vào tháng 7 năm 2008. Nhân dịp này, giới trí thức và khoa học Chăm đứng ra bày tỏ sự phẫn nộ của họ qua diễn đàn của Harak Champaka số 28, yêu cầu ông Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại, hai nhà lãnh đạo của BBSSCC phải chấm dứt truyền bá chữ Chăm có *paoh gak* lai căng do cơ quan này chế biến và phải chỉnh lý 4 sai lầm trong sách giáo trình để thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm mà dân tộc Chăm xem đó như là di sản thiêng liêng của họ.

Bất chấp lời kêu gọi này, Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại vẫn tiếp tục bào chữa cho chữ viết Chăm có *paoh gak* lai căng của BBSSCC để đưa di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm đi vào con đường tăm tối, bất chấp công lao vua chúa và bậc tiền nhân Champa có công sáng lập chữ viết Chăm, chà đạp lên cả tầng lớp tu sĩ, bô lão, trí thức và những nhà nghiên cứu Chăm trong và ngoài nước đang sử dụng *Akhar Thrah* Chăm truyền thống, vì những lý do sau đây:

1). Nhân ngày kỷ niệm 30 năm, ông Lộ Minh Trại và Nguyễn Văn Tỷ không đưa ra một đề nghị nào với Nhà Nước Việt Nam chỉnh lý lại 4 sai lầm trong sách giáo trình của BBSSCC, nhằm thống nhất *Akhar Thrah* Chăm được xem như là di sản thiêng liêng của dân tộc Chăm.

2). Lộ Minh Trại và Nguyễn Văn Tỷ tiếp tục che mắt Đảng và Nhà Nước bằng cách tung ra lý thuyết cho rằng dân tộc Chăm hôm nay có hai chữ viết: “**Chữ Chăm xưa**” tức là chữ Chăm truyền thống cổ điển, khó học quá nên xóa bỏ đi và “**Chữ Chăm nay**” tức là chữ Chăm lai căng của BBSSCC, cần phải duy trì và phổ biến. Đây là quan điểm hoàn toàn phi khoa học. Vì rằng không có “chữ Chăm xưa” và cũng không có “chữ Chăm nay” như BBSSCC đưa ra, mà chỉ có một chữ Chăm duy nhất, đó là **Akhar Thrah Chăm** truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và các nhà nghiên cứu Chăm đang sử dụng.

3). Không có thì giờ để thốt ra một lời cảm ơn vua chúa và tiền nhân Champa từ thời vua Po Romé (1627-1651) đã có công xây dựng **Akhar Thrah Chăm**, BBSSCC lại có thì giờ kêu gọi quân chúng Chăm làm một phút mật niệm nhằm than khóc kể lể công lao của một số nhân vật đã chế tạo chữ Chăm có *paoh gak* lai căng, góp phần vào công tác biến con em Chăm thành thế hệ mù chữ Chăm truyền thống. Đây là thái độ bạc nghĩa với công lao vua chúa và tiền nhân Champa mà dân tộc Chăm hôm nay không thể tha thứ được.

4). Ô bố ông Phú Trạm một người trí thức Chăm không lương thiện với di sản văn hóa dân tộc bằng cách mời ông ta lên diễn đàn tham luận, không phải để bàn về chữ viết Chăm mà là quảng cáo cho những tác phẩm tạp nhạp của tác giả này. Nếu có thì giờ dành cho Phú Trạm và Nguyễn Văn Tỷ nói quanh co trên diễn đàn, tại sao BBSSCC lại không có thì giờ phát biểu dành cho Ts. Phú Văn Hãn, Pts. Đàng Năng Hòa hay cho những trí thức Chăm khác thông thạo tiếng Chăm có mặt trong hội trường. BBSSCC cũng không mời Gs. Thành Phần đến tham dự hội thảo trong khi đó Thành Phần có mặt tại Phan Rang. Có chăng BBSSCC muốn gạt bỏ những trí thức Chăm không đồng tình với chữ Chăm có *paoh gak* lai căng do cơ quan này chế biến.

5). Tiếp tục xem thường quần chúng Chăm trong hội trường là tập đoàn không biết tiếng Chăm trong khi đó Nguyễn Văn Tỷ lên diễn đàn tham luận viết chữ Chăm sai cả lỗi chính tả, đưa ra bao qui luật cấu trúc chữ viết Chăm, nào là tính chất thống nhất, tính chất hợp lý, v.v (xem bài tham luận mang tựa đề “Tiếng Chăm xưa và nay”) mà không ai hiểu nổi ông ta muốn nói gì. Một nhà lãnh đạo BBSSCC, viết chữ Chăm không rành mạch, không thể nào nhận trách nhiệm của Đảng và Nhà Nước để soạn thảo sách giáo trình chữ Chăm được, được phép lên diễn đàn để bàn về qui luật chỉnh lý chữ viết Chăm.

Mọi người Chăm đều công nhận ngày 25-7-2008 phải là ngày kỷ niệm 30 năm của BBSSCC. Nhưng sau 30 năm hoạt động, BBSSCC đã làm gì được cho dân tộc này? Có chăng đây chỉ là ngày:

- 1). Kỷ niệm 30 năm đào tạo con em người Chăm thành thế hệ mù chữ Chăm mà cha mẹ họ đang sử dụng.
- 2). Kỷ niệm 30 năm khủng hoảng chữ viết Chăm do một số trí Chăm không lương thiện chủ trương.
- 3). Kỷ niệm 30 năm lừa đảo Nhà Nước Việt Nam bằng cách lý luận rằng chữ Chăm truyền thống khó học quá, thành vậy phải chế thêm *poah gak* cho dễ học.
- 4). Kỷ niệm 30 năm của một tập thể bội ơn vua chúa và tiền nhân Champa từ thời vua Po Romé (1627-1651) đã có công xây dựng chữ viết Chăm truyền thống.
- 5). Kỷ niệm 30 năm những thành tựu của một nhóm người có công lao tàn phá di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm để rồi hôm nay dân tộc Chăm chỉ có một tiếng nói nhưng có hai

Sự chuyển động trong xã hội Chăm

chữ viết, đó là “chữ Chăm truyền thống” và “chữ Chăm lai căng” của BBSSCC.

Sau 30 năm lưỡng gạc Đảng và Nhà Nước để che dấu cho sự chọn lựa sai lầm mục tiêu truyền bá chữ Chăm, dân tộc Chăm hôm nay chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại thực hiện 3 điều duy nhất, đó là:

- Phải thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm,
- Phải làm một người trí thức Chăm lương thiện hơn và có trách nhiệm hơn đối với *Akhar Thrah* Chăm truyền thống,
- Phải chấm dứt truyền bá *Akhar Thrah* Chăm có *paoh gak* lai căng do BBSSCC chế biến vào các trường lớp dành cho con em người Chăm,

Nếu không hai ông Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước lịch sử Champa về hành động đưa *Akhar Thrah* Chăm vào con đường thoái hóa.

Sự khủng hoảng chữ viết Chăm gần 30 năm qua cũng phát xuất từ một chủ thuyết sai lầm về qui luật “dân làm chủ”. Nếu thật sự dân tộc Chăm có quyền làm chủ thì Nhà Nước Việt Nam phải tôn trọng nguyện vọng nhân dân Chăm bằng cách ra lệnh cho BBSSCC phải sửa đổi 4 sai lầm trong sách giáo trình nhằm thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm truyền thống mà dân tộc xem đó như là di sản thiêng liêng của họ. Nếu không, Nhà Nước Việt Nam, vì vô tình, đã đầu tư cả tỷ đồng cho BBSSCC trong suốt 30 năm qua không phải để bảo tồn di sản truyền thống của dân tộc Chăm mà là tàn phá di sản chữ viết của dân tộc này. Chính đó mới là trọng tâm vấn đề mà Đảng và Nhà Nước Việt Nam cũng nên suy xét lại hầu thỏa mãn nguyện vọng của dân tộc Chăm.

Sự chuyển động trong xã hội Chăm

Vấn đề sinh mạng của dân tộc Chăm hôm nay

Qasim Tu

Ông Bá Văn Bản, 25 tuổi, một thanh niên người Chăm ở thôn Văn Lâm, xã Phước Nam, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Cũng vì đất đai của mình gần khu vực thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, bị bà Thị Bưởi tự tiện trưng dụng để trồng cây đào, ông Bá Văn Bản quyết tâm đòi lại quyền sở hữu này. Sau nhiều lần hứa hẹn sẽ trả lại đất đai cho ông, nhưng bà Thị Bưởi không thực hiện lời hứa. Trước tình trạng này, ông Bản đến khu đất đai của mình chặt vài cây đào trong rẫy để bày tỏ sự bức xúc của mình. Chính vì thế, gia đình bà Bưởi làm đơn khiếu nại trình lên công an huyện Ninh Phước yêu cầu ông Bản phải bồi thường sự thiệt hại vài cây đào mà ông ta đã chặt bỏ.

Ngày 2 tháng 6 năm 2008, công an đến bắt ông Bản, đưa vô trại giam của Huyện Ninh Phước. Hơn hai tháng trong tù, ông Bản lâm bệnh một cách trầm trọng không biết nguyên do gì. Trước tình thế này, công an mới chịu giao ông Bá Văn Bản cho gia đình đưa ông ta đến bệnh viện tỉnh Ninh Thuận để cấp cứu. Một ngày sau, ông Bá Văn Bản từ trần vào lúc 10 giờ đêm ngày 27 tháng 8 năm 2008 vì mang thương tích quá nặng.

Trước cái chết này, dân làng người Chăm thôn Văn Lâm kéo nhau xuống đường biểu tình yêu cầu chính quyền nhà nước Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền và giải thích tại sao một thanh niên người Chăm bị chết. Có chăng Bá Văn Bản bị hành hung trong trại giam ? Cái chết của ông Bá Văn Bản là một vấn đề trọng đại, nhưng không ai đưa ra câu trả lời.

Vấn đề sinh mạng của dân tộc Chăm

Đây không phải là lần đầu tiên mà cán bộ của nhà nước Việt Nam đã giết hại người Chăm vô tội. Trước vụ án ông Bá Văn Bản, bà con Chăm vẫn còn nhớ những hình ảnh bi thương mà chính quyền Việt Nam đã dành cho dân tộc này.

- Ngày 13 tháng 1 năm 1991, mộ cán bộ an ninh của chính quyền Việt Nam đã bắn chết ông Bá Văn Minh, gốc người Chăm, phó chủ nhiệm Hợp Tác Xã thôn Văn Lâm, tỉnh Ninh Thuận trong lúc ông ta đang ngồi xem phim.

- Ngày 14 tháng 11 năm 1992, một ông đại tá của chính quyền Việt Nam bắn chết ông Nguyễn Văn Danh, gốc người Chăm thôn Văn Lâm, phó giám đốc ngân hàng huyện Ninh Phước, trong một đêm đi săn bắn ở khu vực núi Cà Ti, tỉnh Ninh Thuận.

Hai vụ án vừa nêu ra đều đưa ra tòa xét xử. Nhưng khi xử lý, chính quyền Việt Nam đều cho rằng những cán bộ nhà nước đã gây ra án mạng không có tội phạm gì, vì họ chỉ bắn lầm người Chăm mà thôi. Có chăng cái chết trong trại giam của ông Bá Văn Bản vào ngày 27-8-2008 cũng chỉ là một vụ án đánh chết lầm?

Người Chăm là thân dân của vương quốc Champa xưa kia. Sau 8 thế kỷ đương đầu với cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt, hôm nay họ trở thành một tập thể vong quốc, chỉ còn lại chưa đầy 100.000 người sống chui nhủi trong hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Mất hết đất đai, quê hương và tổ quốc, dân tộc Chăm không còn làm chủ trên định mệnh của họ nữa. Cho đến hôm nay, dân tộc Chăm vẫn là nạn nhân của một thể chế chính trị, sống trong lo âu và sợ sệt, lúc nào cũng bị chính quyền Việt Nam chụp mũ, ghép họ vào tội phản động, tiếp tay cho tập đoàn Fulro, làm tay sai cho ngoại bang chống phá chính quyền Việt Nam.

Cũng vì quá oan ức và bất công trong một quốc gia luôn luôn hô hào khẩu hiệu “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản

Vấn đề sinh mạng của dân tộc Chăm

lý, dân làm chủ”, đồng bào Chăm hôm nay có cảm giác rằng họ chỉ là công dân Việt Nam ngoại lệ, sống bên lề xã hội trong một đất nước đa chủng tộc này. Vụ án ông Bá Văn Bản vừa nêu trên là một bằng chứng cụ thể nhằm chứng minh rằng sinh mạng của dân tộc Chăm hôm nay lúc nào cũng bị đe dọa và không có luật pháp nào che chở cho họ.

Vấn đề sinh mạng của dân tộc Chăm

Có nên tái lập lại qui chế dân tộc bản địa Champa tại Việt Nam?

Musa Porome (IOC-Champa)

Champa là một vương quốc hùng mạnh đã từng đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình hình thành lịch sử quốc gia ở Đông Nam Á. Hơn 17 thế kỷ tồn tại, và gần 1.000 năm dưới sức ép Nam Tiến, vương quốc này bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832 và chỉ để lại cho hậu thế hôm nay một chuỗi đền đài hoang phế, một ít đền đài còn đứng vẫn tiếp tục hùng tráng trên những ngọn đồi dọc miền trung nước Việt.

Tất cả những huy hoàng tráng lệ của vương quốc Champa xưa kia đã đi vào lịch sử. Nhưng nhắc lại lịch sử không nhằm mục đích khơi dậy lòng hận thù hay phát huy tinh thần phục quốc mà là nêu ra sự thật của sự kiện để hai dân tộc Việt và Champa cùng nhau tiếp thu những quá khứ bi thương mà dân tộc Champa đã gánh chịu hầu đi tìm một giải pháp chung làm thế nào dân tộc bại trận này được tồn tại trong thế kỷ thứ 21 này, dựa trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Chấp nhận sự thật lịch sử của dân tộc Champa, dù sự thật có chứa đựng một nội dung tang thương và đau buồn đi nữa, sẽ là yếu tố cần thiết để xây dựng hòa bình cho Việt Nam, một quốc gia đa chủng, đa văn hóa và đa tôn giáo. Nó không còn là phương tiện nữa mà là cứu cánh cho mọi giải pháp hòa bình giữa hai dân tộc Việt và Champa. Vì rằng xã hội Việt Nam hôm nay là không gian liên đới tập trung nhiều thành phần chủng tộc trong đó có dân tộc Việt và dân tộc Champa.

Một khi đã công nhận dân tộc Champa là một thành phần trong xã hội Việt Nam, thì ít ra nhà nước Việt Nam phải công nhận nguồn gốc lịch sử của dân tộc này, có nghĩa là phải khẳng định rằng dân tộc Champa không phải là

Có nên tái lập lại qui chế dân tộc bản địa

nhóm người thiểu số từ phương xa đến định cư ở miền trung Việt Nam mà là dân bản địa sinh ra từ quê cha đất tổ của họ. Nguyên vọng của họ không phải là đòi lại lãnh thổ Champa trong quá khứ mà là chỉ xin nhà nước Việt Nam ban cho họ quyền sở hữu đất đai trong khu vực mà họ đang sinh sống hôm nay. Họ cũng không đòi độc lập hay tự trị mà chỉ mong nhà nước Việt Nam cho họ quyền được sống trong biên giới truyền thống của họ, quyền được làm chủ nhân trên di tích đền đài nơi mà họ đang thờ phượng.

Cũng vì ý thức đến nguồn gốc lịch sử của dân bản địa Champa và nâng cao chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc, vua Thiệu Trị đã tái lập khu tự trị vào năm 1840 dành cho dân tộc Chăm ở khu vực Ninh Thuận và Bình Thuận và vua Bảo-Đại đã ban hành qui chế “Hoàng Triều Cương Thổ” trên lãnh thổ Tây Nguyên. Mục tiêu của chính sách này là tạo điều kiện để hai dân tộc Việt-Champa cùng chung sống bên nhau nhưng không trà trộn với nhau trong một biên giới hâu né tránh mọi tranh chấp về đất đai mà hậu quả chỉ đưa đến sự xung đột đẫm máu.

Sau ngày lên nắm chính quyền, Ngô Đình Diệm phủ nhận qui chế dân tộc bản địa và hủy bỏ chính sách “hoàng triều cương thổ”. Chính sách này đã phát sinh ra phong trào đấu tranh Bajaraka ở Tây Nguyên, sau đó là mặt trận Fulro hầu đòi quyền sở hữu đất đai của họ. Khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, đã có nhiều chính sách mới trong guồng máy chính quyền Sài-Gòn dành cho dân tộc Champa một ít kết quả nhưng không đáng kể. Phải chờ sự ra đời của chế độ Nguyễn-Văn-Thiệu, nhà nước Việt Nam mới bắt đầu ý thức được thế nào là yếu tố lịch sử của dân bản địa, thường gọi là dân tộc thiểu số, để rồi cho thành lập một Bộ Phát triển Sắc Tộc có chức năng quản lý nhân dân họ.

Việc thành lập một bộ phận hành chính riêng biệt cho dân tộc thiểu số Champa không phải là một nhượng bộ của chính quyền Sài Gòn mà là một giải pháp hòa đồng dân tộc hâu né tránh những tranh chấp chính trị có thể xảy ra.

Có nên tái lập lại qui chế dân tộc bản địa

Chủ trương của Nguyễn Văn Thiệu là một chiến lược tâm lý và cũng là một chính sách thiết thực đã mang nhiều lợi ích cho quốc gia Việt Nam trên nhiều lãnh vực. Thế nhưng quyền bình đẳng dân tộc vẫn chưa được phân định rõ ràng, vì giai cấp giàu nghèo giữa hai dân tộc Kinh-Champa còn quá chênh lệch.

Sau biến cố 1975, chính quyền Hà Nội quốc hữu hóa toàn diện đất đai của dân tộc Champa, biến dân tộc này thành một tập thể vô sản nghèo đói và bần cùng. Chính quyền Hà Nội thay đổi hoàn toàn cơ sở tổ chức ở cấp Xã, Huyện nơi có đa số người Champa, giao quyền quản lý đơn vị hành chính Xã và Huyện cho người Kinh chỉ biết phục vụ theo chính sách của đảng và nhà nước để rồi gạt bỏ mọi yếu tố cấu thành phong tục tập quán của người Champa.

Hết xóa bỏ quyền sở hữu đất đai, nhà nước Việt Nam cũng quốc hữu hóa luôn đền tháp Champa để làm nơi du lịch kinh doanh mang lợi nhuận cho quốc gia, không cần xin quan điểm hay ý kiến của dân tộc này.

Đối với dân tộc Champa, quốc hữu hóa đền đài nơi mà họ đang thờ phượng đồng nghĩa với quốc hữu hóa thần linh của họ, là hành động làm đảo lộn cả thế giới tâm linh của dân tộc này mà hậu quả chỉ càng khuyếch đại thêm lòng căm thù của nhân dân đối với nhà nước.

Sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004 đòi nhà nước Việt Nam phải trao trả lại cho họ đất đai bị chiếm đóng và quyền tự do hành đạo là một bài học thích đáng. Thay vì giải quyết vấn đề này trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, chính quyền Hà Nội dùng bạo lực càng quét bất bở và khủng bố nhân dân Tây Nguyên vô tội. Sự vùng dậy này cũng phát sinh từ những tầng lớp lãnh đạo gốc người Kinh chỉ biết lợi dụng quyền lực của đảng để cai trị dân tộc bản địa, lúc nào cũng đứng ra bên vực quyền lợi cho hàng trăm ngàn cư dân Việt tràn lên Tây Nguyên tha hồ chiếm đoạt tài sản đất đai của dân bản địa.

Có nên tái lập lại qui chế dân tộc bản địa

Năm 2005 lại xảy ra vụ ấu đả giữa giới trẻ Kinh-Chăm tại làng Hòa-Thủy tỉnh Ninh thuận đã làm thiệt mạng một thanh niên Chăm. Thay vì giao trách cho những cán bộ địa phương nắm rõ tình hình để giải quyết vụ việc, chính quyền Hà Nội lại ra lệnh cho lực lượng công an đàn áp thanh niên Chăm, bắt bớ và giam cầm họ. Để trả lời cho cuộc bạo động này, nhà nước chỉ cho biết vụ việc xảy ra bắt nguồn từ các băng đảng của giới thanh niên, nhưng không giải thích băng đảng này đã phát sinh từ nguyên do nào. Có chăng từ hoàn cảnh nghèo đói bản cùng?

Dân tộc Chăm hôm nay chỉ là một cộng đồng vô sản, không đủ cơm ăn áo mặc. Giới trẻ người Chăm hôm nay chỉ là một tập thể nghèo đói không công ăn việc làm. Từ thực trạng nghèo đói và bản cùng đã nảy sinh ra tạt trộm cướp chém giết nhau. Đó là những nguyên do giải thích sự hỗn loạn xã hội người Chăm mà chính quyền cần quan tâm tìm giải pháp.

Ai cũng biết rằng dân tộc Champa hôm nay không bao giờ mơ ước tái lập chủ quyền Champa độc lập. Nguyên vọng chính đáng của họ chỉ là thỉnh cầu nhà nước Việt Nam ban cho họ quyền công bằng trước luật pháp, quyền phát triển phong tục tập quán và văn hóa của họ và nhất là quyền làm chủ đất đai để nâng cao mức sống kinh tế của họ, chỉ có thể thôi.

Nhằm thỏa mãn những nguyện vọng đó, nhà nước Việt Nam nên trả lại đất đai của dân tộc Champa mà nhà nước đã tịch thu, tái lập lại qui chế tự trị hành chính ở địa phương từ cấp xã huyện nơi có đông dân cư Champa mà triều đình Huế đã ban hành vào năm 1840 và có hiệu lực cho đến năm 1975.

Tại trung ương, nhà nước Việt Nam cũng nên thành lập một cơ quan ngang hàng với cấp Bộ đặc trách về dân tộc bản địa. Đây cũng là chính sách nhằm chứng minh rằng nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa cũng bảo vệ quyền lợi dân tộc bản địa không khác gì thời Việt Nam Cộng Hòa. Sự ra đời

Có nên tái lập lại qui chế dân tộc bản địa

một cơ quan đặc trách về dân tộc bản địa là vấn đề ưu tiên và cần thiết, tạo điều kiện để chính người Champa điều hành và lãnh đạo trực tiếp nhân dân họ, phát triển chính sách hòa đồng dân tộc chặt chẽ. Chính đó mới là ước vọng thật sự của toàn thể nhân dân Champa.

Mọi thất vọng của dân tộc bản địa chỉ lôi kéo họ vào con đường đấu tranh bạo động, hận thù dân tộc và tàn phá cả hòa bình của một quốc gia, nhất là quốc gia Việt Nam đa chủng, đa tôn giáo và đa văn hóa.

Có nên tái lập lại qui chế dân tộc bản địa

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

BBT Harak Champaka

Thứ bảy ngày 19 tháng 4 năm 2008, vào lúc 2 giờ chiều, IOC-Champa tổ chức tại hội trường Nhật Báo Viễn Đông (Westminster, Los Angeles, USA) một buổi lễ ra mắt tác phẩm mang tựa đề : *Từ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến phong trào FULRO: Cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số miền nam Đông Dương (1955-1975)* do Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp) thực hiện và do International Office of Champa (IOC-Champa) ấn hành năm 2007. Tác phẩm này là bản chuyển ngữ từ tiếng Pháp mang tựa đề *Du FLM au Fulro. Une lutte des minorités du sud indochinois 1955-1975* do nhà xuất bản Les Indes Savantes ấn hành tại Paris vào năm 2006.

Po Dharma, gốc dân tộc Chăm Phan Rang, là một trong những thành viên Fulro sang Pháp du học vào năm 1972. Tiến sĩ ngành lịch sử học tại Đại Học Sorbonne



(Paris) và đang giữ chức phó giáo sư tại Viễn Đông Học Viện Pháp, Po Dharma là nhà nghiên cứu chuyên về nền văn minh Champa nhất là lịch sử bang giao giữa Champa và Đại Việt qua các thời đại. Ông ta là người đã từng giữ chức vụ quản đốc của Viễn Đông Học Viện Pháp tại Kuala Lumpur gần 12 năm nhằm phát triển chương trình nghiên cứu sự liên hệ văn hóa giữa Champa và thế giới Mã Lai, đã từng lên diễn đàn trong nhiều hội thảo quốc tế và đã xuất

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

bản 15 tác phẩm khoa học về vương quốc Champa, chưa nói đến hơn 40 bài khảo luận đăng rải rác trong các tập san khoa học trên thế giới. Bên cạnh đó, ông ta cũng là tổng biên tập Champaka, một tập san khoa học tiếng Việt chuyên về lịch sử và nền văn minh Champa do International Office of Champa (IOC-Champa) ấn hành.

Buổi lễ ra mắt tác phẩm về lịch sử Fulro không mang màu sắc chính trị và cũng không có ý đồ gây hận thù dân tộc hay khơi dậy lòng ái quốc đòi tự trị độc lập như một số trí thức dân tộc Kinh và Chăm ở hải ngoại đã hiểu lầm, mà là ngày ra mắt sách do IOC-Champa ấn hành, có phần hội thảo tập trung 3 bài thuyết trình, nhằm phân tích một cách trung thực thế nào là hành trình đấu tranh của dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam trong những năm 1955-1975, được xem như là một biến cố trọng đại đã xảy ra trong không gian lịch sử cận đại ở bán đảo Đông Dương.

Buổi lễ này đã đánh dấu một khúc quanh mới trong mối liên hệ giữa hai dân tộc Champa-Việt sau năm 1955. Từ hai đối tượng thù địch trong suốt chiều dài của lịch sử, dân tộc Chăm và Việt lại trở thành hai dân tộc anh em, chấp nhận ngồi chung bên cạnh nhau trong hội trường của Viễn Đông Nhật Báo tại Hoa Kỳ nhằm nêu ra một cách khách quan và rất là cởi mở những sự kiện đã xảy ra trong bối cảnh xã hội của dân tộc bản địa ở miền trung Việt Nam dưới ba chế độ: đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam, đệ nhị Cộng Hòa Việt Nam và Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Nội dung của tác phẩm

Từ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến phong trào FULRO: Cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số miền nam Đông Dương (1955-1975) là tác phẩm khoa học liên quan đến lịch sử cận đại Việt Nam do Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp) thực hiện và do International Office

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

of Champa (IOC-Champa) ấn hành, San Jose, 2007, 204 trang + hình ảnh và bản đồ.



Mở đầu của tác phẩm là thay lời tựa của Pierre-Bernard Lafont (Gs. Đại Học Sorbonne, Paris) và phần kết thúc là quan điểm của Ts. Mak Phoeun (Giám đốc nghiên cứu, Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học Pháp) liên quan đến mối quan hệ của Campuchia đối với Champa và các dân tộc miền núi ở miền trung Việt Nam.

FULRO, chữ viết tắt của Front Unifié de Lutte des Races Opprimées (Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức), là một tổ chức liên minh vũ trang có trụ sở đặt tại Nam Vang (Cao Miên), tập trung 3 mặt trận :

- Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Krom (đồng bằng sông Cửu Long)
- Mặt Trận Giải Phóng Kampuchia Nord (khu vực Champasak, Lào)
- Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa

Trong 3 tổ chức liên minh này, Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa là một phong trào vũ trang đóng vai trò chủ động trong tổ chức Fulro nhằm đòi lại qui chế Hoàng Triều Cương Thổ mà vua Bảo Đại đã ban hành vào năm 1950 và hình thành khu vực tự trị ở Tây Nguyên dưới lá cờ của Việt Nam Cộng Hòa.

Phong trào Fulro diễn ra vào thời đệ nhị chiến tranh Đông Dương đã từng làm đảo lộn bàn cờ chính trị ở Việt Nam thời đó mà thông tin đại chúng thường nói đến như là một tổ chức huyền thoại li kỳ.

Cũng nhờ tư liệu chính thức của Fulro còn lưu trữ, Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp), đã phát

Lẽ ra mắt tác phẩm Fulro

họa lại một bức tranh trung thực về lịch sử đấu tranh của tổ chức này. Qua nội dung của tác phẩm, người ta được biết Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro là một lực lượng hùng mạnh hơn hết đã từng gây bao sóng gió với chính quyền Sài Gòn dưới thời Nguyễn Khánh và Nguyễn Văn Thiệu, lôi kéo theo một số tướng tá có tên tuổi của Việt Nam vào chiến cuộc nhằm giải quyết vấn đề của cuộc vùng dậy này, trong đó phải nhắc đến tướng Vĩnh Lộc, Nguyễn Hữu Cồ, Lê Văn Kim, Tôn Thất Đính, v.v.

Sự vùng dậy này cũng đưa các giới lãnh đạo Hoa Kỳ vào con đường khó xử để cứu vớt tù binh Mỹ trong đó có đại úy Charles Darnell và đại tá John Freund bị bắt để làm con tin. Trong giới lãnh đạo này, người ta phải kể đến ông George Tanham, cơ quan tình báo Mỹ; tướng Richard Depuy, tư lệnh của “Opération Switchback” trên Cao Nguyên; tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam; ông Maxwell Taylor, đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn; ông Dean Rusk, bộ trưởng Bộ Ngoại Giao và ông Robert MacNamara, bộ trưởng Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ.

Fulro là một tổ chức vũ trang có sự liên hệ trực tiếp với quân đội Mỹ và C.I.A, có một “lực lượng bí mật” nằm ngay trong tổ chức quân đội của Việt Nam Cộng Hòa thời đó, nhất là trong đơn vị “Bảo Vệ Sơn Thôn” do C.I.A. thành lập hay trong đơn vị “Lực lượng Đặc Biệt” do Lực Lượng Mũ Xanh của Mỹ huấn luyện, trang bị và bồi dưỡng.

Có hai nguyên nhân để giải thích cho sự ra đời của mặt trận Fulro, đó là chính sách sai lầm của Ngô Đình Diệm đối với đồng bào thiểu số ở miền trung Việt Nam và hậu thuẫn của chính quyền Cao Miên nhằm làm suy yếu mọi thế lực quân sự và chính trị của chế độ Sài Gòn thời đó. Không có hậu thuẫn của Cao Miên, mặt trận Fulro chỉ là một tổ chức “ảo” và có thể không bao giờ ra đời được.

Đứng trên bình diện lịch sử của biến cố, tác phẩm này đã trả lời được một số yếu tố chính trị vẫn còn mù mờ

của tổ chức Fulro và cũng đặt ra bao câu hỏi khúc mắc khác mà chưa ai nghĩ đến.

Câu hỏi thứ nhất, thế nào là mục tiêu thật sự của đại tá Lès Kosem, người Chăm Hồi Giáo Campuchia, là sáng lập viên của Fulro và cũng là người nắm toàn quyền của tổ chức, một nhân vật có kiến thức rất cao về chính trị và ngoại giao, có một ảnh hưởng lớn lao trong chính quyền Cao Miên thời đó.

Người ta cũng không biết nhiều về sự thật của Y Bham Enuôl, chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa và là đệ nhất phó chủ tịch Fulro, người gốc dân tộc Rađê đã từng sống trong lao tù của Ngô Đình Diệm từ 1957 đến 1964, một vị lãnh đạo trọng yếu trong cuộc kháng chiến của dân tộc Tây Nguyên.

Sau 11 năm hoạt động và từng gây bao sóng gió trên bàn cờ chính trị ở Đông Dương, tất cả thành viên trong hội đồng tối cao Fulro bị tiêu diệt bởi Khmer Đỏ vào ngày 20 tháng 4 năm 1975, tức là điểm mốc thời gian đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của tổ chức mang tên là Mặt Trận Giải Phóng Cao Nguyên Champa-Fulro.

Mặc dù đã tan rã, Fulro còn tồn tại như một tổ chức với cái bóng mà chính quyền Hà Nội xem đó như một đối tượng thù địch nguy hiểm. Kể từ đó, danh xưng Fulro trở thành một công cụ để nhà cầm quyền kết tội và chụp mũ những người sắc tộc nào ở miền trung Việt Nam có hành động phản đối nhà nước, dù hành động đó chỉ là cuộc đấu tranh bất bạo động và hợp pháp nhằm yêu cầu nhà nước Việt Nam phải tôn trọng nhân phẩm và quyền tự do tín ngưỡng của họ. Cuộc biểu tình bất bạo động của dân tộc Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004 kéo theo sự đàn áp khủng khiếp của chính quyền Hà Nội vì tội liên hệ với Fulro ở nước ngoài là một thí dụ điển hình.

Tác phẩm *Từ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến phong trào FULRO* là một công trình nghiên cứu khoa

học không nhằm gây hận thù dân tộc, khơi dậy lòng ái quốc, khuyến khích ý đồ ly khai đòi tự trị hay độc lập, mà là làm sáng tỏ lại nguồn gốc đấu tranh của các sắc tộc ở miền trung Việt Nam mà thôi.

Dân tộc Tây Nguyên và Chăm là công dân chính thức của quốc gia Việt Nam, dù dưới chế độ cộng hòa hay cộng sản, đều có quyền và nghĩa vụ, cũng như dân tộc Việt đa số, đối với quốc gia này. Sự đấu tranh của họ chỉ là một biến cố trong tổng thể của tất cả biến cố đã xảy ra ở miền trung Việt Nam thời đó. Công nhận họ là công dân Việt Nam tức là công nhận sự đấu tranh của họ như một nội dung đã cấu thành yếu tố của lịch sử cận đại Việt Nam. Vì lịch sử Việt Nam không phải là lịch sử riêng tư dành cho dân tộc Việt mà là lịch sử chung của tất cả tộc người hiện đang có mặt trên lãnh thổ của hình chữ S này.



Nguyễn Văn Nghiêm

Quan điểm của trung tá Nguyễn Văn Nghiêm

Mở đầu phần hội thảo là bài thuyết trình mang tựa đề “Chính sách đối với đồng bào thiểu số dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa” của trung tá Nguyễn Văn Nghiêm, một cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa đã từng phục vụ nhiều năm trong Bộ Phát Triển Sắc Tộc, một nhân vật có vai trò quan trọng trong nhiều hồ sơ thương thuyết giữa tổ chức Fulro và chính quyền Sài Gòn thời đó và cũng là một nhà trí thức gốc dân tộc đa số, có tầm nhìn theo chiều sâu của biến cố đã đưa đẩy người sắc tộc phải vùng dậy đấu tranh đòi quyền sở hữu đất đai của họ, quyền được sống trong biên giới xã hội cổ truyền của họ và nhất là quyền bình đẳng của một người công dân Việt Nam mà hiến pháp đã qui định. Chúng tôi sẽ

đăng toàn vẹn bài thuyết trình này trong Harak Champaka sắp tới.

Nhân dịp này, trung tá Nguyễn Văn Nghiêm đã nêu ra thế nào là sự quan tâm của chính quyền Sài Gòn đối với sắc dân thiểu số dưới thời đệ nhị cộng hòa. Tiếc rằng sự quan tâm này chỉ là một nỗ lực ban đầu nằm trong chính sách tổng thể của nhà nước Việt Nam nhằm cứu vớt dân tộc thiểu số ra khỏi nạn nghèo đói và khốn cùng, đưa cộng đồng sắc tộc vượt ra khỏi không gian chậm tiến, xóa bỏ mọi sự bất công trong xã hội và nhất là đề cao nhân phẩm và danh dự của người dân bản địa đang sinh sống trên đất đai mà tổ tiên của họ đã để lại trong suốt chiều dài của lịch sử ở miền trung Việt Nam.

Là nhân chứng lịch sử trước những biến cố chính trị mà dân tộc thiểu số đã gánh chịu, trung tá Nguyễn Văn Nghiêm cảm thấy mình là người bất lực không tìm ra giải pháp để giải quyết những vấn đề quá to tát và trọng đại này để rồi ông ta xúc động nghẹn ngào không tìm ra lời nói để trình bày quan điểm của mình. Sự cảm xúc của trung tá Nguyễn Văn Nghiêm trên diễn đàn vào ngày 19-4-2008 không chứa đựng một ẩn ý thương hại cá nhân của ông ta đối với sắc dân thiểu số, mà là biểu tượng cho lòng ưu ái chân thật của một cựu sĩ quan Việt Nam xuất thân từ dân tộc đa số có một độ nhìn trung thực hơn về bối cảnh xã hội của một tập thể người dân bản địa có một nguồn gốc lịch sử riêng , một nền văn hóa, ngôn ngữ và chữ viết riêng, đang sinh sống trong một khu vực đất đai riêng mà nhà nước Việt Nam phải có nghĩa vụ tôn trọng và bảo tồn.

Thế nào là lễ công bằng trong một xã hội đa chủng tộc

Tiếp theo là bài thuyết trình của Đoàn Thanh Liêm, một nhà luật sư đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong cơ quan pháp lý dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa và cũng là một thành viên trong tổ chức đấu tranh nhân quyền tại Hoa Kỳ hôm nay.

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

Nhìn qua nhận định của Ls. Đoàn Thanh Liêm, người ta có thể tóm lược rằng “đi tìm lẽ công bằng cho người thiểu số” tại miền trung Việt Nam mà Đoàn Thanh Liêm đã đưa ra, không phải là công tác từ thiện của nhà nước Việt Nam đối với dân tộc này và cũng không phải là lòng thương hại của dân tộc lớn đối với dân tộc ít người, mà là một chính sách pháp lý cần được phát triển và tôn trọng tuyệt đối.

Nếu cho rằng Việt Nam là quốc gia đa chủng tộc và đa tôn giáo, thì mỗi dân tộc cấu thành công dân Việt nam,



Đoàn Thanh Liêm

dù họ là người Kinh hay sắc tộc thiểu số, đều có quyền hưởng những lẽ phải và công bằng ngang nhau trước pháp luật. Chính vì thế, hành trình “đi tìm lẽ công bằng” cho sắc tộc thiểu số đã trở thành một yêu sách hàng đầu mà nhà nước Việt Nam không thể bỏ qua được.

Ai cũng công nhận rằng chủ nhân xưa kia của giải đất chạy dài từ tỉnh Quảng Bình đến biên giới Biên Hòa là thuộc về dân tộc Champa. Trước đây Nam Tiến của dân tộc Việt sau thế kỷ thứ 10, vương quốc Champa phải nhường lại cho Đại Việt một lãnh thổ rộng lớn ở miền trung Việt Nam. Chính vì thế, mọi chế độ Việt Nam, dù là cộng hòa hay cộng sản đi nữa, không thể xem người sắc tộc Champa này như một tập thể “man rợ” mà là dân bản địa có một chiều dài lịch sử riêng, một nền văn hóa và thuần phong mỹ tục riêng, có nghĩa là phải dành cho họ một chính sách riêng nhằm đưa sắc dân thiểu số này theo kịp đà phát triển của xã hội công bằng, lẽ phải và tiến bộ. Chính đó mới là qui luật của lẽ công bằng trong một xã hội đa chủng tộc mà Ls. Đoàn Thanh Liêm đã nêu ra.

Tại sao phải viết lại lịch sử đấu tranh của Fulro

Sau cùng là bài thuyết trình của Pgs. Ts. Po Dharma về lịch sử FULRO, chữ viết tắt của *Front Unifié de Lutte des Races Opprimées* (Mặt trận Thống Nhất Đấu Tranh Dân Tộc Bị Áp Bức), tức là một tổ chức liên minh vũ trang có trụ sở đặt tại Nam Vang, Campuchia.

Theo Po Dharma, sự ra đời của Fulro vào năm 1964 đã trở thành một đề tài sôi động mà nhiều nhà nghiên cứu thường quan tâm. Tiếc rằng, những bài viết này chỉ tiêu biểu cho quan điểm riêng tư của chế độ Sài Gòn, quân đội Mỹ hay chính quyền cộng sản mà



Po Dharma

thôi. Chính vì lý do đó mà Pgs. Ts. Po Dharma (Viễn Đông Học Viện Pháp) phải viết lại lịch sử của cuộc đấu tranh này một cách trung thực và khách quan hơn. Trong phần thuyết trình này, Po Dharma đặt trọng tâm vào chủ đề nhằm phân tích những nguyên nhân đã đưa đẩy dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam vùng dãy đấu tranh sau năm 1955.

Theo Po Dharma, sự hình thành của mặt trận Fulro vào năm 1964 có rất nhiều nguyên nhân của nó, phát sinh từ những cuộc tranh chấp hàng ngày giữa hai dân tộc có hai nền văn hóa và lịch sử hoàn toàn khác nhau. Nhưng nguyên nhân sâu xa nhất đã đưa cuộc tranh chấp này vào con đường bạo động đẫm máu kể từ năm 1955 vẫn là vấn đề “**qui chế dân tộc bản địa**” cấu thành một yếu tố pháp lý cơ bản mà sắc dân Tây Nguyên và Chăm ở đồng bằng miền trung Việt Nam xem đó như là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm.

Ai cũng biết, Tây Nguyên xưa kia thuộc về vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832. Cộng đồng Tây Nguyên là một tập thể dân tộc bản địa sống từng bộ lạc, có một hệ thống tổ chức gia đình và xã hội riêng. Vì

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

ý thức đến đặc thù của di sản văn hóa này, chính quyền Pháp thuộc ra lệnh ngăn cấm người Kinh lên định cư trên Tây Nguyên và biến khu vực này thành một đơn vị hành chính tự trị trực thuộc chính quyền Pháp ở Đông Dương, sau đó quốc trưởng Bảo Đại đổi thành Hoàng Triều Cương Thổ vào năm 1950.

Hoàng Triều Cương Thổ là lãnh thổ Tây Nguyên tự trị mà triều đình Huế dành cho dân tộc bản địa. Trong qui ước pháp lý này, chủ quyền lãnh thổ (**territorial sovereignty**) của Tây Nguyên thuộc về triều đình Huế, có nghĩa là không ai có quyền chia cắt đất đai này để nhường lại cho một quốc gia khác, mà không có sự chấp thuận của nhà nước Việt Nam. Ngược lại, chủ nhân đất đai (**landlord**)



của Tây Nguyên này thuộc về dân tộc bản địa miền núi. Chính vì thế, không ai có quyền xâm chiếm, bán nhượng, thuê mượn đất đai Tây Nguyên mà không có sự đồng ý của dân tộc bản địa này.

Vừa nắm được chính quyền vào năm 1955, Ngô Đình Diệm đơn phương xóa bỏ khế ước Hoàng Triều Cương Thổ, biến khu vực miền cao thành địa bàn di dân ồ ạt dành cho người Kinh di cư từ miền bắc. Đối với dân tộc Tây Nguyên và Chăm ở đồng bằng, xóa bỏ khế ước Hoàng Triều Cương Thổ chỉ là chính sách xâm lược đất đai của họ

và chôn vùi quyền cơ bản của dân tộc bản địa ở miền trung Việt Nam mà quốc trưởng Bảo Đại đã ban hành vào năm 1950. Đây cũng là điểm mốc thời gian đánh dấu ngày ra đời của bao phong trào đấu tranh, từ mặt trận Bajaraka vào năm 1955 đến lực lượng vũ trang Fulro vào năm 1964.

Theo Ts. Po Dharma, tất cả yêu sách mà dân tộc Tây Nguyên và Chăm đòi hỏi từ năm 1955, chỉ tập trung vào một điểm chủ yếu, đó là nhà nước Việt Nam phải công nhận “**qui chế dân tộc bản địa**”, tức là quyền làm chủ nhân trên khu vực đất đai mà tổ tiên của họ đã để lại.

Sau năm 1955, tất cả dân tộc Tây Nguyên và Chăm đều công nhận rằng họ là công dân Việt Nam, nhưng họ không phải là dân tộc thiểu số hay là dân tộc ít người (minority ethnic) mà chính quyền Việt Nam thường gán cho họ, mà là dân tộc bản địa (native, indigenous) được ghi trên nhiều trang sử liệu Việt Nam và ngay trong điều 7 của qui chế Hoàng Triều Cương Thổ. Đối với họ, dân tộc bản địa



tức là tập thể tộc người sinh ra trên đất đai mà tổ tiên của họ để lại từ ngày khai thiêng lập địa, có một chiều dài của lịch sử, có phong tục tập quán, nguồn gốc văn hóa và chủng tộc riêng. Dựa vào những yếu tố trên, dân tộc Tây Nguyên và Chăm lúc nào cũng khẳng định rằng tất cả những người Kinh, Hoa, Nùng, Thái, v.v. hiện sinh sống ở giải đất miền trung hôm nay không phải là dân bản địa mà là cư dân từ bên ngoài sang định cư trên đất đai của họ. Cũng vì thời thế đổi thay theo chu kỳ của lịch sử, dân tộc định cư lại trở thành một cộng đồng đa số nắm mọi quyền lực trên lãnh thổ

Việt Nam, nhưng ít ra nhà nước Việt Nam cũng nên dành lại cho dân bản địa này một mảnh đất còn lại để họ được sống và phát triển trong biên giới cổ truyền của họ.

Công nhận sắc dân Tây Nguyên và Chăm là dân tộc bản địa tức là chấp nhận cho họ có một khu vực đất đai riêng mà chính họ là “**chủ nhân**” để quản lý, khai thác phù hợp với môi trường văn hóa truyền thống và tín ngưỡng của họ, nhưng “**chủ quyền của lãnh thổ**” này phải thuộc về nhà nước Việt Nam. Chủ nhân đất đai mà sắc dân Tây Nguyên và người Chăm đang đấu tranh và đòi hỏi không bao hàm cả một lãnh thổ lịch sử của vương quốc Champa chạy dài từ tỉnh Quảng Bình đến biên giới Biên Hòa, mà chỉ là khu vực nơi có sắc dân này cư ngụ mà biên giới đã được phân định rõ ràng dưới thời Pháp thuộc.

Sự khúc mắc về qui chế dân tộc bản địa, chủ quyền lãnh thổ và chủ nhân đất đai cũng là một đề tài tranh chấp thường xảy ra tại một số quốc gia trên thế giới, như ở Châu Phi, Châu Mỹ, Úc Đại Lợi, Gia Nã Đại, Hoa Kỳ, v.v. nơi có hơn 370 triệu dân tộc bản địa đang sinh sống. Qui chế dân tộc bản địa, chủ quyền lãnh thổ và chủ nhân đất đai cũng là chủ đề nóng bỏng đã từng diễn ra trên hội trường của Liên Hiệp Quốc kể từ 1987. Sau 20 năm thương thuyết gây gò, Liên Hiệp Quốc vừa mới ký kết Bản Tuyên Ngôn về Dân Tộc Bản Địa vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 mà Việt Nam là quốc gia thành viên đã chấp nhận bản tuyên ngôn này.

Theo bản tuyên ngôn này, dân tộc bản địa là tập thể tộc người có quyền hưởng mọi qui chế về luật nhân quyền, mọi công bằng và lẽ phải trước pháp luật của quốc gia nơi có dân tộc này đang sinh sống (điều 1 và 2). Dân tộc bản địa có quyền chọn lựa một hệ thống tổ chức kinh tế, văn hóa và xã hội trên lãnh thổ đất đai nơi có sắc dân này sinh sống (điều 3). Dân tộc bản địa có quyền chọn lựa một qui chế tự trị nhằm quản lý những vấn đề nội bộ và địa phương trên lãnh thổ nơi có cộng đồng dân bản địa đang sinh sống (điều 4).

Mặc dù là thành viên của Bản Tuyên Ngôn về Dân Tộc Bản Địa, nhưng nhà nước Việt Nam hôm nay vẫn chưa công nhận có một tập thể dân tộc bản địa ở miền trung Việt Nam. Sự xóa bỏ qui chế dân tộc bản địa mà quốc trưởng Bảo Đại ban hành vào năm 1955 đã đưa dân tộc thiểu số ở miền trung thành đối tượng thù địch của nhà nước Việt Nam, cấu thành điểm mấu chốt của bao sự xung đột gần một nửa thế kỷ qua. Sự ra đời của mặt trận Bajaraka vào năm 1955 dưới chế độ Ngô Đình Diệm, của phong trào Fulro vào năm 1964 dưới chế độ Nguyễn Khánh và sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào năm 2001, 2004, tháng 4 năm 2008 dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa chỉ là kết quả của sự khác biệt về quan điểm thế nào là dân tộc thiểu số và thế nào là dân tộc bản địa.

Hy vọng rằng, chính quyền Hà Nội hôm nay sẽ trao trả lại cho dân tộc Tây Nguyên và Chăm “**qui chế dân tộc bản địa**” đã qui định trong khế ước của Hoàng Triều Cương Thổ, phù hợp với nội dung của bản tuyên ngôn Liên Hiệp Quốc về Dân Tộc Bản Địa ký vào ngày 14 tháng 9 năm 2007, hầu giúp những sắc tộc thiểu số này xây dựng lại di sản kinh tế và văn hóa truyền thống của họ đã lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nếu không, dân tộc Tây Nguyên và Chăm sẽ bị diệt vong trong thế kỷ thứ 21 này qua các chính sách dùng quyền lực để xâm chiếm đất đai của họ, dùng uy thế của nhà nước để đưa hàng triệu cư dân Việt vào địa bàn của dân bản địa nhằm khai phá núi rừng thành khu kinh tế mới, nông trường và lâm trường mới để rồi dân tộc Tây Nguyên và Chăm hôm nay không tìm ra mảnh đất để canh tác, trồng trọt và chăn nuôi, lâm vào cảnh nghèo đói bần cùng, quay cuồng trong không gian xã hội hoàn toàn đổ nát từ đặc trưng tộc người, thành tố văn hóa đến hình thức tư duy và đời sống tâm linh.

Lễ ra mắt tác phẩm Fulro

Đại Tướng Nguyễn Khánh Nhân chứng lịch sử của mặt trận Fulro

BBT Harak Champaka

Ngày 26 tháng 4 năm 2008, đại tướng Nguyễn Khánh, cựu thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa, có dành cho Pgs. Ts Po Dharma một buổi tiếp xúc thân mật tại tư dinh của ông ta ở Sacramento, California, Hoa Kỳ. Buổi tiếp xúc này có sự hiện diện của một phái đoàn cộng đồng người



Đại tướng Nguyễn Khánh, mang gương, đứng chính giữa

Chăm gồm có thiếu tá Dương Tấn Sở, nguyên tổng thư ký của Hội Đồng Sắc Tộc, ông Thành Phú Bá và Châu Văn Thủ, thành viên trong ban chấp hành của Hội Đồng Phát Triển Văn Hóa Xã Hội Champa vừa mới thành lập tại Hoa Kỳ sau ngày đại hội Champa vào tháng 7 năm 2007.

Nhân dịp này, Pgs. Ts. Po Dharma có trao tặng cho đại tướng Nguyễn Khánh một tác phẩm vừa mới ra đời mang tựa đề: *Từ Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến phong trào FULRO: Cuộc đấu tranh của dân tộc thiểu số miền nam Đông Dương (1955-1975)*. Nội dung của tác phẩm này có chương nói về sự vùng dậy của Fulro vào ngày 20-9-1968 tại cao nguyên Việt Nam lúc đại tướng Nguyễn Khánh đang giữ chức vụ thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa. Trong biến

Đại Tướng Nguyễn Khánh

cố này, đại tướng Nguyễn Khánh là nhân chứng lịch sử hàng đầu và cũng là người đứng ra giải quyết vấn đề để tìm cách xây dựng lại một cách hợp tình và hợp lý hơn, chính sách của chính quyền Sài Gòn đối với dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam. Tiếc rằng, ngày 15 tháng 2 năm 1965 có cuộc chính lý ở Sài Gòn đã buộc ông ta phải rời khỏi Việt Nam để sang Hoa Kỳ tị nạn cho đến hôm nay. Đây là phần tóm lược những biến cố chính trị và quân sự của Fulro đã xảy ra dưới thời Nguyễn Khánh.

- Đầu năm 1964, Y Sen Niê Kdam (Radê), nhân viên tình báo của trung tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh quân đoàn II, đến Nam Vang gặp đại tá Lès Kosem (gốc người Chăm) nhằm thảo luận về việc trở về Việt Nam của đại tá Nguyễn Chánh Thi, sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa chạy sang Campuchia lánh nạn.
- Vào tuần thứ ba của tháng 1 năm 1964, Lès Kosem chấp thuận sự trở về Việt Nam của Nguyễn Chánh Thi, nếu trung tướng Nguyễn Khánh trả tự do cho Y Bham Enuôl bị giam trong tù từ năm 1958.
- Ngày 29 tháng 1 năm 1964, trung tướng Nguyễn Khánh tổ chức cuộc đảo chánh ở Sài Gòn, trở thành thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa.
- Ngày 1 tháng 2 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh ra lệnh đưa Y Bham Enuôl ra khỏi ngục tù và đề cử ông ta làm phó tỉnh trưởng tỉnh Darlac.
- Vào cuối tháng 3 năm 1964, một sự gặp gỡ giữa đại tá Lès Kosem và Y Klong Niê (dân tộc Mnong), đại diện của Y Bham Enuôl, trên bờ sông Dam, gần biên giới Khơ Me-Việt. Trong cuộc tiếp xúc này, Lès Kosem hứa dành cho Y Bham Enuôl mọi đón tiếp nồng hậu nếu ông ta chấp nhận sang Kampuchea để tiếp tục đấu tranh.
- Ngày 28 tháng 4 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh tổ chức một hội nghị để giải quyết những vấn đề dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam.

Đại Tướng Nguyễn Khánh

- Ngày 5 tháng 5 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh ký sắc lệnh đổi Nha Công Tác Miền Thượng thành Nha Đặc Trách Thượng Vụ.
- Ngày 9 tháng 5 năm 1964 thủ tướng Nguyễn Khánh mở cuộc hội đàm tại Sài Gòn với những đại diện Tây Nguyên.
- Tháng 6 năm 1964 một số thành viên Bajaraka như Dhor Aadrong, Y Nhuin Hdok, Y Nham Eban tham gia phiên họp với đại tá Lès Kosem (gốc dân tộc Chăm ở Campuchia) và đại tá Um Savuth (Khmer Krom) tại biên giới Việt-Campuchia để bàn về sự ra đời của lực lượng vũ trang Fulro, một tổ chức liên minh nhằm giải phóng dân tộc bị áp bức.
- Ngày 25 tháng 8 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh tổ chức tại Đà Lạt hội nghị lần thứ hai về dân tộc thiểu số nhằm nghiên cứu lại những nguyện vọng của dân tộc Tây Nguyên và Chăm ở miền trung Việt Nam.
- Ngày 20 tháng 9 năm 1964 đánh dấu ngày ra đời của mặt trận Fulro. Từ biên giới Campuchia, đại tá Les Kosem ra lệnh cho lực lượng vũ trang Fulro vùng dậy tấn công một số đồn lính của Việt Nam Cộng Hòa thuộc tỉnh Darlac, sau đó tiến quân về Ban Mê Thuột chiếm đài phát thanh để phổ biến những yêu sách của họ.
- Ngày 21 tháng 9 năm 1964, Ban Mê Thuột trở thành một nghĩa địa vắng bóng người. Tất cả cư dân người Kinh không dám ra đường phố vì sợ người Tây Nguyên trả thù. Tại Sài Gòn, thủ tướng Nguyễn Khánh lên tiếng tố cáo có sự nhúng tay của quân đội Mỹ trong biến cố này và hăm dọa dùng vũ lực để dập tắt quân phiến loạn, nếu Fulro không rút quân ra khỏi Tây Nguyên trong một thời gian đã ấn định.
- Ngày 24 tháng 9 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh đáp máy bay sang Pleiku để thảo luận với các vị chỉ huy

Đại Tướng Nguyễn Khánh

quân đoàn II về tình hình Cao Nguyên. Ngay lúc đến nơi, ông ta tuyên bố là sự hiện diện của ông ta trong thành phố này đã nói lên sự kiên nhẫn và thái độ ôn hòa của chính quyền Sài Gòn đối với lực lượng vũ trang Fulro.

- Chiều 24 tháng 9 năm 1964, tướng Richard Dupuy của quân đội Mỹ gặp hai tướng lãnh Việt Nam là Lê Văn Kim và Tôn Thất Đính đề nghị với thủ tướng Nguyễn Khánh rằng chính phủ Sài Gòn nên tổ chức một hội nghị tập trung đại diện của mỗi sắc tộc và những đại biểu Fulro nhằm nghiên cứu những nguyện vọng thật sự của các dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam. Nguyễn Khánh đồng ý sẽ tổ chức một hội nghị các sắc dân thiểu số nhưng ngày tháng chưa quyết định.
- Ngày 26 tháng 9 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh đáp máy bay sang Ban Mê Thuột. Ngay lúc đến, ông ta khẳng định rằng chính quyền Việt Nam sẽ sử dụng vũ lực để trấn áp nhóm phản động Fulro và không bao giờ triệu tập hội nghị dân tộc thiểu số mà người Mỹ mong muốn. Chính quyền Sài Gòn không bao giờ nhượng bộ Fulro nếu tổ chức này không trao trả tù binh Việt Nam và Mỹ bị bắt ở Buôn Sarpa vào ngày 20-9-1964.
- Ngày 26 tháng 9 năm 1964, đại tá Les Kosem có tiếp xúc với đại tá John Freund, tù binh Mỹ tại Buôn Sarpa và cho phép ông ta liên lạc bằng điện thoại với quân đội Mỹ để báo tin là ông ta vẫn khỏe mạnh nhưng rất lo âu về số phận của những lính Mỹ khác bị Fulro bắt giam sau khi thủ tướng Nguyễn Khánh hăm dọa sẽ tấn công trại này vào lúc 9 giờ sáng ngày 27 tháng 9 năm 1964.
- Ngày 27-9-1964, tướng Richard Dupuy quyết định đích thân đến Buôn Sarpa để giải quyết trực tiếp cuộc khủng hoảng này. Ông ta báo tin cho thủ tướng

Đại Tướng Nguyễn Khánh

Nguyễn Khánh biết sự việc trên và được thủ tướng chấp thuận.

Đúng 7 giờ 46, ngày 27-9-1964, trực thăng của tướng Richard Dupuy hạ cánh tại Buôn Sarpa. Ngay khi đến nơi, tướng Richard Dupuy tuyên bố là quân đội Mỹ hứa sẽ làm tất cả những gì trong khả năng và thẩm quyền của họ để giải quyết các yêu sách của Fulro và cố gắng thuyết phục chính quyền Sài Gòn chấp nhận giải quyết những yêu sách đó bằng con đường thương thuyết.

- Ngày 2-10-1964, thủ tướng Nguyễn Khánh mở phiên họp với một số nhà lãnh đạo Việt Nam tại Sài Gòn. Trong dịp này, ông ta đưa ra nhận định rằng tổ chức Fulro có sự nhúng tay của quân đội Mỹ và được vương quốc Kampuchea yểm trợ về mặt chính trị lẫn quân sự.
- Ngày 15 tháng 10 năm 1964, dưới sự áp lực của quân đội Mỹ, thủ tướng Nguyễn Khánh chấp nhận tổ chức một hội nghị tại Pleiku để bàn về vấn đề dân tộc thiểu số.
- Ngày 16 tháng 10 năm 1964, thủ tướng Nguyễn Khánh đến Pleiku để làm lễ bế mạc hội nghị. Nhân dịp này, ông ta tuyên bố rằng chính quyền Sài Gòn sẵn sàng giải quyết những yêu sách của Fulro nhưng không bao giờ chấp nhận cho tổ chức vũ trang này quyền nhận viện trợ nước ngoài và thành lập quân đội riêng trên lãnh thổ Việt Nam.
- Ngày 15-2-1965, tướng Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn Văn Thiệu lật đổ thủ tướng Nguyễn Khánh và thành lập một chính phủ mới. Nguyễn Văn Thiệu được đề cử làm chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, và Nguyễn Cao Kỳ, chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.

Sau 44 năm của ngày ra đời Fulro, đại tướng Nguyễn Khánh gặp lại thành viên cũ của tổ chức Fulro là

Đại Tướng Nguyễn Khánh

ông Po Dharma qua một buổi trao đổi rất là thân mật và cởi mở tại xứ Hoa Kỳ. Mặc dù tuổi đã quá 80, đại tướng Nguyễn Khánh vẫn là một nhân vật minh mẫn và sáng suốt để nhận định tình hình chính trị và quân sự Việt Nam đã xảy ra trong quá khứ và hiện tại. Ông ta vẫn còn lưu lại trong ký ức những gì đã xảy ra vào ngày 20-9-1964 khi lực lượng Fulro vùng dậy ở cao nguyên để đòi quyền lợi của dân tộc thiểu số thời đó.

Qua buổi tiếp chuyện này, đại tướng Nguyễn Khánh vẫn công nhận rằng vấn đề dân tộc thiểu số ở miền trung là một chủ đề quan trọng, cấu thành một chính sách hàng đầu mà nhà nước Việt Nam không thể bỏ qua được. Theo ông ta, muốn giải quyết vấn đề hòa đồng và hòa giải dân tộc hôm nay, những nhà lãnh đạo của mọi chế độ Việt Nam cũng như thủ trưởng của mọi tổ chức dân tộc bản địa phải thành thật với nhau để cùng nhau đi tìm một đồng thuận chung nhằm xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam trong tinh thần liên đới và tôn trọng lẫn nhau.

Trao đổi với Đài Truyền Hình Việt Nam về biến cố ở Tây Nguyên

BBT Harak Champaka

Nhân dịp lễ ra mắt tác phẩm về lịch sử Fulro tại Los Angeles, Pgs. Ts. Po Dharma có buổi tiếp xúc với Đài Truyền Hình Việt Nam (Calitoday) tại San Jose, California, Hoa Kỳ vào ngày 26 tháng 4 năm 2008. Trong dịp này, phóng viên Nguyễn Nam phỏng vấn Po Dharma về nguyên nhân đã đưa đẩy dân tộc Tây Nguyên xuống đường biểu tình từ ngày 11 đến 14-4-2008 nhằm yêu cầu nhà nước Việt Nam phải trao trả lại cho họ quyền sở hữu đất đai và quyền



Phóng viên Nguyễn Nam và Po Dharma

tự do tín ngưỡng. Để giải quyết biến cố này, chính quyền Hà Nội ra lệnh cho lực lượng an ninh và cảnh sát dùng vũ lực đàn áp thẳng tay cuộc đấu tranh bất bạo động này, gây thương tích và thiệt mạng cho một số người đồng bào sắc tộc Tây Nguyên. Bên chính quyền Việt Nam, có 4 nhân viên công an bị chết.

Để trả lời cho câu hỏi của phóng viên Nguyễn Nam, Po Dharma cho rằng sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào tháng 4 năm 2008 không phải là biến cố nhất thời có sự nhúng tay của một số tổ chức ở nước ngoài như chính quyền Hà Nội thường loan tin nhằm che dấu chính sách sai lầm của nhà nước Việt Nam, mà là một truyền thống đấu tranh của người sắc tộc ở miền trung đã xảy ra từ 1955. Trước biến cố tháng 4-2008, người ta không thể quên được những cuộc vùng dậy khác của người sắc tộc đã xảy ra vào năm 2004 và 2001 dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa cũng như sự ra đời của mặt trận Fulro dưới thời đệ nhị cộng hòa (1964-1975) và phong trào Bajaraka dưới chế độ Ngô Đình Diệm (1955 đến 1963).

Nhìn qua một cách tổng quát, những yêu sách mà người sắc tộc đã nêu ra, thường tập trung chung quanh vấn đề liên quan đến quyền sở hữu đất đai, quyền tự do tín ngưỡng, quyền được sống theo phong tục cổ truyền, v.v. Và người ta có thể nêu ra hàng chục yêu sách khác tùy theo không gian và thời gian của biến cố. Thế thì sắc dân thiểu số ở miền trung Việt Nam muốn gì và thế nào là mục tiêu đấu tranh của họ đã diễn ra trên giải đất miền trung Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua. Đó là một câu hỏi quan trọng cần được mổ xẻ để nắm vững trọng tâm của vấn đề trước khi đi tìm giải pháp để giải quyết cho vấn đề này.

Theo Po Dharma, dân tộc thiểu số ở miền trung Việt Nam chỉ yêu cầu nhà nước Việt Nam giải quyết một vấn đề duy nhất đó là phải trao trả lại cho họ “**qui chế dân tộc bản địa**” mà triều đình Huế đã công nhận kể từ năm 1840, được ghi rõ trong qui ước của Xứ Thượng Miền Nam (Pays Montagnard du Sud) mà chính quyền Pháp ở Đông Dương đã ký kết tại Sài Gòn vào ngày 27-5-1946, sau đó biến thành Hoàng Triều Cương Thổ, tức là khu vực tự trị dành cho dân bản địa (autochtones) mà vua Bảo Đại đã ban hành tại Đà Lạt vào ngày 21-5-1951.

Trao đổi với Đài Truyền Hình

Công nhận sắc dân Tây Nguyên và Chăm là dân tộc bản địa tức là chấp nhận cho họ có một khu vực đất đai riêng mà chính họ là chủ nhân để quản lý, khai thác, phát triển phù hợp với môi trường nhân sinh của họ và không ai có quyền chiếm đoạt, trưng dụng đất đai này mà không có sự đồng ý của họ. Công nhận họ là người bản địa tức là chấp nhận cho họ quyền quản lý trực tiếp mọi cơ cấu tổ chức hành chính, văn hóa, xã hội và tín ngưỡng trong khu vực của họ. Công nhận họ là người bản địa tức là chấp nhận rằng dân tộc Tây Nguyên và người Chăm là một chủng tộc sinh ra trên đất đai mà tổ tiên của họ đã để lại, có một nền văn hóa và lịch sử lâu đời trên giải đất miền trung Việt Nam.

Trải qua 9 thế kỷ của cuộc Nam Tiến, nhà nước Việt Nam đã chiếm trọn đất đai miền duyên hải của vương quốc Champa chạy dài từ Quảng Bình đến biên giới Biên Hòa và chỉ để lại cho dân tộc bại trận này sau năm 1832 một lãnh thổ ở Tây Nguyên và khu vực nhỏ nhoi ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, để họ có cơ hội tự phát triển và tự cai quản lấy mọi cơ cấu tổ chức xã hội theo truyền thống của họ. Chính vì ý thức đến yếu tố lịch sử này, dân tộc Tây Nguyên và Chăm không bao giờ chấp nhận nhà nước Việt Nam, dù dưới chế độ cộng hòa hay xã hội chủ nghĩa, dùng quyền lực để xâm chiếm đất đai còn lại mà triều đình Huế dành cho họ sau năm 1840, dựa vào sức mạnh của dân tộc thắng trận để xóa bỏ lai lịch nguồn gốc dân tộc thua trận trên bản đồ thế giới qua các chính sách đồng hóa họ thành người Việt chính thống và tước bỏ quyền cơ bản dân tộc bản địa của họ đã ghi rõ trong hiến chương của Liên Hiệp Quốc.

Ai cũng biết người Tây Nguyên và Chăm lúc nào cũng chấp nhận họ là dân tộc thua trận, nhưng họ không bao giờ chấp nhận bị diệt vong trong thế kỷ thứ 21 này. Họ lúc nào cũng chấp nhận là công dân Việt Nam, nhưng họ không bao giờ chấp nhận nhà nước Việt Nam tước đoạt quyền sở hữu đất đai của họ. Nguyện vọng của họ không bao giờ hàm chứa mục tiêu nhằm lật đổ chính quyền Việt Nam hay đòi

quyền độc lập mà chỉ mong mỗi nhà nước Việt Nam hôm nay phải có lòng nhân đạo hơn bằng cách trao trả lại cho họ “**qui chế dân tộc bản địa**” để họ có cơ hội được hiện hữu bên cạnh dân tộc lớn trên dải đất Việt Nam trong thế kỷ thứ 21 này như một cộng đồng tộc người có một nguồn gốc lịch sử và nền văn minh lâu đời.

Tóm lại, cuộc vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào tháng 4 năm 2008 chỉ là một cuộc đấu tranh để bảo vệ sự sống còn của một dân tộc thua trận trong không gian của lịch sử hầu đi tìm quyền được sống trong biên giới dân tộc bản địa mà nhà nước Việt Nam đã công nhận kể từ năm 1840. Mọi chính sách dùng quyền lực để đàn áp và xâm chiếm đất đai của dân tộc này chỉ làm khuyếch đại thêm lòng căm thù giữa dân tộc thua trận và dân tộc thắng trận, khơi dậy thêm những hình ảnh đẫm máu và tang thương đã xảy ra trong lịch sử xâm chiếm đất đai của vương quốc Champa ở miền trung Việt Nam trong suốt chiều dài của cuộc Nam Tiến từ thế kỷ thứ 10 đến năm 1832.

Nhà nước Việt Nam lúc nào cũng kêu gọi nhân dân vùng dậy chống chủ nghĩa “đế quốc”, tức là chủ nghĩa dùng quyền lực để xâm chiếm đất đai của dân tộc khác, trong khi đó nhà nước Việt Nam lại đưa ra chính sách tước đoạt quyền sở hữu đất đai của người Tây Nguyên và Chăm ở miền trung Việt Nam. Có chăng người Tây Nguyên và Chăm không phải là chủng tộc gốc Việt, thành ra nhà nước Việt Nam không quan tâm cho lắm đến quyền sở hữu đất đai và sự sống còn của họ trong thế kỷ thứ 21 này! Cuộc vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào tháng 4 năm 2008 là một thí dụ điển hình.

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

BBT Harak Champaka

Tác phẩm *Lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Chăm* là kỷ yếu hội thảo tổ chức vào ngày 21-22 tháng 9 năm 2006 tại Kuala Lumpur do Ecole française d'Extrême-Orient & Tokyo University of Foreign Studies xuất bản tại Kuala Lumpur, 2007 dưới dạng CD. Tác phẩm được chia làm 3 phần: Dẫn văn khai mạc của Ts. Adi Taha (Tổng Giám Đốc



Cục Bảo Tàng Mã Lai); Lời mở đầu của Pgs. Ts. Po Dharma (Chủ nhiệm chương trình hội thảo) và Bài kỷ yếu, tức là nội dung chính bao gồm các bài tham luận của các tác giả.

Lần đầu tiên trong lịch sử, vấn đề ngôn ngữ chữ viết

Chăm được đặt ra trong ngày hội thảo quốc tế mang chủ đề «Bảo tồn và phát triển văn hóa phi vật chất của dân tộc thiểu số ở Việt Nam» do UNESCO tổ chức tại Hà Nội và Huế từ ngày 15 đến 24 tháng 3 năm 1994. Nhân dịp này, Ts. Po Dharma, đại biểu của hội thảo cho rằng chữ viết Chăm được xem như là di sản văn hóa thiêng liêng của dân tộc này, nhưng ngày nay đang đi vào con đường thoái hóa. Vì sau năm 1978 Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC) quyết định cải biến một số yếu tố chữ viết Chăm để đưa vào sách giáo trình giảng dạy con em người Chăm trong các trường tiểu học. Điều đó đã làm đảo lộn cả một hệ thống ngôn ngữ chữ viết truyền thống của dân tộc Chăm mà các

bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay. Thế là chữ Chăm cải biên của BBSSCC đã trở thành đề tài mà các nhà khoa học thường đưa ra để bàn bạc trong các hội thảo liên quan đến văn hóa Chăm.

Để giải quyết vấn đề này, Ts. Po Dharma thuộc Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp đặc trách về chương trình bảo tồn và phát triển lịch sử và nền văn minh Champa tại Pháp tổ chức phiên họp mặt tại Kuala Lumpur (Mã Lai) vào năm 2001 với ông Nguyễn Văn Tỷ, trưởng ban BBSSCC, đại diện cho trường phái cải biên ngôn ngữ chữ viết Chăm và ông Thành Phú Bá, trí thức Chăm, một người không đồng tình với chữ Chăm cải biên của BBSSCC. Kết quả cuộc họp mặt là Nguyễn Văn Tỷ đã công nhận sự sai lầm trong sách giáo trình giảng dạy tiếng Chăm, nhưng ông không đủ cơ hội để chỉnh lý sự sai lầm này, vì ông ta sắp về hưu.

Năm 2002, Ts. Po Dharma tổ chức một phiên họp mặt khác cũng tại Kuala Lumpur với Lộ Minh Trại tức là trưởng ban BBSSCC vừa nhậm chức và ông Đàng Năng Qua, một trí thức Chăm không đồng tình với chữ Chăm cải biên của BBSSCC để thảo luận vấn đề lần thứ hai. Trong buổi họp mặt này, Lộ Minh Trại cũng công nhận có sự sai lầm trong sách giáo trình giảng dạy tiếng Chăm và tuyên bố sẽ tìm giải pháp để chỉnh đốn lại sách giáo trình này nhưng đến hôm nay không có kết quả nào.

Năm 2006, hội thảo quốc tế mang chủ đề «Văn hóa chữ viết ở khu vực lục địa của Đông Nam Á lục địa» (Written Cultures in Mainland Southeast Asia) tổ chức tại Osaka, Nhật Bản vào ngày 3-4 tháng 2 năm 2006, lại đưa vấn đề chữ viết Chăm của BBSSCC lên diễn đàn một lần nữa và nêu ra những nguyên nhân chính phát sinh sự sai lầm trong sách giáo trình của BBSSCC và đặt lại vấn đề một cách nghiêm túc về sự khác biệt giữa chữ Chăm cải biên của BBSSCC và chữ viết Chăm truyền thống, tức là *Akhar Thrah*, mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay.

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

Sau ngày hội thảo tại Osaka, Lộ Minh Trại, trưởng ban BBSSCC đề nghị Ts. Po Dharma tìm giải pháp để tổ chức cho bằng được một hội thảo quốc tế chuyên đề về lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Chăm. Theo Lộ Minh Trại, dựa vào kết quả của hội thảo quốc tế này, ông ta mới có đầy đủ tư liệu khoa học và bằng chứng cụ thể để trình lên nhà nước Việt Nam xin chỉnh lý lại sách giáo trình của BBSSCC nhằm đưa đến việc thống nhất lại hệ thống ngôn ngữ và chữ Chăm.

Những vấn đề mà chúng tôi vừa trình bày ở phần trên là nguyên nhân chính nhằm giải thích tại sao lại có cuộc hội thảo khoa học về ngôn ngữ và chữ viết Chăm tại Kuala Lumpur vào tháng 9 năm 2006.

*

Một hội thảo khoa học với chủ đề “Lịch sử Ngôn ngữ và Chữ viết Chăm” được tổ chức vào ngày 21 và 22



Lễ khai mạc

tháng 9 năm 2006 tại thủ đô Kuala Lumpur bởi Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) và Đại Học Ngoại Ngữ Tokyo (Nhật Bản) với sự hợp tác của Đại Sứ Quán Pháp tại Kuala Lumpur và Cục Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai.

Khai mạc vào lúc 9 giờ 30 vào ngày 21-9-2006 bởi ông Dato' Ts. Adi Taha, Tổng Giám Đốc của Cục Bảo Tàng Quốc Gia Mã Lai, hội thảo này tập trung 15 chuyên viên về tiếng Chăm từ các nước trên thế giới đến tham dự như Pháp,

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

Nhật, Mã Lai, Mỹ và Việt Nam.

Hội thảo này có hai mục tiêu duy nhất, đó là:

– Nghiên cứu sự phát triển ngôn ngữ chữ viết Chăm trong quá trình lịch sử từ thế kỷ thứ 4 cho đến hôm nay.

– Đặt lại vấn đề sự chuẩn hóa chữ viết Chăm của BBSSCC vào năm 1978 và so sánh nội dung của sự chuẩn hóa này đối với nguồn gốc chữ viết Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và nhà nghiên cứu Chăm hiện đang sử dụng.



Các đại biểu tham gia đại hội

Đây là một hội thảo quan trọng tập trung tương đối đầy đủ các thành phần tiêu biểu chuyên về ngôn ngữ và chữ viết Chăm trong đó có cán bộ của BBSSCC, chuyên viên thuộc Trung Tâm Nghiên Cứu Văn Hóa Chăm tỉnh Ninh Thuận, giảng viên Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn (TP. Hồ Chí Minh), chuyên viên nghiên cứu ngôn ngữ của Viện Khoa Học Xã Hội Vùng Nam Bộ, chức sắc và trí thức Chăm đã từng tham gia trong chương trình giảng dạy tiếng Chăm trước năm 1975, các nhà nghiên cứu Nhật Bản, Mã Lai và Pháp cũng như chuyên viên của trung tâm EFEO tại Kuala Lumpur.

Hội thảo diễn ra trong hai ngày với các bài khảo luận được xếp tuần tự theo chương trình đã đề ra. Sau đây là nội dung chính yếu của mỗi bài khảo luận và biên bản của

hội thảo.

1. Ngôn ngữ chữ viết Chăm trong quá trình lịch sử

Pgs. Ts. Po Dharma
(Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp-EFEO)

Bài khảo luận của Pgs. Po Dharma chủ yếu là đưa ra những dữ kiện lịch sử nhằm chứng minh nguồn gốc ngôn ngữ chữ viết Chăm được lưu hành từ thế kỷ thứ 4 cho đến hôm nay. Theo Po Dharma, ngôn ngữ chữ viết Chăm chia thành hai thời kỳ.

– Từ thế kỷ thứ 4 đến thế kỷ thứ 16, đó là thời kỳ ngôn ngữ chữ viết Chăm cổ điển được lưu truyền trên bia kí.

– Sau thế kỷ thứ 17 là thời kỳ *akhar thrah* được lưu truyền cho đến hôm nay.

Theo Pgs. Po Dharma, *akhar thrah* dùng trên bia kí Po Romé (1627-1651), *akhar thrah* viết trên hàng ngàn trang tài liệu hoàng gia Champa từ 1702 đến 1850 và *akhar thrah* còn lưu hành trong các tầng lớp tu sĩ, bô lão, trí thức Chăm hôm nay, không có sự khác biệt trên vấn đề cơ bản dù đó là qui luật chính tả hay cấu trúc ngữ pháp. Chính vì thế, *akhar thrah* Chăm phát xuất từ thời Po Romé là ngôn ngữ chữ viết **phổ thông** chứ không phải là chữ Chăm cổ điển như một số người hiểu lầm vì họ chưa lần nào thấy bóng dáng tư liệu này như thế nào.

Trong suốt hơn 4 thế kỉ lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, *akhar thrah* Chăm được xem như là ngôn ngữ chữ viết Chăm có qui luật khá ổn định. Tiếc rằng, sau năm 1978, *akhar thrah* đã bị biến đổi bởi sự cải biên do Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC) đề ra. Trong công tác cải biên này, BBSSCC đã vấp phải 7 sai lầm mà những sai lầm này đã biến *akhar thrah* Chăm thành một ngôn ngữ chữ viết Chăm khác biệt với *akhar thrah* Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và nhà nghiên cứu Chăm ở

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

Việt Nam đang sử dụng hôm nay.

Bảy điểm sai lầm trong sách giáo trình của BBSSCC, đó là:

- Nói sao viết vậy
- Chế biến *paoh gak* ở âm cuối
- Xóa bỏ *dar tha* trong *craoh aw*
- Chế biến *baluw* trên *dar tha dar dua*
- Cải biến *takai kik tut takai mâk*
- Sử dụng *baluw* không có qui luật nhất định
- Không tôn trọng nghiêm túc qui luật chính tả truyền thống

Theo Pgs. Po Dharma, những lỗi lầm đã xảy ra trong giáo trình của BBSSCC phát xuất từ 9 nguyên nhân:

1). Định nghĩa sai lầm về qui luật “cải tiến” chữ Chăm

Trong quá trình lịch sử, bất cứ ngôn ngữ nào trên thế giới cũng không thoát khỏi qui luật “cải tiến và chuẩn hóa”. Nhưng sự cải tiến hay chuẩn hóa lúc nào cũng phải dựa vào một qui luật ngôn ngữ truyền thống và phải dựa trên cơ sở khoa học vững chắc, nếu không sự cải tiến hay chuẩn hóa này trở thành việc **chế biến** một ngôn ngữ mới mà hậu quả không thể đo lường được.

2 .Phủ nhận bản chất thiêng liêng của một ngôn ngữ

Đối với BBSSCC, *akhar thrah* không phải là di sản thiêng liêng của dân tộc Chăm lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác chỉ là một món đồ vật. Chính vì thế, BBSSCC có quyền cải biến, thêm bớt và cắt xén chữ viết Chăm cho phù hợp với cách suy nghĩ riêng tư của mình.

3. *Áp dụng “mỗi ký hiệu chỉ có một cách đọc”*

Được xếp chung cùng gia đình ngôn ngữ các dân tộc Mã Lai-Đa Đảo và có chữ viết xuất phát từ Phạn ngữ, ngôn ngữ và chữ viết Chăm là ngôn ngữ đa âm tiết cho nên không bao giờ có qui luật “mỗi ký hiệu chỉ có một cách đọc” như hệ thống tiếng Việt (ngôn ngữ đơn tiết).

4. *Không thừa nhận “trường hợp bất qui tắc” trong ngôn ngữ Chăm*

Vì không thừa nhận ngôn ngữ chữ viết Chăm có một số trường hợp **bất qui tắc** như bất cứ ngôn ngữ nào khác trên thế giới cho nên BBSSCC đã xóa hết tất cả các trường hợp bất qui tắc của tiếng Chăm để chế biến ra một hệ thống chữ viết Chăm mới khác xa với chữ *akhar thrah* truyền thống đang lưu hành trong cộng Chăm hôm nay.

5. *Định nghĩa sai lầm về vai trò của BBSSCC*

BBSSCC được cơ quan Nhà Nước Việt Nam giao phó để soạn thảo sách giáo trình giảng dạy tiếng Chăm truyền thống cho cộng đồng dân tộc Chăm. Nhưng ngược lại, BBSSCC không tôn trọng qui luật chữ viết Chăm truyền thống mà lợi dụng cơ hội này để chế biến *akhar thrah* Chăm theo quan điểm riêng tư của mình hầu đưa vào trường lớp phổ thông. Đây là việc làm không phù hợp với vai trò của BBSSCC nhằm bảo tồn và phát huy ngôn ngữ chữ viết truyền thống trong cộng đồng dân tộc Chăm.

6. *Phong cách làm việc thiếu nghiêm túc*

Vấn đề chuẩn hóa chữ viết Chăm, một hệ thống vô cùng đồ sộ lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thì phải đòi hỏi một công trình nghiên cứu sâu đậm tập trung

các nhà chuyên môn về lịch sử ngôn ngữ chữ viết Chăm, các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm hiện đang sử dụng *akhar thrah*. Thế mà BBSSCC đã không cần quan tâm đến vấn đề này trước khi đưa ra quyết định chuẩn hóa ngôn ngữ Chăm. Điều này đã nói lên phong cách làm việc thiếu nghiêm túc và thiếu khoa học của BBSSCC.

7. Định nghĩa sai lầm về hội đồng nghiệm thu

Trên nguyên tắc, mọi công trình của BBSSCC phải đem ra phân tích và biểu quyết trước một hội đồng nghiệm thu qua các khóa hội thảo. Nhưng ai là thành viên trong hội đồng này? Chính đó mới là chìa khóa của vấn đề.

BBSSCC đã loại bỏ ý kiến các chuyên gia về ngôn ngữ chữ viết Chăm cũng như các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức Chăm hiện đang sử dụng ngôn ngữ này trong hội đồng nghiệm thu. Điều này đã nói lên rằng mọi quyết định cải tiến ngôn ngữ chữ viết Chăm của BBSSCC là không giá trị về mặt khoa học và thực tiễn, vì hội đồng nghiệm thu của BBSSCC chỉ tập trung những người không chuyên về lịch sử ngôn ngữ chữ viết Chăm và cũng không đọc thông thạo *Akhar Thrah* Chăm truyền thống.

8. Phủ nhận giá trị tinh hoa của *Akhar Thrah* truyền thống

Akhar thrah Chăm được lưu truyền kể từ thế kỷ thứ 17, gần hơn 4 thế kỷ qua đã trở thành chữ viết phổ thông khá ổn định về qui luật chính tả, ngữ pháp và cấu trúc hành văn. Chính vì không hiểu giá trị tinh hoa của *akhar thrah* Chăm truyền thống do bậc tiền nhân để lại mà BBSSCC đã vội vàng chuẩn hóa chữ viết Chăm truyền thống theo nhãn quan của mình, với một lí luận thô sơ là: giúp con em Chăm học và đọc nhanh chóng chữ Chăm. Trường hợp này không khác gì BBSSCC yêu cầu bỏ các dấu thanh (dấu huyền, dấu sắc, dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng) trong tiếng Việt để con em người Chăm cũng như các dân

tộc thiểu số khác dễ viết và dễ phát âm hơn.

9. Sai lầm mục tiêu giáo dục

Mục tiêu duy nhất của sách giáo trình BBSSCC không phải dạy học sinh Chăm đọc chữ Chăm cải biên của BBSSCC mà phải đào tạo học sinh Chăm học tiếng Chăm để làm thế nào họ đọc được chữ *akhar thrah* Chăm truyền thống. Từ đó họ có thể bảo tồn và khai triển để tiếp thu những tinh hoa của kho tàng văn học *akhar thrah* Chăm còn lưu trữ trong cộng đồng để làm phong phú thêm cuộc sống của chính họ.

Một khi đã cải biên tiếng Chăm theo cách suy nghĩ riêng tư của mình, BBSSCC đã vô tình biến học sinh Chăm học tiếng Chăm của BBSSCC thành một thế hệ **vô dụng**, vì họ không đọc được văn bản tiếng Chăm mà cha mẹ họ viết hay các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay.

Theo Pgs. Po Dharma, chủ trương cải biên chữ Chăm của BBSSCC là sai lầm mục tiêu giáo dục. Có chăng Nhà nước Việt Nam đã đầu tư một số vốn khổng lồ để giúp dân tộc Chăm xây dựng hơn 20 trường học, đào tạo hơn 261 giáo viên để giảng dạy tiếng Chăm trong 318 lớp tập trung hơn 9695 học sinh Chăm bậc tiểu học (tài liệu do BBSSCC cung cấp) được học chữ Chăm cải biên của BBSSCC để rồi 9695 học sinh Chăm này không đọc được chữ viết Chăm truyền thống của họ. Đây mới là vấn đề thực tiễn cần suy xét lại. Vì chủ trương chuẩn hóa chữ Chăm của BBSSCC hoàn toàn đi ngược lại với chính sách của Đảng và Nhà Nước nhằm bảo tồn ngôn ngữ chữ viết của các dân tộc ít người ở Việt Nam hôm nay và sự chuẩn hóa này không phù hợp với nguyện vọng của đồng bào Chăm mà người đại diện tiêu biểu cho họ là các chức sắc Ahiér-Awal, bô lão, trí thức và nhà nghiên cứu Chăm đang sử dụng *akhar thrah* truyền thống hôm nay.

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

Sau cùng Pgs. Po Dharma kết luận rằng, sách giáo trình giảng dạy tiếng Chăm của BBSSCC dù thế nào đi nữa cũng là một công trình rất là lợi ích đã giúp đỡ con em Chăm có cơ hội học tiếng Chăm cơ bản trong trường lớp. Tiếc rằng, sách giáo trình này lại vấp phải 7 sai lầm đã đưa ngôn ngữ chữ viết Chăm, một di sản văn hoá thiêng liêng của dân tộc Chăm đi vào khúc quanh của lịch sử, tạo ra một loại ngôn ngữ chữ viết hoàn toàn khác hẳn với *akhar thrah* Chăm đã lưu truyền từ thế kỷ thứ 17 cho đến hôm nay.

Hy vọng BBSSCC sẽ chỉnh lý lại 7 sai lầm này trong giáo trình dạy tiếng Chăm nói trên để đưa ngôn ngữ chữ viết Chăm đúng với vị trí truyền thống của nó.

2. Đặc điểm chữ viết Chăm trong tư liệu hoàng gia Champa

Fatimah Hoa
(Chương Trình Thế Giới Mã Lai)

Fatimah Hoa, với sự hợp tác của Sử Thị Thu Trang là hai phụ nữ Chăm gốc làng Văn Lắm và Chát Thường, đã nhận trách nhiệm của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp ở Kuala Lumpur để triển khai và đưa vào máy vi tính toàn diện kho tàng tư liệu hoàng gia Panduranga-Champa viết từ năm 1702 đến năm 1850.

Theo cô Fatimah Hoa, tư liệu hoàng gia này là văn kiện hành chánh chính thức của vương quốc Champa bao gồm nhiều thể loại như đơn tờ, giấy tố tụng, đơn khiếu nại, mua bán, lương bổng, phân chia gia sản, thuế má và ngân sách thu chi của nhà nước Champa thời đó. Đây là văn bản nguyên gốc tập trung hơn 6.000 trang viết bằng tay, ghi chép lại những gì đã xảy ra trong triều đình Champa-Panduranga. Mỗi văn bản của tài liệu thường mang dấu ấn của vua chúa, các cơ quan hành chánh hay chữ ký (*kung tangan*) của đương sự. Thỉnh thoảng, tài liệu này còn kèm theo một số văn bản viết bằng chữ Hán.

Đứng trên phương diện văn bản học mà phân tích, tài liệu hoàng gia Champa không phải là chữ Chăm cổ điển như một số người hiểu lầm mà là chữ viết phổ thông như *akhar thrah* Chăm hôm nay. Người Chăm biết đọc *akhar thrah* do các bậc tu sĩ, bô lão đang sử dụng có thể đọc và hiểu rất dễ dàng nội dung của tài liệu hoàng gia Champa. Trường hợp cô Fatimah Hoa là một bằng chứng cụ thể. Có chăng một số người Chăm chưa thấy văn bản này ra sao để rồi kết luận rằng tài liệu hoàng gia Champa là chữ Chăm cổ điển không nên dựa vào đó để làm giáo trình dạy chữ Chăm cho thế hệ hôm nay.

Vì là văn bản chính thức của một quốc gia, thành vậy *akhar thrah* Chăm của tài liệu hoàng gia Champa đã trở thành một ngôn ngữ chuẩn mực và tư liệu đáng tin cậy dùng làm kim chỉ nam cho ngôn ngữ và chữ viết Chăm hôm nay.

Tài liệu hoàng gia Champa tập trung hàng ngàn hồ sơ đủ loại và do hàng ngàn người biên soạn. Tuy rất được nhiều người viết, nhưng *akhar thrah* Chăm trong tài liệu này rất ổn định về chính tả và cấu trúc ngữ pháp. Kể từ đó, người ta có thể tiên đoán rằng những người sử dụng *akhar thrah* Chăm thời đó có trải qua một trường lớp chính quy hẳn hoi.

Hơn hai năm triển khai văn bản này, Fatimah Hoa đưa ra kết luận rằng *akhar thrah* Chăm truyền thống dùng trong tài liệu hoàng gia Champa có một hệ thống khá rõ ràng về qui luật chính tả, nhất là nguyên tắc sử dụng một số phụ âm, nguyên âm như sau : 1. *pak praong*, 2. *sak praong*, 3. *mâk-mak*, 4. *nâk-nak*, 5. *ngâk-ngak*, 6. *nyâk-nyak*, 7. *baluw*, 8. *dar sa-craoh ao*, 9. *takai kik tut takai mâk dalam-lingiw*, 10. *takai kêk*.

Đây là 10 trường hợp đặc biệt trong hệ thống cấu trúc chính tả của *akhar thrah* mà các bậc bô lão Chăm thường đưa ra bàn bạc và tranh cãi sôi nổi, nhưng không ai tìm ra giải pháp. Dựa vào qui tắc của 10 trường hợp đặc biệt này, các nhà nghiên cứu có thể làm sáng tỏ lại nguồn gốc lịch sử chữ viết *akhar thrah* Chăm hôm nay.

Sau cùng Fatimah Hoa khẳng định rằng trải qua hơn 6.000 trang tài liệu hoàng gia Champa, *akhar thrah* Chăm không bao giờ có *paoh gak* và *craoh aw* luôn luôn phải có *dar tha* cũng như *baluw* có qui luật riêng của nó. Thế thì sự cải biên chữ Chăm của Ban Biên Soạn Sách Chữ cần phải được cứu xét và chỉnh lý lại cho phù hợp với *akhar thrah* Chăm truyền thống dùng trong tài liệu hoàng gia Champa hay trong các văn bản mà các chức sắc Ahier-Awal và bà con Chăm đang sử dụng hôm nay.

3. Sự phát triển ngôn ngữ Chăm thời Dương Tấn Phát

Lưu Quang Sang
(Hội Bảo Tồn Văn Hóa Truyền Thống Chăm)

Xã hội Chăm thời ấy được đặt dưới sự lãnh đạo của cụ Dương Tấn Phát (1880-1964), Tri huyện An-Phước gốc làng Hiếu Lễ, Ninh Thuận, là người có đầy đủ quyền lực chi phối mọi sinh hoạt của đồng bào Chăm trên nhiều lĩnh vực như văn hóa, xã hội, tôn giáo, giáo dục. Ông ta là một nhân sĩ Chăm giỏi tiếng Hán, tiếng Việt, thông thạo tiếng Chăm và am tường sâu sắc phong tục tập quán Chăm. Vì vậy, Cụ đã nắm một vai trò chính yếu trong xã hội Chăm thời đó.

Huyện An-Phước lúc bấy giờ thực sự là một trung tâm hành chính đối với đời sống cộng đồng Chăm. Mọi công văn thời đó luôn được viết bằng *akhar thrah* Chăm. Như vậy tiếng Chăm đã trở thành ngôn ngữ hành chánh rồi. Trong đời sống cộng đồng, người Chăm biết chữ Chăm rất được trọng vọng. Họ là những người thường giúp đồng bào Chăm lập văn khế mua bán ruộng đất, nhà cửa bằng tiếng Chăm. Đôi khi văn khế cũng được viết bằng chữ Nho, nhưng bằng chữ Chăm thì thông dụng hơn. Cho nên thanh niên Chăm ở mọi thành phần xã hội, muốn tiến thân thì nhất thiết phải học ngôn ngữ chữ viết *akhar thrah* Chăm, nếu không họ chỉ là thường dân hoặc chỉ có thể đảm nhận chức vụ tầm thường

nhất ở cấp làng ấp như *klum mbien* (= Trùm, Biện).

Dưới thời cụ Dương Tấn Phát, chưa có trường lớp chính thức dạy ngôn ngữ chữ viết Chăm. Thường thì thanh niên Chăm theo học tại gia, tìm một vị trí thức nào đó, gọi là *gru* rồi theo thầy học chữ (*tuei gru magru akhar*). Khi *gru* nhận đệ tử (*anâk séh*) thì thường cho tiến hành lễ nhập môn đơn giản, có rượu trứng và trâu cau để khấn vái các vị *gru* đã khuất xin trợ lực cho việc học hành có kết quả. Thực ra, việc học chữ Chăm không khó lắm. Nếu học viên tiếp thu chậm có lẽ tại do các *gru* còn truyền dạy theo lối xưa vừa rườm rà vừa thiếu phương pháp rõ ràng.

Qua các điều trình bày trên đây, chúng ta nhận thấy rằng ngôn ngữ Chăm thời đó hội đủ điều kiện khách quan và chủ quan để làm tiền đề phát triển, một sự phát triển tự nhiên bởi tình hình văn hóa xã hội thực tiễn.

Sau cùng, Lưu Quang Sang kết luận rằng, dưới thời Tri Huyện Dương Tấn Phát «*Akhar Thrah* Chăm vẫn giữ nguyên nội dung hình thái truyền thống của nó, có nghĩa là chưa có sự sửa đổi gì dù là nhỏ nhất», một loại chữ viết Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay.

4. Sự chỉnh lý Akhar Thrah Chăm qua các giai đoạn

Thành Phú Bá

(Cựu Quản Đốc Trường Trung Học An Phước Chăm)

Dưới thời Pháp thuộc cho đến năm 1950, các công văn của chính quyền hoặc đơn từ công dân trình báo lên cấp trên đều viết bằng *akhar thrah* cổ truyền. Ở trường học từ lớp 1 đến lớp 2 có dạy chữ *akhar thrah* Chăm kèm với chương trình Pháp ngữ.

Lối dạy chữ Chăm lúc bấy giờ theo phương pháp truyền thống. Đầu tiên, thầy bắt học sinh học thuộc bảng mẫu tự *akhar thrah* bằng cách đọc đi đọc lại nhiều lần với

thanh điệu như ngâm một bài thơ. Khi chữ cái đã thuộc lòng rồi, thầy lấy tên 12 con giáp ra dạy cho học sinh đánh vần. Lối đánh vần rất lê thê, dài dòng mang âm điệu như một bài tụng thích thú.

Theo truyền thống, học sinh đánh vần thông suốt tên 12 con giáp là đã có trình độ căn bản đọc và viết được tiếng Chăm. Vì rằng tên 12 con giáp gồm gần đủ các phụ âm, nguyên âm và nhị trùng âm trong hệ thống cấu trúc *akhar thrah* Chăm truyền thống.

Sau năm 1954, chữ Pháp và chữ Chăm không còn dạy trong các trường tiểu học vùng Chăm nữa. Năm 1963 đánh dấu sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm. Nhân dân Chăm gửi kiến nghị lên chính phủ mới xin dạy chữ Chăm kèm với chương trình Việt ngữ. Tháng 8 năm 1964, Bộ Giáo Dục Việt Nam Cộng hòa chấp thuận cho dạy mỗi tuần 3 tiết chữ Chăm trong các trường tiểu học.

Vào dịp nghỉ hè năm đó, Ty Tiểu Học Ninh Thuận triệu tập hơn 30 giáo viên Chăm về tại thị xã Phan Rang lập thành Ban Soạn Thảo Giáo Trình Dạy Chữ Chăm cho niên học đầu tiên 1964-1965. Ban Soạn Thảo Giáo Trình do Thiên Sanh Cảnh làm trưởng ban, Lâm gia Tịnh làm phó ban và Thành Phú Bá làm thư ký. Sau một tháng làm việc khẩn trương, Ban Soạn Thảo Giáo Trình đã hoàn tất biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Chăm từ lớp 1 đến lớp 3

Trước khi biên soạn sách, Ban Soạn Thảo Giáo Trình Dạy Chữ Chăm đã tổ chức một buổi hội thảo tại quận An Phước. Sau phiên họp, hội thảo đã chấp nhận chuẩn hóa “nét viết” của 5 phụ âm quá gần gũi với nhau mà thôi, đó là: Chữ Kha và Nya; Chữ La và Ga ; Chữ Ba và Dha ; Chữ Pa praong và Da ; Chữ Sa praong và Pa .

Về dấu âm, hội thảo chỉ chỉnh lý âm “Im” bằng ký hiệu *tut takai māk lingiw*. Thí dụ *nyim* “mượn”, *dalim* “trái lựu”, v.v.

Ở đây cũng cần nói rõ, trong lần chỉnh lý đầu tiên này vào năm 1964, Ban Soạn Thảo Giáo Trình Dạy Chữ Chăm chỉ chú ý đến việc điều chỉnh “nét viết” của 5 phụ

âm cho dễ phân biệt mà thôi. Còn việc cấu trúc âm vần chữ Chăm, qui luật chính tả, Ban Soạn Thảo Giáo Trình Dạy Chữ Chăm vẫn giữ nguyên như *akhar thrah* Chăm truyền thống.

Đến năm 1978, *akhar thrah* Chăm gặp phải sự chỉnh lý lần thứ hai bởi Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC). Qua cuộc chỉnh lý này, BBSSCC đã cải biến hay thêm bớt một số ký hiệu trong chữ viết *akhar thrah* dựa trên lý thuyết là để con em Chăm học dễ dàng hơn. Chính vì thế, *akhar thrah* cải tiến của BBSSCC đã đưa đến sự tranh cãi trong cộng đồng Chăm. Một số người thì ủng hộ sự cải biên của BBSSCC. Ngược lại, các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và nhà nghiên cứu Chăm không chấp nhận sự cải biến chữ Chăm của BBSSCC. Vì họ không muốn thay đổi qui luật cũ của *akhar thrah* Chăm đã có từ lâu đời và họ vẫn tiếp tục sử dụng *akhar thrah* truyền thống trong cuộc sống hàng ngày của họ.

Theo Thành Phú Bá, công trình chỉnh lý *akhar thrah* truyền thống của BBSSCC được đánh giá là hợp lý để giúp cho học sinh học chữ Chăm nhanh chóng và dễ dàng. Nhưng tiếc thay, trong cuộc chỉnh lý này, BBSSCC không tôn trọng một số qui luật của hệ thống chữ viết Chăm, đó là xóa bỏ các trường hợp bất qui tắc của *akhar thrah* Chăm mà người học phải chấp nhận học thuộc lòng để thay vào đó những ký hiệu “mới” không liên hệ gì đến nguồn gốc lịch sử lâu đời của chữ viết Chăm. Chính vì thế, những con em Chăm học *akhar thrah* cải tiến của BBSSCC không đọc được văn bản *akhar thrah* do các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và cha mẹ của họ đang sử dụng hôm nay.

Như một quy luật tất yếu, nếu không tiếp cận được với ngôn ngữ chữ viết của dân tộc thì giới trẻ học chữ Chăm cải tiến của BBSSCC sẽ không còn tiếp thu di sản văn hóa vô cùng quý báu do bậc tiền nhân Chăm để lại.

5. Ngôn ngữ chữ viết dùng trong cộng đồng chức sắc Chăm Ahiér

Quảng Văn Đại
(Chức sắc Chăm Ahiér)

Nói đến di sản văn hóa, thì phải nói đến *akhar thrah* Chăm mà các thành phần chức sắc cũng như số bộ lão hiện còn lưu giữ và truyền đạt cho đến ngày hôm nay.

Dân tộc Chăm không có trường để dạy chữ Chăm. Thành vậy, các chức sắc Ahiér muốn biết chữ Chăm thì phải tự tìm thầy để học. Nhưng ông thầy chỉ nhận vài người thật tin cậy hoặc con cháu trong nhà. Đầu tiên thầy cho học thuộc lòng toàn bộ *inâ akhar* (chữ cái) cũng như các dấu và tập viết. Sau đó, thầy cho tập đánh vần 12 con giáp. Khi đã thuộc cách đánh vần 12 con giáp rồi, thì thầy chỉ cho đọc và học thuộc lòng vài câu trong bài *ariya* ngắn. Tiếp theo thầy cho đọc một vài trang *ariya*, rồi đọc hết một bài *ariya* này thật nhiều lần.

Riêng về tu sĩ Basaih, thì qui luật học chữ Chăm có phần khác biệt hơn. Theo Quảng Văn Đại, một tu sĩ muốn lên chức Basaih thì phải thi hành lễ tục gọi là «lễ học chữ Chăm» trong lễ tục *ndung akaok basaih*. Đây là một nghi thức do Po Adhia làm chủ lễ. Sau khi các nghi thức cắt áo, *ricaov hacih rup*, mặc y phục, *pa-mbuak akaok* (bịt đầu) xong, phần tiếp theo là nghi thức học chữ Chăm.

Trong nghi lễ này, Po Adhia dùng phấn viết toàn bộ *ina akhar* (chữ cái) lên bảng đen, rồi cầm *gai* (cây que) chỉ lên từng *inâ akhar* (chữ cái) và phát âm từng chữ một. Sau đó ông *Basaih ndung akaok* lập theo 3 lần. Sau phần học chữ Chăm trong lễ tục theo phong tục thì ban đêm *Basaih ndung akaok* thường đến nhà Po Gru để tiếp tục học chữ Chăm mà cách học hoàn toàn dựa vào hệ thống cổ truyền đã nói ở trên.

Theo Quảng Văn Đại, các bậc tu sĩ luôn luôn xem *akhar thrah* Chăm là một di sản tinh thần, một phương tiện

thiên liêng để nối liền giữa chức sắc và thần linh. Chính vì thế, họ không bao giờ chấp nhận sửa đổi *akhar thrah* Chăm đã truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì *akhar thrah* Chăm là một di sản tâm linh. Thành vậy các bậc tu sĩ không bao giờ chấp nhận qui luật nói sao viết vậy trong *akhar thrah* Chăm; bỏ *dar tha* trong nhị trùng âm *craoh aw*; dùng *paoh gak* cho âm cuối như BBSSCC đã cải biến trong sách giáo trình dạy chữ Chăm cho con em Chăm hôm nay.

6. Ngôn ngữ chữ viết dùng trong cộng đồng Chăm Awal

Ts. Thành Phần
(Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn
TP. Hồ Chí Minh)

Cộng đồng người Chăm Awal là một trong những nhóm cộng đồng địa phương của tộc người Chăm hiện đang sinh sống tại Việt Nam ngày nay. Họ còn lưu giữ khá nhiều di sản văn hoá truyền thống mà tiêu biểu rõ nét nhất là những văn bản viết tay bằng văn tự *akhar thrah* còn gọi là chữ viết Chăm truyền thống.

Theo Ts. Thanh Phần, *akhar thrah* là chữ viết phổ thông mà người Chăm Awal vẫn còn sử dụng trong nhiều trường hợp như :

- Sao chép lại những tác phẩm văn
- Ghi chép các nghi lễ cổ truyền
- Sử dụng để viết thư cho người thân đã quá cố trong các *ndam padhi*
- Sử dụng để viết các đoạn đầu của Kinh Koran hoặc giải thích ý nghĩa kinh kệ
- Dùng *akhar thrah* để phiên âm Kinh Koran viết bằng *akhar bani* (chữ A Rập).
- Sử dụng trong văn bản hành chánh như làm biên bản hội họp, làm giấy vay mượn tiền, v.v. trước năm 1975.

Từ xưa đến nay, chủ nhân bảo tồn và phát triển ngôn ngữ chữ viết Chăm *akhar thrah* trong cộng đồng người Chăm Awal chủ yếu thuộc các giới chức sắc tầng lữ *acar*, *maduen*, *gru urang* và các giới bô lão. Chính vì *akhar thrah* là công cụ rất quan trọng trong việc giữ gìn, bảo tồn những tri thức truyền thống văn hoá và tín ngưỡng của dân tộc, cho nên những gì liên quan đến chữ viết, mực viết, giấy viết, đóng giấy, đóng bìa và đóng tập sách của *akhar thrah*, họ đều thực hiện rất cẩn thận, kỹ lưỡng và xem đây là bảo vật quý giá và linh thiêng.

Dù cho là giới tầng lữ *acar*, *maduen*, *gru urang* hay giới bô lão (gọi chung là *gru*) cho đến nay vẫn truyền dạy *akhar thrah* Chăm truyền thống cho thế hệ sau theo phương pháp cổ truyền. Về qui luật của hệ thống chữ viết, nguyên tắc đầu tiên là thầy giáo luôn luôn căn dặn học sinh rằng *akhar thrah* Chăm có một số trường hợp bất qui tắc buộc phải học thuộc lòng. Vì vậy, khi viết *akhar thrah* không được viết tùy tiện mà phải theo một khuôn mẫu nhất định. Do đó, trong khi giảng dạy, thầy giáo luôn luôn nhấn mạnh bốn điều quan trọng nhất sau đây:

- Khi viết *craoh aw* không được bỏ quên *dar tha*
- *Akhar thrah* không có *paoh gak*
- Khi viết chữ Po, phải dùng *pak praong*
- Phải viết *akhar thrah* theo đúng chính tả đã qui định trong văn bản *ariya*, *paoh catuei*, v.v.

Cũng nhờ tôn trọng 4 qui luật này mà hệ thống chữ viết *akhar thrah* trong cộng đồng Chăm Awal cho đến nay vẫn còn tuân thủ qui luật chính tả theo lối viết truyền thống một cách nghiêm ngặt, hoàn toàn khác biệt với chữ viết Chăm cải biên của BBSSCC.

7. Sự hình thành của Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm tỉnh Ninh Thuận

Nguyễn Văn Tỷ
(Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm)

Chính sách dân tộc của Đảng CSVN rất ưu ái đối với các dân tộc thiểu số nhằm mục đích nâng cao dân trí, cải tiến dân sinh của họ. Riêng về ngành giáo dục, chương trình phát huy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số là một trong những vấn đề lớn thuộc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà Nước. Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cũng có qui định ở điều 5: “Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói chữ viết giữ gìn và phát huy những phong tục tập quán và văn hóa tốt đẹp của mình”. Như vậy, chủ trương đưa chữ Chăm vào trường phổ thông để giảng dạy cho học sinh Chăm là đúng đắn và phù hợp với chính sách của Đảng và nguyện vọng của đồng bào dân tộc Chăm.

Sau giải phóng 1975, thường vụ tỉnh uỷ Thuận Hải (cũ), vì nghĩ đến việc thực hiện chính sách ngôn ngữ chữ viết dân tộc thiểu số của Đảng. Qua quyết định số 104/QĐUB ngày 23/5/1978 của UBND tỉnh Thuận Hải (cũ), Ban biên soạn sách Chăm được thành lập và được giao nhiệm vụ thực hiện việc biên soạn sách giáo khoa, chỉ đạo dạy học tiếng Chăm cho các con em Chăm và triển khai giảng dạy các lớp bổ túc văn hóa trong dân.

Để thực hiện tốt chủ trương trên, tỉnh Thuận Hải đã hình thành khung làm việc của BBSSCC với 18 chuyên viên biên chế chia làm 2 tổ: tổ chuyên môn phụ trách nghiên cứu và biên soạn bộ sách giáo khoa và tổ hành chánh quản trị. Vào năm 1990, biên chế cán bộ bị co lại, chỉ còn lại 12 người. Và hiện nay cả hai tổ chỉ còn 6 cán bộ biên chế và 1 cán bộ hợp đồng.

Sau ngày miền nam giải phóng, tỉnh Thuận Hải (cũ) là tỉnh đầu tiên đã thực hiện chính sách ngôn ngữ chữ viết

của Đảng và đã phát huy tác dụng một cách tốt đẹp. Từ 2 lớp học thí điểm với 82 học sinh và 2 giáo viên vào 1978, hiện nay chỉ nói riêng ở tỉnh Ninh Thuận có tất cả là 344 lớp tiểu học với 8804 học sinh Chăm và 69 giáo viên dạy chuyên.

8. Sự cải tiến về cách viết chữ Chăm của Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm tỉnh Ninh Thuận

Lộ Minh Trại
(Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm)

Sau những biến cố lịch sử, *akhar thrah* có nhiều thay đổi, có lúc tưởng chừng sẽ bị mất đi vĩnh viễn. Một trong những lí do rất đơn giản, đó là số người Chăm không biết chữ Chăm càng ngày càng tăng trưởng thêm. Hiện tượng này kéo dài mãi cho đến khi Ban biên soạn sách chữ Chăm (BBSSCC) được thành lập vào năm 1978.

Theo Lộ Minh Trại, sự hình thành BBSSCC là bước ngoặt mới về việc chuẩn hoá tiếng Chăm một cách hợp lý, có tổ chức dưới danh nghĩa của một cơ quan chuyên môn Nhà nước. Chữ Chăm dần dần được BBSSCC hệ thống hóa, chuẩn hoá và đi đến thống nhất một số vấn đề rất cơ bản về chữ cái Chăm, về âm vần. Từ đó Lộ Minh Trại kết luận rằng, chữ Chăm của BBSSCC về cơ bản là một ngôn ngữ chữ viết «ổn định».

Nhìn về nội dung, bài khảo luận của Lộ Minh Trại là bài viết hoàn toàn dựa trên cơ sở cải biến chữ Chăm do BBSSCC đề xuất vào năm 1978. Bài này có một điểm chính yếu đó tưởng chừng lại tại sao BBSSCC phải cải tiến cách viết chữ Chăm.

Theo BBSSCC, chữ viết của một ngôn ngữ phải đảm bảo hai yêu cầu cơ bản : Sự thống nhất và sự hợp lý trong cách viết. Chính vì thế, BBSSCC nhận thấy phải cải tiến một số âm vần bất hợp lý dựa vào qui luật sau đây.

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

- Nguyên tắc ngữ âm học : Một ký hiệu chỉ có một cách đọc, nghĩa là viết giống nhau thì phát âm như nhau.
- Tính cách thống nhất : Một chữ viết tuy không hợp lý nhưng viết thống nhất chắc chắn tốt hơn là chữ viết hợp lý nhưng không thống nhất.
- Tính cách thuận lợi : Chữ viết do con người đặt ra một cách có ý thức cho nên chuẩn về chữ viết thường do con người chuẩn một cách có ý thức.
- Phát âm chuẩn làm các căn cứ cho chính tả là dựa trên cơ sở phát âm của đồng bào Chăm vùng Thuận hải cũ (Ninh Thuận và Bình Thuận).
- Phải tôn trọng đặc điểm tiếng và chữ Chăm, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển của nó. Qui tắc cách viết càng đơn giản càng tốt.

Dựa vào trên 5 vấn đề trên, BBSSCC đưa ra quyết định cải tiến *akhar thrah* Chăm bằng cách chế biến *paoh gak* ở hậu tố, bỏ *dar tha* trong *craoh aw*, thêm *baluw* vào *dar tha dar dua*, v.v.

Đứng trên phương diện logic giảng dạy, Lộ Minh Trại cho rằng sự cải biến của BBSSCC rất là khoa học, đã đưa chữ viết Chăm đến qui luật ổn định và rất thích nghi để cho con em Chăm học chữ Chăm nhanh hơn. Đa số đại biểu trong hội thảo không tán thành quan điểm này. Vì Lộ Minh Trại không đưa ra bằng chứng khoa học nào để bảo vệ quan điểm trên và cũng không nêu ra được lời giải thích nào để cho biết sự cải biến chữ Chăm của BBSSCC có phù hợp với qui luật *akhar thrah* Chăm hay không?. Vì từ lúc BBSSCC đang cải biên *akhar thrah* Chăm cho đến ngày hôm nay, các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và các nhà nghiên cứu Chăm ở Việt Nam vẫn tiếp tục truyền bá và sử dụng *akhar thrah* truyền thống trong cuộc sống hàng ngày của họ mà không cần đến chữ viết của BBSSCC. Bằng chứng, hàng ngàn tác phẩm trong kho tàng văn học của người Chăm còn lưu hành trong thôn xóm ngày nay là được viết bằng bằng *akhar thrah* Chăm truyền thống; tập san Tagalau của nhóm người

Chăm ở Việt Nam vẫn viết theo *akhar thrah* truyền thống; đặc biệt là Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm Ninh Thuận, một cơ quan nhà nước Việt Nam hiện hành cũng đang bảo tồn di sản chữ viết *akhar thrah* truyền thống này.

Bài khảo luận của Lộ Minh Trại chỉ là bản báo cáo liên quan đến quan điểm riêng tư của một nhóm người trong BBSSCC về sự cải biên chữ viết Chăm, chứ không phải bài phân tích khoa học khách quan về ưu và khuyết điểm của chương trình cải biên này, hay đặt lại vấn đề một cách nghiêm túc thế nào là mục tiêu giáo dục của BBSSCC. Qua bài khảo luận này, Lộ Minh Trại chưa nhận ra những ưu khuyết trong giáo trình của BBSSCC mà nhiều đại biểu đã đóng góp ý kiến hầu phục vụ tốt hơn sự nghiệp giáo dục con em của dân tộc Chăm.

Sau cùng, Lộ Minh Trại đã chấp nhận quan điểm của đa số đại biểu đưa ra (xem biên bản của hội thảo), đó là:

– *Akhar thrah* Chăm lưu hành từ thế kỷ thứ 17 cho đến hôm nay không phải là chữ viết cổ mà là chữ viết phổ thông có qui luật rất ổn định và có hệ thống vững chắc. *Akhar thrah* Chăm không bao giờ có *paoh gak*, *craoh aw* luôn luôn phải có *dar tha* và không bao giờ có *baluw* trên *dar tha-dar dua* như BBSSCC đề nghị cải biên.

– Như bất cứ ngôn ngữ nào trên thế giới, *Akhar thrah* Chăm có quy tắc và bất qui tắc riêng mà người học phải chấp nhận. Vì đây là di sản văn hóa thiêng liêng của một dân tộc cho nên không ai có quyền sửa đổi hoặc cải biến để phục vụ quan điểm riêng tư của tổ chức mình.

9. Vấn đề cải biến một số chữ viết Chăm

Thuận Ngọc Liêm
(Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm)

Để được thuận lợi trong việc giảng dạy, Thuận Ngọc Liêm cho rằng : BBSSCC đã cải biến một số chữ viết Chăm nhằm đưa ngôn ngữ chữ viết Chăm vào dạy trong nhà trường cho con em người Chăm ở bậc tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5 không quá khó, hầu giúp các em nghe, nói đọc, viết chữ Chăm chuẩn xác hơn, thành thạo hơn.

Bài khảo luận của Thuận Ngọc Liêm tập trung 3 điểm xung quanh về

- Tại sao chữ Chăm của BBSSCC phải có *paoh gak*
- Tại sao BBSSCC chế biến qui luật mới cho *baluw*
- Trường hợp nào *craoh aw* có *dar tha* và trường hợp nào *craoh aw* không có *dar tha*

Thuận Ngọc Liêm chỉ nêu ra 3 vấn đề cải biến chữ Chăm của BBSSCC nhưng không đủ bằng chứng khoa học để chứng minh nhằm kết luận rằng lý thuyết chuẩn hóa của BBSSCC có hợp tình hợp lý hay không. Tóm lại, bài khảo luận của Thuận Ngọc Liêm chỉ là bản báo cáo liên quan đến công việc chuẩn hóa chữ viết Chăm của nhóm BBSSCC mà thôi.

Theo Thuận Ngọc Liêm, chuẩn hóa chữ Chăm theo cách của BBSSCC nhằm giúp con em Chăm học dễ dàng hơn. Đa số đại biểu không đồng tình với quan điểm này. Vì Thuận Ngọc Liêm đã quên rằng, tất cả con em Chăm từ xa xưa đến 1975 đều học được *akhar thrah* Chăm truyền thống mà không cần sự cải biến. Tại sao con em Chăm hôm nay không còn thông minh để học chữ viết truyền thống của họ. Có chăng BBSSCC đã chọn cho họ một giáo trình giảng dạy sai lầm để rồi BBSSCC lại đổ lỗi cho thế hệ con em Chăm

hiện nay là không thể tiếp thu một số trường hợp bất qui tắc trong *akhar thrah* truyền thống của họ. Đây là vấn đề chính yếu mà tác giả cần phải đặt ra và BBSSCC phải chịu trách nhiệm, chứ không nên đổ lỗi cho các em học sinh ngây thơ.

Trong phần kết luận, tác giả cho rằng, ngôn ngữ chữ viết là di sản quý báu của dân tộc mà ông cha ta đã có công gìn giữ hàng chục thế kỷ qua. Hôm nay chúng ta phải có trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ di sản quý báu ấy bằng mọi hình thức, nhằm tránh mất mát hoặc mai một trong tương lai. Đây là phần kết luận hoàn toàn mâu thuẫn. Vì một mặt thì kêu gọi dân tộc Chăm phải có trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ di sản quý báu của chữ viết truyền thống Chăm nhưng một mặt Thuận Văn Liêm lại hoan hô sự cải biến chữ viết Chăm của BBSSCC là đúng đắn.

10. Kinh nghiệm người nước ngoài học Akhar Thrah Chăm

Ts. Shiné Toshihiko
(Tokyo University of Foreign Studies, Nhật Bản)

Ts. Shiné Toshihiko là nhà nghiên cứu của trường Đại Học Ngoại Ngữ Tokyo, Nhật Bản. Tác giả cho biết vào 1992 và 1993 là hai năm mà ông ta dành thời gian để học chữ Chăm với Ts. Thành Phần ở TP. Hồ Chí Minh. Mục tiêu của ông ta là học chữ Chăm để đọc được văn bản lịch sử liên quan đến giai đoạn cuối cùng của vương quốc Paduranga Champa.

Nhằm thực hiện mục tiêu này, Ts. Thành Phần đã dạy cho Shiné *akhar thrah* truyền thống, chứ không phải *akhar thrah* Chăm cải biến của BBSSCC. Khởi đầu học chữ Chăm là học các phụ âm, nguyên âm và nhị trùng âm sau đó học cách ráp vần.

Giai đoạn thứ hai là Ts. Shiné tập đọc ngay tác phẩm chữ Chăm truyền thống mang tên *sakkarai dak rai patao* (Biên Niên Sử Chăm) và dùng tự điển G. Moussay để tra nghĩa. Sau đó Shiné tiếp tục đọc các văn bản khác như *Ariya Tuen Phaow*, *Damnây Po Tang Haok*, v.v.

Nhờ học chữ Chăm theo cách học truyền thống, cho nên Ts. Shinne đã đọc được văn bản Chăm *akhar thrah* và khi đến Mã Lai để nghiên cứu tài liệu hoàng gia Champa viết bằng *akhar thrah*, Ts. Shiné tự cảm thấy rất thoải mái để đọc văn bản này mặc dù cảm thấy mình còn kém hơn so với cô Sử Thị Thu Trang, Báo Thị Hoa và anh Nicolas Weber, những người do Viện Viễn Đông Pháp đào tạo học tiếng Chăm trực tiếp tại Kuala Lumpur.

Đây cũng là vấn đề đáng đưa ra để suy nghĩ: Tại sao sinh viên học chữ Chăm ở BBSSCC không đọc thông thạo *akhar thrah* Chăm như Ts. Shinne và sinh viên do Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp đào tạo? Sự khác biệt này có chăng phát xuất từ phương pháp giảng dạy tiếng Chăm của BBSSCC không đạt được chất lượng cao?

11. Học chữ Chăm Akhar Thrah qua chương trình của Ban Biên Soạn và Trường Viễn Đông Pháp

Sử Thị Thu Trang
(Sinh viên Đại Học Malaya, Mã Lai)

Sử Thị Thu Trang là sinh viên du học tại Đại Học Malaya, Mã Lai trong chương trình của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) ở Kuala Lumpur. Cô ta vừa đi học vừa làm việc bán thời gian cho Trường Viễn Đông này, đặc trách đọc và đưa vào máy vi tính những văn bản viết bằng *akhar thrah* Chăm lưu trữ trong thư viện của Cộng Hòa Pháp.

Trước khi sang Malaysia, Sử Thị Thu Trang từng là học viên học chữ Chăm qua giáo trình BBSSCC nhưng không đọc được *akhar thrah* Chăm truyền thống. Khi sang

Mã Lai du học, để đọc được văn bản Chăm *akhar thrah* trong việc sưu tầm tư liệu làm luận án, cô ta phải đăng ký học lại chữ Chăm tại Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Kuala Lumpur. Nhân dịp hội thảo này, cô Trang trình bày lại những ưu và khuyết điểm giữa hai giáo trình trên.

1. Chương trình dạy tiếng Chăm của BBSSCC

Hàng năm vào hè tháng 7, BBSSCC mở lớp dạy tiếng Chăm cơ bản cho những người có nhu cầu học tiếng Chăm. Cô Trang là học sinh theo học giáo trình của lớp hè này và được bằng khen của BBSSCC là học sinh giỏi trong lớp.

Mang danh là học sinh giỏi của BBSSCC nhưng cô Trang không thể đọc nổi một văn bản chữ Chăm do gia đình cô ta viết bằng chữ Chăm truyền thống. Chính vì thế, ông nội cô ta rất buồn và nói lên một câu vừa khôi hài vừa châm biếm : «*amaik muk kei hâ, mbeng cak brah cak padai nao bac akhar Cam BBS blaoh mai puec akhar di truh o*» (Tổn tiền tổn gạo để đi học tiếng Chăm BBSSCC nhưng lại không đọc nổi một dòng tiếng Chăm truyền thống).

Cô Trang cho biết, cô không đọc được văn bản *akhar thrah* Chăm là vì BBSSCC dạy cô ta một loại chữ Chăm cải biến hoàn toàn khác với *akhar thrah* Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, chức sắc, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay.

2. Chương trình dạy tiếng Chăm của EFEO

Năm 2001, cô Trang có nhận thông tin được sang Mã Lai du học trong chương trình của Trường Viễn Đông Pháp, với điều kiện là cô ta phải biết đọc 5 trang đầu của tác phẩm văn chương *Akayet Dowa Mano*. Một lần nữa cô Trang lại thất vọng và bất lực. Nhưng vì quyết tâm đi du học, cô ta phải nhờ các cụ già dạy lại cách đọc 5 trang đầu của tác phẩm *Akayet Dowa Mano*.

Sang Mã Lai du học, cô ta cũng không đọc nổi một trang chữ Chăm khác của EFEO đưa ra. Chính vì lí do này, EEFO yêu cầu cô ta phải học lại *akhar thrah* Chăm theo hệ thống EFEO. Là một học sinh giỏi chữ Chăm của BBSSCC, cô ta trở thành một người “mù chữ” Chăm truyền thống để rồi EEFO phải đào tạo cô ta lại.

Trung tâm EFEO tại Kuala Lumpur là một viện chuyên nghiên cứu về lịch sử và nền văn minh Champa và các nước Mã Lai-Đa Đảo, trong đó có phần nghiên cứu về văn bản *akhar thrah* Chăm truyền thống. Ưu điểm của giáo trình dạy tiếng Chăm của EFEO là ở mục tiêu và phương pháp giảng dạy.

a. Mục tiêu

Hoàn toàn khác biệt với BBSSCC, chương trình của EFEO có một mục tiêu duy nhất là đào tạo người học chữ Chăm phải biết đọc và biết viết *akhar thrah* mà các bậc tu sĩ, chức sắc, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay. Nếu đọc được *akhar thrah* này, người học có thể đọc bất cứ văn bản *akhar thrah* nào dù viết vào thế kỷ thứ 17 dưới thời Po Romé. Kinh nghiệm của cô Trang là thí dụ điển hình.

b. Phương pháp

Phương pháp của EFEO rất là khoa học, đơn giản và chính xác. Chỉ cần khoảng 4 tuần lễ, giáo trình của EFEO giúp học sinh có thể đọc được văn bản *akhar thrah* Chăm truyền thống. Giáo trình chia làm 6 giai đoạn như sau :

Giai đoạn 1: phát âm chữ cái. Giai đoạn 2: Học kí tự của *akhar thrah* Chăm tương đồng với ký tự Latinh. Giai đoạn 3: Học ráp vần. Giai đoạn 4: Học những trường hợp bất qui tắc trong chữ viết Chăm. Giai đoạn 5: Tập đọc văn bản viết tay như tác phẩm *Akayet Dewa Mamo, Dalukal Cei Balaok La-u*, v.v. Giai đoạn 6. Học từ vựng Chăm và qui luật chính tả trong tự điển Chăm-Việt của G. Moussay. Năm vững từ vựng Chăm trong tự điển Moussay đã giúp học sinh có cơ sở để hiểu nội dung văn bản *akhar Cham* dù là tác

phẩm văn học hay hồ sơ hành chánh, v.v.

Theo cô Trang, việc dạy chữ Chăm đòi hỏi người soạn giáo trình phải có tầm hiểu biết nhất định về lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Chăm; phải có ý thức tôn trọng nghiêm ngặt di sản ngôn ngữ chữ viết của dân tộc Chăm, nhất là phải tôn trọng triệt để những trường hợp bất qui tắc trong ngôn ngữ này. Mọi sự cải biên, sửa chữa ngôn ngữ và chữ viết không có cơ sở khoa học sẽ đưa đến một hậu quả nghiêm trọng không những cho người soạn giáo trình mà còn cả cho cả người dạy và người học mà bản thân cô Trang là một bằng chứng.

12. Chung quanh vấn đề sự chỉnh lý tiếng Chăm sau 1978

Dominique Nguyen
(Chương Trình Thế giới Mã Lai)

Sau năm 1975, ngôn ngữ chữ viết *akhar thrah* bước vào một giai đoạn mới, đó là *akhar thrah* dùng trong giáo trình dạy tiếng Chăm của Ban biên soạn sách chữ Chăm (BBSSCC). Phải nói rằng, sách giáo trình này là công trình đồ sộ. Đây là việc làm đáng trân trọng mà không ai có quyền phủ nhận. Tuy nhiên bên cạnh đó, BBSSCC đã vấp phải một số sai lầm cơ bản về cấu trúc chữ viết tiếng Chăm mà Dominique Nguyen muốn phân tích. Bài phân tích này, Dominique Nguyen dựa trên văn bản của BBSSCC tự đưa ra với tựa đề: «Sự Cải Tiến Về Cách Viết Chữ Chăm Của Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm» ra đời vào tháng 8 năm 1995.

Trong nội dung văn bản này, BBSSCC đưa ra lý thuyết rằng:

- chữ viết của một ngôn ngữ phải đảm bảo hai yêu cầu cơ bản, đó là sự thống nhất và sự hợp lý trong cách viết.
- chuẩn hóa cách viết chữ Chăm dựa trên qui luật: một ký hiệu chỉ có một cách đọc.

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

– chữ viết do con người đặt ra một cách có ý thức cho nên chuẩn về chữ viết thường do con người chuẩn một cách có ý thức.

– quy tắc cách viết chữ Chăm càng đơn giản càng tốt.

Để áp dụng lý thuyết này, BBSSCC đưa ra quyết định cải tiến chữ Chăm. Trong hàng loạt công thức cải tiến này, 3 trường hợp cải tiến sau đây đã biến *akhar thrah* Chăm thành một chữ viết «**lai căng**», hoàn toàn ngược lại với qui luật ngôn ngữ chữ viết Chăm truyền thống, đó là:

– xóa bỏ *dar tha* trong *craoh aw*

– chế biến qui luật mới cho *baluw* trên *dar tha dar dua*

– chế biến *paoh gak* ở âm cuối.

Theo D. Nguyen, sự cải tiến 3 yếu tố quan trọng này của BBSSCC là một quyết định sai lầm, không có cơ sở khoa học. Sự sai lầm phát xuất từ một nguyên nhân chính đáng đó là BBSSCC áp dụng qui luật tiếng Việt «một ký hiệu chỉ có một cách đọc» vào hệ thống ngôn ngữ chữ viết Chăm. Tiếc rằng chữ viết Chăm không có qui luật giống như tiếng Việt, vì tiếng Chăm là ngôn ngữ đa âm tiết nên “một kí hiệu có nhiều cách đọc”. Một từ vựng Chăm có thể phát âm ba lần khác nhau và có ba nghĩa khác nhau, như trường hợp sau đây là bằng chứng :

ꨀꨣ	ꨀꨣꨀꨣꨀꨣꨀꨣ	ꨀꨣꨀꨣꨀꨣ	ꨀꨣꨀꨣꨀꨣ
Urang	<i>palei caok</i>	<i>gem caok</i>	<i>gem caok</i>
Người	thôn Hiếu Lễ	vừa khóc	vừa bóc

Chữ viết Chăm, cũng như các chữ viết của dân tộc khác, có một số trường hợp bất qui tắc mà người học phải chấp nhận, không quyền đưa ra ý kiến tại sao. *Palei caok gem caok gem caok* là trường hợp bất qui tắc mà dân tộc

Chăm đã chấp nhận hơn 4 thế kỷ qua. Chính vì thế BBSSCC không có quyền chế biến *paoh gak* và lược bỏ *dar tha* trong *craoh aw* để đưa chữ viết Chăm vào qui luật «một ký hiệu chỉ có một cách đọc» của tiếng Việt được.

Bên cạnh sai lầm về qui luật «một ký hiệu chỉ có một cách đọc», BBSSCC còn vấp phải sai lầm về phong cách làm việc không nghiêm túc hoàn toàn đi ngược lại với qui ước mà BBSSCC đã đưa ra: «sự thống nhất và sự hợp lý trong cách viết». Trong một thí dụ, BBSSCC chỉ đưa ra một câu gồm 8 từ vựng để biện minh cho qui luật chỉnh lý chữ viết Chăm của mình nhưng đã viết sai đến 3 lỗi chính tả. Sau đây là bằng chứng:

𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫
sa drei akaok ndem di akaok kabao akaok
một con cò đậu trên đầu con trâu trắng

BBSSCC đã vấp phải 3 lỗi chính tả, đó là: 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 *akaok* (con cò) phải viết đúng chính tả là 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 *kaok*, 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 *kabao* (con trâu) phải viết đúng chính tả là 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 *kabaw*, 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 *akaok* (màu trắng) phải viết đúng chính tả là 𑜏𑜢𑜤𑜂𑜫 *kaok*

Sự sai lầm trong thí dụ nêu trên đã cho thấy phong cách làm việc không nghiêm túc của BBSSCC. Chính vì thế, bà con Chăm vô cùng hoang mang và lo lắng, vì không biết số phận Ngôn ngữ và Chữ viết Chăm sẽ đưa về đâu nếu BBSSCC không kịp thời thức tỉnh.

Để biện luận cho sự chỉnh lý ngôn ngữ chữ viết Chăm, BBSSCC còn lặp đi lặp lại nhiều lần «tính khoa học» trong sách giáo trình của mình. Nếu cho rằng sách giáo trình của BBSSCC «có cấu trúc rất khoa học» thì BBSSCC không bao giờ chế biến *paoh gak* cho chữ viết Chăm, tự xóa bỏ *dar tha* trong *craoh aw* và dùng *baluw* một cách tùy tiện, để rồi biến ngôn ngữ chữ viết này thành một loại *akhar thrah* hoàn toàn mới lạ so với *akhar thrah* truyền thống mà các tu

sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay. Sự cải biến này không khác gì BBSSCC yêu cầu bỏ dấu ngã trong tiếng Việt chỉ giữ lại dấu hỏi thôi, bỏ phụ âm k chỉ giữ phụ âm c (vì đọc như nhau) để cho con em Chăm học dễ dàng hơn.

Theo D. Nguyen, sự cải tiến chữ viết Chăm là một công trình quá đồ sộ và quá to lớn, đòi hỏi phương cách làm việc vô cùng nghiêm túc, tập trung những nhà chuyên gia thật sự về ngôn ngữ chữ viết Chăm và cần có sự tham gia đồng đạo các chức sắc Ahier-Awal hiện đang sử dụng *akhar thrah* này thì mới có thể đưa công trình cải tiến chữ Chăm «đảm bảo tính thống nhất và tính khoa học» mà BBSSCC đề ra. Nếu không, việc «cải tiến» tiếng Chăm của BBSSCC trở thành công tác «**chế biến**» tiếng Chăm theo cách suy nghĩ riêng tư của tổ chức này.

Cuối cùng, D. Nguyen chỉ mong rằng sự cải biến viết chữ Chăm của BBSSCC phải phù hợp và thích nghi với qui luật *akhar thrah* Chăm mà các chức sắc, bô lão và đại đa số người Chăm còn đang sử dụng hôm nay. Vì rằng ngôn ngữ chữ viết Chăm là di sản thiêng liêng của một dân tộc, cho nên BBSSCC phải tìm cách bảo tồn hơn là «cải biến» di sản này. Cải biên để con em Chăm học nhanh chóng hơn để rồi họ không đọc được chữ *akhar thrah* truyền thống của họ thì sự cải biên đó cũng là vô dụng.

Được biết, chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam đề ra là BBSSCC phải đào tạo con em Chăm để họ đọc được văn bản tiếng Chăm của cha mẹ họ viết nhằm để bảo tồn và phát huy di sản ngôn ngữ và chữ viết truyền thống của dân tộc Chăm, chứ không phải buộc BBSSCC phải «chỉnh lý», «cải tiến», «chuẩn hóa» hay «chế biến» chữ viết Chăm để mà gây ra hậu quả như hôm nay.

13. Akhar Thrah với việc cải tiến của Ban Biên Soạn Sách chữ Chăm

Ts. Phú Văn Hãn
(Viện Khoa Học Xã Hội Vùng Nam Bộ)

Trước năm 1975 *akhar thrah* được dạy và học ở từng nhóm nhỏ thuộc cộng đồng Chăm tại các địa phương. Từ năm 1978, sau khi hình thành Ban biên soạn sách chữ Chăm (BBSSCC), cơ quan này có trách nhiệm biên soạn và tổ chức giảng dạy *akhar thrah* cho con em người Chăm từ lớp 1 đến lớp 5.

Akhar thrah Chăm vốn là di sản văn hóa độc đáo nhất trong kho tàng văn hóa dân tộc Chăm hiện nay đang có những ứng xử chưa thật phù hợp, cần được phân tích làm rõ. Chuyên luận của Ts. Phú Văn Hãn nhằm trình bày các ý kiến liên quan đến việc cải tiến *akhar thrah* của BBSSCC.

Theo Ts. Phú Văn Hãn, việc thành lập BBSSCC là một chính sách đúng đắn của Việt Nam dành cho người Chăm nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa chữ viết của dân tộc, tạo điều kiện để con em người Chăm đọc thông thạo các văn bản *akhar thrah* Chăm còn lưu lại hay thư từ *akhar thrah* mà cha mẹ của họ đang viết hôm nay. Tiếc rằng, việc cải tiến cách viết chữ Chăm của BBSSCC đã làm chệch mục tiêu bảo tồn và phát huy vốn văn hoá dân tộc, làm cho con em học giáo trình của BBSSCC không thể đọc và hiểu văn bản viết bằng *akhar thrah* do cộng đồng người Chăm đang sử dụng trong thôn xóm hôm nay.

Trước tiên, BBSSCC đặt ra nguyên tắc cho việc cải tiến *akhar thrah* dựa trên qui luật: «một ký hiệu chỉ có một cách đọc, nghĩa là viết giống nhau thì phát âm như nhau». Để áp dụng qui luật này, BBSSCC

- Lược bỏ *dar tha* trong *traoh aw*
- Chế biến *baluw* trên phụ âm có *dar tha dar dua*
- Đặt qui luật mới cho *takai kik tut takai mâk*

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

- Đặt qui luật mới cho *baluw*
- Chế tạo *paoh gak* ở âm cuối
- Qui định sử dụng chữ *pak praong* và *pak asit*

Đứng trên phương diện ngôn ngữ học, Ts. Phú Văn Hãn phân tích rằng sự chỉnh lý của BBSSCC hoàn toàn không có cơ sở khoa học. *Akhar thrah* Chăm là một loại chữ viết truyền thống được đánh giá là đã ổn định từ nhiều thế kỷ trước. Việc dạy học chữ Chăm của BBSSCC hiện nay cũng không ngoài mục tiêu là duy trì vốn chữ viết Chăm truyền thống của dân tộc, đồng thời giúp con em Chăm thời nay có thể đọc và hiểu được những tác phẩm *akhar thrah* từ xưa còn lưu hành cho đến hôm nay cũng như văn bản *akhar thrah* mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng. Nó có giá trị không thua kém như người học chữ Việt đọc và hiểu văn bản viết bằng tiếng Việt.

Theo Ts. Phú Văn Hãn, chữ viết là kí hiệu để ghi âm tiếng nói. Và ai cũng biết, tiếng nói luôn luôn thay đổi trong không gian và thời gian – đó là qui luật tự nhiên của ngôn ngữ, nhưng chữ viết luôn luôn «**cố định**». *Akhar thrah* Chăm là chữ viết. Chính vì thế nó phải «**cố định**», có nghĩa là không ai có quyền sửa đổi mà không có một nguyên nhân chính đáng.

BBSSCC cho rằng *akhar thrah* Chăm có một số trường hợp bất qui tắc, thành vậy phải chuẩn hóa thành hệ thống, có qui tắc để con em Chăm dễ học hơn. Đây là lý luận không cơ sở khoa học và cũng không dựa vào qui luật ngôn ngữ. Cũng như bất cứ ngôn ngữ nào, cả tiếng Việt (trường hợp dấu hỏi, dấu ngã là một bằng chứng), *akhar thrah* Chăm cũng có nhiều trường hợp bất qui tắc mà toàn dân tộc Chăm chỉ biết chấp nhận và học thuộc lòng trong suốt 4 kỉ qua, không ai đề nghị sửa đổi và cũng không có ai than phiền là khó quá, là rườm rà quá. Chính vì thế người ta mới gọi *akhar thrah* này là một di sản thiêng liêng của dân tộc Chăm, cần được bảo tồn chứ không phải cải

biến nó.

Mỗi ngôn ngữ đều có những qui luật riêng đòi hỏi người biên giáo trình dạy ngôn ngữ đó phải am hiểu lịch sử ngôn ngữ và chữ viết thật sâu rộng và vững chắc. BBSSCC đã không tuân theo những quy luật ngôn ngữ nói chung, nhất là quy luật *akhar thrah* Chăm, mà chỉ say sưa cải biến và lược bỏ hay thêm bớt một số kí tự, đã làm xáo trộn hoàn toàn hệ thống *akhar thrah* của dân tộc Chăm, chia chữ viết Chăm thành hai loại: *Akhar thrah* mà hàng ngàn người Chăm như chức sắc Ahiér-Awal, bô lão Chăm đang sử dụng và *akhar thrah* cải biến của BBSSCC mà các em nhỏ học sinh đang học hôm nay.

Các ngôn ngữ đều có những qui tắc và bất qui tắc đòi hỏi người nghiên cứu phải hiểu và tìm các biện pháp giải mã để hiểu chứ không phải lược bỏ hoặc thêm bớt để dễ học như BBSSCC đã làm với *akhar thrah* của người Chăm. Bảo tồn nguyên vẹn hệ thống *akhar thrah* mà bậc tiền nhân đã để lại từ thời vua Po Romé đã hơn 4 thế kỉ qua đồng nghĩa với việc tôn trọng và bảo tồn di sản ngôn ngữ truyền thống người Chăm. Việc đó còn giúp các thế hệ tiếp theo của người Chăm có cơ hội tiếp cận thuận lợi với những tinh hoa trong kho tàng văn học của dân tộc của mình, hướng mục tiêu cuối cùng là đọc và hiểu đúng văn bản tiếng Chăm do người khác viết trong đó có kho tàng văn bản *akhar thrah* Chăm vẫn còn lưu trữ tại nhiều gia đình và làng xã Chăm từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Việc chuẩn hóa chữ viết Chăm của BBSSCC đã làm cho ngôn ngữ Chăm vốn có quy luật ổn định từ thế kỷ trước, trở thành một ngôn ngữ rắc rối, không theo một quy luật nào cả. Từ đó làm con em Chăm hay người Chăm học tiếng Chăm của BBSSCC không thể đọc được văn bản viết bằng *akhar thrah* Chăm truyền thống nữa.

Một khi không còn ai đọc được *akhar thrah* Chăm truyền thống nữa, kho tàng văn hóa Champa viết bằng *akhar thrah* có giá trị như văn học, lịch sử, tín ngưỡng, y

học, v.v, sẽ bị chôn vùi vào dĩ vãng. Thêm vào đó, BBSSCC, vì vô tình, tự hình thành một «đội ngũ Chăm mới» tập trung các người học *akhar thrah* cải biến của BBSSCC, để rồi tạo ra một khoảng cách trong cộng đồng người Chăm giữa hai thế hệ cụ già-giới trẻ, phát triển thêm mối rạn nứt giữa đội ngũ học chữ Chăm của BBSSCC và số người Chăm còn lại như các tu sĩ, bô lão và nhà nghiên cứu Chăm đang tiếp tục học và truyền bá *akhar thrah* truyền thống hiện nay. Sự lướt bớt, cải biên trong sách dạy tiếng Chăm của BBSSCC không làm giàu thêm cho ngôn ngữ và chữ viết dân tộc Chăm mà còn vô tình chôn vùi đi một di sản ngôn ngữ chữ viết *akhar thrah* truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc Chăm.

Ts. Phú Văn Hẩn hi vọng rằng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo sẽ có phương pháp thích hợp, có khoa học chỉ đạo, tạo điều kiện để BBSSCC nghiên cứu, tìm hiểu đầy đủ các giá trị *akhar thrah* truyền thống của người Chăm, chỉnh đốn lại những sai lệch trong giáo trình dạy tiếng Chăm này.

14. Giáo trình dạy chữ Chăm và hậu quả của việc cải biên ngôn ngữ và chữ viết của BBSSCC Ninh Thuận-Việt Nam

Sakaya

(Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chăm)

Ngôn ngữ chữ viết Chăm có một quá trình lịch sử lâu đời và tồn tại đến hôm nay đã hơn 16 thế kỉ. Vào năm 1978, sự xuất hiện một loại chữ Chăm mới gọi là chữ Chăm của Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC) do một nhóm nhỏ của trí thức Chăm thực hiện. Sự xuất hiện loại chữ Chăm mới này đã phân chia cộng đồng Chăm thành hai nhóm sử dụng hai loại chữ viết khác nhau và đối lập nhau : Một bộ phận giới trẻ học chữ Chăm mới của BBSSCC và một bộ phận khác là tu sĩ, chức sắc, bô lão, trí thức, nhà nghiên cứu Chăm vẫn tiếp tục sử dụng và truyền bá chữ viết

akhar thrah Chăm truyền thống, vì họ không chấp nhận chữ viết Chăm cải biến của BBSSCC. Đây là vấn đề thực tế, có nhiều mâu thuẫn mà đến đây vẫn còn tồn tại ở vùng Chăm, đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải xem xét một cách khoa học để có giải pháp thoả đáng.

Ai cũng biết, sau ngày ra đời vào năm 1978, BBSSCC ở Ninh Thuận đã có nhiều đóng góp đáng kể trong phong trào dạy tiếng Chăm ở Ninh-Bình Thuận. Trong gần 30 năm tồn tại, cơ quan này đã soạn nhiều giáo trình và sách đọc thêm cho học sinh học tiếng Chăm ở bậc tiểu học (từ lớp 1-5). Tiếc rằng giáo trình BBSSCC có nhiều bất cập và khác xa với *akhar thrah* Chăm truyền thống. Sự khác biệt này có mấy vấn đề sai lầm đáng chú ý nhất như sau :

1). Giáo trình của BBSSCC không tuân thủ nghiêm ngặt chữ viết truyền thống *akhar thrah* Chăm mà lại lược bỏ một số kí tự và thêm vào một số kí tự mới. Chẳng hạn lược bỏ *dar tha* trong *craoh aw* hay chế thêm *paoh gak* vào âm cuối và chế biến qui luật *baluw* một cách tùy tiện.

2). Giáo trình càng viết thì càng sai và sai theo cấp độ lớn dần. Trong giáo trình «Tiếng Chăm lớp 5», trong bài số 1 gồm có 4 trang, khoảng 500 từ, BBSSCC đã dùng gần 300 từ hoàn toàn khác hẳn với từ vựng của *akhar thrah* Chăm truyền thống. Ví dụ: *akhar thrah* viết 𑜀𑜂𑜆𑜫 *cam* (người Chăm), BBSSCC viết thành 𑜀𑜂𑜆𑜫 *cem*; 𑜀𑜂𑜆𑜫 *puec* (nói), BBSSCC viết thành 𑜀𑜂𑜆𑜫 *poc*, v.v.

3). Vấp phải quá nhiều lỗi chính tả. Thí dụ: từ 𑜀𑜂𑜆𑜫 *asit* «nhỏ» nhưng BBSSCC viết là 𑜀𑜂𑜆𑜫 *sit* ; từ 𑜀𑜂𑜆𑜫 *kayua* «bởi vì» nhưng BBSSCC viết là 𑜀𑜂𑜆𑜫 *yua*.

4). Giáo trình viết sai nhiều về từ vựng và ngữ nghĩa của từ. Thí dụ: từ 𑜀𑜂𑜆𑜫 *uyamân*, BBSSCC cho nghĩa là *thuw phor* «biết ơn». Tiếc rằng từ này có nghĩa là «mùi vị (ngọt ngào), dịu dàng, lời cuốn, quyến rũ, hài hoà, cân đối». Cũng cần

lưu ý, *thuw phor* là hai từ vưng quá thông thường mà BBSSCC cũng viết sai chính tả. Từ này phải viết là 𑜃𑜂𑜫𑜃𑜂𑜫 *thau phuol*. Từ 𑜃𑜂𑜫𑜃𑜂𑜫 *palai pajua* «uồng, nuối tiếc» nhưng BBSSCC viết là 𑜃𑜂𑜫 *lai jua* và cho nghĩa là «tàn sát». Từ này BBSSCC viết sai cả từ lẫn ngữ nghĩa.

5). Viết và dịch danh từ riêng một cách tùy tiện. Thí dụ: cụm danh từ «Đảng Cộng Sản Việt Nam», giáo trình BBSSCC không dịch nghĩa mà chỉ phiên ra chữ Chăm là 𑜃𑜂𑜫𑜃𑜂𑜫 (không biết 𑜃𑜂𑜫 “nda” ở đây là gì?). Tuy nhiên đến cụm danh từ «Xã hội chủ nghĩa», giáo trình BBSSCC lại dịch sang tiếng Chăm là *mul ba rapataom*. Tiếc rằng, cả trí thức người Chăm không hiểu cụm từ *mul ba rapataom* là gì. Hai cụm danh từ trên là rất trân trọng được sử dụng phổ biến ở Việt Nam thế mà BBSSCC viết và dịch rất tùy tiện và không nghiêm túc.

6). Giải thích và định nghĩa sai một số sự vật và hiện tượng trong cuộc sống. Thí dụ *radaih kabaw* «xe trâu», BBSSCC giải thích rằng: «Sở dĩ gọi là xe trâu vì thời đó người Chăm kiêng kị nuôi bò». Đây là một sự giải thích không có cơ sở khoa học. Đồng ý rằng, ngày xưa người Chăm kiêng kị nuôi bò nhưng việc này không liên quan gì chiếc xe trâu của người Chăm cả. Theo Sakaya, giải thích hoặc định nghĩa «xe trâu» như sau : «xe trâu là một loại xe dùng trâu để kéo có hai bánh làm hoàn toàn bằng gỗ, tre và dây rừng».

7). Chữ viết Chăm có qui luật chính tả khá ổn định từ lâu đời. Thành vậy, qui luật «nói sao viết vậy» không thể áp dụng vào *akhar thrah* Chăm được. Thí dụ *akhar thrah* cổ truyền viết: 𑜃𑜂𑜫𑜃𑜂𑜫 *panuec* (lời nói), BBSSCC viết thành 𑜃𑜂𑜫𑜃𑜂𑜫 *panoc*; 𑜃𑜂𑜫 *pabuei* (con heo), BBSSCC viết thành 𑜃𑜂𑜫 *pabuy*.

8). Giáo trình BBSSCC còn có cấu trúc ngữ pháp với cách sử dụng dấu câu kì quặc và phong cách hành văn xa lạ với những tác phẩm *akhar thrah*. Nội dung giáo trình được thể

hiện bằng chữ viết Chăm nhưng diễn đạt theo văn phong tiếng Việt, đa phần là dùng văn nói ngôn ngữ, chứ không sử dụng văn viết và chữ viết truyền thống của người Chăm.

9). Trong giáo trình, bên cạnh có nhiều hình ảnh minh họa đẹp, còn có một số hình ảnh ngoại lai. Việc này, tuy nhỏ nhưng rất quan trọng nếu BBSSCC vô tình không chấm dứt thay nó bằng những hình khác thì dẫn đến tác hại nghiêm trọng làm cho học sinh Chăm còn gây thơ mau chóng phai mờ hình ảnh làng xóm, quê hương thân thương, cội nguồn dân tộc và hướng cho các em quên đi văn hoá truyền thống và tự chối bỏ dân tộc mình.

Theo Sakaya, nội dung, chữ viết, từ vựng (ngữ nghĩa), cấu trúc ngữ pháp và hình ảnh minh họa là những tiêu chí quan trọng có tính chất quyết định của một giáo trình tiểu học và vì vậy nó không được quyền sai. Nhưng BBSSCC, với nhiều lí do khác nhau đã vấp phải nhiều lỗi sai khi soạn giáo trình. Chính những cái sai trên đã làm cho giáo trình của BBSSCC đi chệnh mục tiêu giáo dục và tạo ra tác dụng ngược lại : Người soạn giáo trình sai thì thầy sẽ dạy sai và học sinh cũng sẽ hiểu sai. Hậu quả sẽ kéo theo sự sai lầm cả một dân tộc và cả một thế hệ.

Cũng vì kết quả sai lầm của giáo trình BBSSCC cho nên tầng lớp học sinh, sinh viên Chăm học tiếng Chăm của BBSSCC không đọc được những tác phẩm văn chương Chăm vô cùng quý giá còn lưu lại trong các thôn ấp Chăm hay văn bản mà các bậc tu sĩ, bô lão và bà con Chăm đang viết hôm nay. Đây chính là nguyên do chính yếu mà tầng lớp trí thức bản địa, tu sĩ chức sắc Chăm Ahier-Awal không chấp nhận chữ viết của BBSSCC.

Theo Sakaya, ngôn ngữ chữ viết Chăm, đặc biệt là *akhar thrah* đã đóng góp đáng kể trong việc hình thành lịch sử và văn minh Champa. Trong quá trình phát triển lịch sử, ngôn ngữ và chữ viết này không thay đổi đáng kể cho đến 1975. Sau năm 1975, với sự cải cách của BBSSCC, *akhar*

thrah Chăm lại lâm vào tình trạng khủng hoảng và có nhiều vấn đề phức tạp cần đặt ra để có giải pháp thỏa đáng.

Phải nói rằng, sự cải cách của BBSSCC mặc dù có một số sai lầm, nhưng sự sai lầm này không phải là sự cố ý của BBSSCC mà do sự tác động của hoàn cảnh lịch sử, sự hạn chế về trình độ, khả năng chuyên môn của cán bộ lúc ấy. Ở góc độ này, phần nào BBSSCC vẫn có công lớn và đóng góp tích cực trong phong trào dạy và học tiếng Chăm.

Tuy nhiên, ngày nay lĩnh vực nghiên cứu Champa đã phát triển mạnh, trong đó có ngôn ngữ và chữ viết Chăm đã được các nhà nghiên cứu phần nào làm sáng tỏ. Vì vậy, giáo trình của BBSSCC cần phải được xem xét và chỉnh lí lại cho hợp lí, phù hợp với qui luật *akhar thrah* Chăm truyền thống mà các chức sắc Ahier-Awal, bô lão và bà con Chăm đang sử dụng hôm nay, có nghĩa là :

- Chữ Chăm không bao giờ có *paoh gak*
- *Craoh aw* của chữ Chăm luôn luôn có *dar tha*
- Chữ Chăm không thể áp dụng qui luật «nói sao viết vậy» được

Cuối cùng, Sakaya kết luận rằng cộng đồng người Chăm hôm nay có hai trường hợp để chọn lựa.

- Trường hợp thứ nhất. Nếu chấp nhận tiếp tục học theo giáo trình dạy chữ Chăm của BBSSCC thì khoảng 30 năm sau, không còn ai có thể đọc được những tác phẩm văn chương, lịch sử, tôn giáo, luật tục, v.v. của người Chăm đang lưu giữ và sử dụng trong cộng đồng Chăm hôm nay. Nếu như thế, toàn bộ di sản văn hoá tinh thần của Champa sụp đổ hoàn toàn. Và mọi cố gắng để bảo tồn văn bản Chăm của Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá Chăm Ninh Thuận, của Ts. Thành Phần ở Đại học Khoa học Xã hội-Nhân văn t/p Hồ Chí Minh và các nơi trên thế giới như ở Pháp, Mỹ sẽ trở thành vô nghĩa. Cuối cùng, nhà nước Việt Nam cũng sẽ thất bại trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hoá Champa.

- Trường hợp thứ hai. Nếu BBSSCC chấp nhận điều chỉnh lại giáo trình dạy tiếng Chăm theo đúng *akhar thrah* Chăm truyền thống và sửa chữa một số lỗi sai cơ bản đã nêu

trên, thì chỉ cần 10 năm sau, BBSSCC sẽ tạo ra một đội ngũ lớn biết đọc và sử dụng kho tàng văn chương, lịch sử của người Chăm hiện đang lưu giữ ở vùng Chăm ngày nay. Làm được việc này, BBSSCC sẽ góp một phần to lớn của mình cùng các ban ngành khác ở địa phương Ninh Thuận cũng như nhà nước Việt Nam thực hiện thắng lợi sự nghiệp giáo dục con em dân tộc Chăm cũng như bảo tồn được di sản văn hoá Champa ở Việt Nam.

15. Vấn đề chữ viết Chăm ngày nay

Abd. Karim
(Viện Bảo Tàng Thế Giới Mã Lai)

Người Chăm có một lịch sử ngôn ngữ và chữ viết từ lâu đời và có qui luật khá ổn định. Tiếc rằng, bước vào thêm của cuối thế kỷ 20, chữ viết Chăm trở thành bất ổn kể từ 1978, khi Ban Biên Soạn sách chữ Chăm (BBSSCC) được thành lập, đồng thời đề nghị sửa đổi một số vấn đề mang tính hệ thống trong ngôn ngữ chữ viết Chăm đó là:

- Gạt bỏ *takai kuak* (ua) trong một số từ,
- Chế biến *paoh gak* ở phụ âm cuối
- Loại bỏ *dar tha* trong *craoh aw*
- Tự ý thêm *baluw* vào các từ mà trước kia không hề có,
- Tự biến các âm *uei* thành *uy* hay *ui*

Theo BBSSCC, sự chuẩn hóa này dựa trên hai nguyên nhân sau đây:

- Có nhiều từ viết giống nhau nhưng lại đọc khác nhau, hay viết giống nhau nhưng nghĩa lại khác nhau.
- Qui định luật mới cho *baluw* và chế ra *paoh gak* để tạo thành âm ngắn, dài, nặng, nhẹ v.v.

Tiếc rằng, cả 2 trường hợp nêu ra đều không phải là lý do chính đáng để cải tiến chữ viết Chăm. Vì trên thực tế, hệ thống tiếng Chăm không có sai lệch. Cái sai lệch ở đây

phát xuất từ nhận định không đúng về lịch sử ngôn ngữ chữ viết Chăm của những cán bộ làm công tác trong BBSSCC mà thôi. Sự nhận định sai lệch này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân sau đây :

- Không chấp nhận *akhar thrah* Chăm có trường hợp bất qui tắc mà người học phải chấp nhận.
- Áp dụng hệ thống phát âm tiếng Việt vào tiếng Chăm.
- Áp dụng qui luật «nói sao viết vậy»
- Không hiểu rõ quy luật của *lang kuk* Chăm
- Không quán xuyên được từ vựng và ngữ nghĩa tiếng Chăm.

Nói tóm lại, không phải tiếng Chăm truyền thống không hợp lí nên nó phải bị cải biên mà là chính những người muốn cải biên chữ Chăm không am hiểu một cách tường tận qui luật ngôn ngữ chữ viết Chăm truyền thống mà thôi. Một khi không am hiểu thâm sâu về qui luật ngôn ngữ, sự cải biên chữ viết *akhar thrah* Chăm của BBSSCC đã tạo ra sự hỗn loạn và sự bất nhất trong ngôn ngữ chữ viết Chăm hôm nay. Đồng thời nó sẽ để lại một sự khủng hoảng nghiêm trọng về nhiều mặt trong cộng đồng xã hội Chăm như sau :

- Chấp nhận tiếng Chăm cải biên của BBSSCC là đồng nghĩa với sự hủy bỏ chủ trương bảo tồn ngôn ngữ chữ viết truyền thống Chăm, một di sản tinh thần dân tộc đã lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Ở mức độ nhỏ, nó tạo thêm gánh nặng trong việc học tập tiếng Chăm. Vì chữ viết Chăm cải biên của BBSSCC phức tạp hơn nhiều so với chữ viết và tiếng Chăm truyền thống.
- Nó cũng thiếu công dụng trên thực tế, vì con em người Chăm học tập tiếng Chăm của BBSSCC không đọc được *akhar thrah* Chăm mà đồng bào Chăm đang sử dụng,

tức là họ không còn tự hào với kho tàng văn học Chăm được xem như là một di sản quý giá cần phải bảo tồn.

– Một khi đã thấm nhuần với tiếng Chăm cải biên của BBSSCC, các con em Chăm không còn quan tâm đến các văn bản Chăm thuộc các thể loại liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, văn học Chăm được viết theo *akhar thrah* Chăm truyền thống nữa. Kể từ đó, thế hệ con em này dần dần không thừa nhận dân tộc Chăm đã có một nền văn minh văn tự.

– Tiếng Chăm cải biên của BBSSCC cũng sẽ dẫn đến nhiều sự mâu thuẫn trong gia đình và xã hội; giữa những người học chữ cải biên của BBSSCC và những ai vẫn còn tiếp tục sử dụng *akhar thrah* truyền thống. Sự mâu thuẫn này, nếu ở mức độ nhỏ, thì có thể quay mặt với nhau. Nếu ở mức độ lớn trầm trọng hơn, có thể dẫn đến sự xung đột đáng tiếc.

– Sự hiện diện của tiếng Chăm cải biên này cũng sẽ làm cho xã hội người Chăm phân rã thành hai nhóm đối kháng càng lúc càng rõ rệt. Nhóm tự cho mình là những người tuân thủ việc giữ gìn bảo vệ bản sắc, ngôn ngữ chữ viết *akhar thrah* Chăm truyền thống và nhóm tự hào cho rằng mình được đào tạo qua trường lớp chính quy của BBSSCC, dù là chữ Chăm cải biên. Kể từ đó, có những trường hợp sẽ xảy ra như con khinh cha, nhỏ khinh lớn, bạn bè bài bác nhau về vấn đề *akhar thrah* Chăm truyền thống và *akhar thrah* Chăm của BBSSCC.

– Việc sửa đổi tiếng Chăm truyền thống một cách vô tình đã tỏ rõ thái độ bất kính đối với tiền nhân. Vì cho rằng các bậc tiền nhân đã sai trong cách sáng tạo qui luật chữ viết Chăm, nên bây giờ BBSSCC phải chuẩn hóa lại cho đúng. Sự thật, tiền nhân không sai mà ngược lại BBSSCC đã sai.

– Việc cải biến *akhar thrah* Chăm của BBSSCC cũng vô tình tạo ra phong trào khinh thường các bậc tu sĩ, bô lão người Chăm. BBSSCC cho họ là những tầng lớp không có kiến thức về chữ Chăm và cho *akhar thrah* truyền thống

Chăm là thứ chữ Chăm cổ điển không còn phù hợp với thời đại này nữa. Nhưng trên thực tế, chính các tầng lớp tu sĩ, bô lão này là người từ xưa đến nay và cả mai sau đang nắm giữ chìa khóa trong việc truyền đạt ngôn ngữ và chữ viết *akhar thrah* Chăm truyền thống thông qua các nghi lễ và tín ngưỡng dân gian, chứ không phải là BBSSCC.

Sau cùng, Abd. Karim kết luận rằng, một dân tộc không thể có hai chữ viết khác nhau được. Chính vì thế người Chăm cần phải dứt khoát chọn lựa, hoặc *akhar thrah* Chăm truyền thống hay *akhar thrah* Chăm cải biên của BBSSCC. Đây là ưu khuyết điểm của hai giải pháp :

– Chấp nhận giáo trình cải biến của BBSSCC tức là chấp nhận con em Chăm cấp sách đến trường để học một loại chữ Chăm mới do BBSSCC chế biến để rồi họ không còn đọc được kho tàng văn chương Chăm còn lưu hành viết bằng *akhar thrah* Chăm truyền thống cũng như chữ viết mà chính các chức sắc Ahier-Awal, bô lão, trí thức Chăm và ngay cả cha mẹ của con em Chăm đang sử dụng hôm nay. Đây là một chủ trương hoàn toàn đi ngược lại với chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam nhằm bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết của các dân tộc ít người.

– Chấp nhận *akhar thrah* truyền thống là chữ viết phổ thông mà chức sắc Ahier-Awal, bô lão, trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay tức là yêu cầu BBSSCC phải chỉnh lý lại sách giáo trình dạy tiếng Chăm cho phù hợp với chữ Chăm truyền thống. Đây là giải pháp tốt và rất phù hợp với nguyện vọng của đồng bào Chăm đồng thời đúng với chủ trương bảo tồn ngôn ngữ chữ viết của Đảng và Nhà nước Việt Nam đề ra.

Kết luận

Qua hai ngày hội thảo trong bầu không khí cởi mở, tranh luận sôi nổi, nghiêm túc về mặt khoa học và cuối cùng

đa số đại biểu đều nhất trí đưa ra kết luận như sau :

1). *Akhar thrah* Chăm lưu hành từ thời Po Romé (1627-1651) cho đến nay không phải chữ viết Chăm cổ điển mà là chữ viết phổ thông được sử dụng trong mọi lãnh vực như hành chánh, pháp lý, văn học, tín ngưỡng, v.v. Và *akhar thrah* này vẫn còn lưu hành trong cộng đồng chức sắc Ahiér-Awal, bô lão, trí thức và giới nghiên cứu Chăm hôm nay.

2). Hơn 4 thế kỷ lưu hành từ thế hệ này đến thế hệ khác, *akhar thrah* là một loại chữ viết Chăm có một hệ thống rất ổn định về qui luật chính tả và cấu trúc ngữ pháp. Và *akhar thrah* này, cũng như một số ngôn ngữ chữ viết khác, có một số trường hợp bất qui tắc mà dân tộc Chăm luôn luôn tôn trọng và phải học thuộc lòng. Vì đây là di sản thiêng liêng của một dân tộc, không ai có quyền cải biến khi chưa có đầy đủ bằng chứng khoa học.

3). Bước vào năm 1978, *akhar thrah* Chăm đã bị cải biên do BBSSCC. Tiếc rằng, sự chỉnh lý của BBSSCC đã biến *akhar thrah* Chăm thành một chữ viết hoàn toàn khác với chữ Chăm truyền thống mà các bậc chức sắc Ahiér-Awal, bô lão, trí thức và giới nghiên cứu Chăm đang sử dụng hôm nay.

4). Đa số đại biểu công nhận rằng, sách giáo trình cải biên chữ Chăm của BBSSCC đã ít nhiều đóng góp vào việc phát triển phong trào dạy và học chữ Chăm trong nhà trường. Tuy nhiên, giáo trình BBSSCC không giúp học sinh đọc được *akhar thrah* Chăm truyền thống do các bậc tu sĩ, bô lão và cha mẹ của họ đang sử dụng hôm nay. Chính vì thế, nguyện vọng của đa số đại biểu là yêu cầu BBSSCC phải chỉnh lý lại sách giáo trình làm thế nào cho phù hợp với qui luật *akhar thrah* truyền thống của đồng bào Chăm.

Chỉnh đốn lại giáo trình giảng dạy của BBSSCC

theo chữ *akhar thrah* truyền thống là nhu cầu cần thiết và cấp bách của đồng bào và tri thức Chăm nhằm bảo tồn di sản ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc Chăm đúng với chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đề ra cũng như hiến chương UNESCO về việc bảo tồn ngôn ngữ chữ viết của các dân tộc trên thế giới./.

Phụ lục
Biên bản của hội thảo về
Lịch Sử Ngôn Ngữ và Chữ Viết Chăm

Hội thảo «Lịch sử Ngôn ngữ và Chữ viết Chăm» diễn ra hai ngày (từ ngày 21/9/ đến ngày 22/9/2006). Hội thảo có tất cả 15 nhà khoa học từ các nước khác nhau như Pháp, Nhật, Mã Lai, Mỹ và Việt Nam đến tham dự.

- 1). Abd. Karim (Viện Bảo tàng thế giới Mã Lai)
- 2). Dominique Nguyen (Programme Monde malais-Monde indochinois)
- 3). Fatimah Hoa (Programme Monde malais -Monde indochinois)
- 4). Lộ Minh Trại (Ban Biên soạn sách chữ Chăm)
- 5). Lưu Quang Sang (Hội Bảo tồn Văn hóa truyền thống Champa)
- 6). Nguyễn Văn Tỷ (Ban Biên soạn sách chữ Chăm)
- 7). Phú Văn Hãn (Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ-Viện KHXH Việt Nam)
- 8). Po Dharma (EFEO)
- 9). Quảng Văn Đại (Ông Hang Chăm)
- 10). Shine Toshihiko (Tokyo University of Foreign Studies)
- 11). Sử Thị Thu Trang (Sinh viên Master Đại học Malaya, Malaysia)
- 12). Thành Phần (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn T.P Hồ Chí Minh)
- 13). Thành Phú Bá (Hội Bảo tồn Văn hóa truyền thống Champa)

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

- 14). Thuận Ngọc Liêm (Ban Biên soạn sách chữ Chăm)
- 15). Trương Văn Món (Trung tâm Văn hóa Chăm -Phan Rang)

Hội thảo nhất trí bầu đoàn chủ tịch như sau :

PGS. TS. Po Dharma -Chủ trì hội nghị
Dato' Ts. Adi Taha – Chủ tọa phiên khai mạc
TS. Thành Phần – Chủ tọa phiên 1
Ông. Lưu Quang Sang – Chủ tọa phiên 2
TS. Phú Văn Hẩn – Chủ tọa phiên 3
Ông. Nguyễn Văn Tỹ – Chủ tọa phiên 4
Ông. Thành Phú Bá – Chủ tọa phiên 5
Ông. Trương Văn Món – Thư kí hội thảo

Qua hai ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc và thảo luận sôi nổi với nhiều ý kiến tranh luận, hội thảo đi đến kết luận và nhất trí với 06 nội dung sau đây :

1) *Akhar thrah* là chữ viết của dân tộc Chăm đã có từ lâu đời, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, là di sản văn hóa thiêng liêng của dân tộc Chăm và là di sản văn hóa của nhân loại đã được công nhận trong hiến chương của UNESCO.

Vì vậy, mọi sự cải biến *akhar thrah* phải có lý do chính đáng và phải có sự đồng ý của toàn thể dân tộc Chăm mà người đại diện cho họ là các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức, nhà nghiên cứu hiện đang dùng *akhar thrah* này trong cuộc sống hàng ngày.

2) Cũng như tất cả dân tộc có chữ viết trên thế giới, dân tộc Chăm chỉ có một ngôn ngữ và một chữ viết phổ thông : Đó là *akhar thrah*. Tiếng nói của dân tộc Chăm có thể biến âm tùy theo thời gian và theo khu vực, nhưng chữ viết dân tộc Chăm luôn luôn cố định.

Ngôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

3) Trong quá trình lịch sử, chữ viết của dân tộc Chăm cũng như bất cứ chữ viết nào trên thế giới không tránh khỏi qui luật cải tiến. Tuy nhiên, sự cải tiến này luôn luôn gắn liền với qui luật ngôn ngữ và dựa vào cơ sở khoa học nghiêm túc.

4) Chủ nhân của *akhar thrah* phải là toàn thể dân tộc Chăm mà người đại diện tiêu biểu là các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức, nhà nghiên cứu hiện đang sử dụng *akhar thrah*.

5) *Akhar thrah* Chăm lưu hành từ thế kỷ thứ 17 cho đến hôm nay không phải là chữ viết cổ mà là chữ viết phổ thông, có qui luật rất ổn định và có hệ thống vững chắc. *Akhar thrah* Chăm không bao giờ có *paoh gak*, *craoh aw* luôn luôn phải có *dar tha* và không bao giờ có *baluw* trên *dar tha-dar dua*.

6) Như bất cứ ngôn ngữ nào trên thế giới, *Akhar thrah* Chăm có quy tắc và bất qui tắc riêng mà người học phải chấp nhận. Vì đây là di sản văn hóa thiêng liêng của một dân tộc nên không ai có quyền sửa đổi hoặc cải biến.

Hội thảo kết thúc vào lúc 17 giờ 00 ngày 22/9/2006 và biên bản này đã được đọc cho mọi người có mặt trong hội thảo cùng nghe, nhất trí và đồng ký tên sau đây :

Kuala Lumpur, Malaysia ngày 22/9/2006

* Biên bản này gồm tất cả là 3 trang. Đồng ký tên

Nghôn ngữ chữ viết Chăm trên đường thoái hóa

Abd. Karim (Viện Bảo tàng thế giới Mã Lai) <i>Karim</i>	Quảng Văn Đại (Ông Hàng) <i>QVD</i>
Dominique Nguyễn (Programme Monde malais-Monde indochinois) <i>nd</i>	Thành Phú Bá (Hội Bảo tồn Văn hóa truyền thống Champa) <i>ThanhPhuBa</i>
Fatimah Hoa (Programme Monde malais-Monde indochinois) <i>h</i>	Shine Toshihiko (Tokyo University of Foreign Studies) <i>新井 利彦</i>
Lý Minh Trại (Ban Biên soạn sách chữ Chăm) <i>LMTr</i>	Sử Thị Thu Trang (Sinh viên Master của Đại học Malaya, Malaysia) <i>ThiThuTrang</i>
Lưu Quang Sang (Hội Bảo tồn Văn hóa truyền thống Champa) <i>LQS</i>	Thành Phần (Đại học Quốc gia T.P Hồ Chí Minh) <i>TP</i>
Nguyễn Văn Tý (Ban Biên soạn sách chữ Chăm) <i>NVT</i>	Thuần Ngọc Liên (Ban Biên soạn sách chữ Chăm) <i>ThuầnNgocLien</i>
Phú Văn Hân (Viện Khoa học xã hội Vùng Nam Bộ) <i>PVH</i>	Trương Văn Mến (Trung tâm Văn hóa Chăm - Phan Rang) <i>ZVM</i>
Pu Dharma (LFEO) <i>Pu Dharma</i>	

Bài tường trình và biên bản hội thảo này đã gửi đến Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam, Đại Sứ Quán Việt Nam tại Mã Lai, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Ninh Thuận và các cơ quan khác như Sở Giáo Dục và Đào Tạo, Sở Văn Hóa và Thông Tin, Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm, Trung Tâm Nghiên Cứu Văn Hóa Chăm của Ninh Thuận./.

30 năm khủng hoảng ngôn ngữ và chữ viết Chăm

BBT Harak Champaka

Người Chăm là một thành phần sắc tộc của vương quốc Champa xưa kia có một hệ thống chữ viết từ lâu đời, đó là *Akhar Thrah* xuất hiện lần đầu tiên trên bia kí Po Romé (1627-1651). *Akhar Thrah* là chữ Chăm phổ thông mà người Chăm thường dùng trong các văn bản hành chánh, pháp lý, kinh kệ tôn giáo, văn học, v.v., lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hôm nay, các giới tu sĩ, bô lão và trí thức người Chăm vẫn còn sử dụng *Akhar Thrah* này trong mọi sinh hoạt hàng ngày của họ.

Vì ý thức đến giá trị di sản văn hóa quý giá này, Đảng và Nhà Nước Việt Nam đã quyết định thành lập Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC) vào ngày 23-5-1978 theo quyết định số 104/QĐUB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thuận Hải cũ và giao trọng trách cho một số trí thức người Chăm để hoàn thành trách nhiệm biên soạn giáo trình giảng dạy tiếng Chăm dành cho con em người Chăm trong các trường lớp. Mục tiêu của Đảng và Nhà Nước là tạo điều kiện để con em người Chăm có cơ hội đọc được những văn bản tiếng Chăm mà cha mẹ của họ đang sử dụng hàng ngày, tiếp thu những kho tàng văn chương rất là quý giá hiện còn lưu trữ trong các thôn xóm người Chăm. Chính vì thế, chương trình bảo tồn ngôn ngữ và chữ viết *Akhar Thrah* Chăm truyền thống đã trở thành một chủ trương rất là thực tiễn và ích lợi mà Đảng và Nhà Nước Việt Nam đã dành cho dân tộc Chăm sau ngày thống nhất đất nước.

Ai cũng biết, sự ra đời của BBSSCC vào năm 1978 là một sự kiện đáng ghi nhớ. Lần đầu tiên trong lịch sử cận đại Việt Nam, Đảng và Nhà Nước đã công nhận *Akhar*

Thrah Chăm truyền thống như một di sản văn hóa thiêng liêng của dân tộc Chăm cần được bảo tồn và truyền bá trong các trường lớp dành cho con em người Chăm. Chính vì thế mà Đảng và Nhà Nước đã giao cho BBSSCC hai trách nhiệm sau đây:

- Soạn thảo giáo trình giảng dạy *Akhar Thrah* Chăm để đưa vào trường lớp dành cho con em người Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.
- Đào tạo và bồi dưỡng tiếng Chăm dành cho giáo viên giảng dạy tiếng Chăm.

Công lao của Đảng và Nhà Nước

Nhằm phát huy chương trình bảo tồn ngôn ngữ chữ viết *Akhar Thrah* Chăm truyền thống, Đảng và Nhà Nước đã đầu tư một số vốn đồ sộ để đưa chương trình giảng dạy tiếng Chăm vào các trường lớp dành cho con em người Chăm. Để thực hiện dự án này, Đảng và Nhà Nước không ngần ngại đầu tư một ngân sách khổng lồ để trả lương hàng năm cho hàng trăm giáo viên giảng dạy tiếng Chăm trong 23 trường tiểu học, tổng cộng hơn 350 lớp tập trung hơn 10.000 con em Chăm học tiếng mẹ đẻ của họ (tài liệu trích từ Bản Kế hoạch tổ chức kỷ niệm 30 năm thành lập BBSSCC đề ngày 22-6-2008 gửi cho bà con Chăm trên khắp thế giới). Bên cạnh ngân sách bồi dưỡng cho giáo viên, Đảng và Nhà Nước Việt Nam còn giúp thêm một tài trợ lớn lao khác dành cho công trình ấn loát hàng trăm đầu sách, giáo trình đủ loại; tổ chức hàng loạt khóa đào tạo và bồi dưỡng cho hàng trăm giáo viên dạy tiếng Chăm; chưa nói đến ngân sách dành cho các chương trình nào là chuẩn hóa chữ cái, nào là san định vấn đề chính tả, nào là hệ thống hóa văn thông dụng, v.v. mà BBSSCC đã đề ra.

Chỉ cần làm một bài toán cộng, người ta có thể tính ra hàng tỷ đồng mà Đảng và Nhà Nước Việt Nam đã chi phí cho chương trình giảng dạy tiếng Chăm trong suốt 30 năm

qua. Đây là công trình vô cùng lớn lao và hữu ích dành cho con em Chăm mà dân tộc Chăm không thể quên được. Sự đầu tư ngân sách khổng lồ của Đảng và Nhà Nước không ngoài mục đích là đặt niềm tin vào BBSSCC trong chương trình biên soạn tiếng Chăm để giúp con em người Chăm đọc được *Akhar Thrah* Chăm truyền thống mà cha mẹ họ đang sử dụng hôm nay chứ không phải đọc *Akhar Thrah* Chăm cải biên lai căng do BBSSCC chế biến. Chính đó mới là chủ trương hàng đầu của Đảng và Nhà Nước mà BBSSCC phải tôn trọng tuyệt đối. Vì không có một nhà nước nào chấp nhận bỏ tiền ra hàng tỷ đồng vào chương trình dạy tiếng Chăm để rồi con em người Chăm không đọc được bức thư viết bằng tiếng Chăm do chính bàn tay của cha mẹ họ viết. Đây là trọng tâm của vấn đề mà chúng tôi đưa ra phân tích, nhân ngày kỷ niệm 30 năm thành lập BBSSCC.

Trong bài viết này, chúng tôi dùng 2 thuật ngữ rõ ràng để né tránh mọi sự hiểu lầm mà BBSSCC thường tung ra hỏa mù để che mắt Nhà Nước Việt Nam và quần chúng Chăm, đó là:

- *Akhar Thrah* Chăm truyền thống, tức là chữ Chăm phổ thông có ít nhất từ thời Po Romé (thế kỷ 17) đến hôm nay mà các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và đồng bào Chăm vẫn đang sử dụng.

- *Akhar Thrah* Chăm của BBSSCC là chữ Chăm lai căng do cơ quan này tự chế biến để giảng dạy trong các trường lớp từ năm 1978 đến hôm nay.

Vai trò và trách nhiệm của BBSSCC

Chữ viết Chăm bắt nguồn từ mẫu tự Phạn Ngữ ở miền nam Ấn Độ, có một qui luật riêng về cấu trúc, không liên hệ gì với qui luật cấu trúc chữ la tinh của tiếng Việt. Cũng như bất cứ chữ viết nào trên thế giới, dù đó là tiếng Việt, Pháp, Anh, Mã Lai, Nam Dương, Campuchia v.v., tiếng Chăm cũng có những trường hợp bất qui tắc mà người học phải chấp nhận học thuộc lòng.

Phát xuất từ hệ thống Phạn Ngữ, chữ Chăm không bao giờ có qui luật “một kí hiệu chỉ có một cách phát âm” như BBSSCC bịa đặt ra. Chính vì thế, người ta thường gặp trong hệ thống *Akhar Thrah* Chăm, một số âm vị như **aok**, **aik**, v.,v., nằm ở phần cuối trong một số từ, viết giống nhau nhưng phát âm hoàn toàn khác nhau. Một khi gặp phải trường hợp bất qui tắc, người học phải lưu ý, tùy câu mà phát âm. Thí dụ:

– *Urang palei Caok, gem caok, gem caok* (người thôn Hiếu Lễ, vừa khóc vừa bóc)

– *Nyu jaik tapung jaik sang ging* (ông ta nhồi bột gần nhà bếp)

Để giải quyết vấn đề này, BBSSCC đưa ra qui luật “một kí hiệu chỉ có một cách phát âm” áp dụng vào tiếng Chăm để phân biệt cách đọc. Điều này chứng tỏ rằng BBSSCC không biết tiếng Chăm hay là cơ quan này biết tiếng Chăm nhưng không hiểu qui luật ngôn ngữ. Chỉ lấy 4 thí dụ sau để làm sáng tỏ vấn đề này như sau:

– Tiếng Chăm có trường hợp: *Nyu jaik tapung jaik sang ging* (ông ta nhồi bột gần nhà bếp). Hai từ **jaik** trong câu này viết giống nhau nhưng đọc khác nhau.

– Tiếng Pháp cũng có trường hợp: *Il est à l'est* (nó ở phía đông). Hai từ **est** trong câu này viết giống nhau nhưng lại đọc khác nhau.

– Tiếng Anh cũng có trường hợp: *to live together, a live broadcast* (sống chung với nhau, phát thanh trực tiếp). Hai từ **live** trong câu này viết giống nhau nhưng đọc khác nhau.

– Tiếng Mã Lai cũng có trường hợp: *mentega* (bơ sữa). Hai ký hiệu **e** trong từ này viết giống nhau, nhưng phát âm khác nhau.

Ngôn ngữ Pháp, Anh, Mã Lai có hàng trăm trường hợp bất qui tắc, vì một ký hiệu có thể phát âm khác nhau, tùy theo trường hợp, nhưng dân tộc Pháp, Anh và Mã Lai không bao giờ đề nghị chuẩn hóa để con em của họ học dễ dàng hơn. Tại sao BBSSCC đơn phương quyết định cải biến trường hợp bất qui tắc của *Akhar Thrah* Chăm bằng cách chế biến *paoh gak*, lược bỏ *dar tha* trong *craoh aw*, *hua baluw* trên nhị trùng âm *dar tha dar dua* để phân biệt cách đọc hầu giúp con em Chăm tiếp thu chữ Chăm nhanh hơn. Đây là hành động phá qui luật ngôn ngữ Chăm thì đúng hơn.

Nguyễn Văn Tỹ, nguyên trưởng ban BBSSCC, là người xuất thân từ trường Pháp, biết tiếng Anh, thừa biết qui luật này, nhưng Nguyễn Văn Tỹ lại chủ trương cho BBSSCC cải biến trường hợp bất qui tắc trong *Akhar Thrah* Chăm. Đây là một hành động thiếu trách nhiệm đối với di sản văn hóa mà dân tộc Chăm không thể chấp nhận được.

Sai lầm mục tiêu của BBSSCC

Mục tiêu của BBSSCC không phải dạy con em Chăm đọc chữ Chăm lai căng do BBSSCC chế biến mà là đọc được văn bản viết bằng chữ Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay.

Biết rằng chữ Chăm truyền thống có nhiều trường hợp bất qui tắc phải học thuộc lòng, nhưng BBSSCC không có quyền tự tiện chế tạo ra một qui luật mới nhằm biến *Akhar Thrah* Chăm thành một hệ thống chữ viết không có trường hợp bất qui tắc nữa. Sự cải biến chữ Chăm của BBSSCC không khác gì một số người đòi loại bỏ dấu ngã trong tiếng Việt chỉ để lại dấu hỏi để dễ học, dễ viết, vì qui luật để phân biệt dấu hỏi và dấu ngã trong tiếng Việt khó quá.

Mục tiêu cải biến chữ viết Chăm của BBSSCC chỉ dựa vào một lý luận rất sơ sài đó là giúp con em người Chăm đọc nhanh và viết nhanh chữ Chăm mà BBSSCC đã chế tạo ra, tức là một loại chữ viết Chăm có **paoh gak**, lai căng hoàn toàn khác hẳn với *Akhar Thrah* Chăm truyền thống.

Để bào chữa cho quan điểm sai lầm này, BBSSCC thường tung ra hai định nghĩa khô cứng để che mắt Đảng và Nhà Nước Việt Nam và dư luận quần chúng Chăm, đó là:

– *Akhar Thrah* Chăm mà các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức và đồng bào Chăm đang sử dụng hôm nay là **chữ Chăm xưa**, tức là chữ Chăm cổ không có giá trị, khó học thành ra phải cải biên, vứt bỏ.

– *Akhar Thrah* Chăm của BBSSCC gọi là **Chữ Chăm Nay**, cần phải phổ biến. Tiếc rằng **Chữ Chăm Nay** của BBSSCC chỉ là loại chữ Chăm lai căng do tổ chức này chế biến vấp phải **4 điểm sai lầm** đã làm tàn phá cả một di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm mà tiền nhân Champa đã để lại cho hậu thế đến nay gần 4 thế kỷ.

Chữ Chăm Xưa và **Chữ Chăm Nay** là hai thuật ngữ phi lý mà BBSSCC đã chọn làm một trong những đề tài tham luận trong ngày hội thảo kỷ niệm 30 năm BBSSCC (xem chương trình tổ chức kỷ niệm 30 năm thành lập BBSSCC đề ngày 22-6-2008). Vì dân tộc Chăm chỉ có một tiếng nói và một chữ viết đó là *Akhar Thrah* mà ông Lộ Minh Trai, Nguyễn Văn Tỷ và Thuận Ngọc Liêm đã từng công nhận trong Đại Hội Kuala Lumpur, 2006.

Ai cũng biết, dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, dù cách dạy tiếng Chăm của Lưu Quý Tân, Thiên Sanh Cảnh, Lâm Gia Tịnh, Thành Phú Bá, v.v. không có tổ chức quy mô như chương trình của BBSSCC, nhưng con em người Chăm ngày xưa học tiếng Chăm và biết đọc chữ Chăm truyền thống một cách thông thạo. Đây là vấn đề rất là thực tiễn mà BBSSCC cần đưa ra mổ xẻ. Nếu hôm nay, con em Chăm học chữ Chăm của BBSSCC trở thành thế hệ mù chữ tiếng mẹ đẻ của họ, không đọc được văn bản *Akhar Thrah* chép tay là vì BBSSCC không lợi dụng cái tinh hoa của cách dạy tiếng Chăm thời xưa để đưa vào trường lớp mà chỉ biết chế biến qui luật lai căng áp dụng vào giáo trình. Chúng tôi tin rằng, nếu con em Chăm thời xưa đọc được chữ viết truyền thống,

không phải là vì con em này thông minh hơn con em Chăm dưới thời chế độ chủ nghĩa xã hội mà do BBSSCC dạy họ chữ viết Chăm lai căng mà thôi. Đây là sự chọn lựa sai lầm mục tiêu, là hoàn toàn đi ngược lại với chủ trương của Đảng và Nhà Nước Việt Nam. Vì rằng nghĩa vụ của BBSSCC mà Đảng và Nhà Nước giao phó là lãnh trọng trách biên soạn sách giáo trình dạy tiếng Chăm nhằm giúp con em người Chăm học và đọc được văn bản viết bằng *Akhar Thrah* Chăm mà dân tộc Chăm đang sử dụng hôm nay chứ không phải biến con em người Chăm thành một thế hệ mù chữ Chăm truyền thống của họ.

Cũng vì sự chọn lựa sai lầm mục tiêu này, BBSSCC đã phung phí trong 30 năm qua một ngân sách khổng lồ của Đảng và Nhà Nước dành cho chương trình dạy tiếng Chăm để rồi kết quả chỉ là một sự thật phũ phàng: sau 30 năm đào tạo một thế hệ trẻ người Chăm để rồi hôm nay không có một con em người Chăm nào biết đọc lá thư viết bằng tiếng Chăm do chính bàn tay của cha mẹ họ viết. Đây là công tác vô ích, phi mục tiêu không phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà Nước mà dân tộc Chăm không thể chấp nhận được.

Nguyên nhân sai lầm trong sách giáo trình

BBSSCC là cơ quan của nhà nước Việt Nam tập trung một số giáo viên và trí thức Chăm biết nói và đọc chữ Chăm nhưng không phải là những nhà chuyên môn về lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Chăm. Họ biết tiếng Chăm không qua trường lớp chính qui hay qua các khóa đào tạo chuyên về ngôn ngữ của các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Chính vì thế, họ không phân biệt được hai qui tắc cấu trúc trong âm vị của *Akhar Thrah* Chăm.

a). Âm vị nằm trong **yếu tố hệ thống** là bất di bất dịch không thể cải biên.

Phụ âm *ga* không thể dùng làm *paoh gak*, *craoh aw* phải có *dar tha* và nhị trùng âm *dar tha dar dua* không bao giờ có *baluw* là trường hợp nằm trong yếu tố hệ thống, bất di bất dịch trong tiếng Chăm mà không ai có quyền cải biến.

b). Âm vị nằm trong **yếu tố chính tả**, thì không bất di bất dịch, có thể cải biên.

Balan, *bulan*, *bilan* (tháng) chỉ mang yếu tố cấu trúc chính tả, thành ra người ta có thể sửa đổi để thống nhất lỗi chính tả. Thí dụ, thay vì *bulan* hay *bilan*, người ta có thể quyết định *balan* (= tháng) cho chữ viết này, mà mọi người có thể chấp nhận được.

Chính vì không phân biệt đâu là âm vị nằm trong **yếu tố hệ thống** và đâu là âm vị nằm trong **yếu tố chính tả**, BBSSCC đã vấp phải 4 điểm sai lầm trong sách giáo trình dạy tiếng Chăm của BBSSCC để rồi con em người Chăm học tiếng Chăm của cơ quan này không thể đọc được chữ viết Chăm truyền thống mà cha mẹ của họ đang sử dụng, kéo theo sự tàn phá cả một di sản *Akhar Thrah* Chăm mà không ai có thể tiên đoán được thế nào là hậu quả của nó trong tương lai, nếu BBSSCC không kịp thời chỉnh lý lại.

Sai lầm 1: Chế biến *paoh gak*

Chữ Chăm, cũng như chữ viết của các dân tộc Campuchia, Thái, Lào, Miến Điện, v.v., nằm trong hệ thống chữ viết Phạn Ngữ, không bao giờ có *paoh gak*.

Sai lầm 2: Lược bỏ *dar tha* ra khỏi nhị trùng âm *craoh aw*

Trong *Akhar Thrah* Chăm, cũng như tất cả những chữ viết nằm trong hệ thống Phạn Ngữ, dù đó là chữ Campuchia, Thái, Miến Điện, v.v., ký hiệu *craoh aw* luôn luôn phải có *dar tha*.

Sai lầm 3: *Hua baluw* trên nhị trùng âm *dar tha dar dua*

Chữ Chăm, cũng như tất cả chữ viết nằm trong hệ thống chữ viết Phạn Ngữ ở khu vực Đông Nam Á không bao giờ có *baluw* đi kèm với nhị trùng âm *dar tha dar dua*.

Sai lầm 4: Nói sao viết vậy

Akhar Thrah Chăm là một hệ thống chữ viết có qui luật rõ ràng kể từ thế kỷ thứ 17, có nghĩa là tiếng nói Chăm có thể thay đổi từng thời kỳ, từng địa phương và tùy theo cách phát âm của mỗi người, nhưng chữ viết Chăm luôn luôn cố định về cấu trúc hình vị. Người Chăm thường nói *ngak bruk* (làm việc), nhưng viết thì phải viết *ngap gruk*.

Tóm lại, sự quyết định của BBSSCC nhằm chế biến *paoh gak* trong hệ thống chữ Chăm, lược bỏ *dar tha* ra khỏi nhị trùng âm *craoh aw*, đưa *baluw* lên nhị trùng âm *dar tha dar dua*, đặt ra qui luật chính tả “nói sao viết vậy” là điều cấm kị trong hệ thống cấu trúc chữ Chăm nói riêng và trong tất cả chữ viết thuộc hệ thống Phạn Ngữ ở khu vực Đông Nam Á nói chung. Chính vì thế, chữ Chăm dùng trong sách giáo trình của BBSSCC chỉ là một loại chữ chế biến lai căng hoàn toàn phi khoa học đã làm đảo lộn cả một di sản *Akhar Thrah* một loại chữ Chăm phổ thông mà tiền nhân Champa đã có công xây dựng từ triều đại Po Romé (1627-1651) và được lưu truyền qua nhiều thế hệ, đến hôm nay loại chữ này vẫn còn sử dụng trong các thôn xóm người Chăm.

Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại, hai nhà lãnh đạo BBSSCC phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về **4 điểm sai lầm** trong sách giáo trình này và phải có nghĩa vụ chỉnh lý lại **4 điểm sai lầm** đó phù hợp với nội dung biên bản Hội Thảo Kuala Lumpur 2006 mà hai ông đã ký. Nếu không, Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại vô tình đã phá hủy *Akhar Thrah* Chăm truyền thống mà lịch sử Champa không bao giờ tha thứ.

Phản ứng trong giới khoa học

Lần đầu tiên trong lịch sử, vấn đề ngôn ngữ chữ viết Chăm được đặt ra trong ngày hội thảo quốc tế do UNESCO tổ chức tại Hà Nội từ ngày 15 đến 24 tháng 3 năm 1994. Nhân dịp này, một số nhà khoa học cho rằng chữ viết Chăm được xem như là di sản văn hóa thiêng liêng của dân tộc này, đang đi vào con đường thoái hóa, vì BBSSCC quyết định cải biến một số âm vị nằm trong yếu tố hệ thống, bất di bất dịch đã làm đảo lộn cả một hệ thống *Akhar Thrah* Chăm truyền thống.

Để giải quyết vấn đề này, Pgs. Ts. Po Dharma, đặc trách về chương trình Champa học tại Pháp xin tài trợ để tổ chức hai phiên họp mặt tại Kuala Lumpur, Mã Lai vào năm 2001 và 2002 với ông Nguyễn Văn Tỷ, Lộ Minh Trại, hai trưởng ban BBSSCC cùng với ông Thành Phú Bá và Đảng Năng Quạ, hai trí thức Chăm không đồng tình với chữ Chăm cải biên của BBSSCC.

Cũng vì vấn đề tế nhị không muốn Nhà Nước Việt Nam biết đến sự sai lầm trong sách giáo trình để bảo vệ danh dự cho BBSSCC, Po Dharma phải tốn công và ngân sách mời bốn trí thức Chăm sang Mã Lai để giải thích cho họ biết rằng sách giáo trình của BBSSCC đã vấp phải **4 điểm sai lầm**, phải nên chỉnh lý lại kịp thời qua phương pháp khéo léo và nhẹ nhàng hơn bằng cách đưa vào phần chương trình cuối năm để giảng dạy thêm về *Akhar Thrah* Chăm truyền thống để con em Chăm có thể đọc văn bản chữ Chăm do cha mẹ họ viết. Nếu không, các nhà nghiên cứu trên thế giới có quyền phản đối BBSSCC. Vì ngôn ngữ và chữ viết Chăm không phải là di sản riêng tư của BBSSCC mà là của cả dân tộc Chăm và nhân loại. Kết quả cuộc họp mặt là tất cả đại biểu đã công nhận sự sai lầm trong sách giáo trình và tuyên bố sẽ tìm giải pháp để chỉnh đốn lại, nhưng sau cùng không có kết quả nào. Tại sao Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại không chấp nhận chỉnh lý

4 điểm sai lầm này? Có chăng Nguyễn Văn Tỹ và Lộ Minh Trại xem chữ Chăm là đồ vật riêng tư của mình.

Năm 2006, Hội Thảo Osaka, Nhật Bản vào ngày 3-4 tháng 2 năm 2006, lại đưa vấn đề chữ viết Chăm của BBSSCC lên diễn đàn quốc tế một lần nữa và đặt lại vấn đề một cách nghiêm túc về sự khác biệt giữa chữ Chăm cải biến của BBSSCC và chữ viết Chăm truyền thống, tức là *Akhar Thrah* mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay.

Sau ngày hội thảo tại Osaka, Lộ Minh Trại, trưởng ban BBSSCC, viết thư đề nghị Pgs. Ts. Po Dharma tổ chức cho bằng được một hội thảo quốc tế tại Kuala Lumpur chuyên đề về “Lịch Sử Ngôn Ngữ và Chữ Viết Chăm”. Dựa vào kết quả của Hội Thảo này, Lộ Minh Trại sẽ đệ trình lên Nhà Nước Việt Nam xin chỉnh lý lại **4 điểm sai lầm** trong sách giáo trình của BBSSCC nhằm đưa đến việc thống nhất hệ thống *Akhar Thrah* Chăm đã lâm vào hoàn cảnh thoái hóa từ ngày ra đời của BBSSCC vào năm 1978.

Đây là một hội thảo quan trọng tập trung tương đối đầy đủ các thành phần tiêu biểu gồm có các nhà nghiên cứu, trí thức, chức sắc và bô lão Chăm chuyên về văn hoá, ngôn ngữ chữ viết Chăm trong đó có Ts. Thành Phần, Ts. Phú Văn Hẩn và các ông Lộ Minh Trại, Nguyễn Văn Tỹ, Thuận Ngọc Liêm, Trương Văn Món, Quảng Văn Đại, Lưu Quang Sang, Thành Phú Bá, Sử Thị Thu Trang, với các nhà nghiên cứu nước ngoài, đó là Ts. Shine Toshihiko (Nhật Bản), Nguyễn Đố, Báo Thị Hoa (Chương trình thế giới Mã Lai-Đông Dương) Abdul Karim (Viện Bảo tàng Thế giới Mã Lai), Pgs. Ts. Po Dharma (Pháp, cũng là chủ nhiệm chương trình).

Qua hai ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc và thảo luận sôi nổi với nhiều ý kiến tranh luận, hội thảo đi đến kết luận và nhất trí với 6 nội dung sau đây :

1) *Akhar thrah* là chữ viết của dân tộc Chăm đã có từ lâu đời, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, là di sản văn hóa thiêng liêng của dân tộc Chăm và là di sản văn hóa của nhân loại đã được công nhận trong hiến chương của UNESCO. Vì vậy, mọi sự cải biến *akhar thrah* phải có lý do chính đáng và phải có sự đồng ý của toàn thể dân tộc Chăm mà người đại diện cho họ là các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức, nhà nghiên cứu hiện đang dùng *akhar thrah* này trong cuộc sống hàng ngày.

2) Cũng như tất cả dân tộc có chữ viết trên thế giới, dân tộc Chăm chỉ có một ngôn ngữ và một chữ viết phổ thông: Đó là *akhar thrah*.

Tiếng nói của dân tộc Chăm có thể biến âm tùy theo thời gian và theo khu vực, nhưng chữ viết dân tộc Chăm luôn luôn cố định.

3) Trong quá trình lịch sử, chữ viết của dân tộc Chăm cũng như bất cứ chữ viết nào trên thế giới không tránh khỏi qui luật cải tiến. Tuy nhiên, sự cải tiến này luôn gắn liền với qui luật ngôn ngữ và dựa vào cơ sở khoa học nghiêm túc.

4) Chủ nhân của *akhar thrah* phải là toàn thể dân tộc Chăm mà người đại diện tiêu biểu là các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức, nhà nghiên cứu hiện đang sử dụng *akhar thrah*.

5) *Akhar thrah* Chăm lưu hành từ thế kỷ thứ 17 cho đến hôm nay không phải là chữ viết cổ mà là chữ viết phổ thông, có qui luật rất ổn định và có hệ thống vững chắc. *Akhar thrah* Chăm không bao giờ có *paoh gak*, *craoh aw* luôn luôn phải có *dar tha* và không bao giờ có *baluw* trên *dar tha-dar dua*.

6) Như bất cứ ngôn ngữ nào trên thế giới, *Akhar thrah* Chăm có quy tắc và bất quy tắc riêng mà người học

phải chấp nhận. Vì đây là di sản văn hóa thiêng liêng của một dân tộc nên không ai có quyền sửa đổi hoặc cải biến.

Hội thảo kết thúc vào lúc 17 giờ 00 ngày 22/9/2006 và biên bản này đã được đọc cho mọi người có mặt trong hội thảo cùng nghe, nhất trí và đồng ký tên (xem phụ lục ở phần cuối).

Thông qua biên bản đồng ký tên vào ngày 22-9-2006, các đại biểu tại Hội Thảo Kuala Lumpur đặt niềm tin vào ông Lộ Minh Trại, trưởng ban BBSSCC sẽ tìm ra giải pháp thích đáng nhằm chỉnh lý lại **4 cải biên sai lầm** trong sách giáo trình của cơ quan này, hầu thống nhất lại hệ thống *Akhar Thrah* Chăm.

Nhà nước Việt Nam phát hiện mục tiêu sai lầm của BBSSCC

Nhân danh chủ nhiệm chương trình, Pgs. Ts. Po Dharma gửi đến Bộ Giáo Dục Việt Nam và cấp lãnh đạo Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Ninh Thuận bản báo cáo về kết quả của Hội Thảo Kuala Lumpur 2006. Báo cáo đã tường trình lại cụ thể các ý kiến mà các đại biểu nêu ra **4 điểm sai lầm** trong sách giáo trình của BBSSCC, đặt lại vấn đề một cách nghiêm túc thế nào là vai trò của BBSSCC trước lịch sử Champa về sự tàn phá di sản *Akhar Thrah* Chăm do sách giáo trình của BBSSCC gây ra. Đây là lần đầu tiên từ ngày ra đời của BBSSCC vào năm 1978, Nhà Nước Việt Nam tiếp nhận được thông tin chính xác về mục tiêu sai lầm của BBSSCC.

Sau khi nhận bản báo cáo này, Bộ Giáo Dục Việt Nam phối hợp với Sở Giáo Dục tỉnh Ninh Thuận tổ chức tại thành phố Phan Rang vào ngày 7-2-2007 một Hội Nghị Ngôn Ngữ-Chữ Viết và Sách Giáo Khoa Tiếng Chăm Cấp Tiểu Học, có sự hiện diện của bà Đặng Huỳnh Mai, Nguyên Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục-Đào Tạo. Nhân dịp này, Bà Thứ

Trưởng phân phát cho một số đại biểu của hội nghị bản báo cáo của Pgs. Po Dharma về kết quả Đại Hội về ngôn ngữ chữ viết Chăm tại Kuala Lumpur và nhã ý yêu cầu BBSSCC nên cứu xét lại những điểm sai lầm trong sách giáo trình. Một khi đã nhận diện có sự sai lầm trong sách giáo trình, Bộ Giáo Dục quyết định tạm ngưng ngân sách dành cho chương trình ấn loát một số sách của BBSSCC cho đến khi có một cuộc hội thảo toàn quốc về nội dung của sách giáo trình này. Đây là một quyết định sáng suốt rất phù hợp với nguyện vọng của đồng bào Chăm. Vì Nhà Nước Việt Nam không thể bỏ tiền ra ấn hành sách giáo trình dạy chữ Chăm có *paoh gak*, lai căng của BBSSCC hoàn toàn đi ngược lại với chữ Chăm truyền thống.

Chiến trường Akhar Thrah

Hội Nghị Ngôn Ngữ-Chữ Viết và Sách Giáo Khoa Tiếng Chăm Cấp Tiểu Học vào ngày 7-2-2007 tại thành phố Phan Rang có sự hiện diện của bà Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục là một cơ hội hiếm có để ông Lộ Minh Trại đề nghị với Nhà Nước Việt Nam chỉnh lý **4 điểm sai lầm** trong sách giáo trình mà chúng tôi vừa nêu ra nhằm thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm đang bị thoái hóa kể từ năm 1978. Chính lý **4 điểm sai lầm** ở phần trên cũng là phương pháp hữu hiệu nhất hầu giúp con em người Chăm học tiếng Chăm một cách tốt nhất mà không bị mù chữ *Akhar Thrah* Chăm truyền thống nữa.

Không lợi dụng cơ hội này để chỉnh lý, Lộ Minh Trại lại đi vận động chữ ký, làm phiếu điều tra mà chỉ gửi cho bạn bè vây cánh của mình và một số giáo viên dạy tiếng Chăm ở làng Chăm nhằm đệ trình lên bà Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục trong ngày hội nghị nhằm bày tỏ nguyện vọng duy trì *Akhar Thrah* Chăm có *paoh gak* lai căng của BBSSCC. Thêm vào đó, BBSSCC còn cầu cứu ca sĩ Chế Linh bỏ nghề ca hát để làm nghề ngôn ngữ học đứng ra lập một danh sách ma tập trung một số tên tuổi Chăm ở hải

ngoại viết thư gửi đến Hội Nghị trên để hoan hô sách giáo trình của BBSSCC. Trong danh sách ma này, chỉ có vài ông biết tiếng Chăm như ông Dương Tấn Sở và Thành Phú Bá, v.v nhưng hai ông này không hay biết gì về nội dung của lá thư mà Chế Linh đệ trình lên hội nghị.

Đó là những hành động thiếu trách nhiệm của Lộ Minh Trại và BBSSCC đối với bà thứ Trưởng Bộ Giáo Dục và Nhà Nước Việt Nam trong ngày Hội Nghị Ngôn Ngữ-Chữ Viết và Sách Giáo Khoa Tiếng Chăm Cấp Tiểu Học vào ngày 7-2-2007 tại Phan Rang vừa qua. Thái độ này đã chứng minh rằng ông Lộ Minh Trại là một nhà trí thức người Chăm không chân chính, một cán bộ Đảng không mẫu mực, luôn đặt quyền lợi cá nhân của mình lên trên di sản *Akhar Thrah* thiêng liêng của dân tộc Chăm. Lúc nào Lộ Minh Trại cũng tìm cách bào chữa cho *Akhar Thrah* Chăm của BBSSCC, một loại chữ chế biến lai căng mặc dù ông ta đã ký vào biên bản Hội Thảo Kuala Lumpur 2006 công nhận rằng: “Cũng như tất cả dân tộc có chữ viết trên thế giới, dân tộc Chăm chỉ có một ngôn ngữ và một chữ viết phổ thông: Đó là *akhar thrah* (Điều 2).

Thêm vào đó, Lộ Minh Trại và ông Nguyễn Văn Tỷ còn lôi kéo một số bà con thân thiết, bạn bè và phe nhóm của mình chống lại kết quả Đại hội Kuala Lumpur, 2006. Từ đó, cụm từ : “chiến trường *Akhar Thrah*” bắt đầu xuất hiện trong email nặc danh của Ja Gala Jak phát xuất từ máy vi tính của ông Sang Luu ở Hoa Kỳ, nhằm tuyên chiến một cách cực đoan, thiếu cặn và tung ra hàng loạt hỏa mù để bào chữa cho **4 điểm sai lầm** trong sách giáo trình của BBSSCC, đó là:

1). Tôn vinh Bùi Khánh Thế, một nhà ngôn ngữ học không biết nói tiếng Chăm và cũng không biết đọc tiếng Chăm đứng ra chủ trì Hội Nghị Ngôn Ngữ-Chữ Viết và Sách Giáo Khoa Tiếng Chăm Cấp Tiểu Học vào ngày 7-2-2007 tại Phan Rang vừa qua để ông Giáo Sư này bào chữa cho quan điểm sai lầm của BBSSCC. Tại sao ông Thành Phần,

dù sao cũng là Tiến sĩ gốc Chăm, biết tiếng Chăm rành rẽ nhưng không được vinh dự để chủ trì hội nghị này?

2). Kêu gọi một số người Chăm không lương thiện cho lắm trong việc nhận diện về di sản văn hóa dân tộc, xem ngôn ngữ và chữ viết Chăm như một thứ đồ vật mua vui “muốn cải biên lúc nào cũng được” và “viết như thế nào cũng được”. Đó là Phú Trạm (nhà thơ), Châu Văn Đỉnh (giáo viên cấp 1 thời ngụy), Quảng Đại Cẩn (tỵ nạn tại Mỹ), Bá Bình Lợi (nông dân - anh rể Lưu Quang Sang), Lâm Gia Tân (Ja Intan- nhân viên Công ty Du Lịch - con rể Lưu Quang Sang) và Lưu Quang Tuấn Huy (làm nghề buôn bán - cháu Lưu Quang Sang) tiếp tay và viết bài hô hào cho rằng *Akhar Thrah* Chăm truyền thống là loại **chữ viết cổ** không có giá trị, nên hủy bỏ để thay vào đó *Akhar Thrah* Chăm có **paoh gak lai cǎng** của BBSSCC.

Ai cũng biết, điều 4 của biên bản Hội Thảo Kuala Lumpur mà Lộ Minh Trại và Nguyễn Văn Tỷ đã ký, khẳng định rằng: “Chủ nhân của *akhar thrah* phải là toàn thể dân tộc Chăm mà người đại diện tiêu biểu là các bậc tu sĩ, bô lão, trí thức, nhà nghiên cứu hiện đang sử dụng *akhar thrah*”. Chính vì thế mà Lộ Minh Trại và Nguyễn Văn Tỷ không thể dựa vào quan điểm không lương thiện của Phú Trạm, Bá Bình Lợi, Châu Văn Đỉnh, Quảng Đại Cẩn, v.v để làm công cụ nhằm bào chữa cho *Akhar Thrah* có **paoh gak lai cǎng** mà BBSSCC đã chế biến. Quan điểm không lương thiện ở đây có nghĩa là ngoài hai ông (Lưu Quang Tuấn Huy và Lâm Gia Tân) không biết chữ Chăm thì còn lại bốn ông (Phú Trạm, Bá Bình Lợi, Châu Văn Đỉnh, Quảng Đại Cẩn) biết chữ Chăm và thừa biết chữ viết này không bao giờ có *paoh gak*, nhưng vì nhận lời khen và sự cảm dỗ của BBSSCC, các ông ta phải hòa theo cơ quan này để rồi quên đi cả thể diện của một dân tộc.

3). Tạo dựng một phong trào viết email nặc danh, điển hình nhất là email nặc danh tên là Abdul Moham chạy

ra từ cổng Việt Nam và email nặc danh tên là Ja Gala Jak chạy ra từ máy vi tính của ông Sang Luu ở Hoa Kỳ, gửi cho bà con Chăm lên án Champaka là một tổ chức chủ trương chống phá BBSSCC, tức là chống phá Nhà Nước Việt Nam. Nội dung email nặc danh này chỉ có mục tiêu duy nhất đó là tìm cách biến Champaka thành một hiện tượng chống phá BBSSCC để thống trị dân tộc Chăm. Ai là người Chăm trong nước không đồng tình với *Akhar Thrah* Chăm có *paoh gak* lai căng của BBSSCC đều xếp vào tổ chức của Champaka nhằm chống phá nhà nước. Lộ Minh Trại và Nguyễn Văn Tỷ phải nên chấm dứt thái độ chụp mũ không lương thiện này. Vì rằng Champaka là tổ chức rất hoan hô sách giáo trình dạy chữ Chăm vô cùng đồ sộ của BBSSCC và nhất là công lao của cơ quan này. Nhưng Champaka chỉ yêu cầu BBSSCC sửa đổi **4 điểm sai lầm** trong sách giáo trình để thống nhất lại *Akhar Thrah* truyền thống của người Chăm có lợi cho chính sách bảo tồn ngôn ngữ và chữ viết của nhà nước Việt Nam đưa ra mà thôi.

4). Sau cùng, ông Lộ Minh Trại, Nguyễn Văn Tỷ và Thuận Ngọc Liêm, nhân danh BBSSCC viết email chính thức ngày 24-2-2007 gửi cho bà con Chăm trên khắp thế giới nhằm phản đối kết quả của Hội Thảo Kuala Lumpur. Trong bức thư, Lộ Minh Trại, Nguyễn Văn Tỷ, Thuận Ngọc Liêm công nhận rằng “dân tộc Chăm chỉ có một ngôn ngữ và một chữ viết phổ thông, đó là *Akhar Thrah*”, nhưng ba ông lại cho rằng phải cải biến để *Akhar Thrah* Chăm có *paoh gak*, lược bỏ *dar tha* trong ký hiệu *craoh aw*, v.v. để con em người Chăm học nhanh tiếng Chăm. Thế thì tiếng Chăm đã có hai loại *Akhar Thrah* rồi: **Akhar Thrah truyền thống** và **Akhar Thrah lai căng** của BBSSCC có *paoh gak*. Đây là lối lập luận không nghiêm túc và vô trách nhiệm đối với di sản ngôn ngữ và chữ viết Chăm.

Cũng trong bức thư này, ba nhà lãnh đạo BBSSCC phản đối quan điểm cho rằng cách dạy chữ Chăm của BBSSCC làm cho học sinh mù chữ Chăm truyền thống, vì

rằng “cách kết luận như thế là thiếu cơ sở khoa học hoàn toàn”. Đây chỉ là lối biện luận không nghiêm túc, vì ai là con em Chăm học tiếng Chăm BBSSCC biết đọc chữ Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay? Chỉ cần giao cho con em người Chăm này một trang tác phẩm *Akayet Dewa Mano* hay *Akayet Um Marup* viết bằng *Akhar Thrah* truyền thống để xem ai là con em học sinh của BBSSCC đọc được văn bản này. Điều này không có gì ngạc nhiên. Vì các tác phẩm vừa nêu trên là viết theo kiểu tiếng Chăm truyền thống, chứ không phải tiếng Chăm cải biên có *paoh gak* và *craoh aw* không có *dar tha* như chữ BBSSCC viết. Vì vậy, các em học sinh Chăm học chữ của BBSSCC không thể đọc chữ Chăm truyền thống được.

Theo cuộc điều tra của chúng tôi, ngoại trừ ông Thuận Ngọc Liêm, đa số các nhà lãnh đạo của BBSSCC và rất nhiều giáo viên dạy tiếng Chăm do BBSSCC đào tạo, cũng không đọc được văn bản viết bằng chữ Chăm truyền thống này. Ngay cả Lộ Minh Trại, trưởng ban BBSSCC, cũng bị ông Dominique Nguyễn chỉ trích trong ngày Đại Hội Kuala Lumpur 2006 vì viết một câu tiếng Chăm “một con cò đậu trên đầu con trâu trắng” đã vấp phải ba lỗi chính tả tiếng Chăm. Thay vì người Chăm viết: *sa drei kaok ndem di akaok kabaw kaok*, ông Lộ Minh Trại lại viết: *sa drei akaok ndem di akaok kabao akaok* (xem *Kỉ Yếu Hội Thảo: Lịch sử ngôn ngữ và chữ viết Chăm*, Ecole française d'Extrême-Orient & Centre for Documentation and Area-Transcultural Studies, Tokyo University of Foreign Studies, Kuala Lumpur, 2007). Chính vì thế, Dominique Nguyễn đặt lại vấn đề: “một người có quyền lực cao nhất trong Ban biên soạn để soạn sách giáo trình dạy tiếng Chăm cho con em Chăm, viết sai chính tả ngôn ngữ Chăm là điều không thể tha thứ được”.

Mặc dù bị chỉ trích từ năm 2006 nhưng đến hôm nay Lộ Minh Trại vẫn chưa chịu học tiếng Chăm *Akhar Thrah*

cho nghiêm túc. Chỉ cần đọc qua bài báo vắn vẹn hai trang đăng trong tạp chí *Văn Nghệ Các dân Tộc tỉnh Ninh Thuận* (số 9, 11-2007, tr. 17-18), độc giả có thể đánh giá thế nào là trình độ chữ Chăm của tác giả Kay Amuh, tức là Lộ Minh Trại (xem hình bìa 4 của Tagalau 8, 2007). Bài này mang chủ đề Akhar Thrah (Câu chuyện chữ nghĩa) mà Lộ Minh Trại chỉ viết 6 hàng chữ Chăm theo qui luật của BBSSCC, chữ chưa nói chi đến chữ Chăm truyền thống nhưng đã vấp phải 4 lỗi sai lầm:

- Nguyên âm *a* trong từ «*Akhar*», không biết chữ Chăm hay chữ của dân tộc nào, làm sao người Chăm đọc được.
- Từ *Thrah* trong «*Akhar Thrah*», Lộ Minh trại viết thành *Chrah*.
- Từ *manuis halei* “người nào”, Lộ Minh trại viết thành *manus hei*.
- Từ *liwang* “ôm, yếu đuối”, Lộ Minh Trại viết thành *rawang* “thăm hỏi”.

Chúng tôi chưa nói đến nội dung của bài này mà tác giả muốn dàn dựng nhằm hạ bệ ngôn ngữ và chữ viết Chăm truyền thống để tôn vinh chữ viết Chăm cải biên sai lầm của BBSSCC, hầu che mắt những ai chưa thông thạo hay nắm vững chữ viết Chăm truyền thống. Thật ra, cộng đồng người Chăm hiện nay đang than phiền về bản thân ông Lộ Minh Trại, một người không thông thạo tiếng Chăm nhưng được ân huệ làm trưởng ban BBSSCC, điều hành cả một bộ máy khổng lồ vừa biên soạn sách giáo trình, vừa chuẩn hóa ngôn ngữ và chữ viết Chăm. Đây mới là vấn đề trọng đại mà Đảng-Nhà nước Việt Nam và toàn thể đồng bào Chăm cần đưa ra để suy nghĩ và xem xét lại.

Nếu nguồn tin này được kiểm chứng, thì Nhà Nước Việt Nam cũng cần xem xét lại toàn diện hệ thống tổ chức và giảng dạy tiếng Chăm tại hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Vì rằng, cấp lãnh đạo của BBSSCC, giáo viên dạy chữ Chăm không đọc được chữ Chăm truyền thống mà các

bậc tu sĩ, bô lão và trí thức đang sử dụng hôm nay, thế thì làm sao con em người Chăm học tiếng Chăm lai căng của BBSSCC đọc được văn bản này?

Nguyện vọng của dân tộc Chăm

Trong suốt 30 năm qua, hàng ngàn tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm thường bày tỏ lòng ám ức về chữ Chăm cải biên của BBSSCC, xem đây là loại chữ lai căng không phù hợp với Akhar Thrah Chăm truyền thống. Vì vậy, ngay lúc đầu mới cải biên chữ Chăm để thuyết phục, trấn an đồng bào Chăm, BBSSCC phải tổ chức hơn 40 phiên họp khác nhau. Tuy nhiên, trong những cuộc họp nêu trên, người Chăm không dám phản đối BBSSCC vì lúc đó sợ bị kết tội là chống phá Nhà Nước. Phải chờ Đại Hội về Lịch Sử và Ngôn Ngữ Chữ Viết Chăm tại Kuala Lumpur 2006 và Đại Hội Champa 2007 tại Hoa Kỳ, các đại biểu người Chăm và các nhà khoa học trên thế giới mới đem vấn đề chữ Chăm của BBSSCC ra bàn thảo và khẳng định rằng:

“Trước năm 1975, dân tộc Champa chỉ có một ngôn ngữ và một chữ viết truyền thống, đó là Akhar Thrah. Sau năm 1975, nhà nước Việt Nam cũng ưu ái quan tâm cho dạy chữ *Akhar Thrah* trong các trường lớp ở vùng Chăm. Nhưng, thật đáng tiếc là trong giáo trình giảng dạy của BBSSCC vì quá chú trọng đến cách viết âm vần theo tiếng Việt nên đã sửa đổi một số quy luật về cấu trúc chữ Chăm làm cho lối viết truyền thống bị biến dạng đi. Hậu quả sự cải biên của BBSSCC đã làm đảo lộn hoàn toàn hệ thống chữ viết Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão Chăm đang sử dụng hôm nay.

“Các đại biểu của Đại hội Champa 2007 kêu gọi nhà nước Việt Nam đưa ra giải pháp để chỉnh lý lại sách giáo trình của BBSSCC phù hợp với chữ Chăm truyền thống (*Akhar Thrah*) mà dân tộc Chăm xem đó như là một di sản thiêng liêng,

không ai có quyền sửa đổi mà không đưa ra một cơ sở khoa học thuyết phục...” (Điều 8, Bản Kiến Nghị của Đại Hội Champa 07- 07 - 2007 tại Hoa Kỳ)

Lời kêu gọi của các đại biểu trong ngày Đại Hội Champa 2007 là biểu lộ cho niềm lo âu của dân tộc Chăm đối với di sản ngôn ngữ và chữ viết *Akhar Thrah* của họ đang bị thoái hóa, lai căng.

Sau ngày hình thành BBSSCC vào năm 1978, dân tộc Chăm đã đặt bao nhiêu hy vọng về tương lai của hàng ngàn con em người Chăm đến trường để học và sử dụng tiếng Chăm *Akhar Thrah* truyền thống của họ nhưng để rồi đến hôm nay BBSSCC đã biến những con em này trở thành một tập thể mù chữ Chăm truyền thống. Người Chăm còn bức tức về thái độ của BBSSCC thường dùng quyền lực của cơ quan nhà nước ép buộc người Chăm phải treo các khẩu hiệu, bích chương viết bằng tiếng Chăm có *paoh gak* lai căng của BBSSCC trong các dịp lễ Katé, Suk Yeng, v.v. Họ cũng không đồng tình về BBSSCC lợi dụng đài truyền hình tỉnh Ninh Thuận để phổ biến *Akhar Thrah* Chăm có *paoh gak* lai căng của cơ quan này. Họ than vãn về hành động của tầng lớp lãnh đạo BBSSCC thường tìm cách mua chuộc một số tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm không lập trường vững chắc để đứng về phía BBSSCC để loại bỏ *Akhar Thrah* Chăm truyền thống. Họ than vãn về ông Lộ Minh Trại lúc nào cũng dựa vào danh xưng BBSSCC, danh xưng Đảng-Nhà nước Việt Nam để thống trị chữ Chăm, xem di sản *Akhar Thrah* thiêng liêng của dân tộc này như một thứ đồ vật mua vui, muốn cải biên lúc nào cũng được.

Dân tộc Chăm thừa biết Lộ Minh Trại không biết chữ Chăm nhiều cho lắm, nhưng dân tộc Chăm lúc nào cũng trân trọng ông ta và luôn luôn đặt niềm tin vào ông ta sẽ đệ trình lên Nhà Nước Việt Nam một dự án để chỉnh lý lại **4 điểm sai lầm** trong sách giáo trình dạy tiếng Chăm của BBSSCC hầu thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm truyền

thống mà Đại Hội Kuala Lumpur 2006 và Đại Hội Champa 2007 tại Hoa Kỳ đã nêu ra.

Kết luận

Sách giáo trình dạy tiếng Chăm của BBSSCC là một công trình đồ sộ, tốn nhiều tiền. Tiếc rằng, sách giáo trình này vấp phải **4 điểm sai lầm** mà chúng tôi đã nêu ra trong phần trên, đã làm đảo lộn cả một hệ thống ngôn ngữ và chữ viết Chăm, phân chia chữ viết Chăm thành hai loại: *Akhar Thrah* Chăm Truyền Thống và *Akhar Thrah* Chăm Cải Biên có *paoh gak* lai căng của BBSSCC.

Nhân ngày kỷ niệm 30 năm thành lập BBSSCC, dân tộc Chăm chỉ mong Lộ Minh Trại xin Đảng và Nhà Nước chỉnh lý lại **4 điểm sai lầm** này để thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm và nhất là giúp con em Chăm không còn mù chữ Chăm truyền thống nữa. Phải xem *Akhar Thrah* truyền thống là một di sản thiêng liêng của dân tộc Chăm mà không ai quyền sửa đổi mà không đưa ra một chứng cứ khoa học chính đáng.

Nếu Lộ Minh Trại không chấp nhận chỉnh lý **4 điểm sai lầm** này thì dân tộc Chăm sẽ còn tiếp tục đấu tranh cho đến ngày chữ viết *Akhar Thrah* Chăm được thống nhất. Vì đây cũng là một trong những công tác bảo tồn di sản văn hóa Chăm mà Đảng và Nhà Nước đã chủ trương đề ra.

Sau hàng chục năm khủng hoảng ngôn ngữ và chữ viết Chăm do BBSSCC gây ra, đến hôm nay là cơ hội tốt để mọi người nhìn rõ sự thật vấn đề. Vì vậy, không vì lý do gì mà Lộ Minh Trại không chấp nhận đưa **4 điểm sai lầm** này ra bàn trong ngày kỷ niệm 30 năm BBSSCC nhằm để thống nhất *Akhar Thrah* Chăm. Nếu như sự sai lầm này chưa được chỉnh lý, thì Lộ Minh Trại và BBSSCC phải chịu trách nhiệm trước lịch sử dân tộc Chăm.

Trách nhiệm của trí thức Chăm đối với di sản văn hóa của một dân tộc

Musa Porome (IOC-Champa)

Sau 8 thế kỷ đắm chìm trong bao chiến tranh tang tóc do cuộc Nam Tiến gây ra, lịch sử chỉ để lại cho dân tộc Champa hôm nay một chuỗi đền đài hoang phế nằm ngổn ngang ở miền Trung, một di sản văn hóa đang trên đà thái hóa mạnh mẽ mà không ai có thể tiên đoán sự sống còn của nó còn có thể kéo dài được bao lâu trong thế kỷ thứ 21 này. Chính vì thế, vai trò và trách nhiệm hàng đầu của trí thức Chăm hôm nay là góp phần vào việc bảo tồn di sản văn hóa, có nghĩa là bảo vệ và gìn giữ lại tất cả những giá trị truyền thống của nó, dù đó là văn hóa vật chất hay phi vật chất, để nó không bị mục nát và hủy hoại theo thời gian.

Văn hóa vật chất của vương quốc Champa tập trung các công trình kiến trúc và điêu khắc những đền đài, cung điện, bia đá, mương đập... v.v. mà ngày nay hội đồng UNESCO của Liên Hiệp Quốc đã công nhận một vài di tích như là di sản văn hóa của nhân loại nên cần phải được bảo tồn một cách nghiêm chỉnh.

Văn hóa phi vật chất Champa bao gồm các phong tục tập quán, lễ nghi, văn chương, nhạc vũ, ngôn ngữ chữ viết... v.v. Sau năm 1975, vì thời thế biến đổi, văn hóa phi vật chất của dân tộc Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận đang lâm vào tình trạng thái hóa. Sự thái hóa nguy hiểm nhất là di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm bị cải biến và hệ thống hóa một cách phi khoa học để rồi hôm nay dân tộc Chăm cùng chung một tiếng nói nhưng có hai chữ viết khác nhau. Điều đáng buồn, là sự sụp đổ của hệ thống ngôn ngữ chữ viết này không phát xuất từ nhân tố bên ngoài mà là do một số người Chăm đã không cần biết thế nào là nghĩa vụ của mình đối với công tác bảo tồn di sản văn hóa của một

dân tộc. Đây là trọng tâm của đề tài mà tôi muốn đưa ra bàn bạc ở đây.

Nguyên nhân của sự khủng hoảng

Ngôn ngữ chữ viết là phương tiện giao lưu giữa những thành viên cùng chung một nguồn gốc lịch sử và nền văn minh, là biểu tượng cho nét đặc trưng của một tộc người và được xem như là di sản văn hóa thiêng liêng của một dân tộc nên nó cần phải được bảo tồn một cách nghiêm túc.

Năm 1978 đánh dấu cho sự khủng hoảng ngôn ngữ chữ viết Chăm phát xuất từ ngày ra đời của Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC) do nhà nước Việt Nam thành lập, tập trung một số giáo viên cấp trung học và tiểu học có trách nhiệm biên soạn sách giáo trình giảng dạy chữ Chăm để đưa vào trường lớp dành cho con em Chăm trong hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, và năm 2008 là ngày kỷ niệm 30 năm của cơ quan này. Nhân tiện đây, tôi xin mượn diễn đàn này gửi đến toàn thể quý vị trong BBSSCC lời chúc tốt đẹp nhất và sau đó xin gửi lời thành kính đến nhà nước Việt Nam đã hỗ trợ cho chương trình phát triển và làm sống lại ngôn ngữ chữ viết Chăm trong một quốc gia đa văn hóa và đa chủng tộc.

Sau 30 năm sinh hoạt, không ai chối từ công lao của toàn thể anh chị em trong BBSSCC đã làm sống lại ngôn ngữ chữ viết Chăm qua việc soạn thảo và xuất bản các giáo trình giảng dạy. Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo này BBSSCC đã đưa ra các phương án chỉnh lý cũng như cải tiến hệ thống ngôn ngữ chữ viết Chăm. Trong khi vấn đề chính yếu của BBSSCC không phải là công tác chỉnh lý, cải tiến, hệ thống hóa chữ Chăm mà mục tiêu là bảo tồn giá trị truyền thống ngôn ngữ chữ viết này. Đây là vấn đề vô cùng quan trọng mà mỗi người Chăm chúng ta, nhất là giới trí thức cần phải chọn một lập trường rõ rệt.

Sau một thời gian theo dõi những bài viết đăng trên nhiều diễn đàn liên quan đến vấn đề BBSSCC đã chỉnh lý

Trách nhiệm của trí thức Chăm

Akhar Thrah Chăm, tức là chữ viết phổ thông mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay, tôi nhận thấy một số bài viết thường mang tính chất độc đoán và thiển cận chỉ nhằm bảo vệ cho phe nhóm hơn là tinh thần xây dựng chung cho mục đích bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết của dân tộc.

Trước hiện tượng thái hóa này, là một công dân Champa vong quốc, thiết nghĩ tôi có bổn phận góp phần vào công tác nhận định để đi tìm nguồn gốc đâu là vấn đề nan giải của *Akhar Thrah* Chăm sau ngày ra đời của BBSSCC vào năm 1978 mà nhiều người Chăm đang tranh cãi hôm nay. Bài nhận định của tôi sau đây không nhằm mục tiêu bàn về qui luật ngôn ngữ chữ viết Chăm vì tôi không phải là nhà ngôn ngữ học và cũng không phải là chuyên gia về chữ Chăm, nhưng chỉ muốn đặt lại vấn đề một cách nghiêm túc thế nào là vai trò và trách nhiệm của trí thức Chăm trong công tác bảo tồn di sản văn hóa Champa nói chung và ngôn ngữ chữ viết Chăm nói riêng.

Dân tộc Chăm chỉ có một chữ viết mà thôi

Trước khi đi vào vấn đề, chúng ta cần định nghĩa lại một cách chính xác về vai trò và nghĩa vụ của BBSSCC. Nếu tôi không lầm, BBSSCC đã được nhà nước Việt Nam tin tưởng giao trách nhiệm để biên soạn sách giáo trình chữ viết Chăm. Theo tôi, nội dung của sách giáo trình phải là công tác truyền bá *Akhar Thrah* Chăm truyền thống trong các trường lớp, dù chữ viết này chứa đựng quá nhiều trường hợp bất qui tắc, khó học đến đâu đi nữa. Mục tiêu dạy chữ Chăm là nhằm giúp con em Chăm đọc được chữ Chăm truyền thống mà cha mẹ của họ đang sử dụng. Chính đó mới là trách nhiệm bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm. Tiếc rằng, BBSSCC lại tự tiện cải biến, chỉnh lý và hệ thống hóa «lung tung beng» *Akhar Thrah* Chăm truyền thống.

Để trả lời cho nguyên nhân thoái hóa di sản văn hóa của dân tộc, *Harak Champaka* số 28 ra mắt ngày 20-7-08

lên tiếng chỉ trích mãnh liệt vụ việc BBSSCC đã hiên ngang tự ý chỉnh lý chữ viết truyền thống Chăm mà bất cần sự đồng thuận của nhân dân Chăm trong và ngoài nước. Theo *Harak Champaka*, cuộc chỉnh lý này đã đưa *Akhar Thrah* Chăm vào hố thẳm mà không ai tiên đoán được hậu quả của nó. Vì rằng, cộng đồng người Chăm hôm nay cùng chung một tiếng nói, nhưng lại có hai chữ viết khác nhau: *Akhar Thrah* Chăm truyền thống mà dân tộc Chăm ở Việt Nam và Campuchia đang sử dụng và *Akhar Thrah* Chăm cải biến hay gọi là chữ chỉnh lý của BBSSCC dùng để giảng dạy trong trường lớp.

Trong ngày kỷ niệm 30 năm của BBSSCC tổ chức vào ngày 25-7-2008, thay vì đề nghị với chính quyền Việt Nam một số giải pháp nhằm thống nhất *Akhar Thrah* Chăm, các vị lãnh đạo trong BBSSCC lại hô hào rằng dân tộc Chăm hôm nay có hai chữ viết: **Chữ Chăm xưa và chữ Chăm nay**. BBSSCC đã cho rằng «chữ Chăm xưa» tức là *Akhar Thrah* Chăm truyền thống lưu truyền từ thời Po Romé quá cổ điển khó học nên phải loại bỏ đi. Ngược lại, «chữ Chăm nay» là chữ Chăm cải biến của BBSSCC dễ học cần phải duy trì và phổ biến trong trường lớp. Đây là quan điểm vô trách nhiệm đối với di sản văn hóa truyền thống Champa.

Ai cũng biết, trước năm 1975, dân tộc Chăm chỉ có một chữ viết đó là *Akhar Thrah* Chăm truyền thống. Tại sao sau năm 1975, BBSSCC lại tự tiện loại bỏ *Akhar Thrah* truyền thống này để chế tạo thêm một chữ viết nữa gọi là «chữ Chăm nay»? Đây là trọng tâm của vấn đề mà tôi muốn nêu ra. Vì rằng đã có hai hội thảo khoa học tổ chức tại Osaka, và Kuala Lumpur lên tiếng phản đối sự “chỉnh lý” này, và sau cùng là Đại Hội Champa 2007 tại Hoa Kỳ cũng có lên tiếng trong kiến nghị yêu cầu nhà nước Việt Nam phải tìm mọi giải pháp để thống nhất *Akhar Thrah* Chăm.

Nếu tôi không lầm, *Harak Champaka* số 28 không đả phá công lao của BBSSCC mà chỉ nêu ra hai vấn đề:

Trách nhiệm của trí thức Chăm

– *Akhar Thrah* Chăm, cũng như tiếng Việt, Anh, Pháp, Mã Lai, v.v. có nhiều trường hợp bất quy tắc, viết như nhau nhưng lại đọc khác nhau. Thành vậy, người học phải chấp nhận học thuộc lòng những trường hợp bất quy tắc này, vì đây là di sản chữ viết của một dân tộc, không ai có quyền sửa đổi cải biến theo quan điểm thiển cận và riêng tư của mình.

– *Akhar Thrah* Chăm, cũng như tiếng Việt, Mã Lai... v.v. nói sao cũng được, nhưng viết thì phải viết đúng chính tả đã qui định.

Để giải quyết những trường hợp bất quy tắc «viết như nhau nhưng lại đọc khác nhau», *Harak Champaka* 28 cho rằng BBSSCC tự tiện chế tạo ra 4 ký hiệu sai lầm để biến chữ Chăm không còn bất quy tắc nữa, nên sự ra đời của 4 ký hiệu này đã làm đảo lộn cả một hệ thống chữ viết Chăm. Bốn sai lầm đó là:

– BBSSCC chế tạo chữ Chăm có *paoh gak*, tức là phụ âm *ga* ở cuối từ. Các nhà khoa học cho rằng đây là sự bịa đặt phi lý, vì chữ Chăm không bao giờ có *paoh gak* (*gak matai*).

– BBSSCC bỏ *dar tha* trong ký hiệu *craoh aw*. Các nhà khoa học cho rằng đây là cuộc chỉnh lý mang tính vô trách nhiệm, vì chữ Chăm, *craoh aw* luôn luôn phải có *dar tha*.

– BBSSCC thêm *baluw* trên ký hiệu *dar tha dar dua*. Các nhà khoa học cho là hoàn toàn không đúng và không thể có. Vì trong qui luật chữ Chăm, ký hiệu *dar tha dar dua* không bao giờ có *baluw*.

– BBSSCC chủ trương «nói sao viết vậy». Các nhà khoa học đánh giá BBSSCC không biết gì về qui luật ngôn ngữ giữa «tiếng nói» và «chữ viết» do bởi nói sao cũng

được, nhưng khi viết thì phải viết đúng theo qui luật chính tả.

Đó là nội dung chính yếu của *Harak Champaka* số 28. Ngay trong ngày hội thảo về Ngôn Ngữ Chữ Viết Chăm tại Kuala Lumpur 2006, các nhà lãnh đạo BBSSCC cũng đã công nhận 4 sai lầm này nên đã hứa sẽ điều chỉnh lại và ký vào biên bản của hội thảo. Như thế, mục tiêu của *Harak Champaka* số 28 đã không phá BBSSCC mà là yêu cầu BBSSCC phải nên chỉnh lý lại 4 sai lầm này để thống nhất *Akhar Thrah* Chăm? Vấn đề chỉ có thể thôi.

Phe nhóm chống phá di sản văn hóa Chăm

Theo tôi, bảo tồn *Akhar Thrah* Chăm truyền thống mà dân tộc Chăm ở Việt Nam và Campuchia đang sử dụng hôm nay cũng là nghĩa vụ của BBSSCC trong công tác tổng thể của sự bảo tồn di sản văn hóa. Tiếc rằng cơ quan này không chấp nhận sửa đổi 4 sai lầm mà còn lôi kéo thêm một bè nhóm nhằm bảo vệ một cách mù quáng chữ viết “chỉnh lý” của BBSSCC. Bằng chứng cụ thể gần đây nhất sau ngày ra mắt *Harak Champaka* số 28 (20-7-2008), ông Quảng Đại Cẩn viết bài phản đối quan điểm của tờ báo này do nhóm Damdrachampa ở hải ngoại chuyển đến bà con Chăm qua hệ thống email. Tiếp theo là ông Thành Đài đã vội vã dùng điển đàn email để ngợi khen bài viết của Quảng Đại Cẩn mà bất cần suy nghĩ đến việc làm của BBSSCC có hợp tình hợp lý hay không trong công tác bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm mà tôi vừa định nghĩa ở phần trên.

Trong bài viết của ông Quảng Đại Cẩn trả lời cho *Harak Champaka* 28, mang tựa đề «Khái quát về sự chỉnh lý chữ Chăm *Akhar Thrah* của BBSSCC», tôi cứ tưởng rằng ông ta sẽ đưa ra bằng chứng cụ thể nhằm chứng minh rằng sự chỉnh lý chữ Chăm của BBSSCC là hợp lý vì cơ quan này dựa vào văn bản *Akhar Thrah* Chăm lưu truyền từ thời Po Romé cho đến hôm nay như tư liệu hoàng gia Champa hay

là các tác phẩm văn học viết bằng chữ Chăm truyền thống mà *Harak Chanpaka* đã nêu ra. Tiếc rằng, trong bài viết này, Quảng Đại Cẩn chỉ đưa ra nhiều chứng cứ quanh co, dài dòng nhằm biện minh cho lập luận của mình, để rồi không ai hiểu nổi ông ta muốn gì. Nếu tôi không lầm, bài viết của Quảng Đại Cẩn chỉ chứa đựng nội dung chính yếu:

Quảng Đại Cẩn cho rằng, chữ viết Chăm có nhiều trường hợp bất qui tắc, viết như nhau nhưng lại đọc khác nhau, như trường hợp *palei caok*, *gem caok*, *gem caok* (người thôn Hiếu Lễ vừa khóc vừa bóc) mà *Harak Champaka* đã đưa ra, làm cho con em Chăm khó nhớ đâm ra chán nản, vô tình Quảng Đại Cẩn đồng tình với BBSSCC trong việc cải biến chữ Chăm, xóa bỏ những giá trị qui luật bất qui tắc này. Vì lẽ đó tôi đánh giá Quảng Đại Cẩn không biết về qui luật cấu trúc chữ viết trên thế giới. Vì rằng, tiếng Việt là bằng chứng cụ thể, cũng có hàng ngàn trường hợp bất qui tắc, nào là dấu hỏi và dấu ngã phải học thuộc lòng, như «**đả** phá và **đả** qua», nào là phụ âm C và K là hai ký hiệu khác nhau nhưng phát âm như nhau (thí dụ: **cả** và **kẻ**), nào là một chữ viết như nhau (như **đồng** bào, **đồng** lòng, **đồng** ruộng) nhưng nghĩa thì khác nhau, ...v.v. Quảng Đại Cẩn chắc cũng đã dư biết tiếng Anh cũng có hàng ngàn trường hợp bất qui tắc, nào là cách chia động từ, nào là viết như nhau nhưng lại đọc khác nhau. Tiếng Chăm cũng có trường hợp tương tự như tiếng Anh. Ông còn cho rằng tiếng Anh, Pháp, Việt, v.v. cũng trải qua bao lần chỉnh lý, thế thì tại sao người Chăm không có quyền chỉnh lý *Akhar Thrah* Chăm? Đây là cách biện luận quá sơ sài vì rằng dù có chỉnh lý đến đâu đi nữa, chữ Anh và Việt, v.v. vẫn còn hàng ngàn trường hợp bất qui tắc. Tôi không phải là chuyên gia về ngôn ngữ học, nhưng tôi biết đọc tiếng Việt và tiếng Anh nên cũng có chút hiểu biết vấn đề này.

Theo tôi biết, *Harak Champaka* là cơ quan thông tin và nghị luận về lịch sử và nền văn minh Champa, đấu tranh để đem sự thật đến mọi người. Mục tiêu hàng đầu của

Harak Champaka là bảo tồn bằng mọi cách những giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc Champa; thẳng thắn chỉ trích, phê bình và phản đối bất cứ ai dù họ là người Chăm hay bất cứ tổ chức nào, quốc gia nào không tôn trọng quyền lợi và nguyện vọng chung của dân tộc này. Chính vì thế, *Harak Champaka* phải có nghĩa vụ phản đối những lỗi lầm của BBSSCC trong vấn đề chỉnh lý chữ viết Chăm để thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm.

Cũng vì BBSSCC đã làm đảo lộn cả một di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm, thành ra những nhà nghiên cứu phải tốn kém nhiều thời gian, công lao để tổ chức hai đại hội mang tầm vóc quốc tế nhằm đưa ra ánh sáng những sai lầm trong việc chỉnh lý chữ viết Chăm của BBSSCC hầu thống nhất lại *Akhar Thrah* và bảo tồn giá trị nguồn gốc ngôn ngữ chữ viết Chăm truyền thống. Đại hội đầu tiên đã diễn ra tại Osaka, Nhật Bản vào tháng 2 năm 2006. Đại hội lần thứ hai tại Kuala Lumpur, Mã Lai vào tháng 9 năm 2006, tập trung 15 đại biểu, tương đối đầy đủ các thành phần tiêu biểu trí thức Chăm trong đó có 3 nhà lãnh đạo BBSSCC là Lộ Minh Trại, Nguyễn Văn Tỷ, Thuận Ngọc Liêm. Mục tiêu của hội thảo Kuala Lumpur là cùng nhau góp phần phân tích những gì đã xảy ra trong công trình chỉnh lý chữ viết Chăm của BBSSCC. Kết quả của hội thảo là toàn thể đại biểu, trong đó có ông Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại đều thừa nhận BBSSCC đã vấp phải 4 lỗi lầm quan trọng trong việc chỉnh lý chữ viết Chăm, nên đã đồng ký tên vào biên bản của hội thảo và hứa hẹn sau khi trở về Việt Nam sẽ chỉnh đốn những sai lầm ấy.

Nhưng khi về đến Việt Nam, BBSSCC lại trở ngược nước cờ, tiếp tục con đường xưa lối cũ, không chấp nhận chỉnh lý những sai lầm trong sách giáo trình của cơ quan này. Thế thì còn đâu là tư cách của giới trí thức Chăm? Từ đó, tôi phải đánh giá lại bài viết của *Harak Champaka* 28 trở nên có ý nghĩa nhằm phản đối một cách mãnh liệt cái bất tín của BBSSCC, đó cũng là đòn chí tử đâm mạnh lên nhóm bạc nhược cầu an tiêu cực không tôn trọng quyền lợi

Trách nhiệm của trí thức Chăm

chung của dân tộc Chăm và phản bội công ơn vua chúa Champa đã có công xây dựng di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm.

Hỏi các nhà lãnh đạo BBSSCC có biết rằng hàng trăm ngàn người Chăm sống bên xứ Campuchia hôm nay vẫn còn lưu trữ một số tài liệu sử sách viết bằng *Akhar Thrah* Chăm và họ vẫn còn tiếp tục giáo dục con cháu của họ đọc được chữ viết Chăm truyền thống này một cách rành mạch?

Cũng cần hỏi thêm BBSSCC có biết rằng dân tộc Chăm đã sử dụng *Akhar Thrah* từ thời vua Po Romé đến ngày hôm nay vẫn còn hàng ngàn tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm sử dụng chữ viết này trong các văn bản và kinh kệ của họ? Tại sao BBSSCC không nối gót phương pháp của họ để đưa vào trường lớp nhằm bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết này, mà lại tự tiện chế biến thêm một loại chữ Chăm mới để làm gì?

Và cũng cần nhắc thêm. Trước năm 1975, dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, nhà nước Việt Nam cũng cho phép đưa chương trình giảng dạy *Akhar Thrah* Chăm truyền thống trong các trường lớp đặt dưới quyền chỉ đạo của ông Thiên Sanh Cảnh, Lưu Quý Tân, Thành Phú Bá. Tại sao con em người Chăm dưới thời Việt Nam Cộng Hòa học được chữ Chăm truyền thống của họ, nhưng dưới thời Xã Hội Chủ Nghĩa lại phải chỉnh lý? Trước biến cố này, BBSSCC có nhận thức được việc chỉnh lý chữ viết Chăm một cách tùy tiện, phản khoa học mà quý vị đề ra đã gây một ảnh hưởng vô cùng tai hại cho con em người Chăm đến mức độ nào và hậu quả việc làm của quý vị sẽ ra sao đối với di sản văn hóa của dân tộc?

Trong bài viết Quảng Đại Cẩn luôn luôn cho rằng công trình chỉnh lý chữ Chăm của BBSSCC có sự đồng thuận của «đồng bào Chăm». Tôi không nghĩ vậy. Có chăng đây chỉ là những người cùng phe nhóm của BBSSCC. Nếu tôi không lầm, chỉ có Quảng Đại Cẩn là người đứng ra biện hộ cho công trình chỉnh lý sai lầm chữ Chăm của

Trách nhiệm của trí thức Chăm

BBSSCC nên lúc nào ông cũng cây cú mỗi khi có sự phản ứng từ giới khoa học chuyên ngành chống lại những sai lầm này. Phải chăng Cẩn là một thành viên trong hội đồng chính lý? Điều này làm tôi nhớ lại bài viết của ông về lễ hội Katê trong những năm vừa qua. Thay vì đưa ra minh chứng khoa học để giải thích thế nào là ý nghĩa của lễ hội thì Quảng Đại Cẩn nói quanh co liệt kê hàng loạt các Bà Xứ trong đó có Bà Xứ của dân tộc Campuchia ở Núi Bà Đen (Châu Đốc) chẳng liên quan gì đến gốc tích thần thánh Champa. Là người đồng hương và là người bạn, tôi yêu cầu ông Cẩn đừng nên biện hộ cho sự sai lầm mà vô tình bạn trở thành kẻ đốt phá di sản văn hóa dân tộc Chăm.

Trước sự đổi thay của bao biến cố xã hội và chính trị từ năm 1975 mà dân tộc Chăm là nạn nhân của thời cuộc, chúng ta phải chấp nhận vai trò và trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa truyền thống của dân tộc hơn là hô hào cho sự cải tạo. Nên biết rằng ngày hôm nay chúng ta chỉ là một tập thể tộc người vong quốc, nên vai trò và trách nhiệm hàng đầu của chúng ta là phải kiên trì bảo tồn giá trị ngôn ngữ chữ viết *Akhar Thrah* nói riêng và tất cả những gì nằm trong hệ thống di sản văn hóa Champa nói chung. Bảo tồn thì phải bảo vệ, lưu trữ và gìn giữ cái đẹp cái nguyên thủy của nó. Đó mới là việc làm chân chính, bày tỏ lòng biết ơn đến vua chúa và những bậc tiền nhân đã có công xây dựng di sản văn hóa này.

Nên cứu xét lại mục tiêu của BBSSCC

Nếu BBSSCC nhận tiền lương của nhà nước Việt Nam để dạy con em Chăm học chữ Chăm, thì BBSSCC phải làm thế nào để con em Chăm này trở thành một thế hệ không quên cội nguồn, có cơ hội đọc được những kho tàng văn học mà cha ông chúng ta để lại và những văn bản mà cha mẹ họ đang sử dụng. Chính vì thế, BBSSCC cần nên xét lại công trình chỉnh lý chữ viết Chăm của mình có đúng theo

Trách nhiệm của trí thức Chăm

chủ trương bảo tồn di sản văn hóa dân tộc bản địa mà Đảng và Nhà Nước đã đưa ra hay không.

Dân tộc Chăm sẽ mang ơn BBSSCC, nếu cơ quan này từ bỏ đi chủ thuyết đề cao bản thân và tự mãn cho việc làm sai lầm của mình để chỉnh lý lại 4 lỗi lầm mà các nhà khoa học đã đưa ra để thống nhất lại *Akhar Thrah* Chăm. Bằng không, BBSSCC vô tình tự đào thải bản thân ra khỏi không gian liên đới của xã hội Chăm, tự chà đạp lên công trình của các vua chúa Champa đã có công xây dựng hệ thống ngôn ngữ chữ viết của chúng ta.

Theo quan điểm của tôi, nếu muốn tiếp tục nhận nguồn tài trợ của nhà nước Việt Nam và sự ủng hộ của đồng bào Chăm cho công trình bảo tồn di sản ngôn ngữ chữ viết của dân tộc. BBSSCC nên nghĩ đến một số yếu tố sau đây:

– Liêm chính, vô tư, thật thà, đạo đức, tự trọng và tôn trọng lẽ phải.

– Không được lạm dụng trách nhiệm biên soạn giáo trình chữ Chăm mà nhà nước Việt Nam đã giao phó để tự do chỉnh lý, cải biến *Akhar Thrah* Chăm, làm đảo lộn cả một hệ thống di sản văn hóa của dân tộc này.

– Phải tuyệt đối bảo tồn *Akhar Thrah* Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão và trí thức Chăm đang sử dụng hôm nay và phải chấm dứt truyền bá chữ Chăm cải biến của BBSSCC trong các trường lớp.

– Phải chấp nhận dân tộc Chăm chỉ có một chữ viết đó là *Akhar Thrah* Chăm truyền thống đã có từ lâu đời.

Nhân dịp này, tôi cũng không quên đề cập đến hai ông Lưu Quang Sang và Thành Phú Bá là hai đại biểu Chăm từ Hoa Kỳ đến dự đại hội Ngôn Ngữ Chữ Viết Chăm tại Kuala Lumpur vào năm 2006. Với tư cách là đại biểu đã đồng ý ký tên trong biên bản, hai ông nên tỏ thái độ rõ rệt nhằm lên tiếng yêu cầu BBSSCC giữ lời hứa và sửa lại những sai lầm, chứ không nên im hơi lặng tiếng trước thực trạng văn hóa dân tộc đang trên đà thoái hóa này. Vì người

Trách nhiệm của trí thức Chăm

trí thức Chăm phải làm gương “khuyến thiện trừng ác”, không nên tiếp tục mưu cầu công ích cho riêng bản thân trên sự đau khổ của dân tộc và bao che cho nhóm phản di sản ngôn ngữ chữ viết Chăm.

Hy vọng *Akhar Thrah* Chăm sẽ được thống nhất lại trong một ngày gần đây, và trí thức Chăm hôm nay ý thức được vai trò và nghĩa vụ bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc.

Phê bình cái phê bình của Inrasara

Abd. Karim
(Viện Bảo Tàng Thế Giới Mã Lai)

Hai tác phẩm *Akayet Dewa Mano* và *Ariya Gleng Anak* đã trở thành một đề tài mà Inrasara đã đưa ra bàn luận nhiều lần từ năm 1999 trên mặt báo chí. Và mới đây, vào tháng 7-2006, Inrasara vẫn còn đề cập nó trên mạng Chamyouth.com. Tiếc rằng, quan điểm của Inrasara về hai tác phẩm này không mang nội dung chính xác, không dựa trên cơ sở khoa học vững chắc mà chỉ lập luận quanh co khiến cho độc giả không chuyên về văn học Chăm không biết được đâu là vấn đề hư, đâu là thực, trong bài viết của tác giả.

Để đem lại ánh sáng cho vấn đề, tôi phân tích lại một cách khách quan những quan điểm của Inrasara liên quan đến hai tác phẩm này.

I. Vấn đề *Akayet Dewa Mano*

- Năm 1999, Inrasara cho ra đời quyển sách *Các vấn đề Văn Hóa Xã Hội Chăm*. Ở trang 129-134 của tác phẩm này, Inrasara đã phê bình Po Dharma về chuyển tự latin của thi phẩm *Akayet Dewa Mano* xuất bản ở Kuala Lumpur 1989, đồng thời đưa ra 15 lỗi trong bản ví dụ (tr.133). Trong phần kết (tr. 134) Inrasara đã viết rằng: «gần 300 lỗi lớn nhỏ trong 25 trang sách thì quả là một việc làm tặc trách, thật không tương xứng với tầm vóc của tác phẩm cũng như ý định ban đầu của các tác giả của nó. (...)»

Đây là cuộc khai mở đầu tiên của người Chăm phê bình người Chăm được đăng chính thức trong sách báo.

Po Dharma, tác giả chuyển tự latin *Akayet Dewa Mano* không lên tiếng để phản bác lại.

Phê bình cái phê bình của Inrasara

- Năm 2003, trong quyển sách *VĂN HÓA XÃ HỘI CHĂM nghiên cứu và đối thoại* của mình, Inrasara lập lại nguyên lời phê bình của mình về cách chuyển tự latin của Po Dharma mà Inrasara đã đăng năm 1999 (xem tr. 149-153).

Po Dharma vẫn không lên tiếng để phản bác lại.

- Vào tháng 7-2006, trên mạng Chamyouth.com trong bài *Đính chính với Po Dharma về Ariya Gleng Anak*, Inrasara viết ở cuối bài: «Kì 3 : *Đính chính về Dewa Muno*».

- Tháng 8-2006, qua hộp thư điện tử (email) tôi nhận được bài đối thoại dài Ja Kathaut với nội dung phần đối kịch liệt quan điểm sai lầm Inrasara trong bài *Đính chính với Po Dharma về Ariya Gleng Anak*.

- Đầu tháng 8-2006, trong bài đối thoại 2 với Ja Kathaut mà tôi nhận được, có đoạn Inrasara viết rằng:

«Bài tôi trao đổi và bắt hơn 300 lỗi (chính xác: 327 lỗi) trong 25 trang sách của Dharma, đã đăng rành rành 3 tạp chí chuyên môn và cả trong sách. In thành sách mà, chứ nó chạy đi đâu mà chối! Xin bà con cứ đọc lại bản in đầu tiên của Dharma để thấy PD đã sai ra sao; sau đó đối [sic] chiếu với bản in lần thứ hai để thấy, sau khi Sara phê bình, anh đã sửa sai thế nào. Biết mình sai mà sửa sai là rất tốt».

Phê bình đích thực là một việc làm tốt, một công trình rất cần thiết, vì nó hướng cái sai lầm hay sự nhầm lẫn đến sự hoàn thiện, hoàn mỹ. Tuy nhiên, để làm được công việc này, người phê bình cần phải có các đức tính như : công tâm, đức độ, thái độ nghiêm túc trong việc làm của họ. Một nhà phê bình thật sự là một nhà khoa học chân chính. Cho nên, các bài phê bình thường được định giá như là một chuyên khảo khoa học. Đứng trên quan điểm này, chúng ta

thử nhìn lại việc định giá của Inrasara về bài chuyển tự latin Dewa Mano của Po Dharma và các phê bình khác xem sao!

Sai lầm của Inrasara trong phê bình Dewa Mano của Po Dharma

Sai lầm 1

Inrasara cho rằng Po Dharma đã «sai gần 300 lỗi» hay «chính xác là 327 lỗi» của 25 trang trong phần chuyển tự latin của Dewa Mano. Điều đó có đúng như vậy không? Sự thật, không đúng như vậy. Vì Inrasara không đưa ra những bằng chứng cụ thể của 300 lỗi hay 327 lỗi, mà chỉ dùng lời nói suông. Cả hai lần in lời phê bình này trong sách của mình vào năm 1999 và năm 2003, Inrasara chỉ đưa ra 15 lỗi trong bản ví dụ, một vài từ viết liền hay viết cách, cũng như sự tách câu (xem Inrasara sđd. trang 133, 1999 và 151-152, 2003).

Lời bình này của Inrasara là thiếu trung thực, và bạn đọc có thể cho Inrasara là người thiếu công tâm.

Sai lầm 2

Trong 2 lần bình về Dewa Mano, Inrasara luôn đề nghị phải sửa đổi văn bản gốc của tác phẩm. Inrasara viết:

«Vì nếu bản gốc sai, người làm công tác biên tập cũng nên gia công sửa chữa, hay ít ra cũng nên có ghi chú cần thiết» (tr.131, 1999) và (tr.150, 2003) hay «bỏ bớt từ ‘ni’ vì nó chỉ là tiếng đệm» (tr.134, 1999) và (tr.152, 2003).

Lời đề nghị này hoàn toàn phi khoa học. Vì rằng, trong công trình nghiên cứu, việc sửa chữa bản gốc của một tư liệu theo ý mình là một điều cấm kị. Inrasara đề nghị làm việc này đồng nghĩa với việc không tuân thủ nguyên tắc khoa học. Như vậy, Inrasara không phải là người làm khoa học nghiêm túc.

Tự sửa văn bản gốc của một tư liệu do mình không hiểu được ngữ nghĩa hay tự loại một số từ cho là không cần thiết hay vì một lí nào đó sẽ dẫn đến sự thiếu trung thực và sẽ làm giảm đi giá trị văn bản có được. Hành động đó là một sai lầm. Cũng chính từ sai lầm này, Inrasara đã vội vã kết luận là Po Dharma đã sai «gần 300 lỗi» hay «chính xác là 327 lỗi» khi Inrasara cất công đi đếm các từ ‘ni’, thí dụ «Dewa ni Mano» trong văn bản gốc mà trên nguyên tắc khoa học Po Dharma không thể bỏ được.

Sai lầm 3

Kết tội Po Dharma là «tắc trách» (tr.134, 1999 và tr.152, 2003) trong khi chưa xem xét toàn bộ các tác phẩm khác mà Po Dharma đã xuất bản là một việc làm thiếu công minh và quá đáng. Trong khi, lời buộc tội này lại xuất phát từ những nhận định sai lầm do chính bản thân Inrasara. Đây mới là một việc làm “tắc trách”.

Trong khoa học cũng như trong đời thường: Một quyển sách có thể tha thứ nếu như có vài lỗi lầm hay mười lỗi lầm. Một sự kết tội oan cho một người không thể tha thứ dù một lỗi lầm.

Sai lầm 4

Theo sự công bố trong bài đối thoại 2 với Ja Kathaut vào tháng 8-2006, Inrasara viết rằng bài phê bình về Dewa Mano đã được «đăng rành rành [trong] 3 tạp chí chuyên môn và cả trong sách», tức là trong *Các vấn đề Văn Hóa Xã Hội Chăm* (1999) và *VĂN HÓA XÃ HỘI CHĂM nghiên cứu và đối thoại* (2003). Như vậy cả thảy có 5 lần. Tại sao lại có sự kiện như vậy? Thông thường, một bài bình luận khoa học, tác giả bài viết chỉ cần đăng một lần trong sách báo khoa học là đủ. Còn người tham khảo có thể trích dẫn bao nhiêu lần là tùy ý. Nhưng ở đây, Inrasara cho đăng tới 5 lần. Nhằm mục đích gì? Tác giả đi quảng cáo cho mình chăng? Tác giả muốn đánh giá cao bài viết của mình chăng? Tác giả muốn cho mọi người được biết là khả năng của mình

hơn hẳn chẳng? Hay nhằm hạ bệ đối thủ của mình? Hay không đủ khả năng để viết bài khác? Hay một lý do nào khác? Tất cả lý do trên chỉ thể hiện phong cách không đạo đức của một nhà khoa học.

Câu trả lời cho việc này, có lẽ nên dành riêng cho Inrasara. Còn bạn đọc thì chỉ có cảm tưởng rằng: “anh chàng này không tốt!”

Sai lầm 5

Inrasara đã sa vào lỗi lầm nghiêm trọng. Nếu không nói là “bị hớ” hay “bị trớ trêu”, khi phê phán Akayét Dewa Mano xuất bản vào năm 1989 và tuyên bố: nhờ công lao của mình mà tác phẩm này được sửa chữa trong lần tái bản (xem 4, đoạn trích dẫn của Inrasara đối thoại với Ja Kathaut ở trên).

Ai cũng biết rằng *Akayét Dewa Mano* đã được chỉnh lý và được tái bản vào năm 1998. Trong khi bài phê bình đầu tiên của Inrasara về tác phẩm này chỉ ra đời năm 1999 hay năm 2003, nghĩa là 1 năm hay 5 năm sau khi tác phẩm này đã được tái bản. Thì lấy đâu sự chỉnh lý *Akayét Dewa Mano* là nhờ công lao của Inrasara? Như vậy, phải chăng:

- Inrasara đi vu khống cho Po Dharma,
- Inrasara là một nhà nghiên cứu không nghiêm túc,
- Inrasara vơ quàng công của người khác vào làm của mình,
- v.v...

Inrasara cũng đã làm một công việc thừa, không có chút bổ ích. Đã tốn công mà lại thêm tốn giấy (chưa kể đến các hiểm khích, những nghi kị do hậu quả của nó đưa lại).

Công việc không có chút bổ ích này vẫn còn đeo đuổi Inrasara cho đến hôm nay, hay còn đến mai sau nữa! Như trong dự định Inrasara đã viết, Kỳ 3 : *Đính chính về Dewa Mano* (phần cuối của bản *Đính chính với Po Dharma về Ariya Gleng Anak*). Việc này cũng đã ngốn của Inrasara ít

nhất cũng 8 năm. Thời gian 8 năm là thời gian khá dài cho một người có kiến thức trung bình có thể chiêm nghiệm cuộc sống của mình một cách sáng sủa. Một anh sinh viên khờ khạo có thể trở thành một nhà khoa học. Nhưng với Inrasara, sự việc coi như đơn giản này, lại không đơn giản chút nào! Inrasara đã không nhận diện được sự thật của vấn đề, mà lại còn lớn tiếng tuyên bố với độc giả rằng:

«Xin bà con cứ đọc lại bản in đầu tiên của Dharma để thấy PD đã sai ra sao; sau đó [sic] chiếu với bản in lần thứ hai để thấy, sau khi Sara phê bình, anh đã sửa sai thế nào. Biết mình sai mà sửa sai là rất tốt»

Điều này có quá sức tưởng tượng không? Có lỗi bịch không? Hay Inrasara đang khinh thường độc giả, đánh giá độc giả chẳng biết gì. Inrasara nghĩ rằng độc giả chỉ đọc sách Inrasara và luôn luôn nhắm mắt nghe theo lời Inrasara phán bảo? Hay Inrasara đã biết rồi, nhưng đang mong muốn một điều bí ẩn nào khác? Còn đối với các luận chứng khoa học của Inrasara trong các sách báo đã được xuất bản thì bạn đọc sẽ nghĩ như thế nào? Có đáng nghi ngờ không? Toàn bộ tác phẩm của Inrasara có cần phải được xét lại không?

Tôi không nghĩ Inrasara là người kém thông minh để không hình dung được những nhà khoa học, những nhà nghiên cứu sẽ nghĩ như thế nào về các công trình của mình.

Riêng về Po Dharma, ông chưa hề lên tiếng trong sách báo khoa học về sự phê bình này trong suốt thời gian gần 8 năm. Dẫu biết rằng, Inrasara đã nhầm lẫn. Điều này chứng tỏ ông có công tâm và nhẫn nại hơn.

II. Ariya Gleng Anak

- Trong phụ bản *Ariya Gleng Anak* (Champaka số 4, 2004), Po Dharma viết rằng «Nhà nghiên cứu đầu tiên là Thiên Sanh Cảnh cho rằng *Ariya Gleng Anak* là một bài sấm

ký, tiên tri những sự kiện sẽ xảy ra ở Panduranga. Nổi gót Thiên Sanh Cảnh là Inrasara. Không cần đưa ra một dữ kiện lịch sử nào để minh chứng, Inrasara viết rằng tác phẩm *Ariya Gleng Anak* ra đời vào cuối thế kỷ 18, tức vào thời kỳ chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Thêm vào đó, Inrasara còn dựa trên một số câu có ngày tháng mà tác giả cũng không cần đặt lại vấn đề có chăng đây là ngày tháng của biến cố lịch sử thật sự hay chỉ là niên đại hư ảo, để rồi kết luận rằng *Ariya Gleng Anak* cũng «mang dáng vẻ sấm ký» (tr.66).

• Để trả lời cho quan điểm của Po Dharma, Inrasara viết bài: «Đính chính với Po Dharma về *Gleng Anak*» đăng trong Chamyouth.com (tháng 7-06). Bài này in ra được 5 trang. Trang viết thật là 4 trang rưỡi (4 trang 1/2).

Đọc qua bài này, chúng tôi phân chia nội dung của nó như sau:

– Viết lạc đề (không đi vào trọng tâm) 1 trang rưỡi (1 trang 1/2).

– Đính chính hay “biện minh” cho *Ariya Gleng Anak* hơn 2 trang (2 trang 1/3).

– 3/4 trang còn lại phê phán hay “hạ bệ” Po Dharma.

Đính chính về *Ariya Gleng Anak* là điều nên làm. Nhưng vì thiếu nghiêm túc và không công tâm, Inrasara lại phạm phải các lỗi lầm khác.

Bàn về *Ariya Gleng Anak* mà không đi ngay vào vấn đề, lại vòng vo chỉ trích điều này, phê phán điều nọ, tìm những đồng minh, rồi lại tăng bốc bản thân, đưa ra những vấn đề chẳng liên quan gì đến chủ đề là chỉ làm mất thì giờ của bạn đọc, tạo ra sự chán nản, mà còn vô tình tỏ cho thấy cái yếu thế của nhà nghiên cứu. Đôi khi, những việc này đã không hỗ trợ được cho việc gì, mà còn có tác động ngược.

Đây là một thí dụ điển hình. Chỉ trong 1 trang 1/2 không đi vào trọng tâm vấn đề, Inrasara đã để lại nhiều nhầm lẫn trong cách diễn giải của mình. Ở đây, tôi chỉ cần trích một đoạn ngắn đủ để thấy Inrasara đã để lại bao nhiêu sai lầm. Trong *Đính chính với Po Dharma về Ariya Glang Anak*, Inrasara viết:

«Champaka không phổ biến ở Việt Nam, nên việc hay/dở, sai/đúng chỉ có các bạn theo dõi mạng hay vài người biết. Champaka đề cập đến cá nhân Sara rất nhiều và liên tục, từ số 2 đến số 4. **Luôn đề cập về phía tiêu cực**. Tôi có trả lời đây đó cho các bạn thắc mắc, nhưng chính thức tôi có 3 bài» (Inrasara, *Đính chính với Po Dharma về Ariya Glang Anak*).

Cái "hớ" 1

Khi dùng cụm từ «Champaka không phổ biến ở Việt Nam», Inrasara đã vô tình hay cố ý làm một việc “đại dột”. Vì độc giả sẽ đặt ra hàng chục câu hỏi với Inrasara mà Inrasara không giải đáp được, như: “Anh có chắc không?”, “Làm sao anh biết được?”, “Anh có phải là công an chuyên đi theo dõi mọi người xem có ai đọc *Tập san Champaka* hay không?”, “Anh có làm bảng thống kê để biết bao nhiêu người ở Việt Nam đã đọc *Tập san Champaka* không?”, “Lấy gì để xác minh lời anh nói?”, v.v...

Hơn nữa, theo chúng tôi, «Champaka không phổ biến ở Việt Nam» chỉ liên quan đến 2 vấn đề:

1). Tờ báo bị cấm và không được phổ biến ở Việt Nam. Trong trường hợp này, Inrasara không thể xác định độc giả của nó. Vì không ai đại gì mà đi khai với Inrasara là họ có đọc *Tập san Champaka*.

2). Tờ báo không bị cấm, nhưng vì nó tồi quá, không ai đọc, nên không được phổ biến ở Việt Nam. Nếu rơi vào trường hợp này, chẵn chẵn Ban Biên Tập của *Champaka* đã nhận được sự phản ảnh rồi. Nhưng thực tế đã chứng minh ngược lại, là từ khi ra đời đến nay, *Champaka* luôn luôn

nhận được sự phản ánh, đó là «một tập san nghiêm túc, có giá trị khoa học rất cao so với tập san tiếng Việt xuất bản ở hải ngoại» và có rất nhiều người viết thư cho Ban Biên Tập xin gửi Tập san Champaka cho họ. Ngay như trong trường hợp 2, Inrasara cũng không thể xác quyết được.

Như vậy, điều khẳng định về Champaka của Inrasara là khá mơ hồ và không chắc chắn. Người làm công tác nghiên cứu có những khẳng định “mơ hồ” thì được xem là người thiếu năng lực, và các bài chuyên khảo của họ không thể gọi là chuyên khảo khoa học được.

Cái "hớ" 2

Câu «chỉ có các bạn theo dõi **mạng** hay vài người biết» về Champaka. Là câu viết không chính xác, vì rằng Champaka là một tập san (in trên giấy), không phải là Web nên không gọi là «mạng» được. Cho rằng, chỉ có «vài người biết» Champaka cũng không có cơ sở khoa học, và bạn đọc có thể cho là Inrasara “nói mò”.

Theo tôi, câu trên nên viết : những người biết đến Champaka là người có đọc tập san này, thông thường là các nhà nghiên cứu, vì đây là một tập san khoa học.

Cái "hớ" 3

Khi viết «Champaka đề cập đến cá nhân Sara (...)», là Inrasara đã viết **sai**, mà cơ quan liên đới Champaka có thể đưa Inrasara ra trước pháp lý về tội “vu khống” hay “ăn nói bừa bãi”. Vì Champaka là tên gọi của một tập san, nó không phải tên người, nên không thể đề cập đến cá nhân ai được. Đúng hơn, Inrasara nên viết rằng bài ông A, ông B, ông C, v.v... đăng trong Champaka số nào đó, ở trang nào đó, có «đề cập đến cá nhân Sara» thì hợp lý hơn.

Ở đây cho thấy, Inrasara khá lỏng lẻo trong cách lý luận và dùng từ.

Cái "hớ" 4

Khi viết «luôn đề cập về phía tiêu cực» Inrasara đã vô tình làm lộ ý tưởng của mình là không muốn bị người khác phê bình. Hay Inrasara không hiểu nghĩa của từ «phê bình». Câu viết này cũng là một sự diễn đạt không rõ ràng.

Khi đã gọi là phê bình hay phê phán là đã có sự phản ảnh ngược, chứ không chỉ là một sự đồng thuận (vì rằng phê bình không phải chỉ gồm những từ hoan hô). Sự phản ảnh này cũng không phải bắt nguồn từ thái độ tiêu cực mà là bắt nguồn từ một hành động tích cực để làm sáng tỏ một vấn đề. Người bị phê phán cũng có thể lại trở thành người phê phán, nếu có đủ lý lẽ và bằng chứng để xác minh cho quan điểm của mình. Như vậy, không có ai đứng về phía tiêu cực cả. Ở đây, Inrasara không đủ chứng cứ để phản bác lại người phê phán sai lầm của mình, nhưng lại vội vàng đi kết tội người khác là “sai”.

Champaka là một tập san khoa học. Thành vậy, tập san này không bao giờ đăng bài viết thiếu nghiêm túc, có những nhận định hững hờ, chứa đựng những lời ăn nói bừa bãi hay có những lý luận mơ hồ. Nó càng không phải là diễn đàn để bôi nhọ hay đả phá cá nhân ai. Ngược lại, Champaka sẵn sàng đón nhận những bài nghiên cứu có chất lượng và bài phê bình sách báo nghiêm túc phản đối những bài viết thiếu khoa học hay có những nhận định nhầm lẫn liên quan đến nền văn minh và xã hội Champa. Do vậy, nếu có bài nào đó trong tập san Champaka từ số 2 đến số 4 đề cập đến Inrasara, thì chắc chắn nó không phải là bài đề cập đến bản thân Inrasara, mà là phê bình các nhận định và quan điểm sai lầm trong bài viết của Inrasara. Đó là vấn đề rất cần thiết trong việc nghiên cứu. Đứng trên phương diện khoa học, Inrasara có quyền viết bài trao đổi có tính khoa học với các chứng cứ mà Inrasara tìm được, chứ không thể ăn nói suông hay trù dập người khác bằng những lời nhục mạ hay chê bai vô căn cứ.

Không thể đưa hết ra đây những sai lầm trong cách hành văn, những nhận định của 1 trang 1/2 trong phần đỉnh chính của Inrasara không ăn nhập vào vấn đề này, nên chúng tôi tạm gạt bỏ để bàn thẳng vào vấn đề chính *Ariya Gleng Anak*.

Sai lầm 1

Vào phần trao đổi chính, Inrasara viết :

«(...) trong một bài viết, Ts Po Dharma có phê bình nghiên cứu của Inrasara về Ariya Glang Anak. “Khám phá” sai lầm của tác phẩm khoa học sau 9 năm tác phẩm ấy ra đời thì không gì dễ hơn».

Cách nói này không phải phong cách của một nhà nghiên cứu hay một nhà khoa học. Đây cũng là một nhận định sai lầm. Cái quan trọng trong khoa học không phải là thời gian mà là cái khám phá. Trong cuộc sống chúng ta có nhiều cái đã được khám phá và còn nhiều cái chưa được khám phá, không phải cái chưa được khám phá sẽ không giá trị khi được khám phá vì nó đã trải qua mấy ngàn năm rồi!

Câu trên cũng biểu hiện cho thấy Inrasara không có “thiện cảm” với những ai phê bình mình. Không thích người khác phê bình mình, trong khi Inrasara lại thích phê bình người khác, như vậy, Inrasara có tự mâu thuẫn với chính mình không?

Viết rằng «“khám phá” sai lầm của tác phẩm khoa học sau 9 năm tác phẩm ấy ra đời thì không gì dễ hơn» cũng giống như “vạch áo cho người xem lưng”. Việc dễ như vậy mà Inrasara lại không khám phá ra để tự sửa chữa, lại để cho người khác khám phá ra trước mình, chứng tỏ là mình “dở” hơn người khác.

Hơn nữa, trong khoa học không phải khi thấy có vấn đề là phê phán ngay. Như bản thân tôi, nhận thấy có rất nhiều sai lầm trong các công trình mà Inrasara đã cho xuất bản, nhưng chưa “phê bình” ngay bây giờ, mà đợi khi nào

đề cập đến vấn đề liên quan tới đề tài đó, thì mới đưa ra bàn. Đây là qui luật khoa học. Có lẽ Po Dharma cũng vậy, đến khi viết về *Ariya Gleng Anak* vào năm 2004, ông mới đem chuyện *Gleng Anak* của Inrasara ra bàn. Điều này cũng hợp lẽ thôi.

Sai lầm 2

Theo Inrasara, Po Dharma có nêu ra 3 điểm sai lầm của Inrasara trong *Ariya Gleng Anak*, đó là, thời điểm, ngữ nghĩa và Inrasara kết luận rằng *Ariya Gleng Anak* “mang dáng vẻ sấm kí”.

Về thời điểm ra đời của *Gleng Anak*, Inrasara viết:

«Tạm đồng ý với anh, vì PD là nhà sử học, tôi là nhà văn.»

Tại sao lại «tạm đồng ý»? Phải minh bạch chứ. Nhân danh một nhà nghiên cứu, nếu đúng thì nhận là đúng, là đồng ý, chứ đừng lem nhem, vòng vo hay “tung hỏa mù” để mất đi tính trong sáng của nó.

Cũng không nên đờn cử lý do anh là nhà sử, tôi là nhà văn. Mọi người có thể cho Inrasara là ngây ngô. Vì ở đây, chức năng không can hệ đến vấn đề. Trong luận chứng khoa học, không phải nhà sử sai thì bị kết tội, còn nhà văn sai thì được tha bổng.

Về ‘*Ariya Gleng Anak*’, Inrasara thường bảo với mọi người là đã thuộc nó từ lúc mới 5 tuổi. Vậy mà, câu liên quan đến ngày ra đời của tác phẩm này có sẵn trong *Ariya Gleng Anak*, nhưng Inrasara lại không nhớ và không biết được lại để cho Po Dharma, người mà Inrasara nghi ngờ «khả năng tiếp cận», phát hiện ra. Điều này đã làm cho độc giả nghi ngờ khả năng tiếp cận cũng như nhận định của Inrasara và các bài viết của Inrasara.

Đây là câu liên quan đến ngày ra đời của tác phẩm có sẵn trong *Ariya Gleng Anak*.

Phê bình cái phê bình của Inrasara

*Kami sarak di dalam ariya,
nasak pabaiy balan dua, sa pluh bangun sut
tanyruah,,
(Ariya Gleng Anak, câu 82)*

«Chúng tôi ghi (lại) trong ariya,
Ngày lành thứ sáu, mùng 10, tháng hai, năm Mùi».

Năm Mùi tức là năm Ất Mùi 1835 (Xem Po Dharma, Champaka 4, trang 69). Như vậy Inrasara cũng nên xét lại bản thân mình.

Sai lầm 3

Po Dharma cho rằng Inrasara hiểu sai một số từ trong *Ariya Gleng Anak* là đúng. Tôi thấy như vậy, và Inrasara cũng thấy như vậy, nhất là những từ có gốc Sanskrit, Á rập, Malay... mà Inrasara ít có dịp tiếp xúc hay quán xuyên hết được. Vì sau khi được phê bình, Inrasara đã sử dụng nó trong các bài viết của mình sau này.

Mọi việc sẽ trở thành trong sáng nếu như Inrasara chân thật. Đăng này, Inrasara lại tung ra hỏa mù, nào cho vào ngoặc, viện dẫn Husserl, Kiều (Nguyễn Du), v.v... để lấp liếm và đẩy sự việc trở lại vào bóng tối. Đưa mấy ông Husserl hay Nguyễn Du vào đây thì được việc gì, vì các nhân vật này không liên hệ gì đến *Ariya Gleng Anak*? Nó chỉ làm lộ ra tính phô trương của Inrasara mà thôi. Đây là phong cách không trung thực trong khoa học.

Sai lầm 4

Trong cuốn *Văn học Chăm* (1994, tr. 206), Inrasara viết:

«Chúng ta nhận thấy rằng, cũng như các thi phẩm thuộc dòng thơ thể sự khác, Ariya Gleng Anak cũng có những câu mang dáng vẻ sấm kí»

và đưa ra đoạn trích dẫn:

Phê bình cái phê bình của Inrasara

«*Bilan tajuh ... Tháng bảy...*

Tel thun ntsak asaih nan ra brei...

Đến năm ngọ mình sẽ được ban cho...

Bilan sa pluh ntsak asaih nan mung hu...

Tháng mười năm ngọ rồi sẽ có...»

Đồng thời kết luận: «Nhưng ở đây, tính thời sự và tính tâm lí lại lẫn lộn lẫn». »

Trong bài *Đính chính với Po Dharma về Ariya Gleng Anak*, đăng trong Chamyouth.com, Inrasara cũng viết thêm:

«“tính thời sự và tính tâm lí” là chiếm đại đa số; riêng một ít “sấm kí”, cũng chỉ “mang dáng vẻ” bề ngoài mà thôi».

Như vậy, có nghĩa là Inrasara đã thừa nhận *Ariya Gleng Anak* có những câu «mang dáng vẻ sấm kí». Dẫu rằng, cái «vẻ sấm kí» này rất hời hợt và không đáng kể, còn tính thời sự của nó mới đậm nét và nổi trội hơn. Điều này đủ để kết luận rằng, theo Inrasara, *Ariya Gleng Anak* không phải là một “sấm kí” mà chỉ «mang dáng vẻ sấm kí» nhưng rất hời hợt” và chỉ ở bên ngoài, nghĩa là ít nhiều nó «mang dáng vẻ sấm kí».

Po Dharma viết, Inrasara kết luận rằng *Ariya Gleng Anak* cũng «mang dáng vẻ sấm kí». Câu này, chỉ là một sự lập lại của Inrasara cả về từ vựng cũng như ngữ nghĩa. Nhưng Inrasara lại bảo Po Dharma “sai”. Thật ra, Inrasara “sai” chứ không phải Po Dharma.

Po Dharma không bảo Inrasara kết luận rằng *Ariya Gleng Anak* là “sấm kí”. Nhưng Inrasara lại “vu oan” khi đưa ra lời phản bác «Tôi có KẾT LUẬN Gleng Anak là sấm kí đâu mô!?» để đánh vào Po Dharma. Lời phản bác này đã mất hết ý nghĩa, vì nó đánh không trúng mục tiêu.

Ở đây, độc giả thấy Inrasara không phải là người trung thực. Inrasara không dính chính về vấn đề gì trong *Ariya Gleng Anak*, mà chỉ lấy cớ «dính chính» và dùng mạng Web để hạ bệ Po Dharma thì đúng hơn.

Trong bài «*Dính chính với Po Dharma về Ariya Gleng Anak*», tôi nhận thấy rằng, Inrasara chưa nắm được nội dung của thi phẩm này và tiếp tục nhầm, khi đưa ra những nhận định như «(...) và cả sấm kí nữa (...) còn SẤM KÍ sau chót (...) thử đặt vấn đề: tìm hiểu nguyên do tại sao quần chúng Chăm lại hiểu Ariya Gleng Anak là “tiên đoán”».

Đối với tôi, nội dung của tác phẩm này rất rõ ràng. Trong *Ariya Gleng Anak* không có gì là «sấm kí» hay «mang dáng vẻ sấm kí» cả. Inrasara hay người nào đó bị “thôi miên” bởi một vài từ mà Inrasara chưa thông được. Nó giống hệt như ban đầu người ta hiểu từ *gleng* là “đoán” vậy thôi.

Diễn hình, là từ được bôi đen trong 3 câu trong *Ariya Gleng Anak* theo sau:

tel thun nathak athaih nan ra brei,
apuei kadhira mbeng palei, nager chai drut merai,,
(câu 4)

balan tajuh Lengka merai sumu,
klaw pakal merai saong nyu, Kawei angan bhum
Kawei, (c. 6)

bilan sa pluh nathak athaih nan mang hu,
apuei tiah krung mang Cru, cuh janâk mbeng batuw,,
(câu 27)

1). Do hiểu từ **tel** = «đến» một chiều ở tương lai nên mọi người dễ nhầm lẫn là câu 4 ám chỉ sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, có nghĩa là nó mang vẻ sấm kí. Trong khi từ **tel** = «đến» không chỉ dùng ở tương lai mà còn dùng cho cả sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

2). Do không hiểu từ *Lengka* «thiên, trời» là cụm từ được dùng để ám chỉ cho hoàng đế Minh Mạng (câu 6), nên có sự ngộ nhận là trong tháng bảy (*balan tajuh*) sẽ có một nhân vật *Lengka* nào đó xuất hiện, thành ra mới suy đoán *Ariya Gleng Anak* có «mang dáng vẻ sấm kí».

3). Do hiểu sai từ **mang hu** là «sẽ có» hay «mới có» chỉ dùng cho tương lai, nên có sự ngộ nhận câu 27 ám chỉ sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, thành ra mới suy đoán *Ariya Gleng Anak* có «mang dáng vẻ sấm kí». Trong khi đó, **mang** trong cấu trúc ngữ pháp tiếng Chăm cũng giống như *me* và *meng* trong cấu trúc ngữ pháp tiếng Mã, là khi kết hợp với một động từ, là để chỉ một hành động trực tiếp hay đang diễn tiến.

Ba sự kiện có tính chất "thôi miên" là 3 việc đã xảy ra vào năm 1834 (năm Ngọ), năm đánh dấu sự vùng dậy của Ja Thak Wa chống lại chính sách của Minh Mạng mà thôi. Đây là nội dung của biến cố này:

Đầu năm Ngọ (1834) Minh Mạng ra lệnh cho binh tướng của mình chiếm giữ các cửa khẩu ở Pandarang (Phan Rang và Phan Rí), tập trung toàn bộ dân chúng Chăm về giữ một chỗ (câu 9). Cướp phá và đốt sạch các làng mạc của người Chăm, nhất là các làng ven biển, trong đó, có những làng đã phát triển rất trù phú như, Kanak (Cà Ná), Dil (Sơn Hải), Lamngâ (Nại), v.v. (câu 2, 4), nhằm cắt đứt các mối liên hệ của người Chăm với bên ngoài (cụ thể là Mã Lai), đồng thời, tiêu diệt con đường tiếp tế muối ăn cho quân kháng chiến Thak Wa.

Tháng 7-1834, Minh Mạng cùng ba quan tướng của mình là Phan Phu, Dương Văn Phong và Lê Nguyên Trung tiến vào Bhum Kawei¹ quê hương của Thak Wa, để tìm bắt và trừng trị những người theo quân kháng chiến cũng như người thân của họ. Đây là cuộc trừng trị khủng khiếp đã làm khiếp đảm, làm đảo lộn cũng như làm sụp đổ toàn diện xã

¹ Nay là thôn Văn Lâm, Phước Nam, Ninh Thuận Việt Nam.

hội Chăm thời bấy giờ, như được ghi lại trong câu 7 cho đến câu 11 trong *Ariya Gleng Anak*.

Sự kiện này cũng làm đảo lộn tình thế, một số người Chăm theo kháng chiến Thak Wa không kham nổi trước thảm khốc mà vợ con đang chịu đựng đã trốn về để chịu chết thay cho gia đình. Trước sự khủng hoảng tan rã hàng ngũ, Ja Thak Wa cho phép người Churu trừng trị người Chăm nào bỏ hàng ngũ trốn về.

Tháng 10-1834, người Churu tự thiêu huỷ làng mạc của mình để quyết tâm theo kháng chiến Thak Wa (câu 27)²

Như vậy, trong *Ariya Gleng Anak* không có gì “sấm kí” hay “mang dáng vẻ sấm kí” cả.

Sai lầm 5

Cũng trong bài đính chính này, Inrasara “chê” Po Dharma không hiểu tiếng Việt dù câu viết rất rành mạch, «bằng tiếng Việt hiện đại với cấu trúc ngữ pháp hiện đại» của Inrasara. Nhưng theo như phân tích ở phần trên cho thấy, cụm từ 5 chữ rất bình dân «mang dáng vẻ sấm kí» của chính Inrasara viết ra mà Po Dharma là người chỉ lập lại, nhưng Inrasara lại không hiểu nổi, rồi đi dùng những luận điệu quanh co nhằm “hạ bệ” Po Dharma với câu «(...) làm sao anh thuyết phục người đọc tin khả năng tiếp cận của anh về tác phẩm cổ điển có ý nghĩa cao cường như thi phẩm *Ariya Glang Anak* !!?!»

² (Xem Po Dharma, *Le Panduranga I&II, 1802-1835*, 1987; Po Dharma, «*Ja Thak Wa*», *Harak Champaka* 2; Po Dharma, *Ariya Gleng Anak*, *Champaka* 4, 2004, tr. 66-80; *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Quyển XII, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài Gòn, 1965; *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, Tập I-XVI, KHXH, Hà Nội, 1962-1966; *Minh Mệnh Chính Yếu*, I&II, Bộ VHTN, Sài Gòn, 1972; *Minh Mệnh Chính Yếu*, III-VI, Bộ VHTN, Sài Gòn, 1974).

Ở đây, Inrasara lại tỏ cho độc giả thấy, Inrasara có thái độ “hằn học”, thích nhục mạ người khác hơn là phong cách của một nhà nghiên cứu.

Về “khả năng tiếp cận”, tôi xin nhắc lại lời của Inrasara (không phải 1 lần, ít nhất cũng 2 lần, trong VHXXH Chăm và cả trong bài đính chính với Po Dharma, đăng trong Web Chamyouth.com 2006). Inrasara tuyên bố rằng, lúc 5 tuổi Inrasara đã thuộc lòng *Ariya Glang Anak*. Nếu tính từ thời gian Inrasara thuộc lòng tác phẩm này cho đến nay ít ra cũng được 44 năm (năm nay Inrasara 49 tuổi). Như thế có nghĩa là, Inrasara có một cơ hội dài gần 44 năm để tiếp cận với thi phẩm khó hiểu này, nhưng Inrasara không nắm vững được nội dung của nó, lại để cho Po Dharma (người chắc không dùng thời gian dài như Inrasara để tiếp cận nó) “sửa lưng”, thế thì giữa Po Dharma và Inrasara, ai có khả năng tiếp cận tốt hơn ai? Ở đây, chúng tôi khỏi phải bình thêm.

Sai lầm 6

Inrasara khuyên Po Dharma nên:

«Hạn chế bàn về văn học (...), đừng nên đưa lời phê phán vội vã các hiện tượng văn học mình chưa nghiên cứu kỹ (...). Bởi đây là phạm trù chuyên biệt. Nó đòi hỏi chẳng những người viết phải làm chủ được tri thức rất nền tảng văn học thế giới và nhất là, sở hữu khả năng thẩm định, một khả năng này [sic] hoàn toàn thuộc năng khiếu BẮM SINH (...) Nếu nhà nghiên cứu chưa hội đủ hai yếu tố đó, đảm bảo nhận định tới đâu SAI tới đó, như Po Dharma đã từng phạm phải.»

Khuyên Po Dharma nên «hạn chế bàn về văn học», Inrasara đã làm một điều “vô bổ”, là đang có một cái nhìn hay một nhận định “vớ vẩn”, có nghĩa là chính Inrasara là người «không sở hữu khả năng thẩm định». Vì hơn lúc nào hết, chúng ta đang cần những nhà nghiên cứu, những nhà bình luận hay những nhà phê bình trên tất cả lĩnh vực để

mang lại ánh sáng cho xã hội Chăm “chưa được” sáng sủa này.

Hạn chế Po Dharma với lý do chưa nghiên cứu kỹ mà «vội vã phê phán», nhưng không đưa ra được những bằng chứng cụ thể, đủ sức thuyết phục, chỉ là lời nói mang nặng tính đố kỵ hay lo sợ cho cái “dở” của mình có nguy cơ bị bại lộ. Trong *Ariya Gleng Anak*, Po Dharma đã hơn hẳn Inrasara trong cách tiếp cận (hiểu) và khả năng thẩm định (tức là khả năng nhận định và đánh giá), và đã đưa ra được lời phê bình chính đáng. Như vậy, trong lần bàn về văn học này, Po Dharma đã cho thấy mình có khả năng. Trong khi đó, Inrasara lại rất hạn chế về khả năng này. Thế thì lời khuyên «hạn chế bàn về văn học» nên dành cho Inrasara mới đúng.

Nếu đúng phong cách của một nhà nghiên cứu, Inrasara nên xem lại sự đúng sai của bài mình, chứ không nên kết tội người khác vội, và đừng dùng những lời khiếm nhã và thiếu thẩm định khoa học.

Theo ý Inrasara, Po Dharma thiếu năng khiếu «bẩm sinh» và «khả năng thẩm định» văn học Chăm, cho nên «Po Dharma nhận định đến đâu SAI tới đó, như Po Dharma đã từng phạm phải». Đây cũng là lời nhận định vội vàng, có nghĩa là «thiếu khả năng thẩm định».

Tôi chưa nghe Po Dharma có “khoe” với ai rằng mình có năng khiếu “bẩm sinh” cũng như “khả năng thẩm định” văn học Chăm. Ngược lại, căn cứ vào câu nói trên của Inrasara, một cách gián tiếp Inrasara đã bộc lộ cho độc giả thấy rằng, “năng khiếu bẩm sinh” và “khả năng thẩm định” thuộc về mình. Nhưng trên thực tế như đã chứng minh ở trên cũng như sau này, Inrasara không có “năng khiếu bẩm sinh” và “khả năng thẩm định” di sản văn học Chăm. Suy nghĩ trên của Inrasara chỉ là điều “mơ tưởng”.

Cho rằng «Po Dharma nhận định đến đâu SAI tới đó, như Po Dharma đã từng phạm phải.» là câu nói bừa, vô căn cứ, mang tính vu oan và nhằm mục đích hạ bệ lẫn nhau. Trong 3 cái sai lầm của Inrasara trong *Ariya Gleng Anak* mà

Po Dharma đã đưa ra, cả ba đều đúng. Ngược lại, Inrasara không đưa ra được cái sai lầm nào mà Po Dharma đã từng vi phạm, mà chỉ thấy những lời nhục mạ hay vu khống mà thôi.

Khi phê phán hay hạ bệ Po Dharma với câu, «(...) phán định SAI, anh dễ gây cho người đọc nghi ngờ khả năng tiếp cận văn bản thuộc thể loại khác. Rất không hay cho uy tín của anh, không phải uy tín về văn học – uy tín này anh chưa hề có – mà uy tín về chính ngành chuyên môn của anh nữa!»

Với câu này Inrasara cũng lại “nhầm”. Nó như bật ngược trở lại cho chính bản thân Inrasara. Do những phán định “sai lầm” liên tục của Inrasara như đã được phân tích trong suốt bài bình luận này, chắc chắn nhiều bạn đọc đang đặt lại vấn đề Inrasara, về cả khả năng tiếp cận đối với các văn bản thuộc các thể loại, cũng như các vấn đề khác. Cụ thể, trên thực tế các công trình nghiên cứu về văn học Chăm của Inrasara không gây được “uy tín” đối với các nhà chuyên môn, nhất là ở nước ngoài. Chỉ những nhà nghiên cứu (phần nhiều ở Việt Nam) thường dẫn các bài viết của Inrasara, nhưng không phải vì giá trị khoa học bài viết của Inrasara, mà là sự hiện hữu các văn bản Chăm, hay các vấn đề Chăm được đề cập trong nó.

Inrasara, rất có khả năng trong việc sáng tác thơ, văn, loại “vô thưởng, vô phạt”. Còn trong việc nghiên cứu chuyên sâu tôi nhận thấy Inrasara còn có khá nhiều trở ngại. Những trở ngại này tôi sẽ đề cập khi có dịp hay trong bài viết có liên quan, sau này./-

Văn hóa-Xã hội Chăm: Nghiên cứu và đối thoại

Dominique Nguyen
(Chương Trình Thế Giới Mã Lai)

Tác phẩm Văn hóa-Xã hội Chăm : Nghiên cứu và đối thoại (Nhà xuất bản Văn học, 2003, 350 trang) của Inrasara gồm 4 phần. Phần I : Văn hóa-Xã hội. Phần II : Ngôn ngữ-Văn chương. Phần III : Sáng tạo. Phần IV : Phụ lục.

Inrasara là một nhà thơ Chăm được nhiều người mến mộ. Dù nhìn từ khía cạnh nào, độc giả khó phủ nhận những công trình đóng góp của ông ta, đó là thành tựu đáng kể trong lãnh vực nghiên cứu văn hóa Chăm từ một thập niên qua. Thay vì dùng ngòi bút để nói lên sự âm thầm của một nhà nghiên cứu, tác giả lại tự hào về thành tích của mình, đưa ra nhiều lập luận quá chủ quan, mà nội dung của tác phẩm mang tựa đề *Văn hóa Xã hội Chăm - Nghiên cứu và đối thoại* không chính xác, không dựa trên cơ sở khoa học vững chắc để tìm một giải pháp chung cho dân tộc.

Cũng như chúng tôi đã trình bày trong Champaka số 4 (2004, trang 146-150), đây chỉ là một cuốn ký sự nhằm phản chiến chống lại một số yếu tố văn hóa Chăm không phù hợp với chủ trương của nhà nước Việt Nam, hay dẹp bỏ một số trí thức Chăm có “địa vị con con, một mảnh bằng tạm tạm” (Chăm Panduranga tại thành phố Hồ Chí Minh, trong Tagalau số 4, 2004, tr. 46) như tiến sĩ, cao học không cùng trường phái và quan điểm với tác giả thì đúng hơn.

Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây, tác phẩm *Văn hóa-Xã hội Chăm* của Inrasara không mang nội dung khoa học để phân tích những gì liên quan đến văn hóa và xã hội Chăm. Ngược lại, tác phẩm này chỉ tập trung một số chủ đề quá tạp nham mà tác giả muốn đưa ra nhằm tôn vinh năng khiếu và công trình văn hóa của cá nhân mình đôi lúc quá lạc quan. Tác giả phô trương cuộc đời làm văn học và

nghề làm thơ của mình. Tác giả quảng cáo đi quảng cáo lại bao giải thưởng văn học của mình. Tự đặt ra câu hỏi rồi tự viết câu trả lời, tác giả cho đó là bài phỏng vấn của phóng viên báo chí Việt Nam viết về mình (nhà trí thức thật sự không bao giờ dùng ngòi bút để quảng cáo về mình). Tác giả tự dàn dựng mục đối thoại với người ảo tưởng nhằm hạ bệ một số quan điểm người Chăm không phù hợp với chủ trương của mình. Tác giả không ngần ngại đưa ra danh sách người Chăm lập gia đình với người Kinh trong làng Mỹ Nghiệp, để rồi phân tích cặp vợ chồng nào hạnh phúc hay không hạnh phúc. Tại sao Inrasara biết cặp vợ chồng đó không hạnh phúc. Có chăng tác giả đang rình nghe chuyện cá nhân của người khác. Inrasara đừng quên rằng đây là chuyện đời tư và nhân quyền của người khác mà không ai có quyền xúc phạm đến.

Tác phẩm *Văn Hóa-Xã Hội Chăm* còn chứa đựng một trọng tâm khác đó là tác giả dựa vào “thế lực văn hóa” để đập tan một số yếu tố văn hóa Chăm không phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tẩy chay một số nhân vật làm văn hóa ở nước ngoài có liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với Fulro, hay châm biếm một số nhà nghiên cứu Chăm ở trong nước không cùng chủ trương và quan điểm với tác giả.

Sau đây là một số quan điểm hay tác phong không trung thực mà chúng tôi muốn đưa ra bàn bạc :

1. Tinh thần tự phong

Vì quá tự hào với những công trình nghiên cứu đạt được, Inrasara tự cho rằng : “tôi đánh giá khá cao việc làm của mình” (tr. 22). Độc giả tự hỏi ở đây có chăng Inrasara không còn nhận diện được đâu là công trình nghiên cứu của nhà khoa học, và đâu là việc làm mang tính cách lợi nhuận. Theo chúng tôi vai trò của nhà khoa học dù dưới hình thức nào, làm công tác văn hóa không ngoài mục đích duy trì, bảo lưu giá trị truyền thống văn hóa dân tộc, bổ túc vào công trình nghiên cứu của những người đi trước. Cố gắng hiến

cuộc đời mình cho sự nghiệp phát huy văn hóa là bổn phận của một người nghiên cứu, thay vì tự “đánh giá khá cao việc làm của mình”.

Sau 10 năm sưu tầm và nghiên cứu văn hóa Chăm, tác giả “được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, ít anh em Chăm biết chúc mừng” (tr. 30). Đây là thông điệp mà tác giả gửi đến đồng bào Chăm chứa đựng nội dung theo đuổi một giấc mơ để trở thành vĩ nhân, và muốn đánh thức đồng bào Chăm cần phải tôn vinh mình. Làm công tác văn hóa không ngoài mục đích để bảo lưu giá trị tiềm tàng của nó, chứ không phải nghiên cứu để khoe khoang về tài năng cống hiến của mình, để rồi buộc dân tộc Chăm viết thư chúc mừng mình.

2. Lý luận mơ hồ

Tác giả cho rằng “chế độ mẫu hệ Chăm đã và đang phát triển theo chiều hướng không thuận lợi” (tr. 151). Chính vì thế, tác giả đề nghị phải cải biến chế độ mẫu hệ này.

Vấn đề ở đây dù dân tộc Chăm theo mẫu hệ hay phụ hệ, và bản chất của một dân tộc đó có lành mạnh hay suy thoái, nó hoàn toàn tùy thuộc vào phương án tổ chức của một quốc gia. Chính phủ có thể áp dụng luật chơi xoay chiều đổi thế hâu đem lại sự no ấm cho đồng bào, nhưng chính phủ không thể áp dụng một chính sách nhằm biến mẫu hệ Chăm thành chế độ phụ hệ theo truyền thống dân tộc Việt.

Đối với chúng tôi, mẫu hệ Chăm không làm trì hoãn sự tăng trưởng kinh tế, băng hoại xã hội và khủng hoảng niềm tin. Kinh tế Chăm được lành mạnh hay không, nó còn tùy thuộc chính sách của chính quyền có thực tâm cải thiện để nâng cao mức sống người dân. Nếu không, sẽ đưa đến kết quả của sự đào nhiệm từ chính quyền, Inrasara không thể đổ lỗi cho dân tộc Chăm vì chế độ mẫu hệ nên kinh tế phát triển theo chiều hướng không thuận lợi.

Tác giả còn cho rằng “phụ nữ Chăm có khuynh hướng cột chồng con” (tr. 50). Tiếc rằng dân tộc Chăm theo chế độ mẫu hệ nhưng phụ quyền. Đàn ông Chăm nắm rất nhiều quyền : quyền tổ chức gia đình, quyền tổ chức xã hội, quyền lãnh đạo. Trong khi đó vai trò của người đàn bà Chăm bị giới hạn trong phạm vi bảo quản tài sản, chăm sóc con cái. Chính vì thế, phụ nữ Chăm không có lý do gì làm chùng bước chí nam nhi.

3. Thái độ trịch thượng

Nói đến xã hội, Inrasara cho rằng “Chăm thì đứt khoát thương nhau rồi. Nhưng tại sao lại mất đoàn kết ?, (...) Tại sao Chăm 2 vùng tôn giáo Ninh Thuận-Bình Thuận với Chăm An Giang-Tây Ninh chưa đến với nhau khăng khít ?” (tr. 111). Đây là một đề tài nan giải. Chúng ta phải đi tìm nguyên nhân sâu xa đã đưa dân tộc Chăm đến chỗ mất đoàn kết.

Nguyên nhân gần nhất, đó là mỗi lần quốc gia Việt Nam thay đổi tân thể chế, nó lôi cuốn cả xã hội Chăm đi vào một trật tự mới. Muốn đoàn kết trong một chế độ mới, ít ra dân tộc Chăm phải có người đại diện của mình ở cấp trung ương cũng như tại địa phương để định đoạt vận mệnh cho dân tộc họ. Nguyên nhân tiếp theo đó là vấn đề phân chia khu vực hành chánh theo khuôn mẫu của Việt Nam, có thể phù hợp với dân tộc Kinh, nhưng là một chương ngại vô cùng cho dân tộc Chăm muốn kết hợp với nhau. Chính vì sự chướng ngại đó làm cho dân tộc Chăm không bao giờ có dịp để chia sẻ thông tin với nhau, và từ đó dẫn đến sự chênh lệch hiểu biết về nguồn gốc văn hóa, lịch sử và nền văn minh Champa.

Ngoài quan điểm về mẫu hệ, Inrasara còn lý luận rằng “tinh thần cục bộ địa phương, họ hàng, phe nhóm” sẽ đưa dân tộc Chăm “vào chỗ chết” (tr. 111). Đây là lối lập luận phi khoa học. Nếu “tinh thần cục bộ địa phương, họ hàng, phe nhóm” nhằm chống lại làn sóng thống trị từ bên ngoài

để bảo vệ cho sự sống còn của họ, đó là việc đáng làm. Một xã hội liên đới được hình thành, nó bắt nguồn từ cấu trúc bởi những thành viên cùng chung một huyết tộc, muốn duy trì sự tồn tại của giống nòi, dân tộc Chăm cần phải liên minh với nhau để bênh vực nguyện vọng của mình một khi bị đối phương trù dập. Tinh thần bênh vực họ hàng, phe nhóm, tham gia các tổ chức sinh hoạt tập thể là điều tất yếu phải có. Nó biểu lộ tiền thân của một tổ chức mang màu sắc chính trị, mà các nước dân chủ tây phương đang áp dụng để cân bằng giữa hai giai cấp thống trị và giai cấp bị trị.

Trang 114, Inrasara cho rằng dân tộc Chăm “không biết giúp nhau làm ăn. (...) có khuynh hướng lười mọi người cùng chìm”. Theo chúng tôi, dân tộc Chăm “không biết giúp nhau làm ăn” không phải xuất phát từ bản chất truyền thống của họ, nhưng là một hiện tượng phát sinh từ tầm nhìn của chính sách kinh tế của nhà nước đưa ra thì đúng hơn.

Nhìn vào thực trạng xã hội Chăm hiện nay, mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm chỉ nằm ở nấc thang cuối cùng trong cộng đồng đa sắc tộc tại Việt Nam. Nếu xã hội Chăm được cải thiện, kinh tế Chăm được cất cánh hay không, nó hoàn toàn tùy thuộc vào cơ quan nhà nước hướng dẫn đồng bào Chăm vay tiền ngân hàng, cơ giới hóa nông nghiệp để nâng cao năng xuất. Nhanh chóng tái thiết nền giáo dục nhằm cung cấp cho dân tộc Chăm những công nhân có tay nghề, kỹ thuật gia có tài cán, những chuyên gia có tầm vóc, thì lúc đó dân tộc Chăm chắc chắn sẽ biết giúp nhau làm ăn.

Đối với Inrasara, “Chăm là tổ sư mất thì giờ, (...) Đám, lễ kéo dài và liên tù tì với chằng chịt các sợi dây liên hệ tình cảm làm mất giờ cả làng, dây chuyền từ làng này qua làng khác, (...) Chăm lại rất năng khiếu làm mất giờ người khác” (tr. 112). Đây là lối lập luận phi văn hóa. Dân tộc Chăm chưa có cơ sở giải trí, chưa có trung tâm sinh hoạt văn hóa, không đoàn thể hay đảng phái chính trị. Chính vì thế, đám cưới, lễ hội là dịp để bà con Chăm bàn bạc về vấn đề liên quan đến xã hội ; lắng tai nghe trưởng lão, chức sắc tôn

giáo giải thích ý nghĩa nội dung tập quán của họ ; tìm hiểu nguồn gốc phong tục cổ truyền đã và đang ở trong giai đoạn mai một. Gặp nhau rồi để cùng nhau trao đổi thông tin, hưởng thụ những tinh hoa độc đáo của văn hóa dân tộc. Trong mối quan hệ đó sẽ đem lại sự đồng thuận dân tộc, hiểu biết nhau nhiều hơn và tránh được những điều hiềm khích. Chính nhờ đám, đình kéo dài liên tục đó mà người Chăm hôm nay còn giữ lại phong tục tập quán của họ.

Inrasara cho rằng người Chăm là dân tộc “nhát gan. Nói sau lưng thì được nhưng viết bài trao đổi đảng hoàng thì không dám”. Làm sao Inrasara biết được Chăm nhát gan ? Nhóm nghiên cứu Chăm ở hải ngoại có viết bài trao đổi cùng tác giả trong tập san Champaka, nhưng tác giả đón nhận một cách niềm nở hay không ? Hay tác giả chỉ biết mình là bậc thánh nhân, còn đối tượng khác thì trình độ kiến thức “*sơ sài*” không xứng đáng để cùng tác giả đối thoại. Có chăng, Inrasara có khuyết tật nhát gan hơn anh em khác nữa ? Nếu không, tác giả không thể im lặng để cho 23 vị tiến sĩ người Kinh thao túng sĩ nhục dân tộc Chăm trong sách *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay* (Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2001).

Điều đáng chú ý nhất trong tác phẩm này, đó là Inrasara chỉ dựa vào một thí dụ thiển cận quá sơ sài và không cơ sở khoa học, để rồi kết tội, chê bai một cách tùy tiện dân tộc Chăm chỉ là những kẻ “cục bộ, tính khí tiêu cực, thiếu khoa học, lánh đời và trốn xã hội, sĩ hão, không biết giúp nhau, nhát gan, không trung dung, tính đồ thừa, không bền chí” (tr. 111-116). Ai cũng biết cộng đồng dân tộc Chăm hơn 100.000 người ở Việt Nam, 200.000 người ở Cao Miên, gồm đủ thành phần từ bậc tu sĩ đến trí thức và nông dân, chưa kể thành phần đang đấu tranh ở nước ngoài nhằm bảo tồn sự sống còn của dân tộc Chăm trong thế kỷ 21 này. Có chăng cả 300.000 người Chăm đều là những kẻ có 10 khuyết tật xấu như Inrasara đã tuyên bố ?

Tác giả dường như đang tâng bốc mình ví như một ông chánh án mở phiên tòa xét xử các khuyết tật Chăm. Đây là bản cáo trạng mang nội dung ẩn ý chỉ trích đồng nghiệp, trí thức và quần chúng Chăm không xứng đáng đứng ngang hàng cùng tác giả. Một thái độ trịch thượng và xác xược của tác giả đã làm tổn thương nghiêm trọng về giá trị đạo đức truyền thống xã hội Chăm.

4. Quan niệm độc đoán

Tác giả chủ trương phải “có tinh thần cộng tác và đối thoại, (...) nhất là nghe ý kiến ngược” (tr. 120), “nghiên cứu đa ngành và liên ngành, tương tác và hỗ trợ, làm gì có chuyện triệt tiêu nhau” (tr. 27). Đây là một lý thuyết trống rỗng. Một vị tiến sĩ gốc Chăm vừa mới góp ý kiến cho việc soạn thảo từ điển Chăm-Việt, nhưng Inrasara lại “cười méo miệng” khi nghe quan điểm của ông này (tr. 19). Thế thì chủ thuyết của Inrasara đưa ra mang nội dung trống rỗng.

Lối suy diễn định hướng một chiều của tác giả hoàn toàn đi ngược lại với chủ trương trong tinh thần cộng tác và đối thoại. Khi đọc qua tác phẩm này, độc giả có cảm tưởng rằng Inrasara không tôn trọng luật chơi đối thoại. Vì diễn đàn đối thoại nhất thiết không loại trừ bỏ ai, kể cả những người có quan điểm lập trường khác với mình. Nếu tác giả bất đồng ý kiến với vị tiến sĩ đó, thì ít ra tác giả phải đi tìm tư liệu để minh chứng cho quan điểm của mình. Quay lưng với người đối thoại là mức độ sai lầm tai hại ngay cả chính bản thân mình. Dùng cụm từ “cười méo miệng” vô cùng hở hang thô kệch để chỉ trích quan điểm của vị tiến sĩ người Chăm ở nước ngoài, mà Inrasara không đưa ra tên tuổi thì đúng là một nhà viết lách không biết thể diện tự trọng là gì.

Inrasara cho rằng “thời gian qua, nhóm nghiên cứu Chăm tại Malaysia thuộc EFEO đã có nhiều nỗ lực trong việc giới thiệu văn chương cổ điển Chăm, (...) Song bởi hạn chế về kiến thức, nhất là không hiểu bản chất văn học nên đã xảy ra nhiều sai lầm đáng tiếc như nhầm lẫn giữa hư vô

và hiện thực, giữa địa danh lịch sử với địa danh văn chương, (...) Từ đó dẫn tới những nhận định lệch lạc tai hại. Uống !” (tr. 22).

Đây là lối văn chương hận thù và khiêu khích để chỉ trích những đối tượng không cùng quan điểm với mình. Qua nội dung của tác phẩm này, đủ dẫn chứng phong cách làm việc của một nhà viết lách dùng ngòi bút để phê phán tùy tiện người đồng nghiệp hơn là đi tìm minh chứng lịch sử để bảo vệ cho quan điểm của mình.

Liên quan đến tựa đề của một tác phẩm Ariya Chăm, nhóm nghiên cứu Chăm ở Kuala Lumpur (Po Dharma, G. Moussay và Abd. Karim) đồng ý gọi *Ariya Nai Mai Mâng Makah*, thay vì *Ariya Bani-Cham* như Inrasara đã đưa ra. Nhóm nghiên cứu lập luận rằng trong Ariya Chăm, người ta thường lấy tên nhân vật chính, hoặc câu đầu của bài thơ để làm tiêu đề cho một tác phẩm như trường hợp *Ariya Nai Mai Mâng Makah*. Cũng trong tác phẩm này, Po Dharma, G. Moussay và Abd. Karim không đồng ý *Harek Kah Harek Dhei* nằm ở Quảng Bình như Inrasara tự phỏng đoán. Vì *Harek Kah Harek Dhei* là địa danh lịch sử mà Hồng Đức Bản Đồ gọi “cỏ chẻ làm đôi” nằm trong khu vực tỉnh Phú Yên. Nếu Inrasara không đồng ý với họ, thì Inrasara nên đi tìm những minh chứng lịch sử để làm sáng tỏ sự thật của một vấn đề. Đó mới là bổn phận người làm khoa học.

Lập luận trong nhóm nghiên cứu Chăm ở Kuala Lumpur chỉ phản đối quan điểm sai lầm của Inrasara, thành vậy tác giả lại gán cho họ là những kẻ “hạn chế về kiến thức”. Có chăng, đây là văn chương chính trị nhằm chê bai người khác thì đúng hơn.

Ngoài phong cách chê bai, Inrasara không tỏ khiêm nhường trong cách viết văn của mình “Tôi đã cười ra nước mắt khi đọc thấy vài vị nhà ta cho rằng tác giả Ariya Bini-Cam (*có những hiểu biết sơ sài về Hồi giáo*), ... kiến thức văn học của mình quá (*sơ sài*) đã không tự biết mà lại chê bai kiến thức của cha ông (*sơ sài*). Trời đất !” (tr. 245-246). Đọc qua phần này, độc giả có cảm tưởng rằng Inrasara là

một nhà viết lách ấu trĩ thì đúng hơn. Vì rằng, người làm khoa học không thể dùng cụm từ “tôi đã cười ra nước mắt” khi đọc bài người khác không cùng quan điểm với mình.

Trong tác phẩm *Nai Mai Mông Makah*, tác giả bài thơ có đưa ra một trường hợp rất là đặc biệt, đó là công chúa Hồi giáo Mã Lai đã nằm trên vai hoàng tử Champa mặc dù hai người chưa chính thức làm lễ cưới hỏi. Đây là vấn đề cấm trong giáo lý Hồi giáo.

Để trả lời câu hỏi này, Po Dharma, G. Moussay và Abd. Karim, minh chứng rằng tác giả bài thơ *Nai Mai Mông Makah* không có ý định sỉ nhục danh dự Hồi giáo, bằng cách dựng ra câu chuyện cho rằng công chúa Hồi giáo đã bán thân mình cho hoàng tử Champa trước ngày cưới hỏi. Nếu tác giả *Nai Mai Mông Makah* nêu ra cốt truyện này là vì ông ta không am tường cho lắm những điều cấm kị trong giáo lý Hồi giáo thì đúng hơn. Có chăng, Inrasara coi sự mạ lị giáo lý Hồi giáo là chuyện tự nhiên ? Chính đó mới là trọng tâm của vấn đề cần đưa ra cân nhắc. Tiếc rằng Inrasara chỉ đưa ra lý luận rất ngạo nghễ bằng cách gán cho Po Dharma, G. Moussay và Abd. Karim, là những kẻ có kiến thức văn học “sơ sài, đã không tự biết mà lại đi chê bai kiến thức cha ông (sơ sài). Trời đất !”. Dùng cụm từ “Trời đất !” để phân tích và trao đổi vấn đề khoa học đã bộc lộ rõ rệt bản tính không lương thiện của một nhà viết lách như Inrasara.

Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây đó là Inrasara đừng nên nhầm lẫn khái niệm tác giả viết về cuộc hành trình của một cô gái Hồi giáo với chính quyền Hồi giáo và giáo sĩ Hồi giáo thời đó. Qui luật Hồi giáo rất nghiêm khắc đối với cô gái còn độc thân, vượt qua biên cương để rồi nằm trên vai một chàng trai trước ngày vu quy.

Sự ra đời Văn hóa-Xã hội Chăm còn ẩn ý mang màu sắc chính trị nhằm hạ bệ nhóm nghiên cứu Chăm thuộc Viện Viễn Đông Pháp (Po Dharma, G. Moussay và Abd. Karim) thì đúng hơn. Lợi dụng tác phẩm này, Inrasara đánh giá tùy tiện các khuyết tật dân tộc Chăm, vận dụng ngòi bút của mình để mỉa mai một cách thô kệch và xác xược : “tôi đã

cười méo miệng (...) mẹ cha ơi ! (...) hạn chế về kiến thức (...) uống ! (...) tôi cười ra nước mắt (...) kiến thức văn học của mình quá sơ sài (...) các nhà kia (...)” khi nói đến Po Dharma (tr. 19, 20, 22, 245, 246, 248).

*

Đứng trên phương diện khoa học mà nói, các nhà nghiên cứu có quyền đưa ra những quan điểm có thể hoàn toàn khác biệt với Inrasara. Nhưng dù ý niệm dị đồng liên quan đến một vấn đề nào đó, Inrasara cũng nên đi tìm những minh chứng và dữ kiện lịch sử để phản biện. Đừng dựa vào “thế lực văn hóa” của mình để rồi thao túng biểu dương ngòi bút hạ bệ, bôi nhọ nhóm nghiên cứu Chăm là điều cấm kỵ trong một quốc gia dân chủ và nhân quyền.

Chân Dung Cát
Một tác phẩm khiêu dâm
và phỉ báng dân tộc Chăm

Abdul Karim

(Chương trình Thế Giới Mã Lai)

Sách *Chân Dung Cát* của Inrasara (Phú Trạm), do Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ấn hành 2006, khổ 13 x 20 cm, in đẹp, dày 296 trang. Chia thành nhiều chương mục : 1. Những nghệ sĩ dân gian, 2. Bản trường ca bỏ hoang, 3. Ngài giáo sư Trần Hùng, 4. Nạn dịch điên và câu chuyện về ông Malâm, 5. Gió cứ thổi qua đôi trọc, 6. Vô danh và vinh quang, 7. Sa đọa, 8. Cái chòi, 9. Ẩn cư, 10. Sợ hãi, 10. Lai lịch ông Malâm, 11. Hà Vân. Sau cùng là Phụ lục Truyền thuyết làng Mali, và một số chú thích linh tinh.

Chân Dung Cát là tác phẩm viết dưới dạng không hẳn là một tiểu thuyết hay tiểu luận. Nó là một thứ tạp nham tập hợp nhiều vấn đề liên quan đến cộng đồng văn hóa xã hội Chăm.

Nhìn qua tựa đề của tác phẩm, nhiều bạn đọc Chăm lầm tưởng, *Chân Dung Cát* là chân dung của người Chăm, là tác phẩm phản ánh trung thực về thực trạng của xã hội Chăm lâm than, thống khổ sau ngày mất nước vào năm 1832: làng mạc bị bao vây, đất đai, tài sản cá nhân bị chiếm đoạt, di sản văn hóa của cộng đồng bị quốc hữu hóa, đạo đức bị suy đồi, mọi cơ cấu tổ chức gia đình và xã hội bị sụp đổ, v.v.. để rồi người Chăm không còn làm chủ định mệnh của mình nữa, và đang chờ ngày bị đồng hóa thành một tập thể lai căng mất gốc trong thế kỷ thứ 21. Nhưng khi đã đọc xong tác phẩm, chúng ta mới biết một kết quả thật phũ phàng: *Chân Dung Cát* chỉ là một bản tuyên án nhằm vu

khống, phỉ báng, dung tục hoá dân tộc Chăm mà chính tác giả là một trong những thành viên của cộng đồng này.

Sự vu khống, phỉ báng, dung tục đó lại được hệ thống hóa từ thánh thần, vua chúa Champa cho đến các bạn bè thân thích, nhưng Inrasara lại xem đó như là trò chơi, câu chuyện để mua vui : «Ngay câu chuyện tôi sắp kể ra đây cũng không đâu vào đâu cả. Kể cho vui. Nghe để cười, rồi quên» (tr.14). Trên thực tế, nội dung của *Chân Dung Cát* đã chứng minh rằng, tác giả muốn có một sáng tác vượt trội, học đòi và bắt chước cái gọi là văn chương “Hậu Hiện Đại”, và để thử nghiệm cho cái “học đòi” này, tác giả đã không ngần ngại chọn lấy xã hội Chăm để làm “con chuột” đem lên bàn mổ hy sinh cho cái “bắt chước” của mình.

Trong phạm trù giới hạn của bài viết này, chúng tôi không thể đem ra tất cả những điều thô thiển, lệch lạc có trong *Chân Dung Cát*, mà chỉ tập trung vào một vài vấn đề có liên quan đến số phận của cộng đồng xã hội Chăm, như : sự vu khống, sự phỉ báng, dung tục hoá, v.v.. hầu trả lại cho cộng đồng xã hội Chăm sự trong sạch đúng với những gì là bản thể của nó.

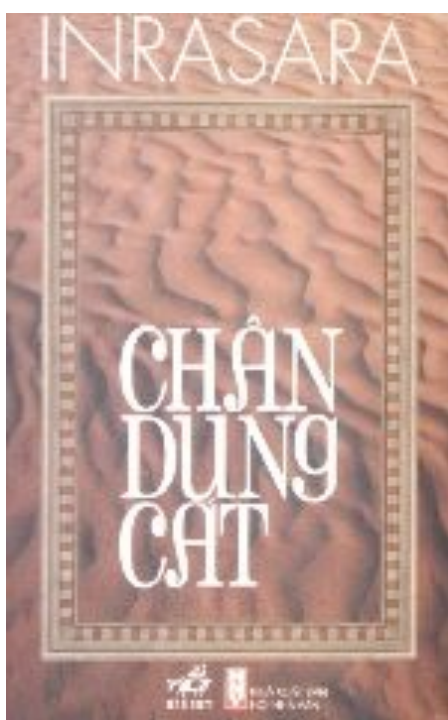
Phỉ Báng

Đứng trên quan điểm phá bỏ tất cả, phỉ báng tất cả, đảo lộn tất cả những gì được gọi là giá trị, chân lý, để tạo ra cái mới, cái mơ hồ, kỳ quặc, như trong thuyết của tác giả : «phá hủy là tiên đề của sáng tạo, phá hủy để sáng tạo, hủy phá chính là sáng tạo mới» (tr.185). Để làm điều này, trước tiên tác giả nhảy phóc lên trên xã hội và quê hương mình nhìn xuống nó như một sinh thể quái thai, một thi thể không trọn vẹn, sinh thể đó là «Những mảnh đời, những định mệnh chả ra thể thống gì, phi logic, các phân mảnh được chắp vá vội vã của ngẫu nhiên» (tr.14), và những phân mảnh đời này, có thăng hoa được hay không, thăng hoa đến

cấp độ nào, là còn phải nhờ vào “nước miếng của rồng”¹ liếm trúng nhiều hay ít.

Phỉ báng bạn bè và người thân

Xuyên suốt tác phẩm *Chân Dung Cát*, dưới cái nhìn phiến diện, ngược chiều của tác giả, không một ai, không



một cái gì của xã hội Chăm có thể hiện nguyên hình theo đúng nghĩa của nó. Các nhân vật, các sự kiện, những sự thật đã bị bóp méo, bị bôi xóa và bị làm bẩn để không ai có thể nhận chân được sự thật. Làm như vậy, tác giả có được thuận lợi hơn khi “phỉ báng” mọi người và cộng đồng Chăm, mà không ai có thể qui trách nhiệm cho ai. Nhưng cho dù các nhân vật trong *Chân Dung Cát* có bị bôi xóa và hư cấu đến mức nào,

người Chăm vẫn nhận ra con người thật của các nhân vật này, bởi những người này không ai xa lạ mà chính là bạn bè cùng học một trường, cùng chung một lớp, cùng ở một làng,

¹ “Nước miếng của rồng”, là thành ngữ dựa vào sự tích Po Klaong Girai, lúc sinh thời tên là Ja Kataol (Chàng Lác). Sau nhờ “rồng liếm” hóa thân thành chàng trai “phương phi tuấn tú” và trở thành vị vua anh minh, từ đó mọi người gọi Ngài là Po Klaong Girai (vị vua được rồng theo phù độ). Ngài có đền thờ ở Mbuon Hala (Đồi Trầu) Phan Rang-Tháp Chàm, có tên là tháp Po Klaong Girai.

là người đồng tộc, cùng sống co cụm trong cộng đồng Chăm nhỏ bé với tác giả.

Hathaw, người đàn bà cùng quê, tác giả viết : «Hathaw, đoá hoa rừng giữa *plây* [< *palei* = thôn, làng]. Nụ cười hoang dại của chị làm xiêu đổ quý ông làng khác chả chừa ai có việc ghé sang tình cờ nhìn thấy. Trách gì tay cố vấn Philippine, Indonesia ở tỉnh hồi trước bị nụ cười ấy đánh gục. Thích ư? Thì đây. Nhan sắc trời cho, chị rộng lượng ban phát, sạch sẽ và lịch sự...» (tr.16).

Chân dung chị Hathaw được tác giả mô tả trên chắc hẳn không phải là lời ca ngợi hay tôn vinh phụ nữ Chăm, mà là một sự phỉ báng, một sự vu khống, một sự lăng nhục đối với phụ nữ Chăm. Trong suốt chiều dài lịch sử, hình tượng phụ nữ Chăm luôn luôn là những hình ảnh đẹp, trung trinh, hiền dịu, đáng được tôn kính, mà ai cũng biết như : Vương Phi My Ê, v.v.. Thế thì chị Hathaw là ai trong cộng đồng Chăm, mà với «nụ cười hoang dại» với «nhan sắc trời cho» lại như một cô gái điếm, sẵn sàng làm tình với bất cứ ai, «Thích ư ? Thì đây». Sự dâm dục của chị ta lại không giới hạn «rộng lượng ban phát», và sự dâm dục này cũng không thiếu tính chất nhiệt tình của nó «lịch sự và sạch sẽ» mà không có một chút băng khuâng, ái ngại hay hổ thẹn nào!?

Vấn đề được đặt ra là, chuyện Hathaw là riêng của Hathaw, làm sao Inrasara lại biết rõ được? Hay nó chỉ là hư cấu? Nếu là “hư cấu”, tác giả muốn gì ở đây? Dựng lên hình tượng phụ nữ này để làm gì? Để mua vui hay vu khống với mọi người rằng, phụ nữ Chăm “đĩ thỏa”, “dê dãi”, ai muốn làm tình là được ngay! Hay tác giả đang cố sù sụ cho một trào lưu thác loạn cho phù hợp với ham muốn tình dục của mình?

Jaklan, một thời là bạn học cùng lớp với tác giả, không được tác giả tôn trọng, nên bị tặng cho cái danh «nhà ngôn ngữ học cấp xã» (tr. 20). Người cũng được tác giả phán : «đích thị bị [rỗng] liếm hụt mà cứ đinh ninh là trúng

nên phí sức đến thân tàn ma dại» (tr. 107). Người bạn này còn được tác giả mô tả khá chi tiết ở trang 16 của quyển sách, để cuối cùng đi đến kết luận chỉ phù hợp cho một kẻ ngốc nghếch : «Ngôi nhà Chăm phải được làm từ nóc xuống» (tr. 22) hay dí dỏm hơn, «Jaklan là thứ thiên tri thức phát triển lệch lạc đến bệnh hoạn» (tr. 190) và Jaklan là người «đuổi theo bóng ma tiếng tăm vượt trội» (tr. 191) v.v...

Pathit, một đồng hương, được tác giả cho là người ảo tưởng và viển vông, được đề tặng cho cái danh «nhà kinh tế tầm vĩ mô». Được tác giả mô tả thi vị bên cái châm biếm bởi những thất bại liên tiếp, để cuối cùng «quy hồi cố hương với thân xác phờ phạc» và ăn nhờ «cái cò con cua của bà xã» (tr. 23-27).

Gs. **Trần Hùng** (Chương III, và nằm rải rác khắp trong quyển sách,) là mảng lắp ghép của vị trí thức Chăm, được mô tả là người nhiệt tình với văn hóa dân tộc Chăm nhưng không đủ khả năng để quán xuyến nó, bảo tồn nó, để cuối cùng hiện hữu như một người ham muốn tính dục.

Xuyên qua quyển sách, Inrasara còn để lộ cái mặt cảm của một người không được đào tạo qua các trường lớp, thường khá dị ứng với trí thức khoa bảng Chăm. Cho nên các vị trí thức Chăm luôn là đối tượng, là cái mộc cho tác giả “đâm” vào. Chính vì thế, mà Gs. Trần Hùng, một hình tượng trí thức, là nhân vật bị tác giả tấn công triệt để nhất trong tác phẩm.

Lẽ đương nhiên, tác giả dựng lên các hình tượng trên đây không nhằm để ca ngợi, cũng chẳng phải bởi sự cảm thông, cũng chẳng phải là sự phản ảnh xã hội đúng nghĩa, mà ngược lại, là để hạ bệ bạn bè và tôn vinh bản thân lên, với cách thức cổ lỗ: “đìm mọi người chìm xuống” để mình được “trôi lên trên”. Do vậy, tất cả mọi người trong *Chân Dung Cát* đều được tác giả mô tả thua kém xa so với tác giả. Chỉ có tác giả thôi mới là người tài năng nhất!

Thông minh nhất! Người được “thiên phú”, được «rồng liếm đậm nhất» (tr. 106). Người cũng được chính tác giả tự phong hàm cho là «**Chăm xịn**, kẻ mang tinh thần Chăm, Chăm tính – hình tượng hơn : Chăm bị dính nước miếng rồng» (tr. 195-196).

Xét về toàn cảnh những người bạn trên đây đúng ra đáng được trọng hơn là đem làm trò đùa. Mỗi người trong nhóm người bạn này đều có những ước mơ chân chính, sống thật với ước mơ của mình, cho dù có thất bại thế nào đi nữa, họ vẫn cố giữ lấy phong cách và nhân phẩm con người. Đây chính là bản chất tổng thể của dân tộc Chăm. Hơn nữa, những thất bại của họ không hoàn toàn từ lý do chủ quan mà phần nhiều bị phân hóa bởi nhiều yếu tố khách quan, tức là bối cảnh chính trị và xã hội không phù hợp với truyền thống người Chăm. Nếu như những người thất bại đó đều đáng bị chê bai, thì bản thân tác giả cũng là kẻ đáng cho mọi người chê bai hơn hết. Vì dân tộc Chăm dư biết tác giả chỉ là một nhà trí thức thiếu phần lương thiện từ vấn đề tình cảm cá nhân, từ quan điểm văn hóa xã hội cho đến lập trường về ngôn ngữ chữ viết Chăm và lúc nào cũng tìm cách phỉ báng dân tộc Chăm hay núp dưới “ô dù của quyền lực chính trị” phản lại dân tộc mình, để lấy điểm.

Phỉ báng truyền thống tín ngưỡng

Tín ngưỡng là lòng tin. Truyền thống tín ngưỡng là những gì đã trở thành niềm tin, đã trở thành tập tục và luật lệ. Truyền thống tín ngưỡng là bản sắc riêng biệt của một tộc người. Nó cũng xác định vị trí và sự hiện hữu cho tộc người sở hữu nó. Thế nhưng truyền thống tín ngưỡng Chăm đã không nhận được sự công bằng trong *Chân Dung Cát*. Truyền thống tín ngưỡng Chăm đã bị chụp mũ, vu khống, thậm chí còn đẩy xuống lớp bùn như “dâm dục hóa”, như trường hợp *Ndih sua* trong *Rija Praong* của người Chăm

được tác giả đem ra làm đề tài “kích dục” ở trang 61-62 của quyển sách.

Ai cũng biết, *Ndih sua* là một lễ tục mang tính tín ngưỡng có từ lâu đời. Nó chưa hề để lại một dấu ấn thô thiển nào trong cộng đồng xã hội Chăm. *Ndih sua* là nghi lễ thoát tục, là lễ tẩy uế những vương bản của trần tục. Trong nghi lễ này, *Muk Rija* (bà vũ sư) phủ thân mình bằng một tấm vải trắng nằm trước bàn lễ bên cạnh Ông Kadhar (tác giả gọi sai là Ông Maduan), tức là người ngồi bên kéo đàn nhị chủ trì buổi lễ. Sự việc lại diễn ra trước mắt quan khách và chủ gia trong rạp lễ. Đây là lễ tục thiêng liêng của cả dân tộc Chăm Ahiér và Awal. Thế nhưng Inrasara lại cho rằng *Ndih sua* là một nghi lễ dâm dục, có sự va chạm xác thịt: «da thịt đụng da thịt» để rồi phải xảy ra «tai nạn nghề nghiệp» và sau đó Muk Rija phải «mang bầu» (tr. 61-62).

Thử hỏi tác giả, *ndih sua* một nghi lễ tín ngưỡng của người Chăm đã có hăng thế kỷ, đã được thực hiện được bao nhiêu lần, và nó đã để lại bao nhiêu vụ «tai nạn nghề nghiệp» theo kiểu tác giả đưa ra trong *Chân Dung Cát*? Đây chính là một sự phỉ báng, một sự xuyên tạc để biến những gì của Chăm thành điều xấu xa, hủ tục, hầu có lý do cho rằng tín ngưỡng Chăm lạc hậu, đồi trụy, cần xóa bỏ đi cho phù hợp với quan điểm nông cạn, bệnh hoạn của tác giả, đó là phải nên «chôn vùi quá khứ, văn hóa, lịch sử...». Ở đây, tác giả cũng đã tạo ra sự ngộ nhận cho nền văn hóa Chăm, tạo cho mọi người cái nhìn hạ cấp đối với cộng đồng xã hội Chăm. Đây là một hành động vô trách nhiệm mà dân tộc Chăm không thể chấp nhận được.

Phỉ báng nhà cách mạng Tuan Phaow

Do hiểu biết chệch choạc về lịch sử và nền văn minh Champa, tác giả cho rằng: «Ở buổi đại khủng hoảng của lịch sử đầu thế kỷ XIX, Chăm đang đứng trước bờ hố. Ba con đường hẹp buộc con người trí thức hôm qua chọn lựa: cố thu xếp hồng cứu văn số phận hoi hóp của dân tộc

(*Ariya Gleng Anak*) để vớt vát mảnh vụn văn hóa nó (*Paoh Catuai*) hay gồng mình đòi lại vương quốc đã mất bằng trận đánh liều mạng để tất cả cùng tiêu tán đường (*Ariya Tuan Phaow*)» (tr. 112).

Cho rằng, ba tác phẩm kể trên xuất hiện trong cùng một thời điểm của đầu thế kỷ XIX là “vơ càn”, càng làm lẫn lộn các dữ kiện lịch sử và các niên đại của nó, nghĩa là, tạo thêm sự rối mù cho vấn đề lịch sử văn chương của dân tộc Chăm. Ai cũng biết, Tuan Phaow (sử Việt gọi ông là Tuần Phủ), một nhà kháng chiến Chăm từng sang Mã Lai du học, dựng cờ khởi nghĩa vào năm 1796-1797 nhằm giải phóng Champa ra khỏi ách nô lệ của Nguyễn Ánh và Tây Sơn, trong khi đó *Ariya Gleng Anak* chỉ mới được viết vào thứ sáu, mồng 10, tháng 2 năm Mùi lịch Chăm (1835). Còn *Paoh Catuai* chỉ là một thể thơ không phải là tên tác phẩm. Như vậy, khi nói đến *Paoh Catuai* phải nói cho rõ là *Paoh Catuai* nào? *Paoh Catuai Kra Kiep*, *Paoh Catuai Tey Ley* hay *Paoh Catuai “Tuei Ndei”* v.v. mới có thể tìm cách xác định niên đại của nó.

Cũng do sự hiểu biết khiếm khuyết này, tác giả thường hay phê phán nhà cách mạng Tuan Phaow, cho rằng ông không tuân thủ theo con đường hẹp của *Ariya Gleng Anak* đã vạch, để làm hại Chăm. Để hỗ trợ cho lý lẽ Tuan Phaow phản động, tác giả thường hay trích dịch vài câu trong *Ariya Tuan Phaow* như một minh chứng :

Dom Cru, Raglai, Cam, Kahaow
Nyu chap hatam Tuan Phaow sunit ginreh hagait yaw
ni
Những người Churu, Raglai, Chăm, Kơho
Chửi rủa Tuan Phaow: rằng tài phép sao lại ra nông
nổn này
và
Likau po juai pamatai dahlak yau asau
Van lạy ngài đừng giết con như chó

Như được dẫn ở trên, Tuan Phaow là bậc tiền bối chứ không phải là hậu duệ của *Ariya Gleng Anak*, nên ông không thể tuân thủ ý kiến *Ariya Gleng Anak* được. Điều này chứng tỏ Inrasara không thông suốt lịch sử Champa, chỉ biết nói bừa để lừa bịp độc giả. Inrasara cũng chẳng biết văn bản viết về Tuan Phaow mà chúng ta đang có là sáng tác của một trong số người Chăm bị các thế lực Việt Nam lôi kéo để chống lại cuộc kháng chiến của nhân dân Champa do Tuan Phaow khởi xướng. Inrasara cũng chẳng biết rằng, xã hội người Chăm vào thời điểm đó có ít nhất ba bốn phe khác nhau: phe theo Cựu Trào (Gia Long), phe theo Tân Trào (Tây Sơn), và phe theo Tuan Phaow, chưa kể phe thứ tư vẫn giữ thái độ lưỡng chừng chưa biết theo ai. *Ariya Tuan Phaow* có giá trị ở chỗ, nó bổ xung thêm tư liệu về cuộc kháng chiến của dân tộc Champa chống quân ngoại xâm vào cuối thế kỷ XVIII, là một trong những bằng chứng hùng hồn nhất để chứng minh dân tộc Champa không chỉ gồm người Chăm, mà gồm cả Cru, Raglai, Kahaow, v.v... Thêm vào đó, văn bản này cũng gián tiếp tiết lộ một sự khủng hoảng trầm trọng về chính trị của xã hội Panduranga-Champa ở thế kỷ XVIII, chứ không phải ở chỗ chống lại nhà cách mạng Tuan Phaow. Kết tội Tuan Phaow là tên bạo chúa mà chỉ dựa vào một vài câu viết chưa được kiểm chứng là một sự phỉ báng, là rất ngây ngô trước vấn đề lịch sử. Là thiển cận vậy!

Phỉ báng vua chúa

Po Rome (1627-1651) là một vị vua lỗi lạc của vương quốc Champa, đã từng cho xây đồn đắp lũy để bằng mọi giá chống lại cuộc xâm lăng của nhà Nguyễn. Cũng như những hoàng thân đương thời, vua Po Rome có nhiều bà hoàng hậu: Bia Than Can (dân tộc Chăm), Bia Than Cih (dân tộc Churu), công chúa của tiểu vương quốc Kelantan (Mã Lai) và Bia Ut (hoàng hậu phương bắc) tên thật là Ngọc Khoa, con của Chúa Sãi, nhà Nguyễn.

Theo truyền thuyết người Chăm kể rằng, vì quá yêu thương Bia Ut, Po Romé phải chặt bỏ cây *Kraik*, vị thần bảo hộ giang sơn Champa. Khi cây *Kraik* đã bị chặt ngã, chúa Nguyễn phối hợp với tên Chăm gian là Ja Phik Chek, xua quân tấn công Champa bắt được Po Romé.

Bên cạnh truyền thuyết, tư liệu lịch sử cũng đã chứng minh rằng sự sụp đổ vương triều Po Rome hoàn toàn nằm trong chiến lược Nam Tiến của Nhà Nguyễn nhằm xâm chiếm đất đai Champa và Campuchia để làm bá chủ ở miền nam Đông Dương hầu có đủ sức tiến quân chống lại Nhà Trịnh ở phương bắc, không liên hệ gì đến cuộc tình giữa Po Romé và Bia Ut. Ai cũng biết, năm 1651, Chúa Nguyễn quyết định xua quân tấn công Champa bắt được Po Rome nhốt trong rọ sắt rồi đem xử trảm ở Huế. Lợi dụng cơ hội này, nhà Nguyễn chuyển cuộc Nam Tiến sang giai đoạn cuối cùng. Năm 1653 nhà Nguyễn xô quân xâm chiếm Nha Trang, sau đó lại dồn vương quốc Champa vào giữa hai gọng kèm bằng cách xâm chiếm Sai Gòn, đất đai Campuchia vào năm 1658.

Sự sụp đổ vương triều Po Romé hoàn toàn nằm trong chiến lược Nam Tiến của nhà Nguyễn, Inrasara không biết chuyện này thì nên trở lại ghế nhà trường để mà học, chứ đừng nên bịa chuyện cho rằng «Po Rome vì mê cô vợ Việt (Bia Ut) nên vương quốc Champa bị tan rã» (tr. 131-132) để hạ bệ và phỉ báng các vua chúa Champa.

Lịch sử Champa là di sản thiêng liêng của dân tộc Champa, không ai có quyền sử dụng nó như một thứ trò chơi để mua vui cho độc giả. Po Romé là một vĩ nhân, là một trong những vị vua có công trạng trong lịch sử Champa, mà dân tộc Champa có nghĩa vụ tôn thờ và trân trọng ngài. Không vì lý do gì, mà một nhà viết lách lếu láo như Inrasara vì muốn phô trương bản thân mà lại nhục mạ Po Romé, cho rằng ông là hạng người “mê gái Việt” để rồi quên đi giang sơn đất nước.

Không dừng lại ở việc phỉ báng Po Rome, Inrasara còn chuyển sang vu cáo cho các bậc tiền nhân, cho rằng vua Champa «vắt sức con dân, rút kiệt tài sản quốc gia để xây đền tháp làm trò chơi thỏa mãn óc hãnh tiến, tự phong thần cho mình khi đang sống nhân» (tr. 212), hay «Tháp Cánh Tiên, Dương Long hay cả Thánh địa Mỹ Sơn chỉ là trò chơi vô tội vạ của vua chúa thừa quyền hành nhưng thiếu đầu óc, vắt kiệt sức dân để phô trương cái tôi phi nhân tính» (tr. 174). Đây là bản cáo trạng bừa bãi của một người viết lách vô trách nhiệm muốn bán đứng cả di sản lịch sử Champa để quảng cáo cho lý thuyết ngu xuẩn của mình.

Ai cũng biết đền tháp Champa là công trình kiến trúc nằm trong hệ thống tín ngưỡng, nơi tôn vinh các bậc thần linh và những vị tiền nhân quá cố đã có công giúp vương quốc Champa đạt được chiến thắng vinh quang trên bãi chiến trường chống ngoại xâm cứu nước, hay xây dựng cho xứ sở này trở thành một quốc gia phồn thịnh an bình. Nói một cách khác, đền đài Champa là những đài tưởng niệm các tiền nhân và các vị anh hùng hào kiệt, chứ không phải là cung điện của vua chúa Champa nhằm thỏa mãn óc hãnh tiến hay chuẩn bị cho sự phong thần như Inrasara đã khẳng định. Đây là sự nhận định hụt hẫng, què quạc, là sự phỉ báng lịch sử dân tộc Champa và cũng là cái quan điểm của kẻ vô ơn bội nghĩa.

Hết tố cáo hệ thống đền đài Champa, Inrasara cũng không ngần ngại viết bản án để hạ bệ vua Chế Mân (Jaya Shihavarman III, 1288-1307) một vị vua anh minh nhất trong lịch sử của vương quốc Champa. Inrasara viết : «Chế Mân còn dám cắt hai châu Ô, Lý để chơi gái nữa» (tr. 112). Dùng ngòi bút chê bai Chế Mân là ông vua «chơi gái» không những nó chứng minh rằng Inrasara là một tên “vô lễ, thiếu đạo đức”, kẻ “vô ơn bội nghĩa” mà cũng là một kẻ ăn nói bừa bãi.

Chuyện tình giữa vua Chế Mân và Huyền Trân Công Chúa là một biến cố lịch sử, chứ không phải là chuyện tình

của các nhân vật trong “quán bia ôm” mà Inrasara muốn đưa ra để mua vui cho thiên hạ lúc nào cũng được. Nhà Trần tiến cống Huyền Trân công chúa cho vua Chế Mân vào năm 1306 là nằm trong chính sách bang giao giữa hai quốc gia láng giềng có chung biên giới, mà nội dung của qui ước bang giao này vẫn còn chứa đựng nhiều ẩn khúc trong sự đối chất một công chúa Đại Việt để lấy hai Châu Ô và Lý. Đây là chuyện lịch sử. Chuyện này không liên quan gì đến vấn đề “chơi gái” hay “chơi đĩ” như tác giả đưa ra. Do vậy, nếu Inrasara thích đi “chơi gái” hay “chơi đĩ” thì cứ tự mình mà đi, không nên phạm thượng lời cả vua Chế Mân vào sự ô uế này. Inrasara cũng nên biết, cỡ “đĩ” như Huyền Trân công chúa cũng có hạng lắm đấy, không giống như “đĩ” trong các “động” mà Inrasara thường thấy?

Lịch Sử là của chung của cả dân tộc, chứ không phải của riêng ai. Nên không ai có quyền bóp méo, xuyên tạc hay đem nó ra làm trò đùa cho thiên hạ!

Phỉ báng văn chương

Qua những thăng trầm của lịch sử, người Chăm chỉ còn giữ lại một ít văn bản bằng ngôn ngữ truyền thống của dân tộc. Không biết đứng trên quan điểm nào Inrasara lại trịch thượng, dạy đời để tuyên bố: «Như chúng tôi một lần đã nói, không phải tất cả những gì người Chăm lưu giữ đều giá trị. Chúng có thể sai lầm, lệch lạc thậm chí phản động nữa» (tr. 217).

Người Chăm là một dân tộc luôn có thái độ phân minh, tỉ dụ như : Họ tôn sùng Po Rome vì công trạng và phong cách anh hùng của ngài, nhưng dân tộc Chăm cũng không ngần ngại lên tiếng phản đối cuộc tình giữa Po Romé và Bia Ut, công chúa của nhà Nguyễn và sẵn sàng kết tội hành động gian trá của Po Phik Cek, quan cận thần của Po Romé, làm “Chàm gian” cho địch. Qua đấy, một cách gián tiếp mọi người thấy rằng : dân tộc Chăm không hồ đồ, và

những văn bản viết bằng chữ Chăm còn lưu lại cho đến hôm nay không phải là những văn bản viết càn, là văn bản phản động như Inrasara lầm tưởng mà là tư liệu lịch sử có giá trị cũng như hàng ngàn nguồn tư liệu lịch sử khác. Có chăng những văn bản này không có lợi cho đối thủ của người Chăm mà Inrasara là một người đang đứng ở phía họ để phản lại dân tộc, muốn xóa bỏ vĩnh viễn dân tộc mình, nên mới thấy di sản lịch sử thiêng liêng của dân tộc còn lại là điều bất lợi, để rồi kết luận rằng những văn bản viết bằng tiếng Chăm còn lưu truyền trong thôn xóm là những tư liệu phản động, cần phá bỏ đi.

Qua cách phỉ báng toàn diện cộng đồng xã hội Chăm, buộc tội các vua chúa Champa, cáo buộc các văn bản của người Chăm còn lại là phản động v.v..., người Chăm nghĩ rằng Inrasara đang trở thành kẻ tàn phá di sản dân tộc và phản lại dân tộc mình, kẻ đang làm “Chàm gian” để giúp người ngoài phá hoại dân tộc mình. Kết luận này của người Chăm thật chẳng sai, vì Inrasara không những không che dấu nó mà còn xác nhận nó như một sự hiển nhiên, thậm chí còn hợp thức hóa nó bằng cách trịnh trọng đem bản thân mình ra so sánh với: «Làm như Lê Chiêu Thống (...), Tôn Thọ Tường chưa từng có văn bản phản động trong lịch sử Việt, với cộng đồng Việt. Làm như La Khải, Ja Phik Cek chưa từng là thế trong xã hội Chăm xưa xưa xưa? Hay nói như Saman làm như Chăm hôm nay tiệt nòi phản động sạch bách trơn trơn rồi!» (tr. 218-219).

Dâm Dục

Đọc *Chân Dung Cát* có lẽ ai cũng biết đây không phải là một tác phẩm lành mạnh, mà là một tác phẩm khiêu dâm. Nhiều chương, nhiều mục, các trang viết của tiểu thuyết thường được xoay quanh vấn đề kích dục và làm tình. Với lối mô tả trắng trợn không che đậy bất cứ chi tiết dâm dục nào, cho dù các chi tiết này dơ bẩn hay phản lại thuần phong mỹ tục đến mức độ nào đi nữa. Vì khi nói đến vấn

đề này, mục tiêu của tác giả không phải đi tìm mỹ cảm trên đỉnh cao nghệ thuật của tình yêu, mà là tìm cách khơi dậy tình dục để làm tăng sự kích thích tối đa của dục vọng trong lúc làm tình, bất chấp mọi giá trị thuần phong mỹ tục mà một nhà văn cần phải tôn trọng. Chỉ cần đọc qua câu chuyện luyện ái giữa chị Hathaw và Hà Vân với Gs. Trần Hùng, hay Hà Vân với tác giả, độc giả có thể hình dung thế nào là văn chương khiêu dâm trong tác phẩm *Chân Dung Cát* mà chúng tôi không thể nào làm khác hơn là trích nguyên văn như ở dưới đây:

Ở trang 59-60 Inrasara viết: «Ngài giáo sư làm chị nhột. Thằng nhỏ của ngài đã không chịu cương lên. Thà nó như con đĩa dói đi, đặng này nó cứ dùng đặng, lờ nhờ, lưng chừng, xương không ra xương, bầy nhầy chẳng ra bầy nhầy. Như đĩa trâu no máu cựa quậy. (...) Ngài cho nó đung đưa qua lại như con đĩa lăn trở giữa cái đò máng chuối...» của chị. «Trước cái hang động sâu hun hút của chị, thằng nhỏ của ngài đang đứng bên bờ tuyệt vọng (...) Chị cũng đã nhiệt tình vỗ vai khích lệ song nó cứ ì ra đấy. Nó bỗng thấy cái của chị mênh mông quá, thăm thẳm lắm».

Trong khi ở trang 57, Inrasara nâng cao cấp độ tình dục đến mức triệt để và cuồng bạo hơn: «Hà Vân đột ngột đến. Vòm vú căng với cặp mông săn chắc đầy ngầu hứng qua cầu [sic] (...) khiến ngài [Gs. Trần Hùng] hết chịu nổi. (...) Ngài tấn công nàng, nàng phản ứng lại, (...) chính bởi động thái này (...) nó khiêu khích và kích thích ngài. Ngài vật nàng ra, trườn tới, nằm đè lên nàng ngay trên sàn gạch bông Trung Quốc trơn láng. Đến lúc nàng kêu ư hứ thì ngài giáo sư chợt dừng và thở dốc. Ngài thấy mình đang đuối. (...) Trong khi cô học trò thúc: xúu nữa anh, mạnh lên anh! (...) Mười phút trôi qua. Thật bất ngờ: ngài bật dậy. Hay nói cho công bằng, cửa quý của ngài cương cứng đã nâng ngài bật dậy. Nhưng khi ngài vừa nằm đè lên nàng (...) thì thằng nhỏ bỗng xìu đi».

Còn ở trang 267-268: «Tôi mở cửa vào thì nàng [Hà Vân] từ phòng tắm bước ra, chiếc coóc-xê đã mặc nhưng

chưa gài móc, hàng cúc áo sơ mi để ngỏ...Tôi từ từ bước tới, thì thào giọng run run: em có bộ ngực tuyệt vời, và đưa hai bàn tay chạm vào hai bầu vú nàng. Tôi nghe êm và mát rượi dưới lớp vải. Nàng nhẹ nhàng lật làn vải lên, nói : sau đĩa con thứ hai nó sẽ xệ xuống ngay thôi. Tôi vuốt nó không còn qua lớp vải nữa».

Đối với tác giả Inrasara thuần phong mỹ tục là không thiêng nữa; hành động luyện ái và dâm dục mới là cần thiết đem ra phơi bày và quảng cáo nhằm giúp người đọc tăng thêm cảm hứng tình dục. Có chăng Inrasara cũng là người thích dâm dục, thích “phạm tội”? Nhưng vì mục đích nâng cao bản thân nên đoạn luyện ái giữa tác giả và Hà Vân trong quyển sách này được tác giả làm cho nhẹ nhàng hơn, thi vị hơn, đẹp đẽ hơn đôi chút.

Cũng do tính cách này, tác giả đã không ngần ngại lôi kéo cả thần thánh, vua chúa, trí thức cho tới lớp bình dân Chăm vào bầu khí quyển tình dục. Inrasara cho rằng, nếu Chế Mân dâng hai châu Ô, Lý để «chơi gái» (tr. 112), thì ông Kadhar cũng không tránh khỏi «tai nạn nghề nghiệp» làm tình với bà vũ sư Muk Rija trong rạp lễ *Ndih sua* (tr. 61-62), còn cánh đàn ông Chăm thì ai cũng ghi-net trong việc truyền giống, v.v...

Ngoài những đoạn mô tả mang tính kích dục, tác giả cũng không ngần ngại sử dụng các từ nặng tính đặc trưng, như : «đù mẹ.., con cặc» [sic], thậm chí còn “bê luôn” cả «mệt cái lồn» lên trang trang trọng của tác giả.

Trên đây chỉ là một vài đơn cử, còn khá nhiều câu gợi dục “dâm ô” trong tác phẩm và trong suy tưởng của tác giả mà chúng tôi không thể đưa hết ra trong phạm trù bài viết này.

Độc giả người Chăm không mấy ngạc nhiên khi thấy tần số tính dục rất cao trong tác phẩm *Chân Dung Cát*, vì họ hiểu rằng nó thuộc về bản chất đam mê và ham muốn tình dục của tác giả. Trước cái suy đồi tính dục của bản thân, tác giả muốn tất cả vũ trụ, thế gian, mọi vật thể, v.v.,

đều đồng dạng với mình! Người Chăm cũng chẳng ai quan tâm hay đoái hoài gì với sự suy đồi, tính dâm ô hay gì gì khác của tác giả, nếu như tác giả biết tôn trọng người Chăm, không phỉ báng và lôi họ vào cùng một rọ.

Tự Tôn

Điều khá nổi bật nữa mà độc giả thường gặp trong các tác phẩm của tác giả Inrasara là tính tự tôn và sự ngạo mạn của tác giả, và điều này càng lúc càng được tác giả phát triển mạnh hơn và rộng khắp hơn.

Sự ngạo mạn lối bịch

Thông thường, khi bị phê phán sự sai lầm trong các bài viết, tác giả không có khả năng phản biện hay đưa ra những minh chứng một cách rõ ràng có tính thuyết phục, để bảo vệ cho các quan điểm của mình, mà chỉ tỏ cái thái độ vênh vác, ngạo mạn, với những câu rỗng tuếch, đại loại như : «thiếu kiến thức», «như loài kí sinh bám trên sự nổi tiếng của [tác giả]», «chưa trang bị kiến thức», «chưa được đào tạo» để hiểu thơ văn “cao siêu” của Inrasara v.v.. để hạ bệ đối tượng phê bình những lầm lỗi của mình. Trong *Chân Dung Cát* cũng không ngoại lệ, để phản biện cho sự phê phán về mình, Inrasara viết: «nhà văn này vốn máu điên Chakleng, nghĩa là thư thả ngồi kiết già e hèm suy nghiệm về sự cố dù nguy cấp đến đâu để truy nguyên mũi tên xuất phát» (tr. 217), rồi «tự cho phép mình cười trợn nứt bụng» (tr.218) hay tự ngạo nghễ, lên lớp đời, trong cách nói xỏ xiên, «Chúng ta không những sợ sự kiện, sợ quan điểm mà sợ hãi cả một từ, những từ. Là điều đáng cho ngài giáo sư Trần Hùng suy ngẫm mà đặt khái niệm mới hầu tìm cách ứng xử cho phải phép chớ đừng hấp tấp mở hội thảo Latin hóa chữ Chăm để phải chịu thất bại đến không nuốt nổi miếng thịt gà ngụy bữa tiệc chiều tổng kết» (tr. 219), ...

Do tính cách thiếu khoa học và nghiêm túc trên, độc giả đưa ra kết luận: Tác giả Inrasara chỉ là người làm càn, thích khoa trương và nói phét. Là người chuyên đi cóp nhặt và không phải là nhà nghiên cứu đúng nghĩa.

Thêm nữa, tác giả ít khi nhìn thấy sự lố bịch của mình, thí dụ như câu được trích dẫn ở trang 219 ở trên. Có thể nói với thái độ ngạo nghễ khi tác giả phán nó ra, tác giả nghĩ rằng nó là ghê gớm lắm, logic lắm, vì nó dùng để chống lại những trí thức Chăm, những người đang cố vũ cho việc bảo tồn ngôn ngữ chữ viết truyền thống Chăm, mà tác giả gọi nó là *Yang Angin* (Thần Gió). Tác giả cũng chẳng biết câu nói xỏ xiên mà tác giả viết ra đúng hay sai như thế nào! Để đối chất với đoạn trên, chúng tôi xin trả lời tác giả, như sau: – Người Chăm là những người thận trọng, nên họ rất sợ đưa ra những quan điểm “tâm bậy”, vì nó là cái bất lợi cho cộng đồng dân tộc. Người Chăm còn biết sợ một từ hay những từ là điều rất may mắn cho Chăm, vì họ là những người Chăm có bộ óc tư duy logic nên không thể làm “càn”. Những người Chăm không làm càn này thường là những người có đủ dũng khí và kiên định, không ngần ngại đấu tranh chống lại các cường hào, các thế lực để bảo vệ những gì thuộc về dân tộc mình. Đây là những người Chăm chân chính, không giống như kẻ thích làm càn, dám phá hoại di sản của tổ tiên mà lại cụp đuôi trước các thế lực.

Mọi người thường bảo, Inrasara nên đem cái tài và can đảm của mình để cứu vớt dân tộc của tác giả ra khỏi vòng kiểm tỏa, khỏi những thiệt thòi (mất đất, mất quyền), đòi lại cho họ cái quyền thiêng liêng được sống trong biên giới truyền thống của mình, đó mới là nghĩa vụ đáng trân trọng. Chứ đi phát ngôn bừa bãi, xỏ xiên thiên hạ, mạ lỵ dân tộc, làm sao tác giả có thể tự xưng là anh hùng được. Xỏ xiên và mạ lỵ người khác chỉ là hành vi của kẻ côn đồ hay của tên lưu manh, không cần đầu óc và tri thức cũng làm được!

Cùng với thái độ trịch thượng, vô lễ Inrasara còn muốn thông tin đến mọi người, rằng anh ta còn dám cả gan, định, «nhốt hai tác giả *Paoh Catuai* và *Ariya Gleng Anak* vào rọ vì thái độ chính trị nhất thời [của hai ông]» (tr. 174).

Inrasara tưởng mình là ai vậy? Tác giả đã làm được gì cho dân tộc mà lớn lối lắm thế? Trên thực tế, Inrasara chỉ là một người bình thường hay một kẻ “vô danh tiểu tốt”, luôn luôn cụp đuôi trước các thế lực khi có biến cố của dân tộc. Thử hỏi, cái cốp nhặt của Inrasara có được, có cái gì sáng giá? Thử gom tất cả công trình của Inrasara lại xem, có sánh nổi với hai câu (chỉ hai câu thôi) của *Ariya Gleng Anak* hay *Paoh Catuai* hay không? Thế mà dám ngạo mạn, dùng lời lẽ “đao to búa lớn” đối với cả tiền nhân. Đúng là chỉ có kẻ lộng ngôn, vô phép quá độ mới có thể nói lên được những lời như vậy.

Một sự nổi bật khác thường nữa trong tác phẩm Inrasara, là thích phong quang toả sáng cho mình, bằng cách dẫn hằng loạt tên tuổi các văn hào, triết gia, ... có tên tuổi trên thế giới mà đôi khi các tư duy hay sự kiện của các nhân vật này chẳng có liên quan gì đến vấn đề hay đề tài mà anh ta đang nói, như : Krishnamurti, Heidegger, Dos, J. Sartre, B. Russell v.v... nhằm để khoe khoang và làm mái che cho sự yếu kém tư duy của mình.

Tự tôn “con bệnh bất trị”

Tự tôn và khoe khoang cũng là điều nổi cộm trong *Chân Dung Cát* và trong các tác phẩm khác của tác giả Inrasara.² Cũng đã có ít nhiều bạn bè thiện chí nhắc nhở tác giả về vấn đề này, song đây là “con bệnh bất trị” nó đã không thuyên giảm mà ngày càng trở nên trầm trọng.

² Một trong những thái độ lỗ bịch nhất trở thành trò cười cho mọi người là tác giả khoe rằng lúc 5 tuổi tác giả đã thuộc *Ariya Gleng Anak*. Sau đó tác giả liền đổi lại là 7 tuổi thuộc *Ariya Gleng Anak*, nhưng mọi người cũng chỉ cười. Thấy không ổn, tác giả sửa lại thành 15 tuổi.

Để tôn vinh bản thân, trong *Chân Dung Cát*, tác giả cố ý dàn dựng ít nhất năm nhân vật là phân thể của mình: Phu Tr., Thuman, Trà Chân, J'man (hay “tôi”) và Chế Khan. Các nhân vật này luôn là hình tượng đẹp nhất, hoàn hảo nhất, xuất sắc và thông minh nhất³, như trong các câu từ đơn cử sau : «tôi được/bị rỗng liếm, khá đậm, đậm nhất Chakleng» (tr.106), «được giải thưởng có cả đăng báo còn lên tivi nữa làng xóm người ta nói quá đi» (tr. 107), và khoe khoang, «Cả tôi cũng thường bị gán nhãn mác chuyên gia triết lí văn chương Chăm» (tr. 113) cho mình là nhân vật «thiên tài, [và] dấu hiệu của thiên tài là khối kẻ ngu xuẩn xúm nhau chống lại anh ta» (tr. 147), tự cho mình là «nhà triết gia kiêm đại thi hào Chăm» (tr. 157) và ngạo nghễ kết luận rằng «Đầu của quần chúng Chăm chỉ tính bằng mấy hộp bánh thôi, chứ đầu của nhà tư tưởng kiêm tiểu thuyết gia [tức là Inrasara] thì 50.000 đôla Mỹ đấy» (tr. 158) vân vân và .v.v.. Đôi khi độc giả thấy tác giả còn vận dụng cả chương sách để tôn vinh hình tượng bản thân của tác giả như trong Chương Hà Vân hay Chương Muñhuê.

Thành ngữ Việt có câu “thùng rỗng kêu to”, nghĩa là, kẻ có tâm hồn nông cạn thường rêu rao, tìm cách nâng cao mình. Sự rêu rao về bản thân tác giả Inrasara trong

³ - Phu Tr. trong *Chân Dung Cát*, tức là Phú Trạm, tên khai sinh của Inrasara.

- Thuman “Thi sĩ – nông dân”, cũng là nhà thơ Inrasara (Phú Trạm), vì ông ta thường tự giới thiệu mình là “nông dân – thi sĩ”.

- Trà Chân trong tiểu thuyết này sinh năm Đinh Dậu, ngồi ghế giảng đường Đại học Sư Phạm thành Phố Hồ Chí Minh vồn vẹn một tháng (tr.72). Có chăng Trà Chân chỉ là biệt hiệu của Phú Trạm, cũng sinh năm Đinh Dậu và cũng ngồi ghế giảng đường Đại học Sư Phạm thành Phố Hồ Chí Minh vồn vẹn một tháng. Chương trình làm việc của Trà Chân (tr.71), cũng là chương trình làm việc của Phú Trạm thường cho bạn bè thấy. Tư tưởng Trà Chân (tr. 73-76) cũng là tư tưởng Inrasara.

- J'man (cũng xưng là TÔI) chính là tác giả Inrasara.

- Chế Khan người tìm ra *Ariya Nai Mai Mang Makah* cũng có thể là biệt hiệu của Inrasara. Vì trên thực tế, Inrasara thường khẳng định rằng ông ta là người tìm ra tác phẩm này.

quyển sách này chắc không phải là trường hợp ngoại lệ. Ngược với sự kiện này nạn ngữ Chăm cũng có câu, “*gahlau asar hapak jang mbau*” (lời trầm ở đâu cũng tỏa hương) để chỉ người sâu sắc, thừa tài năng nhưng lúc nào cũng thâm trầm.

Lỗi hỏng kiến thức

Do hiểu biết về lịch sử và nền văn minh Champa giới hạn, tác giả thường hiểu sai và đặt sai vấn đề. Khi luận về đoạn hoàng thân Champa yêu cô gái Islam từ Makah, tác giả đã không ngần ngại tuyên bố : «Mối tình trái ngang đố võ kéo theo cuộc chiến tranh huynh đệ» (tr. 39). Đây là một kết luận mơ hồ và bịa đặt, vì cuộc tình giữa hoàng thân Chăm và cô gái Hồi Giáo trong tác phẩm *Nai Mai Mang Makah* không có lần nào nói về «chiến tranh huynh đệ». Ngay cả trong suốt chiều dài lịch sử của vương quốc Champa cũng chưa xảy ra «chiến tranh huynh đệ» vì vấn đề tín ngưỡng. Trên thực tế, vấn đề tôn giáo trong tác phẩm này chỉ là phong cách cổ điển thường dùng làm cái phông để giải thích cho các chương ngại dẫn đến sự tan rã trong tình yêu đôi lứa, nhất là đôi lứa yêu nhau nhưng không cùng một tín ngưỡng hay chủng tộc. Ngay trong tác phẩm *Akayét Um Marup*, cuộc chiến bằng vũ lực giữa hoàng tử Um Marup dựa vào đức tin Hồi Giáo với vua cha Harum Mách người theo tín ngưỡng cổ truyền cũng chỉ là để cứu vớt người yêu của hoàng tử Um Marup là cô gái chẵn dê, nên không thể định nghĩa như một chiến tranh huynh đệ tương tàn vì tôn giáo, mà là chiến tranh giữa hai thế hệ: một hoàng tử xuất thân từ gia đình hoàng gia đương thời không thể kết duyên với cô gái chẵn dê, một gia cấp nô tì.

Trang 73, Inrasara viết : «Lối phát biểu rất lạ của chúng ta : người Chăm-người Bani, chữ Chăm-chữ Bani, trường ca Chăm-Bani... khuôn định đầu óc chúng ta ngày này qua ngày khác đã tạo cho chúng ta các hành vi, ứng xử phân biệt. Hay khi dùng thuật ngữ *Akhar Cam klak* – Chữ

Chăm cổ thay vì *Akhar thrah* – chữ truyền thống để chỉ thứ chữ đang được dạy cho con em học thì vô hình chung đặt nó ở phía đối trọng với chữ Chăm mới – mà mới chắc chắn tiến bộ hơn rồi – mặc dù chúng ta không bao giờ muốn vậy».

Vấn đề trên đây được tác giả đặt ra rất lỏng lỏng và khá ngây ngô. Chúng tôi muốn đặt lại vấn đề với tác giả là, có hay không các thuật ngữ được dùng ở trên đã trở thành phổ thông hay tác giả mới nặn ra để cho tiện lý luận. Vì rằng:

1. Một người Chăm am hiểu không ai dùng thuật ngữ «người Chăm-người Bani» trong cuộc đối thoại chính thức, vì thuật ngữ “người Bani”, từ tiếng Việt, có nghĩa là họ không phải là dân tộc Chăm. Thông thường người Chăm dùng thuật ngữ rõ ràng: *Cam Awal- Cam Ahier* hay *gah Cam-gah Bani* để biểu thị cho hai cộng đồng tôn giáo khác nhau, nhưng không biểu thị cho tộc người. Người Việt dù ở làng quê cũng phân biệt được điều này nên họ gọi khá chuẩn, là: bên Bà Chăm – bên Bani.

2. Gọi *Ariya Cam-Bani* là «Trường ca Chăm-Bani» là không ổn, thay vì gọi “Thơ Chăm-Bani” thì chuẩn và đúng với phong cách của Chăm hơn. Vì *ariya* là thơ, dù bài thơ ngắn hay bài thơ dài.

Sự đối kháng trong *Ariya Cam-Bani* không hoàn toàn do yếu tố tôn giáo. Do đó, không có vấn đề phân biệt đối xử giữa *Cam Awal* và *Cam Ahier*. Đối kháng gay gắt trong *Ariya Cam-Bani* chỉ xảy ra trong không gian gia đình cô gái *Cam Ahier*, nhưng không thấy có sự nghiêm cấm bên gia đình cậu trai *Cam Awal*. Như vậy, nó không hề khuôn định sự nhậm lẫn cho người có đầu óc sáng rõ và hiểu đúng.

3. Thuật ngữ «*Akhar Cam klak – Chữ Chăm cổ* thay vì *Akhar thrah - chữ truyền thống*» mà tác giả đưa ra chỉ làm rối loạn thêm cho người đọc. Trên thực tế dân tộc Chăm chỉ có *Akhar Thrah* tức là chữ Chăm truyền thống và *Akhar Bani* dùng trong kinh thánh *Kur'ân* của bên *Awal* (*Akhar Rik* là kí tự Chăm viết theo cách hoa văn, *Akhar Tuol* là cách viết ngắn của dạng *Akhar Thrah* v.v.. mà thôi). Còn *Akhar Thrah*

dùng trong sách giáo trình của BBSSCC là loại chữ Chăm chế biến lai căng. Thêm vào đó, người Chăm không có chữ Chăm mới, nên *Akhar Thrah Cam* không có chữ nào là đối trọng của nó cả. Hơn nữa, người Chăm không có thuật ngữ *Akhar Cam Klak* như tác giả đã đưa ra, mà chỉ có *Akhar Klak* (*Akhar Tapeng* là chữ hay sách cổ) và *Akhar Barau*, là chữ hay sách mới được chép lại từ sách cổ hay bài mới được sáng tác theo *akhar thrah* truyền thống.

Trên đây là một trong những lỗ hổng khá to trong kiến thức của Inrasara. Chính do cái lỗ hổng kiến thức này mà tác giả Inrasara thường đưa ra những nhận định hệt hẫng hay những nhầm lẫn lập đi lập lại trong các bài viết hay tác phẩm của mình và trong *Chân Dung Cát*, điển hình như trong chương Sa Đọa, chương Vô Danh và Vinh Quang, cũng như trong những nhận định về các văn bản Chăm, về các vua chúa Chăm, về các vấn đề lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, và tín ngưỡng của cộng đồng Chăm và các vấn đề khác.

*

Lẽ tất nhiên, *Chân Dung Cát* không phải là *Chân Dung Chăm*. Nó chỉ là một quyển tiểu thuyết tạp nham được xây dựng trên nền “ngược” của một xã hội Chăm bị bưng kín, với cấu trúc chấp vá lẫn lộn giữa thật và giả, giữa không gian và thời gian không trình tự. Dầu nó là quyển tiểu thuyết đầu tiên của một người Chăm, viết về xã hội Chăm, nhưng mục đích chính của tiểu thuyết này không phải để phản ánh một cách trung thực về xã hội Chăm, mà là phá hủy và phỉ báng cộng đồng Chăm, như tác giả đã viết : «Tinh thần Chăm Balamôn ngàn đời là thế – phá tất!» (tr.127), nên tác phẩm này chẳng mang gì lại cho ai muốn tìm hiểu về Champa hay người Chăm ngoài sự ngộ nhận. *Chân Dung Cát* cũng thiếu đi tính thẩm mỹ đạo đức, vì chiều kích nổi bật trong *Chân Dung Cát* là yếu tố khiêu

Chân Dung Cát

dâm, cổ súy cho một trào lưu thác loạn tình dục, như tác giả tuyên bố: «Chăm thích thì cho, thì làm. Sau tảng đá ngoài rừng, ngay gốc cây trong vườn...» (tr. 63). *Chân Dung Cát* còn là một tác phẩm hỗ trợ cho sự sa đọa, tư duy này được tác giả đúc kết như một học thuyết: «Trong xã hội nghiêm trang nghiêm chỉnh nghiêm túc đầy nhất gan này, chỉ kẻ sa đọa mới làm nên chuyện lớn» (tr. 145). Và mục tiêu cuối của *Chân Dung Cát* là nhằm hạ bệ tất cả bạn bè, người thân và vua chúa Champa, để tự tôn vinh bản thân tác giả: tôi là «thiên tài...» (tr.147), tôi được «rồng liếm đậm nhất» (tr. 106). Cuối cùng, không biết tại sao một tác phẩm có nội dung xấu như thế này mà nhà xuất bản Hội Nhà Văn Việt Nam lại cho in. Đó là vấn đề mà cộng đồng người Chăm đang đặt dấu hỏi lớn./-

Kuala Lumpur 7-2008.

Bài đọc thêm

Để hiểu thêm về Inrasara và làm sáng tỏ bài phê bình của chúng tôi về tác phẩm *Chân Dung Cát*, độc giả có thể đọc thêm bài Mang Viên Long và Ký Còm, hai nhà văn gốc Việt đã phê bình Inrasara đăng trên diễn đàn văn chương Việt Nam và nước ngoài như website: vanchuongviet.org, tienve.org, talawat.org, v.v.

Đôi điều phúc đáp nhà thơ Inrasara

Tác giả: Mang Viên Long

Ngày 2 tháng 5 năm 2008, Inrasara viết một bài để trao đổi thơ văn của ông ta đăng trong Web «vanchuongviet.org». Để trả lời cho tác giả, Mang Viên Long có «Đôi điều phúc đáp nhà thơ Inrasara» (Phê bình tác

phẩm trích từ “Vanchuongviet. org”, ngày 3 và 7 tháng 5 năm 2008).

Theo chúng tôi biết, Mang Viên Long là nhà văn rất đam mê văn chương Việt Nam và đã đọc qua gần hết những tập thơ Inrasara, gốc người Chăm tên thật là Phú Trạm. Qua các bài trao đổi, Mang Viên Long đưa ra một số nhận định về Inrasara mà chúng tôi xin trích đăng ở đây để làm bài đọc thêm. Bài viết của Mang Viên Long nằm trong “dạng viết nhanh, trào phúng nhưng nghiêm túc”, thành ra chúng tôi chỉ trích một số đoạn và trình bày theo format của tập san Champaka của chúng tôi. Nếu Mang Viên Long thấy có chỗ nào sơ sót, chúng tôi sẵn sàng điều chỉnh lại.

Đây là một số hiện tượng của Inrasara mà Mang Viên Long đưa ra thảo luận trong bài nhận định này.

Inrasara viết quá dài dòng

«Nhà thơ Inrasara đã “đôi điều” cho “đôi điều” của tôi dài đến 4 trang in chữ nhỏ, gồm đến 8 “tiết mục” (!). Tôi xin được lần lượt phúc đáp Anh, nhưng xin thưa trước, chỉ “đôi điều” ngắn gọn thôi. Không phải tôi “không khả năng bàn, thậm chí, dị ứng với lý luận” như Anh nghĩ, mà thú thực tôi dành phần lớn thời gian để lao động kiếm sống !

Inrasara xem thường những tác giả khác

Đâu cần gì phải vác tự điển ra để dẫn chứng ? Có lẽ ai cũng hiểu cái từ đơn giản ấy rồi - “kẻ” có xa lạ gì ? Nhưng một đăng Anh [Inrasara] viết “người viết, người làm thơ mới, người sáng tạo, v.v”, nhưng lại là những “kẻ” sáng tác theo truyền thống. Hơn thế, người đọc còn có cái cảm nhận ngoài ngôn từ cảm thấy có một sự “xem thường, coi thường, coi khinh”. Tôi đồng ý với Anh, chữ ấy (kẻ) được dùng theo một “nghĩa trung tính”. Vậy thôi.

Inrasara là nhà văn “thơ ngây”

Còn chuyện “bảy lần kinh qua bảy Ban biên tập khác nhau, rồi sau gần hai năm xuất hiện, không nhà nào gợi ý bảo tôi thay đổi”. Tôi nghĩ, với người dày dạn đây mình kinh nghiệm như Anh, sao còn “thơ ngây” tin vào các “nhà” ấy nhỉ? Cũng lạ.

Inrasara là nhà thơ “tục tũ”

Anh bảo sáng tác theo truyền thống là “làm hỏng bầu khí quyển thơ” bởi “các loại thơ này đang độc quyền mặt bằng thơ Việt” ư ? Anh có khi nào tự đặt ra câu hỏi: “Tại sao nó chiếm được độc quyền” chưa? Thưa, nó chiếm được độc quyền là vì :

- Người đọc còn chấp nhận “chơi” với nó.

- Không moi đâu ra các sáng tác “Hậu hiện đại, Tân hình thức” có giá trị nghệ thuật khả dĩ có thể giới thiệu thay thế. Như bài “Thăng Hoang” (trang 94) trong tập thơ của Anh (*Chuyện 40 Năm Mới Kể và 18 Bài Tân Hình Thức*, NXB Hội Nhà Văn 2006) với ý tưởng như vậy, câu thơ tục tũ như vậy:

Msa 10 năm chờ hết nổi

*Nàng chửi gió đọi nó cho **mệt cái lôn!***

Xin lỗi đọc giả bắt buộc tôi ghi nguyên văn !.

Tân hình thức của Inrasara chỉ là loại thơ chóng mặt, buồn nôn

«Tôi cũng có được ăn học đàng hoàng, lại hơn 12 năm dạy học (...) Dù có “Tân hình thức, Hậu Hiện Đại, Nữ Quyền Luận” (...) cũng không thể “ngửi” nổi những “câu thơ” tân hình thức kiểu đại loại như thế (!). Tôi đồng ý, thơ văn phải chấp nhận hiện thực-thực tế, dù tốt hay xấu không né tránh, che đậy (...), nhưng có nên “nói thế, làm thế” với

các từ quá ư **thô tục** (...) vào trong thơ không? Lại nghĩ người đọc (nói chung) tìm đến với Thi Ca là để được “nâng cao tâm hồn, chuyển hóa cái chưa tốt, thư giãn hân hoan (...)”. Thế nhưng “hậu hiện đại, tân hình thức” đã làm cho họ thêm **chóng mặt, buồn nôn, mỗi mệ**t hơn, thì làm sao “đòi chiếm mặt bằng các trang thơ” trên các tuần báo, tạp chí được nhỉ? Quý ông cứ “sáng tạo” cho nó tốt đi, chứ không lo “không có mặt bằng”, rồi kêu gào đòi hỏi “sự công bằng” cho thơ (!)

Inrasara kêu gọi chôn phút quá khứ là điên cuồng, vô ơn

Lại nữa, những người nói kiểu “hãy chôn Thơ Mới” hay “Chôn phút quá khứ để lên đường” là một sự sai lầm đáng buồn, trong quá khứ. Chúng ta phải rút kinh nghiệm. Nhìn lại, những người đã “đối xử thô bạo” với thơ như thế, rồi sự nghiệp văn học có ra gì? Họ đã lên đường ra sao, chắc ai cũng rõ (!) Nếu có đủ tư lương, tài năng thì anh cứ “lên đường” đi. Có ai cấm đoán anh đâu mà đòi phải “chôn” - “chôn phút quá khứ”, thì anh còn lại gì? Thật là những kẻ điên cuồng, vô ơn! Anh nhỉ?»

Thơ Inrasara “tôi” nhưng đòi người đọc phải “trang bị” cái này, cái kia

«Sao lại “không ngấm chứa gì cả” nhỉ? Tuy nó vẫn tắt, ngắn gọn “Viết sao cho hay” và vẽ bình dân là thế. Nhưng từ “hay” phải được dùng như thế nào, để có ý nghĩa đây? Người đọc không cần lý luận, học thuộc nhiều trường phái thơ (...). Họ chỉ tuân theo khối óc, trái tim của họ để cảm nhận, để đọc, rồi gọi là “hay”, hoặc dở, tồi tệ, v.v. mà thôi. Theo Anh, phải chuẩn bị hay “trang bị” cho người đọc cái này, cái kia (...) thì đến bao giờ mới “đào tạo” ra hằng triệu triệu người đọc để có đủ “trình độ” đến với thơ? (...) Theo tôi, Thơ phát triển đến đâu, Người đọc tiến theo tới đó (...). Tập thể người đọc hôm nay (...) không như thời cũ nữa

rồi ! Phải tỉnh giác nhìn lại, và phải thanh thản đến với Nàng Thơ một cách trân trọng, chứ không “lý thuyết” dài dòng suông ! (...) Theo tôi, tôi luôn quý trọng người “nói ít, làm được nhiều”! (hoặc “Tri hành hợp nhất”). Ghét kẻ ba hoa».

Inrasara học đòi quá lối theo kiểu Đông-Tây

«Sáng tác theo “cảm tính”, theo Anh là không tốt, không có tương lai ư ? Theo quan điểm của tôi, “cảm tính” (...) là rất quan trọng, nếu không muốn nói là ưu tiên hàng đầu cho mỗi tác giả. Còn chuyện “lý luận, phê bình, căn bản tri thức văn học .v.v” là chuyện “cần” mà chưa “đủ” cho một người sáng tạo! (...) Tôi biết, Anh là “một kho sách Đông -Tây”, nhưng đâu phải hoàn toàn mọi chuyện sẽ đi theo quỹ đạo ấy mới đúng (?). Đâu phải “từ Âu sang Á, từ Nam Mỹ sang Bắc Phi, từ Pháp quốc sang Nhật Bản (v.v.)” có như vậy, làm như vậy, theo “lộ trình” phát triển như vậy, như vậy, thì chúng ta buộc phải đi theo như vậy ? Cái bản sắc riêng của một nền văn hóa dân tộc không cho phép chúng ta mù quáng, tuyệt đối tin tưởng vào “sự phát triển” của một quốc gia nào đó (...).

Nếu Inrasara có một bài thơ “ăn may” là đủ rồi

Lại có chuyện không ít sáng tác có dấu ấn ăn may, ăn mòn vào năng khiếu “trời cho”. Một nhà thơ ăn may, thì nó sẽ đến đâu? Văn học là một khoa học, mà “ăn may” thì như mua “số đề” rồi. Nói vậy, là đã phủ nhận giá trị tác phẩm và hơn thế, sỉ nhục tác giả (!). Anh lại kết luận : “Đa phần nhà thơ VN luôn chịu định mệnh một bài, một tập, là thế”.

«Theo thiển ý, cả đời sáng tác, nếu viết được “một bài” hay “một tập” mà có giá trị lâu dài, được lịch sử văn học ghi nhận là đã không hoài công rồi ! Chứ “sáng tạo” chi cho nhiều, tập này, tập nọ (v.v.) mà chẳng có con ma nào

dám ngó tới cả, thì để làm gì ? Có hơn “ăn may” (!) không nhỉ?».

Inrasara lúc nào cũng cao ngạo, tự đắc

«Lại thêm chuyện “Nhưng ở trường chúng tôi thì khác”. Tôi hiểu. Chúng tôi hiểu. Tuy vậy, thưa anh, đó chỉ là điều kiện “cần” chưa có gì để tự hào nhiều đâu! Từ cái gọi là “năng lực lý luận nhất định” ấy để trở nên một “người sáng tác có năng lực” là còn rất xa, chưa nói là không thể !. Đâu phải ai ra cái trường học ấy cũng là “Nhà thơ, nhà văn” tài ba tiên phong trong công cuộc cách tân Văn học? Thực tế, đã có khối người có nhiều thẻ, nhiều bằng mà có làm nên tích sự chi đâu? Lại còn “bám víu” vào “mấy thứ đó” để cao ngạo, tự đắc mới tệ!».

Nên khiêm tốn, tôn trọng quá khứ, biết ơn kẻ truyền thống

«Tôi có dùng từ “đao trong búa lớn” là để nói lên ý nghĩ : “hãy cứ làm việc đi, cứ sáng tạo đi, cứ cống hiến đi” chớ có “nói nhiều quá, nói suông, gây ồn ào ô nhiễm “bầu khí quyển Thơ”” mà thôi. Còn nếu có cương lĩnh, tuyên ngôn gì thêm, càng tốt chứ sao? Nhưng mà hãy khiêm tốn, tôn trọng quá khứ, biết ơn “kẻ truyền thống”».

*Ôm lý thuyết không tiêu hóa được, bị bội thực để trở thành
ngông cuồng, lập dị*

«Anh viết “Dị ứng với lý thuyết không gì hơn là tâm lý phản trí thức”. Tại sao lại phải “dị ứng với lý thuyết” nhỉ? Người viết (Thơ văn, Tiểu luận .v.v) bước đầu đi vào con đường sáng tạo (...) thì phải hiểu rõ về con đường mình đi, sẽ dẫn bước chứ? (...) Người sáng tạo phải “tự trang bị” cho mình chu đáo. Đâu cần phải có bằng này bằng nọ, học ở trường này trường kia để khoa trương mà cốt để cho chính mình tiến bộ bước xa hơn, vững chắc hơn. Ôm một đống “lý

thuyết” đã “bội thực” rút cuộc không tiêu hóa nổi để trở thành ngông cuồng, lập dị, thì nguy cho Văn học quá!».

Nhà thơ sáng tạo để sáng tạo

«Dĩ nhiên người làm công việc sáng tạo có cái quyền thể hiện riêng, không ai bắt buộc được; nhưng cũng cần nhớ “Anh sáng tạo cho ai ? Để làm gì ?” chứ ? Không lẽ cứ “sáng tạo để sáng tạo”. Không ngó ngang gì đến người đọc, người thưởng thức sao? (...).

Lạm dụng từ dị ứng và làm ô nhiễm bầu khí quyển thơ

«Xin thưa, không lẽ tôi “bất chước” Anh kê ra một cái toa dài để tự hào và chứng tỏ là tôi đã học, đã học (v.v.) như thế nào ư? Điều anh nói không có ảnh hưởng gì đến việc tôi đang làm (...) nên miễn kể lể! Có điều “anh quen dùng” từ “dị ứng” ấy lại không mấy thích hợp mà thôi! (...). Thưa Anh, tôi không “từ chối thực tế lù lù”, nhưng tôi buồn và có hơi lo trước cái gọi là “hậu hiện đại, tân hình thức” đang làm “ô nhiễm bầu khí quyển thơ” mà thôi ! Sự đổi mới nào cũng rất cần thiết nhất là lãnh vực văn học, nhưng “đổi mới” sao cho đẹp hơn, tốt hơn, tuyệt vời hơn mới là điều cần bàn! Xin Anh để ý cho : “Học hỏi chứ không phải học đòi, sáng tạo chứ không phải bất chước”!».

Thơ văn tân hình thức hay thơ văn rối loạn và dung tục

«Anh có quan điểm rất hay: “Tân hình thức hay hệ mỹ học nào bất kỳ không đồng nghĩa với tục tĩu, dơ dáy”. Điều đó chắc là bạn đọc cũng rất đồng tình? Tôi không bao giờ “có định kiến” gì với tân hình thức chứ đừng nói “bất công”!. Tôi luôn tự nhủ mình hãy đọc hãy nghiên cứu, hãy tìm hiểu “Tân hình thức” (...) không nên nghĩ “tốt, xấu hay, dở” trước khi hiểu nó. Vậy mà, sau bao năm mày mò tìm đọc, tôi chỉ thấy “một sự rối loạn” về hình thức và “một sự

dung tục” về nội dung (!)».

Nhà thơ vô trách nhiệm

«Anh đã xác nhận : “Tôi chưa một lần dùng từ “tục tũ” , chỉ mỗi bài có mỗi từ “tục” ấy”. Một bài thơ hỏng không có nghĩa là hệ mỹ học đó tồi (!)”. Thưa anh “chứ không phải ở các tác phẩm hỏng của nó” như vậy, người “sáng tạo” có quyền lấy “văn đàn, đọc giả” để “thí nghiệm” hay sao? Ai là “kẻ” làm nơi nhận lấy hậu quả của những thí nghiệm bừa bãi vô trách nhiệm ấy?»

Nhà thơ ăn may, ăn mòn vào năng khiếu trời cho

«Và “Hoài Thanh đã chẳng từng thải loại 99 bài Thơ Mới dở để chọn ra 1 bài hay sao?”. Điều này thì Anh có vẻ mâu thuẫn với những “đôi điều” trước đó về “không ít sáng tác có dấu ấn ăn may, ăn mòn vào năng khiếu “trời cho”. *Một nhà thơ ăn may, thì nó sẽ đến đâu?*”. Nghĩ và phát biểu như vậy là xem khinh người “chọn ra” tác phẩm (như Hoài Thanh chẳng hạn), xem khinh tác phẩm đã được nhìn nhận và sau cùng xem khinh chính Tác giả của nó (!). Thử hỏi: Vậy những tác giả của “hậu hiện đại, Tân hình thức” có “ăn may” không?»

Thơ hậu hiện đại chỉ là thơ thử nghiệm đầy nguy hại

«Người đọc, thưởng thức có quyền “chấp nhận, không chấp nhận”, là tùy riêng cá nhân họ. Họ có “chối bỏ, không dám nhìn tới” cũng có gì là lạ, khi không tìm thấy ở những “tác phẩm” ấy những gì hay ho, bổ ích (!) . Việc “nhà phê bình” thiếu cận là vì đội ngũ phê bình ở xứ ta ít, chưa có năng lực cao. Thực sự ai cũng “làm nhà phê bình” được cả thì đó là một sự thiếu sót, cần chấn chỉnh và đào tạo! Xin thưa là tôi “không hề nhất trí cao” với chương trình đào tạo ở khoa văn trường ĐH, mà cũng đã có lần cảm thấy

“vốn kiến thức cơ bản” kia rất nghèo (...). Nhưng, việc đem các trường phái thơ (như “hậu hiện đại, thơ mở rộng, hậu nữ quyền luận “ (v.v) vào chương trình giáo dục, thì còn phải “nghiên cứu” lại bởi “sự thử nghiệm rối loạn đầy nguy hại” của nó chưa được thẩm định qua thời gian.

Chôn phút quá khứ để lên đường là thái độ lộng ngôn

«Tôi cũng không lạ gì “nhóm sáng tạo” trong thập niên 60 cũng có đôi lần được trò chuyện “với vài vị” ở tòa soạn Văn / Văn ĐỀ, phải nhìn nhận họ đã “thổi được một làn gió mát” cho Thơ, nhưng cái việc lộng ngôn ấy “hãy chôn thơ mới, chôn phút quá khứ để lên đường” là không cần thiết và chẳng hay ho gì (!) Anh không cảm thấy như thế sao? »

Inrasara nên trò chuyện nghiêm chỉnh hơn

«Xin Anh hãy “trò chuyện” nghiêm chỉnh một tý và trao đổi đầy đủ một chút ! (chỉ đôi dòng, có nhiều nhõm gì, trong lúc anh dài dòng về mình đến cả trang !) “Botay. com rồi!” và tôi cũng “tambiet.com”!».

Lý luận khắp khiêng, nhưng quá tôn vinh “cái ngã” của mình

«Anh hỏi : “Rất nhiều nhà thơ ngoài kia đã như thế, họ có bội thực không?” Dem chuyện “ngoài kia” mà so sánh với “trong này” thì hơi khắp khiêng và quá tự mãn đấy! Lại viết “chưa có manh lý thuyết nào trong bụng thì tiêu hóa cái nổi gì đây?”. Tôi có được nghe vài bạn văn nói lại “đôi điều” về Anh, nhưng qua chỉ 2 lần “trò chuyện” vui thôi, tôi nhận ra anh rơi vào “lúp người” quá tôn vinh “cái ngã” của mình (!). (ngã mạn là một điều rất khắc kỵ trong nhà Phật). Thế thì nguy quá! “chưa có manh lý thuyết nào”, xin thưa “ai chưa có manh lý thuyết nào?” nhỉ ? Anh ám chỉ ai? Nếu có nghĩ về tôi, thì Anh rất lầm ! Và rất...».

Tác phẩm thô tục, không có tính nhân văn và nhân bản

«Cám ơn Anh, tôi sẽ đọc nhưng “vui tới cỡ nào” thì còn chờ thời gian ! Tôi cũng mong Anh nhớ cho, từ lý thuyết đến thực hành cho tốt là còn rất xa. Tôi thoáng nhớ một câu Pháp cú : “Tụng đến ngàn câu kệ vô nghĩa, chẳng bằng một câu kệ có nghĩa lý, nghe xong Tâm liền tịnh tịnh”. Hay cùng ý đó: “đọc ngàn quyển sách, chẳng bằng đọc một cuốn sách”. Anh đã luôn cho mình là “có lý thuyết” đầy bụng nhưng thử nhìn lại mình mớ lý thuyết kia đã “dạy” anh viết nên câu thơ thô tục như thế nào?. Nếu anh bảo “cứ nhè vào chuyện đạo đức như là buồn lòng nhau”. Xin lỗi, tôi không cố tình “làm buồn lòng nhau” đâu; nhưng nghĩ nếu không “văn dĩ tải đạo” như xưa, vì quá cổ lỗ sĩ (!) cũng phải có “tính nhân văn, nhân bản” trong tác phẩm chứ ? Văn hóa góp phần “làm đẹp con người, làm đẹp đời sống” chứ anh? Nếu không, thì xã hội ngày mai sẽ ra sao có lẽ anh cũng đã hiểu?

Nhà văn thất thố, lối bịch và quơ đũa cả nắm

Tại sao lại quơ đũa cả nắm khi nghĩ là “cái cần này ta chưa có thì làm sao có đủ”. Làm thế nào anh biết người sáng tác hôm nay không có “cái cần” (lý thuyết) ? Chúng ta có thể nói : “Mức độ thâm nhập lý thuyết có hạn chế, không đều do vậy trình độ có khác ?”. Chứ chẳng nên tự cao bảo rằng “không có manh lý thuyết nào trong bụng cả!” là thất thố, lối bịch! Điều này mới thực sự làm “buồn lòng nhau” đó anh à!>

Cuối cùng xin được cảm ở quý bạn văn trong và nước ngoài đã gọi hay mail góp ý, chia sẻ với tôi vì mấy chuyện dông dài này! Tạm biệt!.

Chân Dung Cát

**Đôi điều cần nói về «Không có cuộc
cách mạng Thơ trong tương lai gần»**

Tác giả: Mang Viên Long

Một người bạn văn ở Saigon có photo gửi cho ông Mang Văn Long bài “Không có cuộc Cách mạng Thơ trong tương lai gần” của Inrasara. Nhân đây, Mang Viên Long cũng xin gửi lời cảm ơn người bạn văn tốt bụng thân quý. Và, cũng do “nhân duyên” ấy, mới có “Đôi Điều Cần Nói” với Inrasara hôm nay.

Nhà văn dẫm đạp và khinh thường quá khứ

«Thực ra, những gì Inrasara trình bày trong “tiểu luận” nêu trên đều bình thường (...). Tuy vậy, nói gì thì nói, có thể “nhận định, phê phán, khen ngợi, dự đoán, hay tiên đoán (v.v)”, nhưng tuyệt đối không được dẫm đạp, khinh thường thậm chí nặng lời với quá khứ. Bởi vì, tôi nghĩ quá khứ đã làm xong việc của nó trong một giai đoạn, một chặng đường của lịch sử phát triển văn học đất nước. Xin lỗi Ô. Inrasara, chính ông và cả chúng ta, cũng đã “lớn lên” nhờ những người ấy cơ mà? Ông đã quên rồi sao?. Nó không có tội gì, và cũng không phải là vô ích, đã “làm hồng bầu khí quyển khí quyển thơ mà không tự biết” như lời ông đã viết. Những nhà thơ, mà Inrasara gọi là “Những kẻ sáng tác theo truyền thống” (...) có suy nghĩ mà Inrasara cho là “lối suy nghĩ đầy tai hại”.

«Suy nghĩ đúng đắn như vậy mà Inrasara đã “nổi giận” cho là “đầy tai hại” và gọi họ là “những kẻ” (!) Nghe xa lạ và vô ơn quá!»

Không nên chê người đọc không có trình độ

Thơ mà không có ai đọc, không ai hiểu nổi, không ai chia sẻ cảm xúc, tâm sự, khát vọng (v.v) cách của người

“sáng tạo, cách tân” ra nó, thì thơ để làm gì nhỉ? Không lẽ để “thách đố, lèo bịp, cầu danh hảo”? Nhà thơ (...) có thể “cách tân”, hậu hiện đại hay “hậu” gì gì cũng được cả, nhưng thơ phải truyền cảm (...) có ý nghĩa sâu sắc về điều mình muốn giải bày trí tuệ. Nếu không muốn cho người đọc hiểu, xẻ chia, hòa nhập với cảm xúc của mình, thì “sáng tạo” thơ ra cho ai? Để làm gì nhỉ? Có “nhà thơ” đã lớn tiếng “chê” người đọc không có trình độ, không có cảm quan mới, nên cần phải một thế kỷ nữa mới có người hiểu nổi thơ của anh ta.

Còn quá sớm để thành nhà thơ tiên phong

«Inrasara có lẽ đã cho mình là một trong vài nhà thơ tiên phong trong “cách tân, hiện đại hóa” của Việt Nam, có lẽ điều đó còn quá sớm và không phải lúc. Nhà thơ, nhà văn, nói chung, anh cứ sáng tác, chỉ biết sáng tác, theo quan điểm, lập trường; theo khả năng của riêng mình. Còn “gọi là gì” thì nên dành cho người đọc, cho quý nhà phê bình, cho lịch sử văn học mai hậu. Chứ có vội vàng gì đâu?. Việc gì đến, “đủ duyên”, nó sẽ đến. Cũng chẳng cần “mò đoán”, tiên liệu, hay tiên tri cho nó thêm rối rắm!

«Theo thiển ý, thơ không cần “bè nhóm, trường phái” chi cả. Lại không cần “tuyên ngôn đao to, búa lớn” (...) mà chỉ cần mỗi người ý thức được sứ mệnh của mình, khát vọng của mình, mà ngày đêm nỗ lực cống hiến cho người đọc, cho văn học (...) Nếu tuyên bố, tuyên ngôn, hay bè nhóm (v.v) mà chẳng có tác phẩm lớn, đáng nhớ thì để làm gì nhỉ?»

Chân Dung Cát

**Đất nước khó khăn này sao
không thấm được vào thơ?**

Tác giả: Ký Còm

Bình về thơ Inrasara trong chủ đề «Đất nước khó khăn này sao không thấm được vào thơ» (trích trong Việt-Tide, tờ báo của trào lưu mới, số 333) tác giả Ký Còm chỉ viết một câu ngắn gọn:

«Hèn nhất, bất tài, chạy trốn thế tục vào váy đàn bà vậy mà các nhà thơ hôm nay vẫn huênh hoang “ta đây”. Trên Văn Nghệ đồng bằng sông Cửu Long mới đây có đăng bài “Thi ca hôm nay” của Inrasara, vô ngược:

“Mặt đất quay và quay và bỏ rơi trùng trùng nỗ lực
chìm hố thẳm vinh quang
Chỉ chúng ta kẻ cư ngụ ngang thời gian
là không rớt lại”

Và tác giả Ký Còm kết luận : «Chắc thi sĩ đã đứt dây thần kinh [không biết] xấu hổ nên mới “ngoạ ngôn” đến thế».

Chân Dung Cát

Đôi lời cảnh tỉnh tác giả của *Chân Dung Cát*

BBT Harak Champaka

Inrasara tên thật là Phú Trạm, người Chăm làng Caklaing (Mỹ Nghiệp), Ninh Thuận, tác giả của nhiều tập thơ và xuất bản nhiều tác phẩm về văn hóa Chăm. Đặc biệt, trong năm 2006, ông ta cho ra mắt một cuốn tiểu thuyết đầu tay mang tên *Chân Dung Cát*.

Nhìn qua danh mục những tác phẩm đã xuất bản, mọi người đều cho rằng Inrasara đã đóng góp rất nhiều trong công trình phổ biến di sản văn hóa Chăm, đem đến cho độc giả nhiều bài viết liên quan đến xã hội Chăm. Tiếc rằng, nội dung bài viết trong các tác phẩm Inrasara thường dựa vào quan điểm riêng tư để phân tích một cách sơ sài về di sản văn học Chăm, phê bình một cách nông cạn và đôi lúc vô trách nhiệm về bản chất của dân tộc Chăm, chê bai một cách vô tội vạ những bạn bè thân cận và những nhà nghiên cứu Chăm không cùng trường phái của mình, nhằm để tôn vinh bản thân một cách quá đáng mà Harak Champaka của chúng tôi đã từng đề cập đến.

Inrasara cũng là người đoạt được nhiều giải thưởng về thơ qua các bài tiêu biểu như: *Tháp Nắng*, *Sinh Nhật Cây Xương Rồng*, *Lễ Tẩy Trần Tháng Tư*. Tiếc rằng, giải thưởng thơ văn trong một quốc gia độc đảng, độc quyền thưởng không dựa vào giá trị nội dung của tác phẩm mà chỉ nhìn vào vị trí và quan điểm của tác giả, nhất là tác giả gốc người sắc tộc, đối với Đảng và Nhà Nước Việt Nam. Qua bài bình về thơ văn của Inrasara, Mang Viên Long và Ký Còm là hai nhà văn Việt Nam có quan điểm hoàn toàn trái ngược về giá trị giải thưởng mà Hội nhà văn Việt Nam dành cho Inrasara. Một số trí thức Chăm có trình độ về văn học cũng đưa ra cùng nhận định với Mang Viên Long và Ký Còm. Đối với họ, những bài thơ của Inrasara chỉ là một loại

thơ “ghép từ” hay “khoe ngữ”, thiếu chất sống, thiếu cảm xúc và mang tính huênh hoang, còn nội dung thì trống rỗng, xa vời và mơ hồ, để rồi không ai còn biết Inrasara viết thơ để làm gì, sáng tác thơ có mục tiêu gì, đấu tranh cho ai và bảo vệ cho lý tưởng của dân tộc nào?

Khi nói đến nhà văn hay nhà thơ chân chính, người ta thường nghĩ ngay đến những nhân vật có nhân cách và lập trường vững chắc, mà những bài viết của họ thường xây dựng trên nền tảng “nhân văn và nhân phẩm”. Inrasara đã không biết đến giá trị “nhân văn và nhân phẩm” này mà chỉ biết dùng ngòi bút của mình để viết tối đa, sáng tác tối đa, chê bai tối đa bạn bè và người thân cận để quảng cáo tối đa về cá nhân mình.

Điều điên rồ nhất của Inrasara đó là sự huênh hoang và dám dùng ngòi bút của mình để vu khống và mạ lỵ cả một tập thể dân tộc Chăm, cho rằng dân tộc này có 10 khuyết tật thô thiển : “cục bộ, tính khí tiêu cực, thiếu khoa học, lánh đời và trốn xã hội, sĩ hão, không biết giúp nhau, nhát gan, không trung dung, tính đồ thừa, không bền chí” (Văn Hóa Xã Hội Chăm, 1999, tr. 111-116). Đây là một sự phát ngôn bừa bãi. Vì nếu cho rằng dân tộc Chăm nhát gan như Inrasara (Phú Trạm) vừa nêu ra, thì họ đã không có một chiều dài lịch sử như mọi người đã biết, không bao giờ có cuộc kháng chiến của Ja Thak Wa chống cuộc xâm lăng của Việt Nam vào năm 1834-1835, không bao giờ có cuộc vùng dậy của phong trào Fulro (1964-1975) và cũng không bao giờ có cuộc xuống đường của đàn bà và phụ nữ Chăm thôn Văn Lâm vào ngày 23-7-2008 để đòi quyền sở hữu đất đai của họ.

Dùng ngòi bút để bôi nhọ cả một tập thể tộc người là thái độ vô trách nhiệm mà dân tộc Chăm không thể chấp nhận được và cũng là hành động phạm pháp trong các nước tự do dân chủ vì tội phỉ báng dân tộc.

Mặc dù Harak Champaka đã phản đối thái độ không lương thiện này, nhưng Inrasara vẫn tiếp tục cao ngạo chưa chịu “xin lỗi” một câu nào để phục hồi danh dự cho dân tộc

Chăm mà còn tiếp tục vu khống và bôi nhọ họ trong cuốn tiểu thuyết *Chân Dung Cát* xuất bản vào năm 2006 của tác giả.

Để trả lời cho tính cách cao ngạo này và cũng như để tìm lại sự thật đúng sai mà tác giả đã cáo buộc và phỉ báng vô căn cứ xã hội Chăm, Abdul Karim đứng ra phê bình nội dung cuốn tiểu thuyết *Chân Dung Cát* của Inrasara. Bằng những tư liệu khoa học, những dẫn chứng rõ ràng và chắc chắn, Abdul Karim đã phân tích cho độc giả thấy rõ cuốn tiểu thuyết *Chân Dung Cát* của Inrasara chỉ là một tác phẩm khiêu dâm và phỉ báng dân tộc. Bên cạnh đó, Abdul Karim còn đưa ra các bài phê bình của Mang Viên Long và Ký Còm, hai nhà văn gốc Việt phê bình tác phẩm và nhân sinh quan của Inrasara để độc giả hiểu thêm về bản chất thực (dâm hay tà) của Inrasara trên diễn đàn văn chương cũng như trong cộng đồng dân tộc Chăm ở Việt Nam.

Lịch sử Champa là tổng thể của những biến cố đã xảy ra mà dân tộc này xem đó như là một tờ di chúc thiêng liêng, bất di bất dịch, không ai có quyền sửa đổi hay méo mó sự thật mà không đưa ra đưa ra dữ kiện thuyết phục. Xã hội Champa là không gian liên đới của mọi thành viên cùng chung một nguồn gốc văn hóa và nằm trong không gian của một lịch sử, chấp nhận những yếu tố văn hóa và lịch sử này là di sản thiêng liêng chung của một dân tộc mà không ai có quyền đưa ra làm chủ đề mua vui trong cuộc sống. Nhân danh một trí thức người Chăm, Inrasara phải biết trước tiên thế nào là yếu tố lịch sử của vương quốc Champa trước khi dùng ngòi bút để chà đạp lên di sản thiêng liêng của dân tộc này với niềm hy vọng là Đảng và Nhà Nước Việt Nam sẽ ưu tiên chiếu cố đến mình, cho thêm nhiều giải thưởng, vì Inrasara có công đứng về phía Đảng và Nhà Nước để chôn vùi đi những di sản quá khứ và hiện tại của dân tộc Champa, một tập thể lúc nào cũng bị xếp vào thành phần dân bản địa phản động trong suốt chiều dài lịch sử Nam Tiến của dân tộc Việt.

Đôi lời với tác giả của *Chân Dung Cát*

Ai cũng biết, sau 8 thế kỷ chiến đấu chống chính sách Nam Tiến, dân tộc Chăm chỉ còn sống sót chưa đầy 100.000 người, đang mưu sinh co cụm trên mảnh đất khô cằn sỏi đá và lâm vào cảnh nghèo đói bần cùng, chờ ngày bị đồng hóa thành một tập thể lai căng, mất gốc. Trước thực trạng bi đát này, Inrasara nên tập trung mọi tư tưởng để viết về “Chân Dung Thật” của người Chăm, một dân tộc không còn quê hương và tổ quốc, không còn vua chúa, không còn đất đai và ruộng rẫy, không còn làm chủ trên định mệnh của mình hơn là sáng tác “Chân Dung Cát” với mục tiêu duy nhất là bịa đặt ra bao cốt truyện để chê bai và phỉ báng dân tộc Chăm mà Inrasara là một thành viên chính thức.

Cũng vì những nguyên nhân vừa nêu ra, Harak Champaka 30 là số đặc biệt về bài phê bình của Abdul Karim liên quan đến nội dung *Chân Dung Cát* của Inrasara (Phú Trạm). Đây là tiếng chuông báo hiệu, cảnh tỉnh dân tộc Chăm phải có ý thức bảo vệ di sản văn hóa dân tộc trước những ngòi bút viết lách tai hại của một số nhà thơ, nhà văn tại Việt Nam hôm nay, đồng thời cũng yêu cầu Inrasara phải chấm dứt ngay mọi thái độ chà đạp, không lương thiện đối với dân tộc Chăm nói riêng và lịch sử Champa nói chung.

Tại sao phải tổ chức Đại Hội Champa 2007

Musa Porome (IOC-Champa)

Tất cả các dân tộc của mỗi quốc gia trên thế giới đều tổ chức đại hội của họ dưới nhiều hình thức khác nhau. Có một số dân tộc tổ chức đại hội để mừng ngày độc lập hay bàn vấn đề chính trị, kinh tế và văn hóa của họ. Và cũng có nhóm dân tộc lại tổ chức đại hội kỷ niệm ngày mất thể chế chính trị, như nhóm dân tộc Việt Nam ở hải ngoại thường tổ chức hằng năm vào ngày 30 tháng 4 chẳng hạn.

Để đạt kết quả thành công cho ngày đại hội xã hội và văn hóa Champa sau 175 năm bị xóa bỏ trên bản đồ, mỗi người dân Champa phải có nghĩa vụ và trách nhiệm trước lịch sử của vương quốc này. Dù rằng đại hội Champa 2007 chỉ mang nội dung hoàn toàn văn hóa và xã hội, nhưng ngày họp mặt này, nhất là tên gọi của nó được mang tên tuổi Champa, đã trở thành một chủ đề nhạy cảm tùy theo đối tượng và quan điểm của mỗi cá nhân hay mỗi tập thể, dù là tập thể của người Champa hay cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, chưa nói đến chính quyền trong nước hiện nay đang quan tâm đến sự diễn biến của đại hội Champa 2007 này. Có thể vì lẽ đó nên đã có một số người Chăm tỏ vẻ dè dặt và lo sợ nhà nước Việt Nam theo dõi liệt vào danh sách đỏ không cấp visa về thăm quê hương, nên không dám ra mặt dẫn thân vào sự việc tổ chức đại hội này.

Đại hội 2007 là ngày trọng đại liên quan đến vấn đề văn hóa và xã hội Champa. Chính vì thế, chúng tôi cần đem đề tài này ra mổ xẻ và đặt lại vấn đề một cách nghiêm túc tại sao phải tổ chức đại hội Champa-2007?

Lịch sử đã ghi nhận rằng, khi đất nước Champa bị Việt Nam xâm chiếm và xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832, hàng trăm ngàn người dân tộc Champa đã ngã gục và hy

Tại sao phải tổ chức Đại Hội Champa 2007

sinh xương máu, hàng trăm ngàn người dân Champa khác phải chấp nhận ly hương khắp đó đây để tìm nơi ẩn trú. Sau 175 năm vong quốc (1832-2007), dân tộc Champa hôm nay lại trở thành một tập thể «vô sản» nghèo đói và khốn cùng, một nhóm người không còn làm chủ chính bản thân của họ, chưa nói đến làm chủ trên di sản văn hóa và xã hội của họ. Họ là một cộng đồng vong quốc và vong thân, vì không con ai quan tâm đến hoàn cảnh tang thương của họ nữa, hay nói một cách khác: dân tộc Champa đã bị thế giới bỏ quên. Có phải đây là giai đoạn khẩn thiết mà mỗi người Champa phải có nghĩa vụ đặt trọng tâm đến vấn đề tổ chức đại hội Champa 2007, nó vừa đánh dấu một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cận đại của Champa và vừa tạo cơ hội cho hàng trăm ngàn người dân Champa trên khắp đó đây cùng nhau ôn lại dĩ vãng lịch sử của họ và định hướng lại tương lai liên quan đến sự sống còn của họ trong thế kỷ 21 này. Vấn đề thiết yếu của người Champa chúng ta là cần phải có trách nhiệm thực hiện bằng mọi giá để ngày Đại Hội Champa sẽ diễn ra trong 2007 này như trong dự án.

Vậy, mục đích của đại hội Champa-2007 là gì?

Như đã trình bày ở trên, cụm từ «Đại hội Champa 2007» rất nhạy cảm cho cả hai dân tộc Việt Nam và Champa.

Theo thông tin mà chúng tôi đã ghi nhận, cộng đồng Việt Nam trong và ngoài nước chia thành hai khối có quan điểm hoàn toàn khác biệt về ngày «Đại Hội Champa 2007». Khối thứ nhất thì rất hoan hô và tán thành cho rằng dân tộc Champa phải có nghĩa vụ góp phần vào công cuộc đấu tranh để bảo tồn sự sống còn và di sản văn hóa của họ. Tổ chức đại hội nhằm phân tích vấn đề văn hóa và xã hội Champa là việc làm cần thiết và thực tiễn. Đây là cơ hội để tạo ra một phong trào mới nhằm thúc đẩy dân tộc Champa phải chấp nhận gánh phần trách nhiệm của họ, nếu họ muốn còn tồn tại trong thế kỷ thứ 21 này với danh nghĩa là

thần dân còn lại của một vương quốc hùng mạnh xưa kia. Khối thứ hai thì không tán thành vì họ nghi ngờ và đặt lại vấn đề rằng “thế kỷ 21 này người dân Champa đang muốn gì đây?”.

Dân tộc Champa ở hải ngoại cũng có hai quan điểm liên quan đến ngày đại hội này. Nhóm thứ nhất là một tập thể bao gồm nhiều thành phần, xem việc tổ chức đại hội Champa 2007 là một nghĩa vụ thiêng liêng mà họ phải góp phần. Đối với họ, tổ chức Đại hội để bàn một cách cụ thể định mệnh văn hóa và xã hội Champa trong thế kỷ thứ 21 này không phải là một tội phạm trước luật pháp và cũng không phải là hành động chống đối hay hô hào lật đổ chính quyền nào, mà là một nghĩa vụ lịch sử, đó là tham gia vào ngày đại hội để cùng nhau tìm ra giải pháp làm thế nào dân tộc Champa không bị đồng hóa thành một nhóm người lai căng, không nguồn gốc văn hóa và lịch sử trong thế kỷ thứ 21 này. Họ dư biết, chính quyền Việt Nam rất dị ứng với âm vang của ngày đại hội. Nhưng vì Đại Hội Champa 2007 không mang nội dung chính trị, thành vậy ngày ra mắt đại hội này sẽ cho chính quyền Việt Nam cơ hội tốt có tầm nhìn đứng đắn hơn và chính xác hơn về thành tích hoạt động của cộng đồng Champa tại hải ngoại này, hoạt động chỉ có mục tiêu phát triển văn hóa và xã hội Champa mà thôi. Chính vì sự e ngại của chính quyền Việt Nam mà chúng ta phải tổ chức nhiều đại hội văn hóa và xã hội Champa ở hải ngoại để họ không còn nghi ngờ nữa hay lợi dụng danh nghĩa chính trị để chụp mũ những Chăm kiều về thăm quê hương.

Biến cố đại hội Champa 2007 không khác gì cách dùng danh xưng Champa ở hải ngoại vào những năm 1978-1980. Lúc đó người Chăm rất sợ sệt không dám nói đến từ «Champa», vì sợ nhà nước Việt Nam ghép vào tội đòi đất nước. Nhưng một khi phong trào dùng danh xưng dân tộc «Champa» đã thành hình, thì mọi người đều chấp nhận và cả nhà nước Việt Nam, sau ngày đổi mới, cũng công nhận

Champa là một vương quốc xưa kia và thay thế danh xưng Chiêm Thành thành vương quốc Champa.

Ngoài nhóm chủ trương phải tổ chức cho bằng được đại hội Champa trong thế kỷ thứ 21 này, thì một số người Champa khác lại bày tỏ quan điểm tiêu cực. Họ cho rằng, tham gia vào tổ chức đại hội Champa 2007 này sẽ bị liên lụy đến chính trị, nên tỏ vẻ lo sợ cho bản thân và cho cả thân nhân còn ở Việt Nam sẽ bị chính quyền trả thù. Có chăng đây chỉ là sự suy đoán của những người Chăm này mà thôi. Vì rằng, hầu hết người dân Champa đang sống tại Việt Nam đang nóng lòng theo dõi mô hình tổ chức đại hội như thế nào và kết quả sẽ đi về đâu. Lý do có sự tương khắc quan điểm chẳng qua một số người Chăm này chưa nắm rõ ý nghĩa và mục tiêu của việc tổ chức đại hội năm 2007 là gì.

Để tìm hiểu chi tiết vấn đề đại hội, chúng ta thử nghiên cứu chủ đề của tổ chức đại hội Champa-2007 là:

**Vấn đề Văn Hóa Xã Hội Champa
sau 175 bị xóa bỏ trên bản đồ (1832-2007)**

Ý nghĩa của chủ đề

Chủ đề của một đại hội vô cùng quan trọng bởi nó thể hiện và hàm chứa tất cả ý nghĩa của đại hội. Đại hội về văn hóa xã hội của một quốc gia đang có chủ quyền thì không mấy khó khăn về tên gọi hay chủ đề. Nhưng ở đây, chúng ta đang tổ chức một đại hội để bàn thảo về Văn hóa xã hội của một dân tộc mà vương quốc không còn nữa nên việc lựa chọn chủ đề là một việc làm vô cùng khó khăn nếu không tế nhị thì có thể mang kết quả khó lường cho cả một dân tộc. Giả sử rằng cộng đồng Champa muốn chọn chủ đề như trên thì kết quả sẽ ra sao? Thực ra cụm từ **xóa bỏ trên bản đồ** cần được dùng trong chủ đề của đại hội này, bằng không ai hiểu được hoàn cảnh, không gian và thời gian về lịch sử của dân tộc Champa này rồi từ đó ý nghĩa của đại

hội trở nên trở trên. Vì cụm từ *xóa bỏ trên bản đồ* là một cụm từ dễ dãi ứng và đang gây xôn xao cho cả hai cộng đồng Việt Nam lẫn Champa từ trong và ngoài nước. Nếu khách quan lượng giá, chủ đề «Vấn đề Văn Hóa Xã Hội Champa sau 175 bị xóa bỏ trên bản đồ» rất thực tế và phù hợp với hoàn cảnh của một dân tộc Champa vong quốc. Đại hội này chỉ nhằm mục đích để định hướng tương lai văn hóa của một dân tộc chứ nó không mang mục tiêu kêu gọi nhân dân Champa nổi dậy khôi phục lại quốc gia, đòi lại sự độc lập hay tự trị. Thế nhưng dấu dưới hình thức nào đi chăng nữa nó cũng không thể nào thỏa mãn được một số người Champa, bằng nhiều lý do tùy theo quan điểm của mỗi cá nhân và đối tượng.

Vấn đề văn hóa

Nói đến văn hóa thì phải nói đến di tích lịch sử Champa, một di sản đã đóng góp tô thêm nét đẹp cho vườn văn hóa Việt Nam, đã từng ru hồn người khách du lịch từ phương xa tìm đến tham quan mang nguồn lợi kinh tài về cho đất nước. Chính vì thế, những đền tháp ấy luôn cần sự bảo quản từ chính quyền Việt Nam và dân tộc Champa. Những tập tục cổ truyền cùng các ngày lễ hội truyền thống của Champa cần phải được thực hiện theo đúng nhu cầu của họ, đây là việc cần phải bảo tồn. Những bài hát những bài thơ dân gian và nét chữ viết của dân tộc Champa cần phải đưa ra giảng dạy trong các trường học cho những sinh viên học sinh người Champa, bởi nó góp thêm âm vang nền văn minh của một dân tộc mà nay đã đi vào trang sử. Hơn thế nữa, văn hóa Champa ngày nay đã đóng góp vào nền văn hóa chung của đất nước Việt Nam thì làm sao cộng đồng Việt Nam lại thờ ơ việc bảo vệ giá trị di tích lịch sử này?

Vấn đề xã hội

Sau khi vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ Đông Dương vào năm 1832 họ buộc phải hội nhập vào một xã hội Việt Nam và hòa hợp vào một nền văn hóa mới đến nay tròn 175 năm, thế nhưng kết quả của việc hội nhập ấy như thế nào thì không ai biết rõ, trên thực tế đời sống kinh tế và văn hóa giáo dục của người Champa từ cao nguyên đến đồng bằng hãy còn chậm tiến, cơ cực và thiếu học. Chính quyền thời Việt Nam Cộng Hòa cũng như hiện nay đã ban ra nhiều chính sách nâng đỡ phát triển đời sống của nhóm dân thiểu số này, nhưng việc thi hành chính sách dựa trên thực tế thì không thấy gì là thực tiễn và ước vọng của người dân Champa ngày nay vẫn chỉ còn là thứ vô vọng.

Ba vấn đề nêu trên không chứa đựng nội dung phản động hay âm mưu gây rối cho chính quyền sở tại như người ta thường hiểu lầm. Tổ chức đại hội Champa 2007 là một công tác mà chúng ta phải cùng nhau thi hành và là một nhu cầu cấp bách cần phải thực hiện. Thực tế mà nói, vấn đề đại hội này đúng ra là việc làm của nhà nước Việt Nam, thế nhưng nó do cộng đồng người Champa hải ngoại tổ chức thiết nghĩ nó cũng cần có sự giúp đỡ tài trợ từ chính quyền Việt Nam hôm nay, sự cộng tác của cộng đồng người Việt và tất cả các dân tộc khác cùng sống chung trên đất Việt Nam ngày nay. Đây mới là biểu tượng để nói lên sự đoàn kết và hòa đồng các dân tộc cùng nhau đứng lên bảo vệ sự tồn vong của một dân tộc đã đi vào lịch sử nay đang trên đà diệt vong.

Ngày nay con người đang sống trong một kỷ nguyên mới, có nhiều cơ quan thiện nguyện thành hình khắp năm châu để cùng bảo vệ nhân loại và cả thú hoang trong rừng rậm, có lẽ nào dân tộc Champa lại tiếp tục bị thế giới bỏ quên hoặc bị dân tộc lớn coi thường và còn cho đó là thứ dân «man rợ» !

Tại sao phải tổ chức Đại Hội Champa 2007

Nhân đây, tôi thành tâm kêu gọi tất cả người Chăm đang sống dọc khu vực đồng bằng sông Cửu Long và Cambodia chớ tiếp tục mù quáng vào tôn giáo mà quên đi cội nguồn, quên đi đời sống văn minh hiện đại. Đó là thái độ đi ngược với lối chỉ đạo trong tôn giáo và chống lại trào lưu tiến bộ của nhân loại.

Qua cách trình bày trên, hy vọng giúp giải thích phần nào lý do của đại hội Champa 2007 và ý nghĩa của chủ đề để cùng nhau thông hiểu hợp tác nhận lãnh trách nhiệm mà dân tộc giao phó và góp công sức tài chánh để thực hiện đại hội được kết quả tốt đẹp.

Đại hội Champa 2007 là một tổ chức danh chính ngôn thuận, không có gì để nghi ngờ nữa.

Tại sao phải tổ chức Đại Hội Champa 2007

Đại Hội Champa 2007

Thư ngỏ của Ban Tổ Chức

Kính thưa các bậc trưởng thượng,
Kính thưa tất cả quý vị anh chị em Champa,

Năm 2007 là năm tưởng niệm của lịch sử Champa, tức là năm đánh dấu 175 năm vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ Đông Dương. Đây là cơ hội mà dân tộc Champa cần biết những gì đã xảy ra trong quá khứ của lịch sử và định hướng tương lai sự sống còn của dân tộc trong thế kỷ 21 này.

Để trả lời cho những câu hỏi đó, một số anh chị em Champa đề nghị tổ chức một đại hội Champa 2007 này với ý nghĩa là ngày kỷ niệm mất nước hay ngày quốc hận Champa. Tiếc rằng, cộng đồng Champa ở hải ngoại hôm nay không có pháp lý để tổ chức mừng buổi lễ đó. Một số khác ao ước đại hội Champa 2007 phải là «Hội nghị dân tộc Champa» (congress of Champa) theo đúng nghĩa của nó nhằm biểu dương lực lượng đấu tranh chính trị. Tiếc rằng, đây là vấn đề vượt khả năng và cũng không phải là mục tiêu của chúng tôi. Một số người khác mong rằng, đại hội Champa 2007 phải là diễn đàn đoàn kết dân tộc Champa hầu bàn lại vấn đề Champa của họ. Tiếc rằng, dân tộc Champa ở hải ngoại hôm nay không có một tổ chức chung, một phương hướng hoạt động chung, vì thế không ai nghĩ đến giải pháp này.

Cũng vì gặp phải bao khó khăn đó nên chúng tôi chỉ dồn mọi nỗ lực để tổ chức một đại hội mang chủ đề:

Vấn đề văn hóa xã hội Champa

Sau 175 năm vương quốc này bị xóa bỏ trên bản đồ
(1832-2007)

Thư ngỏ của Ban Tổ Chức

Đại hội này sẽ tổ chức hai ngày thứ bảy và chủ nhật, ngày 07 và 08 tháng 07 năm 2007 tại thành phố San Jose thuộc tiểu bang California, USA.

Đây là cơ hội để các nhà khoa học trên thế giới và các đại biểu Champa (đại diện cho dân tộc Chăm và Tây Nguyên) đưa ra những dự kiến mới nhằm giải thích nguyên nhân phát sinh sự nghèo đói và khốn cùng của dân tộc Champa, nạn mù chữ tiếng mẹ đẻ của họ, sự cấm đoán dân tộc Champa biết đến nguồn gốc của họ, vấn đề chiếm đoạt đất đai của họ, vấn đề quốc hữu hóa các đền tháp mà họ đang thờ phượng, vấn đề đảo lộn thế giới tâm linh của họ, sự chênh lệch về mức sống kinh tế của họ cũng như chính sách áp lực và đe dọa mà hôm nay họ đang gánh chịu.

Đây là cơ hội để các nhà khoa học trên thế giới và các đại biểu Champa đặt lại vấn đề di sản lịch sử, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc Champa mà họ xem đó là những yếu tố rất quan trọng cấu thành lịch sử Việt Nam, cũng như lịch sử các quốc gia nơi mà có người dân Champa đang cư ngụ hay tìm hiểu thêm chính sách thích hợp nhằm đưa người dân Champa vào chung sống cùng trong đại gia đình dân tộc Việt Nam và của các quốc gia nơi có sự hiện diện của người dân Champa này.

Dựa vào kết quả của đại hội này, chúng tôi sẽ gửi bản kiến nghị lên nhà nước Việt Nam, các quốc gia có người dân Champa đang cư ngụ như Campuchia, Mã lai, Thái Lan, Châu Mỹ và Châu Âu cũng như các tổ chức quốc tế đặc trách về dân tộc thiểu số trên thế giới nhằm kêu gọi họ tìm những giải pháp thích đáng nhằm giúp đỡ dân tộc Champa hôm nay trong phạm vi thẩm quyền của họ. Vì rằng, dân tộc Champa không có khả năng để giải quyết vấn đề xã hội, văn hóa và kinh tế của họ, nếu không có bàn tay góp sức của chính quyền và cơ quan quốc tế giúp đỡ.

Chúng tôi hy vọng rằng, kết quả của đại hội này cũng giúp dân tộc Champa tiếp thụ thêm thế nào là văn hóa, xã hội và kinh tế của dân tộc Champa hôm nay và đầu

Thư ngỏ của Ban Tổ Chức

là vai trò của họ trong công trình đấu tranh để đưa văn hóa, xã hội và kinh tế đúng với những gì mà họ đang trông đợi trong thế kỷ 21 này.

Cũng như quý vị đã thừa biết, ngân sách là yếu tố rất quan trọng để thực hiện đại hội này. Chúng tôi cũng đang nghiên cứu các giải pháp để xin các cơ quan nhà nước hay các hội đoàn phi chính phủ như (NGOs) trên thế giới để bảo trợ chương trình đại hội. Nhưng trước mắt, chúng tôi muốn nhĩa trước tiên là xin quý vị, các anh chị em Champa quan tâm giúp đỡ chúng tôi theo lòng hảo tâm của từng người. Sự góp phần của quý vị, các anh chị em sẽ là niềm khích lệ rất lớn lao cho chúng tôi và thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc Champa để cùng nhau thực hiện tổ chức ngày đại hội Champa 2007 này.

Tiền hảo tâm của quý vị, xin đề: Đại hội Champa 2007. Tiền này sẽ giao cho thủ quỹ (Báo văn Hương) đại diện của ban tổ chức. Danh sách tiền ủng hộ của quý vị anh chị em sẽ thường xuyên thông báo qua email và đăng trên các mạng web Chăm.

Vì vấn đề chung của dân tộc, Ban tổ chức chúng tôi cố gắng hết sức trong khả năng của mình để tổ chức cho bằng được ngày đại hội này. Chính vì thế, sự hiện diện của quý các anh chị em trong ngày đại hội Champa 2007 là niềm vinh dự vô cùng lớn lao đối với ban tổ chức chúng tôi.

Và sau cùng, chúng tôi sẵn sàng đón nhận các ý kiến đóng góp xây dựng từ quý anh chị em để cùng nhau đưa ngày đại hội Champa 2007 đến sự thành công tốt đẹp.

Xin gửi lời kính chúc tất cả quý vị, các anh chị em và người thân luôn luôn gặp mọi sự may mắn.

Trân trọng kính chào.

USA, ngày 10 tháng 02 năm 2007
Ban Tổ Chức Đại Hội Champa 2007

Thư ngỏ của Ban Tổ Chức

Đại Hội Champa 2007

**Một bước ngoặt mới trong lịch sử
cận đại Đông Dương**

BBT Harak Champaka

Champa là một vương quốc cổ có một nền văn minh cao độ mà tư liệu lịch sử đã từng nói đến vào thế kỷ thứ II. Trong những thời vàng son của lịch sử, đất đai của vương quốc này bao gồm khu vực đồng bằng và lãnh thổ cao nguyên ở miền trung Việt Nam. Champa là quốc gia đa chủng, gồm có sắc dân Chăm và những sắc dân Tây Nguyên như Jarai, Edhé, Chru, Raglai, Bahnar, Sédang, Ma, Kaho, Stieng, v.v.

Trước thế kỷ thứ XV, Champa là vương quốc chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ Giáo. Sau ngày sụp đổ thành Đồ Bàn (Vijaya) vào năm 1471, Champa từ bỏ dần dần di sản văn hóa Ấn Độ Giáo để tạo cho mình một nền văn minh mới. Trong nền văn minh mới này, dân tộc Champa dựa vào yếu tố bản địa của tiểu vương quốc Panduranga cộng thêm một số yếu tố Hồi Giáo du nhập vào vương quốc này từ thế kỷ thứ XVI để sáng tạo ra một hệ thống triết lí vũ trụ, văn hoá, tín ngưỡng, phong tục tập quán và cả hệ thống tổ chức quốc gia đều mang bản sắc riêng.

Nói đến lịch sử Đông Nam Á thì người ta phải nói đến vương quốc Champa. Sau một thời kì phát triển vàng son gần 8 thế kỷ, Champa bắt đầu đối phó, kể từ thế kỷ thứ X, với bao áp lực quân sự của nước láng giềng, đó là Đại Việt. Vì không kháng cự nổi với chính sách Nam Tiến của dân tộc Việt, Champa phải nhường cho Đại Việt một phần đất đai của mình ở phía bắc vào năm 1069 và 1306. Sau ngày thất thủ thành Đồ Bàn vào năm 1471, Champa phải đương đầu với chính sách bành trướng về phía nam của Nhà Nguyễn. Một khi đã làm chủ khu vực Phú Yên vào năm

1661, nhà Nguyễn đặt nền cai trị ở khu vực Kauthara (Nha Trang) vào năm 1653. Kể từ đó, Champa trở thành một quốc gia đặt dưới quyền bảo hộ của triều đình Huế, quốc gia mà hoàng đế Minh Mạng đã xua quân xâm chiếm và xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832.

Sau mười mấy thế kỷ tồn tại, vương quốc Champa chỉ để lại cho hậu thế hôm nay một chuỗi di tích lịch sử hoang phế và hai cộng đồng tộc người. Cộng đồng thứ nhất là dân tộc Tây Nguyên có khoảng 700.000 người. Cộng đồng thứ hai là dân tộc Chăm vào khoảng 130.000 người sống rải rác ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, ở khu vực Châu Đốc. Ngoài ra, còn có một cộng đồng Champa ở hải ngoại đó là dân tộc Chăm định cư ở Campuchia kể từ thế kỷ thứ XV có khoảng 400.000 người, ở Thái Lan khoảng 5.000 người, chưa tính hơn 40.000 dân tộc Chăm và Tây Nguyên định cư ở Mã Lai, Mỹ Châu và Âu Châu sau năm 1975.

Tình hình dân tộc Champa ở Việt Nam

Năm 1832 đánh dấu một thảm kịch kinh hoàng chưa từng xảy ra trong lịch sử Champa. Sau khi xóa bỏ Champa trên bản đồ, hoàng đế Minh Mệnh đưa ra chính sách «tiêu diệt chủng tộc» để rồi hôm nay dân tộc Chăm, là thân dân của một vương quốc hùng mạnh khi xưa, chỉ còn sống sót chưa đầy 100.000 người ở Ninh Thuận và Bình Thuận.

Hết chịu đựng bao thống khổ của chính sách «diệt chủng» này, dân tộc Champa lại gặp phải bao biến cố khác. Chỉ trong vòng 175 năm, dân tộc Champa phải phục tùng ba chế độ chính trị khác nhau: chế độ quân chủ của triều đình Huế, Việt Nam Cộng Hòa và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Dưới thời quân chủ chuyên chế, triều đình Huế dành nhiều ân huệ hơn cho dân tộc Champa, nhất là cho phép dân tộc này được quyền sống theo phong tục tập quán của họ,

trong một «khuôn khổ xã hội» (espace social) có qui chế rõ ràng và trong một «môi trường nhân sinh» có biên giới rõ rệt để tránh sự cộng cư, chung sống với dân cư Việt.

Hiệp định Genève vào năm 1954 đánh dấu sự ngưng chiến của đệ nhi thế chiến ở Đông Dương. Thế là dân tộc Champa phải đương đầu với trang sử mới.

Sau khi bãi bỏ qui chế «Hoàng Triều Cương Thổ» vào năm 1955 mà hoàng đế Bảo Đại đã dành cho dân tộc Champa, Nhà Nước Việt Nam lần lượt thay nhau áp dụng chính sách «thực dân trưng dụng đất đai» (colonisation) với mục tiêu là đưa hàng trăm ngàn kiều dân người Việt vào khu vực của dân tộc Champa đang sinh sống, nhất là khu vực Tây Nguyên, nhằm chiếm đất đai của họ để rồi tự hợp thức hóa thành bất động sản riêng tư của mình; phân chia ranh giới đất đai bị chiếm đóng này thành từng khu vực hầu sáp nhập vào bản đồ hành chính của nhà nước Việt Nam. Kể từ đó, đất đai này trở thành địa bàn dân cư theo mô hình điểm chấm của «da beo» tập trung nhiều thôn xóm cư dân người Kinh trà trộn với thôn xóm dân tộc Champa. Đặt dưới quyền bảo trợ của Nhà Nước Việt Nam, thôn xóm người Kinh càng ngày càng tăng trưởng và dân cư người Kinh trở thành một tập thể khổng lồ chiếm đa số, thường bày tỏ thái độ tự phụ và khiêu khích, có sức ép nặng nề trên cộng đồng Champa để rồi họ trở thành một tập thể «vô sản» mất gốc, nghèo đói và khốn cùng.

Song song với Chính sách «thực dân trưng dụng đất đai», Nhà Nước Việt Nam đã áp dụng chính sách «đồng hóa» dân tộc Champa, buộc họ phải khép mình vào qui chế hành chính và luật lệ tổ chức gia đình và xã hội của dân tộc Kinh. Chính sách «đồng hóa» này cũng nhằm khai trừ những yếu tố văn hóa truyền thống của dân tộc Champa mà chính quyền Việt Nam xem đó là «văn hóa suy đồi, cũ rích, thái hóa và mê tín». Họ vận động dân tộc Champa nên chọn lựa văn hoá dân tộc Kinh mà họ tự cho là văn hoá hiện đại, văn minh để làm tiêu biểu cho cuộc sống mới của người dân

Champa. Với chính sách đồng hoá tinh vi này, người Champa không còn con đường nào khác là tiếp thu những quan điểm mới, tinh thần mới và luân lý đạo đức mới của dân tộc lớn (Kinh) để rồi quên đi nguồn gốc và bản sắc văn hoá riêng của dân tộc mình.

Hai chính sách «thực dân trưng dụng đất đai» và «đồng hóa» đã làm đảo lộn hoàn toàn thế giới tâm linh của dân tộc Champa, phá vỡ cả một nền móng liên kết xã hội (cohésion sociale) của họ, gây thêm sự chia cách rõ rệt giữa thế hệ trẻ và thế hệ lão thành bị xếp vào một tập thể suy đồi và thoái hóa và nhất là phá hủy hệ thống tổ chức gia đình Champa được xem như là một yếu tố quan trọng cấu thành phong tục, tập quán của dân tộc này.

Sự ra đời của hai chính sách «thực dân trưng dụng đất đai» và «đồng hóa» này có một tác động tai hại lớn lao vào hệ thống tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình theo lối cổ truyền của dân tộc Champa. Vì rằng, sự thay đổi chủ nghĩa chính trị và nhất là thay đổi cả một hệ thống kinh tế và xã hội trong một không gian quá bất ngờ và trong một thời gian quá ngắn ngủi đã đưa đẩy dân tộc Champa, vì vô tình mà họ không biết, phải từ bỏ cả một di sản văn hóa thiêng liêng của họ để thay vào đó một nếp sống mới, duy tư mới và cách cư xử hoàn toàn mới của dân tộc đa số.

Bị quay cuồng trong cơn gió lốc của chính sách «thực dân trưng dụng đất đai», «đồng hóa» và nhất là bị ảnh hưởng sự tiến bộ của thời đại mới qua lăng kính của người Kinh, dân tộc Champa ở miền trung Việt Nam hôm nay đã trở thành một cộng đồng dân tộc hoàn toàn bị thoái hóa trên mọi phương diện mà đa số thành viên của dân tộc này đang có xu hướng bị đồng hóa, mất gốc và lâm vào cảnh khốn cùng, nghèo đói thường niên.

Kiều bào Champa ở khu vực Đông Nam Á

Kiều bào Champa ở khu vực Đông Nam Á là dân tộc Chăm cư trú ở Campuchia, Thái Lan và Mã Lai.

Tại vương quốc Campuchia, dân tộc Chăm là thân dân Champa sang tị nạn ở vương quốc này kể từ thế kỷ thứ XV. Đứng trên phương diện chính trị, dân tộc này có sự liên hệ rất thân thiện với chính quyền Cao Miên và đóng một vai trò quan trọng trong mọi cơ cấu chính trị ở vương quốc này. Năm 1975, Campuchia rơi vào tay Khmer Đỏ. Vì bị kết tội là tập đoàn theo phe phái của thống tướng Lon Non và nhất là theo đạo Hồi Giáo, Khmer Đỏ ra lệnh tiêu diệt khùng khiếp dân tộc Chăm ở vương quốc này.

Sự hiện diện của dân tộc Chăm ở Thái Lan chỉ bắt đầu vào cuối thế kỷ thứ XIX. Họ là những tù binh bị quân Thái Lan bắt ở Campuchia vào năm 1812. Riêng về người Chăm ở Mã Lai có vào khoảng 20.000 người. Sự hiện diện của họ chỉ xảy ra sau 1975. Đa số là thành phần tị nạn chính trị và kinh tế.

Tất cả dân tộc Chăm lưu vong ở khu vực Đông Nam Á đều theo đạo Hồi Giáo chính thống. Họ tập trung cộng đồng thành từng khu vực, có một tổ chức riêng biệt và vai trò riêng biệt. Họ thường lui về sinh sống trong một tập thể riêng biệt của họ và chỉ chú tâm đến việc hành đạo dựa vào kinh thánh Coran. Đối với họ, Hồi Giáo là biểu tượng cho nguồn gốc xuất xứ và văn hóa của họ. Chính vì thế, mọi di sản lịch sử và văn hóa Champa, đối với họ, chỉ là yếu tố phụ trong cuộc sống hàng ngày.

Kiều bào Champa ở Châu Mỹ và Châu Âu

Sự thay đổi chính trị ở Đông Dương vào năm 1975 là nguyên nhân có sự hiện diện của cộng đồng Champa ở Mỹ Châu và Âu Châu. Cộng đồng này có vào khoảng 20.000 người, gồm có dân tộc Chăm, đa số là Chăm Campuchia và dân tộc Tây Nguyên.

*

Năm 2007 là năm tưởng niệm của lịch sử Champa. Nhân cơ hội này, cộng đồng Champa tại hải ngoại tổ chức một đại hội quốc tế mang chủ đề: «Vấn Đề Văn Hóa Xã Hội Champa sau 175 năm bị xóa bỏ trên bản đồ (1832-2007)» nhằm đưa ra những dữ kiện mới hầu phát triển thêm kiến thức về lịch sử, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc Champa mà các nhà khoa học xem đó là những yếu tố quan trọng cấu thành lịch sử Việt Nam, cũng như lịch sử các quốc gia nơi có dân tộc Champa đang cư trú. Cơ hội này cũng là dịp cho các đại biểu tham gia đại hội tìm hiểu thêm về chính sách thích hợp nhằm đưa dân tộc Champa vào cùng chung sống trong đại gia đình dân tộc của một quốc gia nơi có sự hiện diện của dân tộc này, và nhất là nghiên cứu lại hậu quả của «chính sách đồng hóa» mà dân tộc Champa đã gánh chịu. Vì rằng sự phát triển và bảo tồn phong tục tập quán của dân tộc Champa không đi ngược lại với chính sách xây dựng chủ thuyết chính trị của Việt Nam cũng như của các quốc gia, nơi mà có các dân tộc Champa đang định cư và sinh sống.

I. Mục tiêu của Đại Hội

Đại hội Champa 2007 là một vấn đề cần thiết nhằm nâng cao kiến thức về những hiện tượng (phénomène) tối quan trọng trong lịch sử cận đại Champa, đó là vấn đề văn hóa - xã hội Champa đã xảy ra trong một thời gian, kéo dài cho đến năm 2007.

Đại hội Champa 2007 có mục tiêu sau đây.

1. Phát triển công trình nghiên cứu liên quan đến hiện tượng xã hội nhằm giải thích những vấn đề khúc mắc và khó khăn trong mối quan hệ giữa dân tộc Champa và chính quyền Việt Nam, mối quan hệ thường đưa đẩy dân tộc Champa vùng dậy để bảo vệ quyền lợi của mình.

2. Nghiên cứu lại chính sách hòa đồng dân tộc nhằm đưa dân tộc Champa cùng chung sống trong đại gia đình dân tộc Việt Nam hay quốc gia, nơi có dân tộc Champa cư ngụ và đặt lại vấn đề liên quan đến hậu quả của chính sách đồng hóa dân tộc Champa.

3. Góp phần nghiên cứu môi trường nhân sinh dựa vào phương pháp phân tích khoa học nhằm giải thích những nguyên nhân phát sinh sự nghèo đói và khốn cùng của dân tộc Champa, nạn mù chữ tiếng mẹ đẻ của họ, sự cấm đoán dân tộc Champa biết đến nguồn gốc lịch sử của họ, vấn đề chiếm đoạt đất đai của họ, vấn đề quốc hữu hóa những đền tháp mà họ đang thờ phượng, vấn đề đảo lộn thế giới tâm linh của họ, tình trạng thái hóa của cơ cấu tổ chức xã hội và gia đình của họ, sự đồng hóa phong tục và tập quán của họ, sự chênh lệch về mức sống kinh tế của họ cũng như chính sách áp lực và đe dọa mà họ đang gánh chịu.

4. Tổng kết lại những thành tựu, nghiên cứu và định hướng lại tương lai các công trình khoa học liên quan đến lịch sử, văn hóa, văn học, ngôn ngữ và chữ viết. Đây được xem như là di sản tinh thần của dân tộc này.

5. Thông tin đến cộng đồng khoa học, các cơ quan quốc tế bảo vệ nhân quyền dân tộc thiểu số nói chung và cộng đồng dân tộc Champa nói riêng về những phát hiện mới liên quan đến lịch sử Champa sau 175 năm bị xóa bỏ trên bản đồ.

Đại hội Champa 2007 được tổ chức dưới sự bảo trợ của các tổ chức sau đây :

– Champaka, tập san khoa học chuyên về lịch sử và nền văn minh Champa

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

– International Office of Champa, tổ chức phi chính phủ nhằm bảo trợ những chương trình nghiên cứu về Champa

II. Lễ khai mạc Đại Hội Champa 2007

Đại hội Champa 2007 được tổ chức vào ngày 7 tháng 7 năm 2007 tại Hội trường Le Petit Trianon Theatre, 72 North 5th Street, San Jose, Californie, USA. Đây là một hội trường cổ kính nghiêm trang với lối kiến trúc của Pháp. Khán giả của ngày đại hội tập trung đa số là dân tộc Champa, trong đó có sắc dân Chăm sinh sống ở Mỹ Châu và Âu Châu cộng thêm những phái đoàn Chăm từ Việt Nam,



Thị Trưởng San Jose khai mạc đại hội

Campuchia, Mã Lai sang tham dự. Trong số dân tộc Champa này, người ta còn nhận thấy có sự hiện diện của một phái đoàn anh em Champa gốc Tây Nguyên ở Hoa Kỳ đến tham dự. Ngoài khán giả Champa, đại hội Champa 2007 cũng thu hút nhiều trí thức Việt kiều và những nhà khoa học

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

Hoa Kỳ. Đây là một thành công lớn lao, vì đại hội đã thu hút nhiều người tham gia, đến nỗi hội trường chỉ có 450 chỗ ngồi nhưng khán giả đến tham dự quá đông, thành ra một số người phải chen nhau đứng trước cửa hội trường để nghe thuyết trình.

Đại hội Champa 2007 được khai mạc vào lúc 10 giờ sáng ngày 07-07-07. Mở màn cho lễ khai mạc là diễn văn chúc mừng của ông Musa Porome, đại diện cho ban tổ chức



Thị Trưởng San Jose viếng thăm triển lãm

đại hội Champa 2007. Tiếp theo là diễn văn khai mạc của ông Chuck Reed, Thị Trưởng của thành phố San Jose và bài cảm tưởng của ông Ahmad Yahya, cựu thứ trưởng Giao Thông, hiện là dân biểu gốc Chăm trong quốc hội của Vương quốc Campuchia. Sau cùng là lời cảm tạ của ông R. Obleo, đại diện dân tộc Champa gốc Tây Nguyên sinh sống ở Hoa Kỳ.

Đại Hội Champa 2007 không phải là ngày quốc hận hay lễ kỷ niệm Champa mất nước và cũng không phải là Hội Nghị Diên Hồng của dân tộc Champa như một số trí thức người Chăm tiêu cực thường đưa ra nhằm chống phá đại hội này. Ngày 7 tháng 7 năm 2007 chỉ là một cuộc hội thảo quốc tế nhằm phân tích những vấn đề liên quan đến văn hóa, xã hội và kinh tế Champa. Đây cũng là cơ hội để

các nhà khoa học trên thế giới và các đại biểu của cộng đồng Champa ở Việt Nam, Campuchia, Mã Lai, Châu Mỹ và Châu Âu nêu ra thực trạng văn hóa, xã hội Champa sau



Dân biểu Ahmad Yahya

175 năm vương quốc này bị xóa bỏ trên bản đồ. Đồng thời, đại hội này cũng đưa ra những giải pháp thích đáng làm thế nào để nguồn gốc văn hóa, xã hội của dân tộc Champa vẫn còn tồn tại trong thế kỷ thứ 21 này.

Sự hiện diện của hai nhân vật

chính trị Hoa Kỳ và Champa trong ngày đại hội này đã nói lên tầm quan trọng của một diễn đàn ngôn luận, nơi mà các nhà khoa học trên thế giới và các đại biểu Champa (đại diện cho dân tộc Chăm và Tây Nguyên) đưa ra những dữ kiện mới nhằm giải thích nguyên nhân phát sinh những thực trạng xã hội bi đát mà dân tộc Champa đang gánh chịu hôm nay.

Trong bài diễn văn khai mạc, Thị Trưởng San Jose xin gửi đến phái đoàn Champa từ khắp nơi có mặt trong hội trường, nhất là đồng bào Champa cư ngụ đông đảo nhất ở thành phố San Jose lời chúc thịnh vượng và an vui. Ông ta cũng bày tỏ sự cố gắng của cơ quan lãnh đạo thành phố San Jose nhằm giúp đỡ dân tộc Champa sinh sống tại nơi này. Ông Ahmath Yahya, một dân biểu gốc Chăm của quốc hội Vương quốc Campuchia rất vui mừng được thấy tận mắt dân tộc Champa hôm nay đã trưởng thành, có đủ nhân lực và tài lực góp phần vào công cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ quyền lợi của họ. Đại hội Champa 2007 là một minh chứng cụ thể. Riêng R. Obleo, ông ta cũng đứng ra kêu gọi toàn thể dân

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

tộc Champa phải chung vai sát cánh không phải để khôi phục lại vương quốc Champa mà là khôi phục lại môi trường nhân sinh của dân tộc này, quyền tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng và quyền được sống trong lãnh thổ cổ truyền của họ.

Đại hội Champa 2007 đã gây một tiếng vang trong khắp cộng đồng Việt Nam sinh sống ở Hoa Kỳ và đem lại cho họ một thông tin quan trọng, đó là thực trạng văn hóa xã hội của dân tộc Champa sau 175 năm vương quốc này bị xóa bỏ trên bản đồ. Đây cũng là ngày hội ngộ ở xứ Hoa Kỳ

giữa hai dân tộc láng giềng đã từng dùng vũ lực để giải quyết sự khác biệt giữa đôi bên gần 10 thế kỷ hầu bảo vệ sự sống còn của mình. Với ý nghĩa chính đáng của đại hội, các báo chí, đài phát thanh và đài truyền hình Việt Nam tại tiểu bang Cali đã đánh giá Đại Hội Champa 2007 là một biến cố quan trọng. Vì vậy họ đã tích cực truyền tải nội dung của đại hội này qua nhiều bài viết đăng trên báo chí cũng như chương trình phỏng vấn thành viên của ban tổ chức đại hội qua các làn sóng đài phát thanh và đài truyền hình Việt Nam tại Hoa Kỳ. Về phần báo chí, người ta ghi nhận có 8 tờ ngôn luận đã bình luận về ngày đại hội Champa 2007 như: Báo Saigon USA, Báo Cali Today, Nhật Báo Thời Báo, Việt Triump, Việt Báo, V-Time, Việt Tribune, Báo Người Việt. Về đài phát thanh thì bao gồm các đài: Đài Phát Thanh Quê Hương, Sống Việt, Dân Sinh, Cali Today. Thêm vào đó có 3 đài truyền hình đã dành cho đại hội một chương trình đặc biệt, đó là Đài Truyền Hình Sống Việt, Đài Truyền Hình



R Obleo, đại diện cộng đồng Tây Nguyên

Cali Today và Đài Truyền Hình Dân Sinh. Vì vậy, Đại hội Champa 2007 trở thành một sự kiện quan trọng đối cộng đồng Champa trên khắp thế giới.

Lễ khai mạc đại hội là một chương trình đặc biệt, độc đáo mang âm hưởng dân tộc qua tiếng cồng chiêng linh thiêng vang lên trong hội trường trang nghiêm như một thông điệp nhấn gửi đến loài người, đến dân tộc Champa có khoảnh khắc nghĩ về cội nguồn, về bản sắc dân tộc, về quốc gia Champa có một thời vàng son trong quá khứ lịch sử. Đại hội cũng là một sự kiện đặc biệt cho mỗi đứa con Champa nhìn lại chính mình, xác định mình là ai và có trách nhiệm gì để góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xây dựng xã hội, bảo tồn và phát triển di sản văn hoá của dân tộc Champa trong quá trình hội nhập thế giới.

Đại hội cũng tạo ra một duy tư mới về dân tộc và vương quốc Champa trong lịch sử Việt Nam và lịch sử loài người. Bằng những tư liệu khoa học cụ thể, những nhà khoa học và các đại biểu tham gia đại hội đã phân tích, mổ xẻ từng khía cạnh của vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội và lịch sử Champa nhằm giúp chính phủ của các quốc gia nơi có dân tộc Champa sinh sống có cơ sở khoa học để nhận định đúng về dân tộc này, qua đó mà có chương trình cụ thể, thiết thực để giúp đỡ và phát triển cộng đồng dân tộc Champa trên toàn thế giới.

Đại hội này còn là thông điệp báo hiệu cho cộng đồng thế giới đừng lãng quên vương quốc Champa, một quốc gia đã từng tồn tại trên dãy đất miền Trung Việt Nam từ cuối thế kỷ 2 đến đầu thế kỷ 19 và chỉ mới biến mất trên bản đồ thế giới cách đây 175 năm (1832-2007). Hiện nay dân tộc Champa vẫn còn hiện hữu ở Việt Nam và một số nơi trên giới. Họ vẫn còn hướng về cội nguồn và lịch sử của chính họ.

Sau một thời gian dài chuẩn bị, với mục tiêu rõ ràng, chương trình hành động cụ thể, thiết thực và ý nghĩa thực tiễn của nó, đại hội đã đạt đến mục tiêu thành công. Đây là một đại hội đầu tiên được tổ chức mang tầm vóc lịch sử và

thời đại của cộng đồng dân tộc Champa trên toàn thế giới kể từ sau 175 năm vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ.

Mặc dù có một số vấn đề còn thiếu sót nhưng đại hội đã thực sự mở ra một luồng tư tưởng mới, nhận thức mới cho dân tộc Champa ở thế kỷ 21 và vì vậy, đại hội này xứng đáng được ghi vào trang vàng của lịch sử Champa cận hiện đại.

Lễ khai mạc Đại Hội Champa 2007 kết thúc vào lúc 11 giờ sáng ngày 7-7-07.

III. Hội thảo khoa học và diễn đàn của các đại biểu Champa

Phần 2 của Đại Hội Champa 2007 là hội thảo khoa học và diễn đàn của các đại biểu Champa đã diễn ra kể từ 11 giờ sáng đến 6 giờ chiều ngày 7-7-2007. Hội thảo khoa học tập trung 9 nhà nghiên cứu thế giới, trong đó có Nhật Bản, Mã Lai, Pháp, Gia Nã Đại và Hoa Kỳ. Sau phần hội thảo là diễn đàn dành cho 10 đại biểu, đại diện tiêu biểu cho cộng đồng Champa gốc Chăm và Tây Nguyên.

Đây là danh sách 9 nhà nghiên cứu và chủ đề thuyết trình của họ:

- 1). Emiko Stock (Cultural Anthropology Doctoral Candidate, Paris X University, Nanterre, France): «Inviting Champa, Welcoming Cambodia: Performing Both Ancient Spirits to Commemorate Past History and Ensure Present “Integration”»
- 2). Marc Brunelle (Assistant Professor, Department of Linguistics, University of Ottawa, Canada): «Diglossia, Bilingualism, and Literacy : Can Written

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

Eastern Cham Be Revitalized?»

- 3). Po Dharma (Associate Professor, The French Research School of the Far East, Paris, France): «Notes on the Socialcultural and Economical Problems of the Cham in Central Vietnam: Situation and Proposition»
- 4). Graham Thurgood (Prof., California State University, Chico, California): «The History of the Dispersal of the Cham: The Early Migrations»
- 5). Mathieu Guerin (Associate Professor, Université de Cean, France): «The Highlanders of Central Vietnam and Cambodia: Economic and Sociocultural Changes between 1975 and 2007»



Các nhà khoa học

- 6). Toshihiko Shine (Ph.D., Institute for Languages and Cultures of Asia and Africa, Tokyo University of Foreign Studies, JAPAN) «The Destruction Process of a Cham Divinity's Memorial in Vietnam: The Issue of Po the Dam Shrine at Sop Rai Region on the Borderline between Binh Thuan and Lam Dong Provinces»
- 7). Nicolas Weber (Dr., INALCO, Paris, France) «Migration,

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

Resettlement, and Identity of the Cham Diaspora in Southeast Asia»

- 8). David G. Sox (MA, NEPA program) «Toward a Book/CD-ROM of the Culture and Customs of Ancient Champa and Modern Champa Peoples»
- 9). Mohamad Zain Musa (Prof., Faculty of the Social Sciences and Humanities, University Kebangsaan Malaysia, Malaysia) «The Socioeconomic Situation of the Cham Community in Malaysia since 1975»

Đây là danh sách 11 đại biểu đại diện cho cộng đồng Champa ở Hoa Kỳ, Châu Âu, Mã Lai, Campuchia và Việt Nam trình bày quan điểm của họ tại Đại hội.

- 1). Mr. Ahmad Yahya (Founder of Radio Sap Cham, Phnom Penh, Cambodia)
- 2). Mr. R Obleo (Representative of the People of Central Highlands, Vietnam)



Đại biểu Champa

- 3). Mr. Thap Tan (Cham representative from Central Vietnam)
- 4). Mr. Duong Tan So (Cham representative from Central

- Vietnam in America)
- 5). HJ. Krya Jacques (Cham representative from Southern Vietnam in America)
 - 6). Ms. Salamah Kieu (Cham youth representative from Seattle, WA, USA)
 - 7). Mr. Zakariya Tin (Cham youth representative from Phnom Penh, Cambodia)
 - 8). Ms. Farina So (Cham youth representative from Phnom Penh, Cambodia)
 - 9). Mr. Magul Ahmath (Cham youth representative from Santa Ana, CA, USA)
 - 10). Ms. Rohimah Moly (Cham youth representative from Sacramento, CA, USA)
 - 11). Karim Ahmath (Cham youth representative from Olympia, WA, USA)

IV. Văn Nghệ

Sau phần hội thảo và diễn đàn của Đại Hội Champa 2007 là đêm văn nghệ Champa truyền thống tập trung những điệu dân ca, dân vũ và những bài hòa tấu nhạc truyền thống của anh em dân tộc Chăm và Tây Nguyên. Đây là đêm văn nghệ giúp vui, mang tính cách cộng đồng nhằm biểu diễn sắc thái nghệ thuật dân gian của dân tộc Champa. Chính vì thế mà chúng tôi không có gì để bàn đến những sai sót liên quan đến nghệ thuật sân khấu của đêm văn nghệ giúp vui này.

Đêm văn nghệ này có một ý nghĩa riêng của nó. Đây là cơ hội mà ban tổ chức muốn giới thiệu với khán giả trên thế giới, nhất là khán giả Việt Nam ở Hoa Kỳ biết những gì còn sót lại của một di sản văn hóa và nghệ thuật Champa, một vương quốc xưa kia có nền văn minh phát triển rực rỡ nhưng nay không còn nữa trên bản đồ kể từ năm 1832.

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

Nhìn qua chương trình đêm văn nghệ này, chúng tôi có cảm giác rằng những người có mặt trên sân khấu chỉ là một nhóm nghệ nhân yêu chuộng văn nghệ Champa hơn là những nghệ sĩ chuyên nghiệp như ca sĩ Chế Linh và Từ Công Phụng được đào tạo qua trường lớp. Chính vì thế, những nghệ nhân không chuyên này chỉ biết biểu diễn một cách chân thật, vô tư trên sân khấu những gì là bản sắc nghệ



thuật cổ truyền Champa của họ hơn là chế biến những phong cách nghệ thuật mới, lai căng, giả tạo nhằm mua vui cho khán giả. Chính đó mới là cái giá trị nghệ thuật đặc sắc của đêm văn nghệ này.

Theo ban tổ chức đại hội Champa 2007, đây chỉ là đêm văn nghệ giúp vui. Theo chúng tôi đây không phải là đêm văn nghệ «giúp vui» mà là đêm văn nghệ «giúp buồn» để hồi tưởng về quá khứ. Nhìn qua những điệu múa nhịp nhàng, thướt tha mà các vũ nữ biểu diễn trên nền nhạc đồng chiêng và kèn *saranai* truyền thống hùng hồn, ai oán, cộng thêm những bài hát dân gian mượt mà, sâu lắng, dù những nghệ nhân này không phải là ca sĩ Chế Linh hay Từ Công Phụng nhưng họ đã làm cho khán giả sống lại trong những

dây phút thăng hoa cũng như buồn tủi về định mệnh hẩm hiu của dân tộc mình. Nghệ nhân trong đêm văn nghệ này, với cảm xúc chân thật và nỗi đau của đứa con Champa mất nước, họ đã ai oán, kêu gào thảm thiết như những bóng ma «Hời» bay lượn trong nghĩa địa quạnh hiu. Họ than khóc cho số phận éo le của mình, tức là thân phận của một dân tộc không còn quốc gia và chủ quyền nữa. Họ than khóc và nuối tiếc cho những gì đã đổ nát, tang hoang sau 10 thế kỷ chiến tranh đẫm máu với ngoại bang để bảo vệ sự sống còn của dân tộc. Chính lý do đó mà chúng tôi không gọi là đêm văn nghệ «giúp vui» mà là đêm văn nghệ giúp khán giả «buồn tủi» thêm cho số phận dân tộc Champa không còn tổ quốc nữa.

Bên cạnh những tủi buồn về dân tộc, khán giả lại càng buồn tủi thêm cho thân phận những đứa con Champa lạc loài. Chỉ cần nghe tên ca sĩ Từ Công Phụng sẽ ra mắt trên sân khấu, khán giả vùng dậy vỗ tay cổ vũ. Nhưng Từ Công Phụng xuất hiện trên sân khấu không phải để hát cho khán giả nghe mà là để nói một câu rất là xúc động: Vì tình hình sức khỏe quá yếu sau cơn bệnh nặng, Từ Công Phụng không còn hơi để trình bày bài hát của mình và xin khán giả tha thứ. Dù không hát được, nhưng sự hiện diện của ca sĩ Từ Công Phụng đã nói lên lòng ưu ái đối với khán giả và dòng máu nhiệt huyết của người Chăm đối với ngày Đại Hội Champa 2007.

Hết buồn tủi vì không được nghe tiếng hát của Từ Công Phụng, khán giả lại tủi buồn thêm vì không có tên ca sĩ Chế Linh trong chương trình, dù ông ta vẫn là đứa con Champa mất nước (da đen, tóc quăn) như Từ Công Phụng. Theo ban tổ chức, Chế Linh không có mặt trong đêm văn nghệ là vì ông ta đi hát xa không thể đến được. Đây chỉ là câu trấn an của ban tổ chức. Vì Chế Linh là người được mọi người Chăm bầu ra để tổ chức đại hội này, nhưng sau đó ông ta lại viết thư xin rút tên ra khỏi ban tổ chức.

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

Tóm lại, đêm văn nghệ giúp vui này đã mang lại một thành công lớn. Vì khán giả quá đông so với chỗ ngồi trong hội trường. Đứng về nghệ thuật sân khấu, những người tham gia trên sân khấu không phải là nghệ sĩ chuyên nghiệp, nổi tiếng mà là những nghệ nhân hay ca hát, chỉ muốn làm sống lại những bản sắc nghệ thuật đích thực của dân tộc Champa, một dân tộc không còn quốc gia và vua chúa nữa.

V. Sinh Hoạt Thanh Niên Champa

Buổi sáng ngày 8-7-2007 của Đại Hội Champa 2007 dành riêng cho chương trình sinh hoạt của thanh niên Champa qua buổi bóng đá giao lưu giữa các hội thanh niên Champa ở khu vực Los Angeles, San Jose-Sacramento và Washington State. Mục tiêu của chương trình là tạo điều



kiện để thế hệ trẻ Champa được quen biết nhau, chung vai sát cánh với nhau hầu góp phần một cách tích cực vào công tác xây dựng văn hóa, xã hội Champa ở hải ngoại này.

Nổi bật của chương trình là thanh niên và thanh nữ Champa hớn hở trò chuyện, reo hò, và cổ vũ cho đội mình được thắng trận bóng đá để đoạt giải thưởng bằng những món quà kỷ niệm được trao tặng bởi các nhà khoa học thế giới tham dự Đại hội Champa 2007. Phải công nhận rằng, Đại Hội Champa 2007 đã thành công là nhờ bàn tay góp sức

Đại hội 2007: Một bước ngoặt mới

của anh em thanh niên Champa. Dù chương trình đại hội này là đồ sộ với bao nhiêu công việc khó khăn, bề bộn nhưng anh em thanh niên Champa đã nỗ lực, vượt khó khăn đưa ngày đại hội trọng đại này đến chỗ thành công. Điều này đã chứng minh rằng, thanh niên Champa hôm nay đã trưởng thành, nhận diện được vai trò của mình trước lịch sử và dân tộc, sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm hầu đưa xã hội Champa ở hải ngoại thành một tập thể tiến bộ để giúp quê hương và dân tộc mình rạng rỡ trong tương lai.

Đại Hội Champa 2007

Kiến nghị

BBT Harak Champaka

Qua nội dung của diễn đàn, ban tổ chức có ghi nhận 17 vấn đề trong bản kiến nghị đã làm trì hoãn cơ cấu phát triển văn hóa và xã hội Champa mà các đại biểu đã nêu ra trong ngày hội thảo.

Bản kiến nghị chính thức của Đại Hội Champa 2007 viết bằng tiếng Anh. Để tiện việc cho một số độc giả theo dõi, Ban Biên Tập Harak Champaka xin kèm theo bản dịch tiếng Việt sau đây:

Kiến Nghị

Nhận thức rằng:

Đại Hội Văn Hóa Xã Hội Champa được tổ chức vào ngày 07 và 08 tháng 07 năm 2007 tại thành phố San Jose, tiểu bang California bởi cộng đồng Champa tại Hoa Kỳ, đặt dưới sự bảo trợ của Intrenational Office of Champa (tổ chức phi chính phủ nhằm bảo trợ những chương trình nghiên cứu về Champa) và Champaka (Tập san khoa học chuyên về lịch sử và nền văn minh Champa). Đại Hội Champa 2007 có mục tiêu nhằm đưa ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã làm đảo lộn nền tảng kinh tế, văn hoá và xã hội Champa; phân tích những dữ kiện đã làm chậm bước phát triển của dân tộc Champa; tổng kết lại những thành tựu và đồng thời đưa ra những giải pháp thực tiễn nhằm bảo tồn di sản văn hoá và sự sống còn của dân tộc Champa. Các đại biểu thuyết trình trong ngày đại hội là những chuyên

gia của các trường đại học, những nhà nghiên cứu về Champa học thuộc quốc gia Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Pháp, Nhật Bản và Mã Lai cùng với các đại biểu đại diện cho các cộng đồng Champa ở Hoa Kỳ, Châu Âu, Mã lai, Campuchia và Việt Nam.

Điều 1. Vai trò của dân tộc Champa

Champa là một vương quốc cổ ở miền trung Việt Nam có nền văn minh lâu đời. Sau mười mấy thế kỷ tồn tại, vương quốc Champa bị xóa bỏ trên bản đồ vào năm 1832. Tuy đã suy tàn nhưng vương quốc này đã để lại cho hậu thế hôm nay một chuỗi di tích lịch sử hoang phế và một cộng đồng tộc người hiện đang sinh sống ở Việt Nam cũng như ở Campuchia, Thái lan, Mã lai, Mỹ Châu và Âu Châu. Tại quốc gia nơi có cộng đồng Champa cư ngụ, dân tộc Champa đã trở thành công dân thật sự của quốc gia đó. Họ luôn luôn tích cực góp phần vào công cuộc xây dựng, phát triển văn hoá xã hội của quốc gia này để làm phong phú thêm di sản văn hoá của nhân loại.

Các đại biểu đại hội Champa 2007 đề nghị nhà nước Việt Nam và Campuchia nơi tập trung cộng đồng Champa đồng ý nhất cần phải đưa lịch sử và nền văn minh Champa vào giáo trình giảng dạy trong các trường lớp. Phát huy những yếu tố lịch sử, triển khai những sự thật đã xảy ra trong quá khứ, trao đổi và học hỏi những văn hóa đa dạng của dân tộc Champa cũng là một chính sách thực tiễn hữu ích cùng nhau xây dựng một quốc gia đoàn kết và phồn vinh.

Điều 2. Yếu tố lịch sử Champa

Champa là một vương quốc đa văn hoá, đa tôn giáo và đa chủng tộc bao gồm các sắc dân Chăm và Tây Nguyên như Jarai, Edhé, Raglai, Bahmar, Sédang, Ma, Kaho, Stieng, v.v.. Đây là yếu tố lịch sử phải được đề cao và đáng được

phổ biến rộng rãi trên sách báo, phương tiện thông tin đại chúng nhằm chứng minh rằng lịch sử Champa là một bộ phận cơ bản cấu thành nền văn minh Việt Nam; tạo thêm điều kiện để hai dân tộc Champa-Việt thông cảm với nhau hơn và tôn trọng sự khác biệt giữa hai dân tộc có hai nền văn hóa khác nhau.

Điều 3. Tôn trọng nhân quyền

Mỗi dân tộc trên toàn cầu được hưởng quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền được sống, quyền tự do ngôn luận, suy nghĩ và quyền tự do tín ngưỡng v.v. Tiếc rằng, những quyền cơ bản này chưa được thể hiện một cách nghiêm túc và cụ thể ở một số địa phương nơi có dân tộc Champa cư ngụ. Sự vi phạm đến những quyền cơ bản này chỉ làm động cơ thúc đẩy dân tộc Champa vùng dậy đấu tranh nhằm bảo vệ quyền lợi của mình. Biến cố Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004 là một minh chứng cụ thể.

Các đại biểu đại hội Champa 2007 mong muốn các quốc gia nơi có dân tộc Champa cư ngụ phải tôn trọng tuyệt đối quyền cơ bản của dân tộc này hầu né tránh mọi sự xung đột có thể xảy ra trong tương lai. Các đại biểu cũng long trọng yêu cầu nhà nước Việt Nam cùng với các nhà lãnh đạo và các đại biểu Tây Nguyên tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết những mâu thuẫn về quyền cơ bản của dân tộc Champa phù hợp với chính sách mà nhà nước Việt Nam đã đưa ra.

Điều 4. Bình đẳng trước pháp luật

Các đại biểu đại hội Champa 2007 kêu gọi nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho dân tộc Chăm và Tây Nguyên được hưởng quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như những dân tộc đa số. Nhà nước Việt Nam nên tìm giải pháp ngăn chặn dân tộc đa số không được can thiệp một cách độc đoán vào phong tục tập quán,

di sản văn hoá, nơi ở cũng như danh dự và nhân phẩm của của dân tộc Champa.

Nhà nước Việt Nam cần ban hành luật phong tục để bảo vệ nền tảng đạo lý, chế độ gia đình và phong tục tập quán của dân tộc Champa. Luật pháp quốc gia và luật phong tục được phổ biến sâu rộng nhằm giúp cho dân tộc Champa-Việt hiểu biết nhau hơn, để rồi từ đó tạo mối thiện cảm, hoà đồng trong cuộc sống chung.

Điều 5. Qui chế đất đai và môi trường sinh sống

Đồng bào Champa chủ yếu làm nghề nông. Vì vậy đất đai, rừng núi là môi trường sống và phương tiện sản xuất chính của họ. Sau năm 1975, mọi đất đai canh tác, rừng núi và các phương tiện sản xuất khác của dân tộc Champa bị nhà nước Việt Nam trưng thu vào hợp tác xã và hình thành những nông trường, khu kinh tế mới để rồi đất đai này trở thành sở hữu của dân tộc Việt. Tiếc rằng, sau khi hợp tác xã bị giải thể, chính quyền địa phương không trao trả lại đất đai của dân tộc Champa bị tịch thu. Hậu quả của chính sách này đã đưa dân tộc Chăm và Tây Nguyên thành một tập thể vô sản, nghèo đói và khốn cùng.

Ngày nay, với dân số Champa ngày càng gia tăng nhưng diện tích đất đai canh tác của họ ngày càng thu hẹp. Thực trạng đất đai này phát xuất từ chính sách di dân khổng lồ của dân tộc Kinh vào khu vực của dân tộc Champa sinh sống và tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân Việt bành trướng lãnh thổ của mình bằng cách chiếm đoạt sở hữu đất đai của dân tộc này qua nhiều hình thức. Một khi trở thành một tập thể vô sản và không điều kiện để phát triển môi trường sinh sống, dân tộc Champa đã lâm vào nạn nghèo đói, không công ăn việc làm và sống không có định hướng tương lai.

Các đại biểu của đại hội Champa 2007 thiết tha kêu gọi nhà nước Việt Nam phải trao trả lại cho dân tộc Champa

những đất đai thuộc về quyền sở hữu của họ trước năm 1975 hay đưa ra chính sách bồi thường một cách xứng đáng những đất đai hay những sở hữu khác của dân tộc này bị nhà nước Việt Nam tịch thu hay trưng dụng sau năm 1975. Nhà nước Việt Nam cũng cần phát triển những lớp chuyên nghiệp dành cho dân tộc Champa không còn đất đai để canh tác hay gặp phải bao khó khăn trong môi trường sinh sống của họ. Đây là chương trình đào tạo ngành nghề hầu giúp họ tìm được công ăn việc làm trong các công ty hay xí nghiệp sản xuất mà nhà nước đã đề ra.

Điều 6. Bảo tồn bản sắc văn hoá

Vì môi trường nhân sinh quá nghèo đói, nhu cầu thời đại đòi hỏi phải cải cách, chế biến và nhất là không có một đội ngũ trí thức có tầm hiểu biết sâu rộng nhằm bảo tồn và phát huy văn hoá một cách đúng mức, đã đưa bản sắc văn hoá của dân tộc Champa ở Việt Nam hôm nay, từ phong cách nghệ thuật đến nội dung nghi lễ cổ truyền (đám tang, cưới hỏi, lễ hội, v.v.) vào con đường thoái hoá.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 cũng kêu gọi nhà nước Việt Nam đưa ra một kế hoạch hầu tôn trọng một cách tuyệt đối bản chất văn hoá của dân tộc Champa. Phải nhất trí rằng vấn đề phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Champa không có nghĩa là chế biến một phong cách mới cho văn hoá này hầu mua vui cho quần chúng. Phát huy văn hóa chỉ có mục tiêu bảo tồn thật sự những tinh hoa nghệ thuật và phong cách cổ truyền đã ăn sâu vào tâm linh của họ từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Điều 7. Bảo tồn bản sắc nghệ thuật

Bản sắc nghệ thuật Champa, từ điệu múa, tiết tấu âm nhạc đến phong cách sử dụng nhạc cụ truyền thống cũng đang đi vào con đường thoái hoá. Vì quá chú trọng vào lý thuyết nâng cao nghệ thuật để mua vui khán giả, các nhà

phụ trách về văn hóa đã đưa nghệ thuật Champa sang một loại hình văn hoá lai căng, hoàn toàn đi ngược lại với yếu tố văn hoá bản địa của dân tộc này. Một thí dụ cụ thể, dân tộc Chăm không có điệu múa Siva như các đoàn văn nghệ hay đài truyền hình Việt Nam thường hay biểu diễn trên sân khấu và điện ảnh. Điệu múa Siva là một nghệ thuật hoàn toàn chệch biệt, trần trướng lố thể vừa thô kịch vừa khiêu dâm. Đây là điệu múa mang tính cách xúc phạm đến phong cách và nhân phẩm vũ nữ Chăm, chệch bại thần Siva, đáng thiên liêng mà dân tộc Chăm Ahiér rất trân quý.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 kêu gọi nhà nước Việt Nam tìm giải pháp để điệu múa Siva không còn diễn ra trên sân khấu và kịch ảnh nữa và các cơ quan phụ trách về văn hóa của nhà nước Việt Nam phải tôn trọng tối đa bản sắc nghệ thuật của dân tộc này.

Điều 8. Bảo tồn ngôn ngữ chữ viết

Trước năm 1975, dân tộc Champa chỉ có một ngôn ngữ và một chữ viết từ lâu đời, đó là *Akhar Thrah*. Sau năm 1975, nhà nước Việt Nam cũng ưu ái quan tâm cho dạy chữ *Akhar Thrah* trong các trường lớp ở vùng Chăm. Nhưng, thật đáng tiếc là trong giáo trình giảng dạy, Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm (BBSSCC), vì quá chú trọng đến cách viết âm vần theo tiếng nói Chăm, đã sửa đổi một số quy luật về cấu trúc chữ Chăm làm cho lối viết truyền thống bị biến dạng đi. Hậu quả sự cải biên của BBSSCC đã làm đảo lộn hoàn toàn hệ thống chữ viết Chăm truyền thống mà các bậc tu sĩ, bô lão Chăm đang sử dụng hôm nay.

Các đại biểu của Đại hội Champa 2007 kêu gọi nhà nước Việt Nam đưa ra giải pháp để chỉnh lý lại sách giáo trình của BBSSCC phù hợp với chữ Chăm truyền thống (*Akhar Thrah*) mà dân tộc Chăm xem đó như là một di sản thiên liêng, không ai có quyền sửa đổi mà không đưa ra một cơ sở khoa học thuyết phục. Các đại biểu của đại hội

Champa 2007 cũng kêu gọi nhà nước Việt Nam nghiên cứu lại vấn đề để chương trình giảng dạy tiếng Chăm không chỉ dành riêng cho con em Chăm ở tỉnh Ninh Thuận mà cả tỉnh Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Châu Đốc và Tây Ninh, nơi có dân tộc Chăm đang cư trú.

Điều 9. Quy chế trung tâm văn hóa

Nhà nước Việt Nam đầu tư rất nhiều về chương trình phát triển văn hoá Chăm bằng cách xây dựng một trung tâm văn hoá Chăm tại tỉnh Ninh Thuận. Tiếc rằng, trung tâm này chỉ là một cơ quan giải quyết công ăn việc làm cho một số người, vì không có chương trình thiết thực về công tác phát triển và nghiên cứu văn hoá Chăm, thiếu sự quan tâm thực sự từ phía nhà nước, kể cả về nguồn tài chính cũng như đào tạo chuyên gia nghiên cứu về văn hoá Chăm.

Nhằm đưa công trình phát triển văn hoá Chăm đến mức thăng lợi một cách cụ thể, nhà nước Việt Nam có thể chuyển mô hình tổ chức trung tâm văn hoá Chăm tại tỉnh Ninh Thuận thành cơ quan nghiên cứu của nhà nước trực thuộc các viện nghiên cứu chuyên về dân tộc học ở cấp trung ương. Sự thay đổi quy chế này có mục đích nhằm chứng minh rằng nhà nước Việt Nam luôn luôn chú tâm đến văn hoá của dân tộc Chăm một cách toàn diện, chứ không riêng gì người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận và tạo điều kiện để dân tộc Chăm phải có nghĩa vụ góp phần xây dựng và phát triển trung tâm văn hóa này.

Điều 10. Đền tháp và các nơi thờ phượng

Đền tháp hay chùa chiềng nơi mà dân tộc Chăm đang thờ phượng ở khu vực tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận là di sản thiêng liêng của dân tộc này. Tiếc rằng, chính quyền địa phương ở các tỉnh đã biến di tích thiêng liêng này thành trung tâm du lịch. Việc này đã làm phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, phong cách kiến trúc cổ và không gian linh

thiên trong việc thờ cúng đền tháp. Kinh doanh du lịch còn làm cản trở nghi lễ cúng tế của người Chăm. Cơ quan địa phương quản lý đền tháp Chăm tự tiện mở cửa đền tháp cho khách du lịch vô xem, không cần làm nghi lễ và cũng không cần có sự đồng ý của hội đồng chức sắc người Chăm. Quy chế quản lý này đã làm đảo lộn thế giới tâm linh của dân tộc Chăm, thêm vào đó mọi nguồn thu nhập tài chánh từ khách du lịch đều nằm trong tay của sở văn hoá, trong khi đó đồng bào Chăm nghèo đói phải đóng góp tiền bạc để tổ chức 4 lễ tục hàng năm trên đền tháp này.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 kêu gọi nhà nước Việt Nam cứu xét lại vấn đề hậu trao trả lại qui chế quản lý đền tháp này cho hội đồng giáo cả của dân tộc Chăm. Nếu không nhà nước Việt Nam vô tình phá vỡ cả hệ thống tín ngưỡng và tâm linh của dân tộc Chăm, hoàn toàn đi ngược với chính sách về tự do tín ngưỡng mà nhà nước đã đưa ra.

Theo quan điểm của các đại biểu của Đại Hội, giải pháp tốt nhất là nhà nước Việt Nam tạo điều kiện để thành lập một Hội Đồng Phong Tục Chăm có nhiệm vụ bảo tồn bản sắc phong tục tập quán của họ, đáp ứng nhu cầu giữ gìn các lễ nghi và tín ngưỡng đúng với truyền thống của họ.

Điều 11. Ngành giáo dục

Phải công nhận rằng, chỉ số con em dân tộc thiểu số Chăm và Tây Nguyên trong các trường tiểu học và trung học tăng đáng kể, nhưng tình trạng giáo dục của dân tộc thiểu số này ở Việt Nam vẫn còn ở trong tình trạng nan giải: học sinh gốc Champa vẫn còn quá thấp so với học sinh người Việt. Vì môi trường nhân sinh nghèo đói và trình độ giáo dục ở thôn quê còn thấp kém so với trình độ ở thành thị, học sinh dân tộc Chăm và Tây Nguyên không đủ điều kiện vào các trường lớp kỹ thuật và ngành nghề nhất là ngành giáo dục cấp đại học và cao học.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 yêu cầu nhà nước Việt Nam cứu xét lại vấn đề hầu giúp con em dân tộc thiểu Champa số được quyền hưởng một quy chế ưu tiên đặc biệt làm thế nào để những con em này được dễ dàng vào các ngành giáo dục cấp đại học và cao học, phát triển khả năng chuyên môn của những con em này để họ trở thành một thế hệ hữu ích cho chương trình phát triển quốc gia. Nếu không, nhà nước vô tình biến thế hệ trẻ của dân tộc Chăm thành một tập thể không công ăn việc làm vì thiếu bằng cấp chuyên môn, tạo ra một hiện tượng bất công giữa tầng lớp trẻ gốc dân tộc đa số và dân tộc thiểu số.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 cũng kêu gọi các tổ chức phi chính phủ trên thế giới, các cơ quan quốc tế chuyên về ngành phát triển giáo dục tạo điều kiện để sinh viên Champa được đào tạo trong các ngành chuyên môn ở nước ngoài. Vì rằng, giáo dục có mục tiêu giúp học sinh và sinh viên Champa tăng cường sự hiểu biết khoa học hầu góp phần đắc lực vào công trình phát triển xã hội và giải quyết một cách tích cực nạn nghèo đói của cộng đồng họ trong tương lai. Sự hiện diện của một đội ngũ trí thức đông đảo của dân tộc Champa cũng là một dự án thực tiễn nhằm chấm dứt nạn nghèo đói hay những tệ đoan xã hội đang làm đảo lộn môi trường nhân sinh của cộng đồng Champa hôm nay.

Điều 12. Y tế và bảo hiểm xã hội

Tình hình kinh tế của dân tộc Chăm và Tây Nguyên đang đi vào con đường tụt hậu. Tình trạng nghèo đói và khốn cùng của họ vì thiếu đất đai và phương tiện phát triển kinh tế đã đưa dân tộc này gặp phải bao khốn đốn một khi bệnh tật vì không đủ nguồn tài chánh để đảm bảo sức khỏe và chi trả cho chí phí dịch vụ y tế.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 thiết tha kêu gọi nhà nước Việt Nam và Campuchia đưa ra những giải pháp thiết thực làm thế nào để dân tộc Chăm và Tây

Nguyên được hưởng quy chế miễn phí ở các cơ sở y tế, cũng như hưởng bảo hiểm xã hội và mức sống kinh tế đầy đủ để có thể đảm bảo sức khoẻ trong trường hợp thất nghiệp, ốm đau, tàn tật, hoặc thiếu phương tiện sinh sống do những hoàn cảnh khách quan vượt quá khả năng kiểm soát của họ. Các đại biểu của Đại Hội cũng kêu gọi các hội đoàn phi chính phủ và các tổ chức quốc tế trên thế giới giúp đỡ các cơ quan địa phương để xóa bỏ một cách hữu hiệu nạn nghèo đói của cộng đồng dân tộc Champa tại Việt Nam và Campuchia hôm nay.

Điều 13. Đào tạo tầng lớp lãnh đạo

Tại các khu vực nơi có dân tộc Champa sinh sống dù số lượng của cộng đồng này chiếm đa số, mọi cơ cấu tổ chức hành chính đều nằm trong tay dân tộc người Kinh. Thêm vào đó, cán bộ quản lý xã hội chỉ biết áp dụng chính sách của nhà nước để rồi gạt bỏ mọi yếu tố cấu thành truyền thống, phong tục và tập quán của dân tộc Champa. Phương pháp quản lý này đã kéo theo sự sụp đổ cả hệ thống làng xã, cơ cấu gia đình và xã hội của cộng đồng này để rồi mở đường cho văn hoá ngoại lai xâm nhập và đồng hoá.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 yêu cầu nhà nước Việt Nam và Campuchia cứu xét lại vấn đề hầu đào tạo một lực lượng lãnh đạo xuất thân từ dân tộc Champa để họ tự quản lý làng xã của họ từ cấp Huyện, nhất là việc thiết lập đơn vị hành chính riêng biệt cho dân tộc Champa trong những khu vực có đông đảo cư dân của cộng đồng này; tạo điều kiện để họ tham gia vào những chức vụ xứng đáng trong những cơ quan của nhà nước như các Trường đại học, Việc nghiên cứu, Bệnh viện, Viện bảo tàng, v.v. Sự hiện diện của họ trong các cấp chính quyền càng làm tăng thêm niềm tin và sự gắn bó của đồng bào thiểu số Champa với nhà nước Việt Nam và Campuchia.

Điều 14. Tình hình an ninh và trật tự

Môi trường nhân sinh quá nghèo đói cộng thêm chính sách ngăn cản vai trò của dân tộc Champa trong các guồng máy tổ chức của nhà nước Việt Nam cũng là nguyên nhân phát sinh những cuộc xung đột giữa dân tộc thiểu số và đa số, khuyếch đại thêm các tệ đoan xã hội như trộm cắp, cướp bóc, hãm dọa, tranh chấp nhau bằng bạo lực trong khu vực nơi có dân tộc Chăm và Tây Nguyên sinh sống.

Các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 kêu gọi nhà nước Việt Nam cũng như vương quốc Campuchia phải trừng trị thích đáng những tội phạm gây phá xã hội và đưa ra giải pháp hữu hiệu để bảo đảm tình hình an ninh trật tự cho dân tộc Chăm và Tây Nguyên được sống an bình trong khu vực của họ.

Điều 15. Tôn trọng nguyện vọng của dân tộc Champa

Dân tộc Chăm và Tây Nguyên là những sắc dân có bản chất thật thà, yêu chuộng hoà bình, luôn luôn tôn trọng pháp luật của các quốc gia nơi mà họ đang cư ngụ, nhưng rất cương quyết đấu tranh trong khuôn khổ của luật pháp cho phép chống lại những chính sách bất công hầu bảo vệ quyền lợi của mình. Các quốc gia nơi có dân tộc Champa cư ngụ nên tìm giải pháp thích đáng hầu thỏa mãn nguyện vọng của họ hơn là ghép họ vào nhóm âm mưu phản động, góp tay với thế lực bên ngoài nhằm chống phá chính quyền hay đòi lại quyền độc lập của Champa. Thái độ chụp mũ, vu khống và áp bức dân tộc Champa vô tội chỉ làm mất lòng tin của dân tộc này đối với chính quyền sở tại và gây ra tình trạng khủng hoảng cho quốc gia đó mà thôi.

Điều 16. Kêu gọi sự giúp đỡ của chính phủ Hoa Kỳ

Biến cố chính trị vào năm 1974 tại Campuchia và 1975 tại Việt Nam đã đưa dân tộc Đông Dương sang lánh

Đại Hội Champa 2007: Kiến nghị

nạn ở một số nước trên thế giới, trong đó có cộng đồng Champa vào khoảng 25.000 người định cư ở Hoa Kỳ, tập trung chủ yếu ở hai miền đông và tây, vì khí hậu rất phù hợp với họ. Đa số thành viên của cộng đồng Champa tại Hoa Kỳ là nhóm người nghèo khó, trình độ dân trí thấp kém nên chưa hoà nhập vào cuộc sống tân tiến của xã hội Hoa Kỳ hôm nay.

Chúng tôi, các đại biểu của Đại Hội Champa 2007, thỉnh cầu nhà nước Hoa Kỳ, từ chính quyền tiểu bang đến liên bang cũng như chính quyền của các thành phố nơi có cộng đồng Champa cư ngụ, cung cấp một ngân sách thích đáng hầu nâng cao mức sống, phát triển ngành giáo dục và bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc Champa tại quốc gia này.

Điều 17. Yêu cầu sự giúp đỡ từ các tổ chức quốc tế

Cuối cùng, các đại biểu của Đại Hội Champa 2007 kêu gọi cộng đồng Champa sinh sống trên toàn cầu, các tổ chức phi chính phủ và các cơ quan quốc tế hãy quan tâm đến thực trạng của cộng đồng Champa hôm nay, bằng cách phát huy chính sách nhằm nâng cao mức sống, bảo tồn bản chất văn hoá, xây dựng công bằng xã hội của dân tộc này, được xem như là quyền cơ bản của nhân loại.

Bản kiến nghị này đã được biểu quyết vào lúc 13 giờ 30, chủ nhật ngày 8 tháng 7 năm 2007 tại San Jose, California, Hoa Kỳ và được công bố bởi Hội Đồng Cố Vấn và Hội Đồng Điều Hành của Uỷ Ban Tổ Chức Đại Hội Champa 2007:

Hội Đồng Cố Vấn

Chủ Tịch: Thành Phú Bá

Phó Chủ Tịch: Yassin Ba

Thư Ký: Tài Đại An

Đại Hội Champa 2007: Kiến nghị

Hội Đồng Điều Hành

Chủ Tịch: Musa Porome

Phó Chủ Tịch: Châu Văn Thủ

Phó Chủ Tịch: Rohim Abram

Ủy Viên Tài Chánh: Kevin Van Champa

Tổng Thư Ký: Từ Công Nhường

Phó Tổng Thư Ký: Vinh Thành

Đại Hội Champa 2007: Kiến nghị

Đại hội Champa 2007

Thư trả lời cho Thành Đài và Chế Linh

USA ngày 1 tháng 5 năm 2007

Gần đây BTC chúng tôi có nhận một số điện thư gửi từ ông Ts. Thành Đài và từ ông cựu trưởng BTC Lâm Thời cho đại hội Champa năm 2007 với những lời lẽ không lành mạnh nhằm một mục đích riêng để thu nhập một số người Champa nhẹ dạ đi theo chống phá tổ chức đại hội của người Champa chúng ta sẽ tổ chức vào hai ngày 7-8 tháng 7 năm 2007 này.

Vì tôn trọng tinh thần dân chủ và tự do ngôn luận, nên BTC chúng tôi đã quyết định không lên tiếng mà để độc giả xa gần nhận được những điện thư đó và có thêm thời gian để nhận định. Thế nhưng, gần đây Ts. Thành Đài và một số vị trong Ủy Ban Lâm Thời cứ tiếp tục gửi ra những lá thư không lành mạnh và phổ biến rộng rãi trên các điện thư Email làm xôn xao gây hoang mang hiểu lầm về BTC và mục đích của Đại Hội, trong khi hàng trăm ngàn người Champa trên thế giới đang mong đợi kết quả thành công của đại hội này. Để tránh vấn đề hiểu lầm ấy, BTC chúng tôi phải viết thư này đặt lại vấn đề với Ts. Thành Đài và ông Chế Linh cựu trưởng Ban Tổ chức lâm thời, và nhất là đưa nội vụ này ra ánh sáng cho toàn thể nhân dân Champa trên thế giới biết rõ lẽ phải hư thực về đại hội Champa năm 2007 này sẽ như thế nào. Ở đây có ba vấn đề mà BTC chúng tôi cần đề ra:

1). Cùng ông Ts. Thành Đài

Chắc ông cũng đã biết từ ban đầu BTC chúng tôi đã quan tâm đến ông rất nhiều và đã thường xuyên tìm giải pháp và điều kiện làm sao đưa ông đến dự đại hội cho bằng được để trình bày về thực trạng và đời sống của 500 ngàn người dân Chăm đang sinh sống ở Cambodia là một đề tài

nóng bỏng mà mọi người Champa trên thế giới đang quan tâm được biết. Lúc đầu, khi nhận thư mời của BTC, ông đã phúc đáp là không hy vọng vì điều kiện của ông mới đến định cư tại Sweden, nhưng ông hứa sẽ cố gắng tìm giải pháp đến dự cho bằng được. Thế nhưng, không hiểu ông đã bị một áp lực nào đó, chỉ vồn vện có hai tuần sau đó và gần đây nhất ông lại viết thư đả kích chống đối phê bình chê bai BTC của chúng tôi. Ở điểm này thật khó để BTC chúng tôi tha thứ cho tư tưởng mâu thuẫn cộng với cái tính không lập trường của ông. Ông còn tuyên bố với quần chúng là đã không biết nội dung nghị thức nghị trình và hình thức của đại hội như thế nào và BTC chỉ mời ông đến để cùng vỗ tay, như thế chúng tôi đánh giá ông không hiểu Brochure bằng tiếng Anh mà chúng tôi đã gửi kèm theo thư mời mà bản Brochure này đã tự nó nói lên tất cả nội dung và đề tài của đại hội. Còn nữa, ông viết thư cho BTC Đại hội mà ông đã vội vã gửi kèm đến nhiều người khác không nằm trong Ban Tổ Chức. Đây là hình thức đi ngược với cách thức và thủ tục hành chánh mà ông đã tự cho TA là T.s Khoa Học Chính Trị giàu kinh nghiệm về chính trị? Vì danh dự và quyền lợi của dân tộc Champa, BTC chúng tôi vẫn thông cảm cho ông, nhưng với một yêu cầu nho nhỏ là “Xin ông hãy ngủ yên nếu không hợp tác thì để người khác làm giùm”.

2). Cùng ông Chế-Linh, cựu trưởng ban tổ chức lâm thời

Thực ra BTC Đại hội Champa năm 2007 không muốn nêu tên ông và cũng không muốn nhắc đến các vị khác nữa, nhưng ông cứ liên tục viết thư gửi lên email với những nội dung cũng không lành mạnh không khác gì thư của ông T.s. Thành Đài. Chúng tôi yêu cầu ông hãy tự hỏi lại chính bản thân mình là ai đã đề cử ông lên nắm quyền trưởng ban tổ chức lâm thời và nhiệm vụ của ủy ban lâm thời này là để làm gì? Ở đây chúng tôi muốn nêu lại cho ông cùng đồng chí của ông biết rõ thêm rằng mục đích và nhiệm vụ của ủy ban lâm thời là để tìm giải pháp, viết thư

mười triệu tập toàn bộ các thân hào nhân sĩ Champa tại hải ngoại đến dự buổi họp vào thời hạn chót là trong tháng 11 năm 2006 để bầu ban tổ chức chính thức cho đại hội Champa năm 2007 này. Nhưng sau mấy tháng trôi qua nhân dân Champa đã nôn nóng đợi chờ kết quả tổ chức cuộc họp đó theo yêu cầu chung, không hiểu vì những động lực chính trị nào đó, thay vì tổ chức cuộc họp để tụ tập nhân dân Champa hải ngoại bầu BTC chính thức, ông cùng ông phó chủ tịch Lưu-Quang-Sang đã không thực hiện được việc này và tự nguyện rút lui không kèn, không trống. Nếu là người có thiện chí, có tinh thần đoàn kết dân tộc thì ít ra quý vị cũng gọi phone báo cáo cho các thành viên còn lại như Từ Công Nhường và ông phó chủ tịch Hassan Poklaun biết lý do để hai thành viên còn lại này hoàn thành công việc còn lại là triệu tập nhân dân Champa đến dự cuộc họp khẩn cấp để quý vị xin từ chức trước công chúng với những lý do nào đó thay vì viết thư gửi tùm lum viện cố đủ trò, đổ lỗi cho mọi người, mọi hội đoàn đã cướp công của ông. Đây là một việc làm cho hàng ngàn người Champa ở hải ngoại cần phải đặt lại vấn đề uy tín của ông và hầu hết người Cham ở hải ngoại này đã không còn tin tưởng ở hai ông nữa vì thái độ và trách nhiệm của các ông. ông Chế-Linh còn liên tục gửi thư lên án hội đoàn IOC và Champaka Journal đã cướp công của ông. Hỏi chứ các ông đã làm được công trạng nào từ khi nhận trách nhiệm mà người dân đã giao phó thay vì tự ý rút lui. Một lần nữa BTC chúng tôi xin xác định rõ ràng là IOC và Champaka Journal đã không dính dấp gì đến BTC đại hội Champa vào tháng 7 năm 2007, mà hai hội đoàn này chỉ đứng tên bảo trợ đại hội, và các ông cũng nên biết thêm rằng BTC chúng tôi đã gửi thư đến kêu gọi tất cả các hội đoàn Champa trên thế giới cùng đứng tên bảo trợ trong đó có hội Truyền Thống Chăm ở Sacramento, USA, và hội Văn Hóa và Nghệ Thuật Champa của ông Chế Linh ở Canada chỉ yêu cầu bảo trợ trong tinh thần không tiền, không công mà chỉ nhằm mục tiêu là để nhân dân Champa biết được lực lượng người Chăm ở hải ngoại thống nhất nói lên sự đoàn

kết dân tộc, nhưng vì lý do nào đó đã không một hội đoàn nào dám hy sinh đứng ra, ngoài IOC và Champaka Journal. Vì tinh thần dân chủ, BTC chúng tôi vẫn tôn trọng các hội đoàn ấy đã không đứng ra bảo trợ đại hội, và hoan nghênh một số hội đoàn đã còn có can đảm kêu gọi các thành viên trong hội đoàn mình hưởng ứng hợp tác với BTC của chúng tôi chẳng hạn như hội Bảo Tồn văn Hóa Champa ở San Jose, USA.

Một lần nữa, BTC chúng tôi thiết tha yêu cầu các ông hãy nên từ bỏ quá khứ mà nghĩ đến “tương lai của dân tộc, xây dựng đùm bọc lẫn nhau” thì tốt hơn hết, không nên đầu độc dư luận Chăm-Việt lên án Đại hội này là nhằm mục đích gây hận thù dân tộc, chống đối chính quyền Việt Nam, điều mà tất cả người Champa không hề nghĩ đến.

Để am tường và xóa tan nỗi nghi ngờ về mục đích, chủ đề và thành viên của BTC. Chúng tôi đề nghị quý vị nên đọc lại mục sau đây: Những thành viên trong BTC, chủ đề và mục tiêu của đại hội.

a) Chủ Đề của đại hội:

“Vấn đề Văn-Hóa, Xã Hội Champa sau 175 năm bị xóa trên bản đồ”

b). Mục Tiêu:

Đại hội chỉ có 3 mục tiêu rõ ràng:

- Nêu những yếu tố đã làm đảo lộn nền tảng văn hóa xã hội Champa.
- Phân tích những dữ kiện đã làm trì hoãn sự phát triển kinh tế và mức sống của dân tộc Champa.
- Tổng kết lại những thành tựu và đưa ra những giải pháp thực tiễn nhằm bảo tồn di sản văn hóa và sự sống còn của dân tộc.

Hỏi chứ có điểm nào là xách động nhân dân Champa nổi lên chống phá CQVN và làm hại cho nhân dân Champa không? Mà là yêu cầu được hợp tác với chính quyền sở tại để thi hành nghị quyết này.

Thư trả lời cho Thành Đài và Chế Linh

c). Thành Viên trong BTC đại hội:

Đại hội được tổ chức bởi toàn thể anh em thiện chí Champa vô tư đứng ở ngoài hội đoàn, tôn giáo, chính trị dân thân vì lợi ích của dân tộc Champa cùng sự bảo trợ của các hội đoàn Champa. Để xác định một lần nữa là BTC đại hội chính thức ngày nay chỉ là kẻ thừa kế tinh thần hội nghị tại trại hè Thanh niên Champa tổ chức tại Folsom, Sacramento, California ngày 7-8 tháng 7 năm 2006.

Tóm lại, nhằm đưa đại hội Champa năm 2007 này đến thành công, BTC chúng tôi luôn nêu cao tinh thần dân chủ, đón nhận mọi ý kiến xây dựng, thu nhận thành viên cởi mở vô tư, kêu gọi nhân dân Champa trên thế giới cùng hợp tác, đóng góp tinh thần và tài chánh. Hãy cùng nhau hy sinh đoàn kết dân tộc để phát triển, và vì tinh thần ích nước lợi dân.

Trân trọng kính chào.

Thay mặt BTC đại hội Champa 2007
Phó trưởng ban đặc trách ngoại vụ.
Mr. Musa Porome

TB: Thư này đã được sự đồng ý của tất cả anh em trong ban cố vấn và BTC.

Thư trả lời cho Thành Đài và Chế Linh

Đại Hội Champa 2007

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

BBT Harak Champaka

Trong quá trình lịch sử, nghề ca hát diễn tuồng tại Việt Nam vẫn là sở trường dành cho dân tộc Việt. Sau năm 1970, sân khấu nghệ thuật ở miền nam Việt Nam lại đón nhận thêm trong vườn hoa văn nghệ này một nghệ sĩ nữa đó là Chế Linh, gốc dân tộc Chăm, một ca sĩ nổi tiếng đã từng đạt huy chương vàng đệ nhất hạng nam ca vào năm 1972. Cũng nhờ nghề ca hát này, Chế Linh đã vượt lên đỉnh cao của sự nghiệp và đã gây tiếng vang cho dân tộc Champa trên khắp dải đất Việt Nam. Bên cạnh đỉnh cao của sự nghiệp này, Chế Linh còn là một hiện tượng mang tính chất thời sự vào năm 2007 đã làm thay đổi hẳn bộ mặt xã hội người Chăm ở hải ngoại và đã trở thành một yếu tố cấu thành lịch sử hiện đại mà dân tộc Champa cần biết sự thật của biến cố này.

Bài viết về Chế Linh không nhằm mục tiêu bàn về đời tư của nghệ sĩ (tình cảm gia đình, tiền của hay lối sống cá nhân, vì đây là điều cấm kị trong luật pháp), mà là phân tích lập trường chính trị, quan điểm xã hội và hành động đấu tranh của sa sĩ này cấu thành một yếu tố tích cực đã đưa lịch sử xã hội Champa hôm nay đi vào một khúc quanh mới.

Hiện tượng Chế Linh trong bối cảnh lịch sử hôm nay chỉ là một hiện tượng cá nhân, nhưng đã trở thành một biểu tượng chung cho một trường phái nho nhỏ đã xảy ra trong không gian xã hội Champa tại hải ngoại hôm nay. Đây là một loạt bài khảo luận trong dự án nghiên cứu với chủ đề : *Lịch Sử Xã Hội Champa* do tập san Champaka thực hiện, sau khi ra mắt tác phẩm *Từ Mật Trận Giải Phóng Dân Tộc Thượng đến Phong Trào Fulro. Cuộc đấu tranh của dân tộc*

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

thiếu số ở nam Đông Dương (1955-1975) do IOC-Champa xuất bản, Paris-San Jose, 2007.

Nghiên cứu về hiện tượng Chế Linh là công tác góp phần nhằm làm sáng tỏ lại bối cảnh xã hội Champa sau ngày sụp đổ phong trào Fulro vào năm 1975 mà đối tượng của xã hội này không phải là chế độ Việt Nam Cộng Hòa nữa mà là Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ; đưa ra nhận định về vai trò của trí thức người Chăm trong các phong trào đấu tranh tại hải ngoại cũng như phân tích lập trường của tập thể trí thức này mà đa số là người vượt biên và tù nhân chính trị, đối với chế độ cộng sản Việt Nam đang mở rộng chính sách đón nhận Chăm kiều về nước, đang tìm mọi cách để ngăn chặn những phong trào đấu tranh của dân tộc Champa ở hải ngoại, dù cuộc đấu tranh này chỉ mang nội dung văn hóa và xã hội.

Chế Linh là ai



Chế Linh (Pho. Champaka)

các tổ chức liên minh chống cộng tại hải ngoại.

Vì không bao giờ đội trời chung với chế độ cộng sản, Chế Linh thường biểu dương hình ảnh và giọng ca của

Chế Linh tên thật là Lưu Văn Liên, gốc dân tộc Chăm Phan Rang, một ca sĩ rất được hâm mộ trong giới thính giả Việt Nam. Năm 1980, ông ta vượt biên và sang định cư ở Gia Na Đại.

Tại hải ngoại, Chế Linh là nhân vật rất tích cực trong các phong trào đấu tranh cho tự do nhân quyền và cũng là thành viên hăng say trong

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

mình qua các băng nhạc Video (xem Áo cưới màu hoa cà, Rừng lá thấp : <http://www.saigonbao.com/che-linh.htm>) trong bộ đồng phục người lính, lưng mang sắc balo, tay cầm súng Mỹ, vùng dậy và gào thét trên trận địa nhằm tôn vinh chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa ngã gục trên bãi chiến trường, cũng như tỏ lòng căm thù của mình đối với chế độ cộng sản đã hành hạ ông ta suốt mấy năm trong tù cải tạo.

Là một ca sĩ chống cộng, Chế Linh còn là đứa con người Chăm có ý thức về quê hương Champa đổ nát, rất tôn kính thể diện dân tộc Champa bại trận, lúc nào cũng nhận mình là người Chăm dù dân tộc này thường bị khinh miệt như một tập thể man rợ «mọi, hời», thích nói tiếng Chăm và mê ăn món Chăm, hay nói một cách khác, Chế Linh là ca sĩ có dòng máu Chăm thật sự.

Cũng vì mang thân phận họ Chế, tức là dòng tộc của vua chúa Champa, ngoài làm nghề ca sĩ hát rong kiếm tiền, Chế Linh còn là một nghệ sĩ đấu tranh để bảo vệ sự thật lịch sử của vương quốc Champa điêu tàn, luôn luôn chung vai sát cánh gần 25 năm (từ 1984 đến tháng 11 năm 2006) với cộng đồng người Chăm ở hải ngoại trong mọi phong trào bảo tồn di sản văn hóa Champa và sự sống còn của dân tộc này trong thế kỷ thứ 21.

Là một ca sĩ tích cực, Chế Linh lúc nào cũng có mặt trên sân khấu văn nghệ do cộng đồng Champa tổ chức trên thế giới, từ Pháp, Đan Mạch, Mã Lai đến Hoa Kỳ... để hát cho quê hương Champa đổ nát, hát cho dân tộc Champa nghèo đói và bần cùng chờ ngày diệt vong. Chế Linh cũng để lại cho thế hệ Champa một công trình lớn lao bằng cách thực hiện cuốn CD tập trung 14 bài hát dân ca Chăm xuất bản vào năm 2000, nhưng bị cấm lưu hành tại Việt Nam vào năm 2004, (vì nội dung không phù hợp với chính sách tôn giáo và đại đoàn kết dân tộc của đảng và nhà nước Việt Nam !?)

Dù là một nhân vật có tiếng tăm, nhưng Chế Linh có cuộc sống rất bình dị, biết hòa đồng dân tộc, được người Chăm ngưỡng mộ và được giới trí thức Chăm trân trọng. Đó

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

là chân dung thật của ca sĩ Chế Linh trước tháng 11 năm 2006.

Bên cạnh sự thật của cuộc đời ca sĩ đấu tranh, Chế Linh cũng là một nhân vật bí ẩn, thường để lại nhiều dấu ấn bất thường về nhân sinh quan cũng như tư tưởng chính trị để rồi người ta không còn biết Chế Linh là ai : một nghệ sĩ ca nhạc hay một nhà đấu tranh tư tưởng ?

Sinh ra từ kiếp người làm nghệ sĩ, có chăng Chế Linh không thể thoát ra khỏi nghiệp chướng của con người nghệ sĩ, tức là lúc nào cũng muốn xây dựng cho mình một thế giới ảo và huyền thoại hoàn toàn khác lạ với thế giới mà người Chăm đang sống hôm nay. Trong thế giới này, Chế Linh ít khi phân định được đâu là biên giới của sự thật và gian dối, thế nào là lập trường đấu tranh và tư tưởng chủ bại qui hàng, đâu là thể diện của một dân tộc và quyền lợi riêng tư. Đối với Chế Linh, mọi giá trị tư tưởng dù là tư tưởng chính trị, ý thức hệ về lịch sử hay khái niệm về văn hóa xã hội chỉ định nghĩa theo chiều gió của biến cố nhất thời, theo dư âm của người thân cận có ảnh hưởng hay theo gốc độ danh vọng, tiếng tăm mà ông ta muốn chinh phục.

Thế giới ảo và huyền thoại mà Chế Linh đang sống hôm nay là không gian tập trung những người rất lạc quan với cuộc đời và thơ mộng trong cuộc sống, sao cũng được, miễn là được lên sân khấu làm nghề ca hát là đủ rồi. Chính vì thế, Chế Linh không phải là người ca sĩ mà là một nghệ sĩ thì đúng hơn, có nghĩa là nhân vật không có một lập trường rõ rệt, không nghiêm túc với lời hứa, không đắn đo trước khi tuyên bố nội dung của một vấn đề, dù đó là vấn đề đại sự hay cốt truyện khôi hài.

Chỉ cần một đêm suy nghĩ, Chế Linh có thể đưa ra 100 dự án, phát huy ra 100 chương trình đấu tranh. Sự ra đời của một tổ chức mang tên là Hội Văn Hóa và Nghệ Thuật Champa Thế Giới mà Chế Linh giữ cả 3 chức vụ vừa là chủ

tịch, vừa là tổng thư ký, vừa làm thành viên đã nói lên gốc độ không nghiêm túc của nghệ sĩ này.

Chỉ cần một giấc mơ quyến rũ, Chế Linh hô hào dân chúng Chăm tham gia vào công trình xây dựng Nhà Văn Hóa Champa ở Hoa Kỳ, thành lập Thư Viện Chế Linh ở Việt Nam, với bao sơ đồ kiến trúc vĩ đại, nhưng cho đến hôm nay, Nhà Văn Hóa Champa cũng không thấy và Thư Viện Chế Linh cũng không biết ở đâu.

Từ thái độ không nghiêm túc với những gì mà mình đã phát ngôn đã biến Chế Linh thành một nhân vật « xảo ngôn » trong nghĩa « nửa đùa nửa thật », nhưng Chế Linh không phải là người « xảo quyết » vì ông ta không làm hại ai, ganh tị với ai hay lường gạt ai cả. Cũng vì bản tính « nửa đùa nửa thật » này, một số người Chăm không gọi ông ta là Chế Linh nữa mà là Chế Laor, có nghĩa là « Chế nói láo », tức là phong cách thêu họa quá đáng một vấn đề để rồi người ta không còn biết Chế Linh đang « nói thật » hay « nói đùa ».

Khởi đầu cho cuộc đấu tranh : Đại hội Champa 2007

Bên cạnh những bí ẩn trong tư duy, thêu họa cuộc đời trong một thế giới ảo của con người nghệ sĩ, Chế Linh vẫn là một đứa con Champa thích hành động để bảo vệ quyền lợi dân tộc Champa. Cũng vì lý tưởng chung đó, Chế Linh hô hào bà con thân hữu Champa, đa số là thành phần trí thức, tổ chức cho bằng được Đại Hội Champa 2007 nhằm đánh dấu 175 năm Champa bị xóa bỏ trên bản đồ (1832-2007).

● *Yếu tố lịch sử của ngày đại hội*

Champa là vương quốc có một nguồn gốc lịch sử lâu đời.

Lịch sử Champa là một không gian tổng thể của bao biến cố đã xảy ra trong quá khứ cấu thành một di sản thiêng

liêng đã ăn sâu vào tâm thức của một dân tộc này. Nói đến lịch sử Champa tức là nói đến tiến trình của một cuộc đấu tranh trong suốt 17 thế kỷ thăng trầm, nói đến chiến tranh mà hậu quả chỉ là thành tích hy sinh của hàng trăm ngàn chiến sĩ đã ngã gục trên chiến trường để bảo vệ đất đai, của hàng ngàn cung điện đền đài đổ nát tang hoang, của hàng triệu người dân Champa bị tiêu diệt hay bị đồng hóa, mất gốc lai căng để rồi hôm nay không ai tìm ra một người Champa nào còn hiện hữu ở đồng bằng duyên hải chạy dài từ Quảng Bình đến biên giới Cam Ranh.

Nhận diện mình là đứa con Champa hôm nay tức là chấp nhận di sản lịch sử thiêng liêng này như một tờ di chúc bất di bất dịch, không ai có quyền thêm bớt hay sửa đổi. Vì lịch sử là sự thật của một không gian biến cố. Nói đến lịch sử Champa không nhằm khơi dậy hận thù dân tộc mà là nêu ra sự thật để rút ra bài học hầu né tránh những sự kiện tang thương của lịch sử không còn tái diễn nữa.

Nhận diện mình là đứa con Champa tức là chấp nhận đấu tranh để bảo vệ di sản thiêng liêng này, công nhận lịch sử, thể diện và quyền lợi của dân tộc Champa là yếu tố trên hết và phải vượt lên trên lịch sử, thể diện và quyền lợi của một cá nhân.

Cũng vì ao ước làm sống lại di sản thiêng liêng này, bà con và thân hữu Champa thiết tha với quê hương ở hải ngoại đã nhận lời kêu gọi của Chế Linh để tôn vinh năm 2007 thành điểm mốc của lịch sử, đánh dấu 175 năm Champa bị xóa bỏ trên bản đồ. Chính vì thế, Đại Hội Champa 2007 không còn là một lễ hội văn nghệ quần chúng nữa mà là một ngày lịch sử trọng đại.

● *Mục tiêu của đại hội*

Theo dự án, Đại Hội Champa 2007 tại Hoa Kỳ không phải là ngày kỷ niệm Champa mất nước và cũng không phải là ngày đòi chủ quyền Champa độc lập mà là một hội thảo quốc tế nhằm thông tin đến quần chúng thế

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

giới biết về nguyên nhân phát sinh sự nghèo đói và khốn cùng của dân tộc Champa tại Việt Nam, nạn mù chữ tiếng mẹ đẻ của họ, sự căm đoán dân tộc Champa biết đến nguồn gốc lịch sử của họ, vấn đề chiếm đoạt đất đai của họ, vấn đề quốc hữu hóa những đền tháp mà họ đang thờ phượng, vấn đề đảo lộn thế giới tâm linh của họ, tình trạng thái hóa của cơ cấu tổ chức xã hội và gia đình của họ, sự đồng hóa phong tục và tập quán của họ, sự chênh lệch về mức sống kinh tế của họ cũng như chính sách áp lực và đe dọa mà họ đang gánh chịu hôm nay.

Lời kêu gọi của Chế Linh là một biến cố lịch sử đã đánh thức cộng đồng Champa ở hải ngoại hướng về quê cha đất tổ, chuẩn bị ngày ra đời của Đại Hội để cùng nhau chia sẻ ngọt bùi sau 175 năm làm thân phận của một đứa con Champa vong quốc.

• Sự ra đời của ban tổ chức

Nhằm tiến đến mục tiêu, Chế Linh tổ chức một phiên họp vào ngày 9-7-2006, nhân dịp trại hè Thanh Niên Champa tại Sacramento (California), tập trung hầu hết các thân hào, thân sĩ, trí thức, thanh niên sinh viên Champa ở hải ngoại để bầu ban tổ chức lâm thời của Đại Hội Champa 2007.

Trước khi khai mạc chương trình, Chế Linh long trọng yêu cầu tất cả anh em tham dự phiên họp phải làm một phút mặc niệm để tôn vinh bậc tiền nhân Champa quá cố và xin họ giúp ban tổ chức thực hiện cho bằng được Đại Hội 2007.

Theo truyền thống người Chăm, một phút mặc niệm là một hành động linh thiêng, một lời thề cao cả mà không ai có quyền phản lại lời hứa này, ngoại trừ những người xảo quyệt có lương tâm không bình thường. Chế Linh là người dư biết đâu là giá trị của lời thề trong truyền thống của dân tộc Chăm.

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

Kết quả của phiên họp, Chế Linh được bầu làm chủ tịch ban tổ chức lâm thời Đại Hội Champa 2007, Từ Công Thu (tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh) và cựu dân biểu Lưu Quang Sang làm phó chủ tịch, Từ Công Nhường (con của từ Công Thu) và Lưu Quang Sáng (con của cựu dân biểu Lưu Quang Sang) làm tổng thư ký.

Thế là định mệnh của Đại Hội Champa 2007 hoàn toàn nằm trong tay của ba nhân vật nổi bật trong cộng đồng Champa ở hải ngoại, đó là ca sĩ Chế Linh, cựu dân biểu Lưu Quang Sang và Từ Công Thu cùng với hai thanh niên ưu tú là Từ Công Nhường và Lưu Quang Sáng.

Vào tháng 9 năm 2006, lại có cuộc họp mặt tại Mã Lai giữa ông Po Dharma, Lưu Quang Sang và Thành Phú Bá (Bá cũng là thành viên của đại hội) nhân dịp hội thảo về ngôn ngữ chữ viết Chăm. Trong dịp này, Lưu Quang Sang vẫn giữ vững lập trường là phải tổ chức ngày đại hội này.

Sau ngày họp mặt tại Kuala Lumpur, Lưu Quang Sang trở về Việt Nam thăm gia đình. Theo nguồn tin đáng tin cậy là Lưu Quang Sang có tiếp xúc nhiều lần với công an Việt Nam nhưng chúng tôi không biết nội dung của cuộc gặp gỡ này.

• *Đối tượng của ngày đại hội*

Sau biến cố 1975, dân tộc Chăm và anh em Tây Nguyên trở thành đối tượng thù địch của chế độ cộng sản Việt Nam, một quốc gia lúc nào cũng xếp họ vào danh sách tập đoàn phản động tiếp tay cho Fulro, đeo đuổi ý đồ phục hưng Champa độc lập. Sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004 càng khuyếch đại thêm bầu không khí căng thẳng trong khu vực người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Chính vì thế, hầu hết trí thức Chăm kiều về thăm quê hương đều bị công an điện thoại xin gặp hay mời đến văn phòng để làm việc, khai thác tin tức nếu

cần, xem họ như tội phạm mặc dù họ là công dân Hoa Kỳ hay Pháp đi nữa.

Một khi đã liệt kê vào hàng ngũ phản động, mọi sinh hoạt của dân tộc Chăm ở hải ngoại dù đó chỉ là sinh hoạt văn hóa xã hội cũng bị xếp vào danh sách của một tổ chức có ý đồ chống phá chế độ. Chính vì thế, nhà nước Việt Nam đã trở thành một đối tượng trực tiếp của ngày Đại Hội.

Trước tình thế này, phiên họp ngày 9-7-2006 do Chế Linh chủ tọa cũng đã nêu ra vấn đề là một số người Chăm ở hải ngoại sẽ không dám tham gia Đại Hội Champa 2007 vì sợ liên lụy để rồi không được phép trở về Việt Nam. Nhưng kết quả của phiên họp đã đi đến một kết luận rõ ràng là Đại Hội Champa 2007 không phải là diễn đàn chính trị và cũng không phải là ngày hòa giải và hòa đồng dân tộc giữa người Champa để đi tìm đồng thuận với nhau, mà là ngày Hội Thảo Quốc Tế để bàn về thực trạng văn hóa xã hội Champa mà thành viên chủ yếu trong ban tổ chức của đại hội là những bà con thân hữu Champa có ý thức rõ rệt đối với quê hương đổ nát mà thôi. Có thể vì lý do chính trị hay cá nhân, một số người Chăm không đến tham dự, nhưng đó là ý riêng của họ mà ban tổ chức đại hội phải tôn trọng.

Sự đời của ban tổ chức Đại Hội Champa 2007 do Chế Linh lãnh đạo và có sự trợ giúp của Lưu Quang Sang và Từ Công Thu đã làm chấn động tình hình chính trị ở Việt Nam. Hết đối phó với sự vùng dậy của dân tộc Tây Nguyên vào năm 2001 và 2004, nhà nước Việt Nam lại gán cho dân tộc Chăm đang chuẩn bị xuống đường tại Hoa Kỳ vào năm 2007 đề đòi quyền lợi. Chính vì thế, cơ quan an ninh tình báo cộng sản tìm đủ mọi cách làm áp lực với người Chăm trong nước qua nhiều hình thức để đánh phá ngày ra đời của Đại Hội này. Công an cũng không ngần ngại điện thoại trực tiếp cho một số thành viên trong ban tổ chức ở Hoa Kỳ để chất vấn và đặt vấn đề về nội dung của đại hội này.

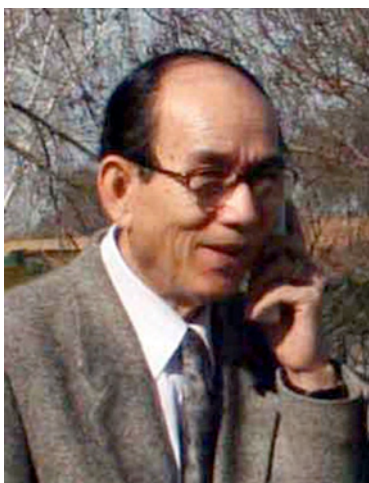
Đứng trước tình thế này, Đại Hội Champa 2007 phải đương đầu với hai đối tượng rõ rệt đó là chính quyền

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

Hà Nội có đủ quyền lực, sẵn sàng ngăn cấm những ai chống chế độ trở về Việt Nam và tập thể người Chăm ở hải ngoại chỉ mong được phép trở về Việt Nam thăm gia đình hay hợp tác với chế độ. Thế là ngày ra đời của Đại Hội Champa 2007 đã trở thành một vấn đề nan giải mà không ai có thể tiên liệu được, vì nó tùy thuộc vào ý chí, lập trường và sự sáng suốt của mỗi thành viên trong ban tổ chức nhằm kháng cự lại với hiện tượng chính trị này.

Chế Linh thay màu cờ chính trị

Sự viếng thăm Việt Nam của cựu dân biểu Lưu Quang Sang vào tháng 10 năm 2006 đã đưa chương trình Đại Hội Champa 2007 đi vào một khúc quanh mới và cũng là điểm mốc thời gian của sự phát sinh bao biến cố đã làm



Lưu Quang Sang
(Pho Chamnaka)

đảo lộn khuôn mặt xã hội người Chăm tại hải ngoại.

Sau ngày trở về Việt Nam của Lưu Quang Sang, Chế Linh viết thư gửi cho bà con Chăm đề ngày 28 tháng 11 năm 2006, xin từ chức ra khỏi Đại Hội Champa 2007, vì lý do là chưa đạt được « sự đồng thuận rộng rãi của anh em », và cần có thời gian để tổ chức một đại hội « có tầm vóc rộng lớn và qui mô hơn », yêu cầu đồng bào

Chăm dời đại hội này sang 2008. Sau bức thư của Chế Linh, cựu dân biểu Lưu Quang Sang cũng viết thư cho bà con Chăm xin rút lui ra khỏi hội trường.

● *Nguyên nhân của sự từ chức*

Sự từ chức của Chế Linh và Lưu Quang Sang vào tháng 11-2006 trong một không gian bất ngờ và cùng một lúc, sau ngày viếng thăm Việt Nam của ông Lưu Quang Sang vào tháng 10-2006, đã trở thành một vấn đề bí ẩn và đã đưa những thành viên Chăm của ban tổ chức lâm thời của đại hội vào tình thế vô cùng khó xử.

Song song với lý luận là chưa đạt « sự đồng thuận rộng rãi của anh em », Chế Linh tiếp tục lên tiếng trên mạng email gửi cho bà con Chăm ở hải ngoại để giải thích 6 cái « Không » đã buộc ông ta phải từ chức mà chúng tôi xin trích nguyên văn :

1. Không cùng quan điểm và mô thức tổ chức.
2. Không phù hợp chung với nguyện vọng của đồng bào.
3. Không mang lại sự ích chung cho đồng bào.
4. Không được sự đồng nhất ủng hộ của mọi giới đồng bào và hội đoàn.
5. Không cùng phương hướng đấu tranh cho quyền lợi và sự an nguy của dân tộc.
6. Không cùng chủ trương đấu tranh trong hòa bình và sự đoàn kết dân tộc.

Nhìn qua lịch sử hiện đại của xã hội Champa hôm nay, chỉ có ca sĩ Chế Linh và cựu dân biểu Lưu Quang Sang mới không có lương tâm để nêu ra 6 cái « Không » này hầu rút tên ra khỏi đại hội.

Ai cũng biết, đa số những thành viên Chăm thuộc ban tổ chức lâm thời của đại hội do Chế Linh lãnh đạo là những người xuất thân từ một tầng lớp trí thức đáng trân trọng, là những người có học thức và có trí tuệ : kỹ sư, bác sĩ, tiến sĩ, quốc gia hành chánh, quốc gia sư phạm, v.v. Đối

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

với họ, sự rút lui của Chế Linh và Lưu Quang Sang chỉ là một lối biện luận không cơ sở và một loại văn chương đối trá mà thôi. Đây là bằng chứng cụ thể mà những thành viên này đã đưa ra:

Từ ngày nhậm chức vào tháng 7 năm 2006 cho đến ngày từ chức vào 28 tháng 11-2006, Chế Linh và Lưu Quang Sang chưa có lần nào tổ chức một phiên họp với những thành viên Chăm để bàn về chương trình, quan điểm hay mô hình tổ chức đại hội này. Thế thì đâu là nguyên nhân của 6 cái « Không » mà Chế Linh đã nêu ra.

Đột ngột, Chế Linh và Lưu Quang Sang viết thư rút lui và đưa ra lý luận quanh co với 6 cái « Không » vô cơ. Chính vì thế, sự rút lui bất ngờ của Chế Linh và Lưu Quang Sang chỉ là ý đồ xảo trá để ly khai với Đại Hội Champa 2007. Và sự rút lui này đã trở thành một yếu tố nhằm chứng tỏ rằng Chế Linh và Lưu Quang Sang là người không nghiêm túc trong qui luật tổ chức cộng đồng (nếu không muốn làm thì ít ra phải họp lại anh em để bàn việc), phản bội lại với lời hứa của mình dù đã thề nguyện trong một phút mặc niệm trước bậc tiền nhân. Có chăng Chế Linh và Lưu Quang Sang chỉ xem những thành viên Chăm trong ban tổ chức, như một tập thể vô học không đáng để bàn vấn đề, chỉ biết làm nô lệ cho quan điểm của Chế Linh và Lưu Quang Sang và họ không có quyền phản đối lại?

Nhìn qua diễn tiến tình hình này, người ta có thể kết luận rằng sự từ chức của Chế Linh và Lưu Quang Sang không phải là vì chưa đạt được « sự đồng thuận rộng rãi của anh em » mà là tìm cách mua lòng chính quyền cộng sản để được phép trở về Việt Nam. Đây là bằng chứng cụ thể mà Chế Linh và Lưu Quang Sang không thể chối cãi được :

- Ngày 28-11-2006 Chế Linh rút tên ra khỏi ban tổ chức lâm thời Đại Hội Champa 2007, tiếp theo là Lưu Quang Sang.

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

- Một tuần sau, tức là ngày 6 tháng 12 năm 2006, qua đài phát thanh BBC, Chế Linh xin nhà nước Việt Nam trở về quê hương một lần để hát cho thính giả mình nghe trước khi ông ta ly biệt khỏi cõi đời này.

- Mười tháng sau, tức là ngày 18 tháng 10 năm 2007, báo chí Việt Nam loan tin là ca sĩ Chế Linh trở về Sài Gòn để chuẩn bị chương trình văn nghệ Chào Xuân 2008 tại quê nhà.

Dù đã trải qua gần 7 năm trong tù của chế độ cộng sản, cựu dân biểu Lưu Quang Sang lúc nào cũng được phép về thăm quê hương hàng năm. Hôm nay, cựu dân biểu này kéo thêm ca sĩ Chế Linh đã từng vượt biên ly khai với cộng sản về hợp tác với chế độ cộng sản thì càng là một thành công nữa. Thế là những lý luận quanh co của Chế Linh và Lưu Quang Sang dựa vào 6 cái « Không » để chống phá đại hội chỉ có mục tiêu duy nhất là ly khai với Đại Hội Champa 2007 để lập công với chế độ Hà Nội hầu được phép trở về Việt Nam.

Trên mặt pháp lý, sự trở về Việt Nam là quyền thiêng liêng của Chế Linh, nhân danh một công dân của Gia Nã Đại hay nhân danh Chăm kiều vượt biên đi nữa. Nhưng sự thay đổi bất ngờ màu áo chính trị của Chế Linh và Lưu Quang Sang đã đưa lịch sử cộng đồng Champa tại hải ngoại đi vào một khúc quanh mới, làm mất lòng tin cả một tập thể trí thức người Chăm cùng tuyên thệ với Chế Linh và Lưu Quang Sang trong phiên họp vào tháng 7 năm 2006 là phải trung thành với lý tưởng chung và kiên trì đấu tranh để tổ chức cho bằng được Đại Hội Champa 2007.

Theo quan điểm chung của những thành viên người Chăm, Chế Linh và Lưu Quang Sang có quyền thay đổi màu cờ chính trị : đứng về phía Việt Nam Cộng Hòa hay trở về hợp tác với Xã Hội Chủ Nghĩa, nhưng Chế Linh và Lưu

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

Quang Sang không có quyền bịa chuyện để lừa dối bà con thân hữu người Chăm về ngày Đại Hội Champa 2007.

Trở về hợp tác với chế độ cộng sản cũng là một giải pháp chính trị mà Chế Linh và Lưu Quang Sang có quyền chọn lựa. Cộng đồng Champa tại hải ngoại không có ý kiến gì về sự lựa chọn này dù họ có một lập trường khác biệt. Không phải vì thế mà Chế Linh và Lưu Quang Sang lại thay đổi lời hứa trước bậc tiền nhân, rút tên ra khỏi ban tổ chức của Đại Hội Champa 2007 và tạo nên chiến trường chống phá đại hội này để lập công với nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa.

Đối với thành viên Chăm trong ban tổ chức đại hội, sự bội tín của Chế Linh và Lưu Quang Sang là không tôn trọng thể diện dân tộc Champa mất nước, là phong cách hoàn toàn đi ngược lại với bản chất của người Chăm, một tập thể rất là chất phát và thật thà, nhưng không bao giờ chấp nhận người nào lường gạt họ.

Chế Linh là người nghệ sĩ không trung thành với lời hứa là điều có thể tha thứ. Nhưng Lưu Quang Sang là cự dân biểu, tức là người đại diện cho dân tộc Chăm và đấu tranh vì dân tộc Chăm. Chính vì thế, Lưu Quang Sang không có quyền lừa đảo bà con thân hữu người Chăm để khôi phục quyền lợi và danh vọng riêng tư cho mình. Sự rút lui ra khỏi hội trường Đại Hội của Lưu Quang Sang đã chứng minh rằng ông ta không phải là cự dân biểu vì dân mà là mị dân. Có chăng từ phong cách và thái độ không trung thành đối với tập thể mà chính ông ta là thành viên chính thức đã đưa một số bà con Chăm đặt cho ông ta một tên gọi bằng tiếng Chăm: *ong Sang di hu talang o* = ông Lưu Quang Sang không có xương, tức là người tròng tráo, chui luôn vào bất cứ nơi nào miễn là có lợi cho mình là được rồi.

● *Chế Linh chống phá đại hội Champa 2007*

Vấn đề trở về Việt Nam của Chế Linh là sự kiện bình thường, vì ông ta có quyền về thăm quê hương, nơi chôn nhau cắt rún của ông ta. Cũng không có ai trách móc Chế Linh, nếu ông ta bày tỏ sự thật với thân hữu và bà con Chăm về ý định trở về Việt Nam, thành vậy ông ta phải rút tên ra khỏi Đại Hội 2007 để né tránh sự chú ý của cơ quan tình báo cộng sản.

Nhằm tạo công lao với nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa, Chế Linh và cựu dân biểu Lưu Quang Sang dựng lên chiến trường chống phá đại hội bằng cách tung ra hàng loạt email gửi cho bà con Chăm trên khắp thế giới để lên án mục tiêu của Đại Hội Champa 2007. Danh sách 6 cái « Không » của Chế Linh là một minh chứng cụ thể. Hai người này tìm cách bôi bác ban tổ chức của đại hội qua hàng loạt email nặc danh; kêu gọi người thân cận của mình rút tên ra khỏi ban tổ chức. Sự ra đi của Kiều Ngọc Quyên là một thí dụ điển hình. Chúng tôi sẵn sàng cung cấp những tư liệu này nếu độc giả nào cần đến.

Một nhân vật mà Chế Linh và Lưu Quang Sang xem như đối tượng thù địch hàng đầu đóng vai trò chủ động trong chương trình tổ chức Đại Hội 2007 là tiến sĩ Po Dharma, cựu thành viên Fulro. Chính vì thế, hai người này tìm mọi cách tẩy chay cho bằng được Po Dharma để đập tan Đại Hội. Tiếc rằng, Chế Linh và Lưu Quang Sang chọn sai đối tượng, vì Po Dharma chỉ là một thành viên của ban tổ chức, đặt trách về mặt khoa học, chứ không phải là người nắm toàn quyền quyết định của ngày đại hội.

Thay vì góp phần tổ chức đại hội nhằm đấu tranh cho quyền lợi dân tộc Champa, thông tin đến nhà nước Việt Nam những thực trạng văn hóa và xã hội vô cùng bi đát mà dân tộc Champa hôm nay đang gánh chịu, Chế Linh và Lưu Quang Sang lại quay đầu chống phá đại hội để lập công với chế độ cộng sản hầu được phép trở về Việt Nam. Đây là

thái độ đã làm tổn thương đến thể diện và quyền lợi của dân tộc Champa mà đa số bà con thân hữu người Chăm ở hải ngoại không thể chấp nhận được.

Nếu là người có tinh thần đấu tranh cho dân tộc thật sự, Chế Linh và Lưu Quang Sang phải đứng ra tổ chức cho bằng được đại hội này, sau đó trở về Việt Nam để giải thích với chính quyền Hà Nội thế nào là mục tiêu của ngày hội thảo này. Chính đó mới là hành động đáng trân trọng, một công tác hữu ích để bảo vệ quyền lợi của dân tộc.

Ca sĩ Chế Linh và cựu dân biểu Lưu Quang Sang dù sao cũng là thành phần trí thức dân tộc Chăm, tức là người có ý thức hệ cao về lập trường và tư tưởng chính trị. Nhân danh trí thức người Chăm, Chế Linh và Lưu Quang Sang không thể quên đi lời thề của mình với một tổ chức Champa mà hai ông ta là thành viên, quay lưng với quê hương Champa đổ nát hầu làm vừa lòng chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Đó là thái độ phản bội của người trí thức mà đa số bà con thân hữu Chăm tại hải ngoại không bao giờ tha thứ.

- *Chế Linh ra chiến trường ngôn ngữ chữ viết Chăm*

Kể từ thế kỷ thứ 17 đến năm 1975, dân tộc Chăm chỉ có một ngôn ngữ và một chữ viết *Akhar Thrah*, tức là chữ viết phổ thông rất ổn định hiện đang sử dụng trong toàn thể cộng đồng chức sắc và bô lão người Chăm hôm nay.

Sau năm 1975 nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thành lập Ban Biên Soạn Chữ Chăm giao quyền lãnh đạo cho ông Nguyễn Văn Tỹ sau này là Lộ Minh Trại, có trách nhiệm biên soạn sách giáo trình để dạy tiếng Chăm trong các trường lớp. Thay vì tạo điều kiện để con em người Chăm học chữ Chăm truyền thống của họ, nhà nước Việt Nam biến chế chữ Chăm truyền thống này thành một loại chữ viết Chăm lai căng hoàn toàn khác biệt với chữ Chăm mà dân tộc Chăm đang sử dụng hôm nay.

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

Vào tháng 9 năm 2006, Po Dharma đứng ra tổ chức một hội thảo quốc tế về Ngôn Ngữ Chữ Viết Chăm tại thủ đô Kuala Lumpur của Malaysia. Kết quả của đại hội là tất cả đại biểu yêu cầu nhà nước Việt Nam phải chỉnh đốn lại sách giáo trình đúng với chữ viết truyền thống của dân tộc Chăm, được xem như là di sản văn hóa của nhân loại.

Sau ngày hội thảo tại Kuala Lumpur, nhà nước Việt Nam tổ chức một diễn đàn vào tháng 2 năm 2007 tại Phan Rang đặt dưới quyền chủ tọa của bà Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục để cứu xét lại vấn đề khủng hoảng ngôn ngữ chữ viết Chăm hôm nay.

Nhân dịp này, Chế Linh tự tôn mình là đại diện cho bô lão và trí thức Chăm ở hải ngoại, gửi một điện thư đến Phan Rang chúc mừng bà Thứ Trưởng và bày tỏ quan điểm ủng hộ hệ thống chữ viết Chăm lai căng do nhà nước Việt Nam xuất bản. Điện thư của Chế Linh được đọc một cách long trọng tại hội trường, trong đó Chế Linh tự lập ra “một danh sách ma” tập trung nhiều tên bô lão và trí thức Chăm ở hải ngoại như thiếu tá Dương Tấn Sở, Thành Phú Bá, Bá Trung Xin, v.v. mà họ không hề hay biết gì về ngày hội thảo này.

Chế Linh là ca sĩ Việt Nam gốc người Chăm, biết nói tiếng Chăm nhưng không biết đọc và cũng không biết viết chữ Chăm (nghĩa là: không biết chữ Chăm đúng sai như thế nào?). Thế thì tại sao ca sĩ này lại gửi điện thư chúc mừng hội thảo ngôn ngữ chữ viết Chăm mà mục tiêu không có gì liên hệ với ngành ca hát của ông ta?

Chế Linh là người từng sống ở Gia Nã Đại, tức là một quốc gia pháp quyền. Tại sao Chế Linh lại mạo danh chữ ký của bô lão và trí thức Chăm để lập công với chính quyền cộng sản? Đây là điều cấm kị trong luật pháp của quốc gia tự do và dân chủ.

Nhìn qua nội dung, điện thư của Chế Linh đã trở thành một văn chương chính trị nhằm tẩy chay nhóm Po Dharma, một cộng đồng tập trung những nhà khoa học đang đấu tranh để bảo tồn giá trị ngôn ngữ chữ viết Chăm truyền

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

thống hôm nay; nhằm kết nạp người Chăm trong nước nhất là ông Nguyễn Văn Tỷ và Lộ Minh Trại, hai nhà lãnh đạo Ban Biên Soạn Sách Chữ Chăm để dập tan nhóm Po Dharma đang chuẩn bị cho ngày ra mắt Đại Hội Champa 2007 tại Hoa Kỳ.

Sự nhúng tay của một ca sĩ không biết đọc và cũng không biết viết chữ Chăm vào vấn đề ngôn ngữ chữ viết Chăm đã để lại một dấu ấn khô hài trong lịch sử hiện đại của Champa. Có chăng Chế Linh là con cờ của một nhân vật chính trị người Chăm đang núp sau bóng hình này để “ném đá dấu tay” mà chúng tôi sẽ phân tích trong loạt bài sắp tới.

- *Chế Linh gây chiến trường tôn giáo*

Sau ngày Đại Hội Champa 2007 tại Hoa Kỳ, Chế Linh lại tạo thêm một chiến trường mới bằng cách dựa vào màu cờ tôn giáo Chăm Ahiér (Bà La Môn) để tẩy chay ông Thành Công Thỏa và Từ Công Thu, hai người Chăm Hồi Giáo và cũng là hai nhà lãnh đạo trong ban tổ chức đại hội, vì tội lấy tên vua chúa Champa là Po Romé và Po Klaong làm tên họ của mình.

Trong chiến trường này, Chế Linh lãnh trách nhiệm phân phát cho bà con Chăm ở hải ngoại một bức thư của ông cả sư Hán Bằng chủ trì tháp Po Romé ở Phan Rang viết vào ngày 1-5-2007 ngăn cấm Thành Công Thỏa và Từ Công Thu không có quyền dùng tên Po Romé và Po Klaong trên thẻ chứng minh nhân dân của hai người này ở xứ Hoa Kỳ, với lý do là Po Romé và Po Klaong là hai thần mà người Chăm Ahiér (Bà La Môn) đang thờ phượng hôm nay. Hai tháng sau, tức là ngày 18-9-2007 Chế Linh lại viết một bức thư riêng gửi cho bà con thân hữu người Chăm trên khắp thế giới yêu cầu ông Thành Công Thỏa và Từ Công Thu phải xóa bỏ tên họ này.

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

Chế Linh là một ca sĩ chứ không phải là một chiến sĩ đấu tranh cho tôn giáo. Thế thì tại sao ca sĩ này lại nhúng tay vào vấn đề tín ngưỡng người Chăm không có gì liên hệ với ngành ca hát của mình. Có chăng Chế Linh chỉ là đầu đạn cho một người Chăm khác đang làm nghề ném đá đấu tay ở hậu trường?

Ai cũng biết cả sư Hán Bằng chỉ là thành viên của Hội Đồng Chức Sắc Đền Tháp Chăm ở Ninh Thuận có trách nhiệm chủ trì nghi lễ ở tháp Po Romé, không có quyền pháp lý ngăn cấm Thành Công Thảo và Từ Công Thu là hai công dân Hoa Kỳ lấy tên vua chúa Champa. Đây chỉ là thư cá nhân của cả sư Hán Bằng, vì cả sư Quý, người chủ trì đền Po Klaong Garai, cũng là đại diện chính thức của Hội Đồng Chức Sắc Đền Tháp Chăm trong Mật Trận Tổ Quốc không hề hay biết đến vấn đề này.

Thêm vào đó, cả sư Hán Bằng là tu sĩ Chăm tuổi đã cao, đang tê liệt nằm trên giường bệnh, không thông thạo tiếng Việt và không hề biết Thành Công Thảo và Từ Công Thu là ai và hiện đang ở đâu. Chính vì thế, cả sư Hán Bằng không thể nào thảo bức thư bằng tiếng Việt gửi cho bà con Chăm ở hải ngoại nhằm kết tội Thành Công Thảo và Từ Công Thu. Thế thì ai là người chủ mưu xúi dục cả sư Bằng thảo công văn này nếu không phải là Chế Linh trong đó có Lưu Quang Sang đang núp phía sau để điều hành biến cố, vì người mang thư cả sư Hán Bằng sang Hoa Kỳ, theo nguồn tin đáng tin cậy, là Phú Văn Lưu, một thành viên của tổ chức Lưu Quang Sang. Cũng theo nguồn tin này, bức thư của cả sư được viết trong lúc Phú Văn Lưu có mặt ở Phan Rang.

Chế Linh và Lưu Quang Sang dư biết là phong tục người Chăm không ngăn cấm ai lấy tên vua chúa Champa để làm tên gọi cho mình và cũng không cấm đoán ai dùng tên thần thánh vua chúa Champa để làm nhân chứng trong cuộc cãi vã nhau. Chính vì thế bà con Chăm hôm nay thường lôi tên *Po Romé mâk hư, Po Kloang ngap glac di hư*

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

(Po Rome sẽ giết hại mày, Po Klaong sẽ trừng trị mày) để chửi bới con cái của mình. Sự hợp tác của Chế Linh với cả sư Bằng nhằm ngăn cấm bà con Chăm không nên lời tên vua chúa Champa trong việc cãi vã và chửi bới nhau mới là công tác đáng làm.

Đứng trên phương diện lịch sử, lấy tên thần thánh và vua chúa Champa tức là bày tỏ lòng tôn kính đối với bậc tiền nhân của dân tộc này. Chính vì thế, cộng đồng trí thức người Chăm trong đó có thiếu tá Dương Tấn Sở, Thành Phú Bá, Nguyễn Văn Tỷ và Lưu Quang Sang, v.v. đã chọn tên Po Klaong, một vị thần Champa, để đặt tên cho một trường trung học tại Phan Rang mà chính ông Thành Phú Bá đã từng làm quản đốc và Lưu Quang Sang, đã từng làm hiệu trưởng. Tại sao cả sư Hán Bằng và ca sĩ Chế Linh không đứng ra phản đối Dương Tấn Sở, Thành Phú Bá, Nguyễn Văn Tỷ và Lưu Quang Sang vì tội lợi dụng danh nghĩa thần thánh Champa để đặt tên cho một ngôi trường. Và hôm nay, tên thần Po Klaong vẫn còn hiện rõ trên mái trường trung học này nằm ngay trong thành phố Phan Rang. Tại sao cả sư và Chế Linh không yêu cầu nhà nước Việt Nam phải đập bỏ tên Po Klaong ra khỏi mái trường này hầu né tránh sự xúc phạm đến thần thánh người Chăm mà ông cả sư Hán Bằng đã nêu ra trong thư.

Ai cũng biết, nhiều người Việt ở Nha Trang và Đà Nẵng cũng lấy tên thần thánh vua chúa Champa như Po Nagar, Po Klaong, v.v. để đặt tên cho tiệm buôn bán của họ. Tại sao Chế Linh không xúi cả sư Bằng đưa vấn đề này ra ánh sáng.

Người ta cũng tự hỏi ở đây, Chế Linh là ai nếu không phải là ông ca sĩ mang họ Chế tên là Linh. Thế thì Chế Linh cũng lấy tên vua chúa Champa, nhưng tại sao ca sĩ này lại cấm ông Thành Công Thỏa và Từ Công Thu? Đây là câu chuyện khôi hài chưa từng xảy ra trong lịch sử của Champa.

Đứng trên phương diện pháp lý, bức thư của cả sử Hán Bằng chỉ là một văn kiện vô giá trị, vì không có một điều luật nào trong truyền thống của dân tộc Chăm cấm đoán người khác lấy tên vua chúa Champa. Thêm vào đó, cả sử Bằng là người lãnh đạo thế giới tâm linh của dân tộc Chăm Bà La Môn, không có vai trò đứng ra kiện tụng trước công pháp quốc tế về vụ hai người Chăm mang quốc tịch Hoa Kỳ đã lấy tên vua chúa Champa. Ông ta cũng không có chức năng pháp lý để kiện cáo hay ngăn cấm bà con Chăm hôm nay thường lôi tên Po Romé, Po Klaong, Po Bhaok, v.v. trong cuộc chửi bới và cãi vã với nhau. Chính vì thế, hành động xúi dục của Chế Linh và Lưu Quang Sang chỉ làm cho cả sử Hán Bằng mang thêm tội vạ và nhất là làm tổn thương đến danh dự cả một cộng đồng tu sĩ người Chăm Ahiér (Bà La Môn) hôm nay, vì Hội Đồng Chức Sắc Đền Tháp Chăm ở Ninh Thuận không hề hay biết vấn đề này.

Sự nhúng tay của Chế Linh nhằm kết tội Thành Công Thỏ và Từ Công Thu, hai người Chăm Hồi Giáo lấy tên vua chúa Champa đã trở thành văn chương chính trị dựa vào màu cờ tôn giáo để khơi dậy hận thù dân tộc. Đây là hành động có một tác hại vô cùng nguy hiểm có thể gây ra chiến trường tranh chấp tôn giáo, mà không ai có thể đo lường được hậu quả của nó. Sự xúi dục này chỉ làm mỗi cho sự chia rẽ trong cộng đồng tu sĩ người Chăm Ahiér (Bà La Môn), vì cả sử Hán Bằng không có quyền kiện tụng một công dân nước ngoài mà không có sự đồng ý của Hội Đồng Chức Sắc Đền Tháp Chăm ở Ninh Thuận và không có giấy phép của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam.

Bi kịch trở về Việt Nam của Chế Linh

Mặc dù Chế Linh đã từng tuyên bố với thân hữu người Chăm là nhà nước Việt Nam đã mấy lần mời ông ta về Việt Nam để trình diễn văn nghệ với giá rất cao tính hơn

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

tỷ đồng, nhưng ông ta luôn luôn từ chối. Có chăng đây chỉ là một cốt truyện huyền hoặc. Vì rằng, ngày trở về Việt Nam của Chế Linh để chuẩn bị chương trình Chào Xuân 2008 chỉ để lại một bi kịch buồn thảm.



Chế Linh và cháu Lưu Quang Sang
(Pho Web Ngôi Sao)

Sau 27 năm ra đi, Chế Linh trở lại sân bay Tân Sơn Nhất vào ngày 18-1-2007 đơn thân độc mã, không trống và cũng không kèn, không người

đồng nghiệp đại diện cho nghệ sĩ Việt Nam chưa nói đến cấp lãnh đạo của nhà nước ra đón chào, ngoại trừ 3 thanh niên Chăm thui thui tặng bó hoa cho Chế Linh mà nhật báo Thể Thao-Văn Hóa kể lại. Tại sao chỉ có 3 thanh niên Chăm ra sân bay đón chào một ca sĩ nổi tiếng và lừng danh trong giới thính giả người Việt Nam. Đó là nghi vấn mà không ai tìm ra câu trả lời.

Để đánh dấu ngày trở về của Chế Linh, nhà nước Việt Nam chỉ cho phép một tờ báo duy nhất đăng tin ngắn gọn về Chế Linh đó là nhật báo Thể Thao-Văn Hóa ra mắt ngày 22-10-2007 mà Web Văn Chương Việt (vannghecongcuulong.org) truyền lại. Bản tin này có đăng một tấm hình Chế Linh thui thui uống nước trà với nhà thơ Inrasara (xem Inrasara.com) trên tấm nệm trong phòng ngủ của nhà thơ này ở Sài Gòn (xem hình) và kể lại chương trình làm việc của Chế Linh ở Việt Nam trong đó ngày 22-10-2006 Chế Linh sẽ bay sang Hà Nội, nhưng không biết để làm gì và gặp ai ?

Ngoài nhật báo Thể Thao-Văn Hóa, hai mạng web ở Việt Nam đó là VTC New (<http://www.vtc.vn>) và Ngôi Sao

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

(<http://ngoisao.net>) cũng được phép đăng bài phỏng vấn về Chế Linh.



Chế Linh và Inrasara
(Pho Web Văn Chương Việt)

Sự vắng mặt của báo chí cũng như không có sự tiếp đón nào của một cơ quan nhà nước Việt Nam dành cho sự hiện diện của Chế Linh đã chứng tỏ rằng

ca sĩ này chỉ lui chui xin về Việt Nam cũng như hàng trăm ngàn Việt kiều khác về thăm quê hương không hơn không kém.

• Chế Linh về Việt Nam để làm gì?

Bà con thân hữu người Chăm rất nóng lòng để biết Chế Linh về Việt Nam để làm gì, trong tổ chức nào? Nhưng không ai trả lời được cho câu nghi vấn này, vì những gì ông tuyên bố ở Việt Nam thường chứa đựng một nội dung mâu thuẫn và có phần thêu dệt.

- *Chào Xuân 2008*

Mặc dù Chế Linh cho biết là « Tôi về kỳ này là chuẩn bị cho chương trình Chào Xuân 2008 sẽ diễn ra vào tháng 1 tới sau đó sẽ là Liveshow Chế Linh » (Web VTC News, 29-10-2007). Đây chẳng qua chỉ là lời sáo rỗng, vì mùa xuân 2008 đã qua, nhưng chương trình Chào Xuân 2008 của Chế Linh cũng không thấy và Liveshow Chế Linh cũng không thành, trong khi đó có nguồn tin từ cộng đồng Chăm

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

cho biết là Chế Linh xóa bỏ chương trình vì chính quyền Hà Nội yêu cầu ông ta phải hát nhạc mới và phải ngồi bên cạnh chủ tịch nhà nước là Nguyễn Minh Triết và trung tướng Nguyễn Cao Kỳ trong ngày đại hội Chào Xuân 2008.



Chế Linh và bà Hoàng Thị Ut Lan
(Pho. Web VTC-New)

Chế Linh bỏ chương trình Chào Xuân 2008 hay là Chế Linh xin hát trong chương trình Chào Xuân nhưng Hà Nội không cho phép? Thế thì Chế Linh về Việt Nam để làm gì?

Nhân dịp về thăm quê hương, Chế Linh vô cùng hớn hởi được chụp hình chung với một nhân vật cao cấp duy nhất tại Việt Nam là bà Hoàng Thị Ut Lan, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, khi Chế Linh về Phan Rang thăm quê, thế thì tại sao Chế Linh không muốn ngồi bên cạnh chủ tịch nhà nước Việt Nam là Nguyễn Minh Triết để lấy hình làm kỷ niệm. Có chăng Chế Linh bịa ra câu chuyện mà thôi vì ông Nguyễn Minh Triết không biết Chế Linh là ai.

- Thành viên UNESCO

Ngày 29-10-2007, Chế Linh tuyên bố với mạng web VTC New : « tôi về theo lời mời của UNESCO, tôi cũng là thành viên của UNESCO. Chúng tôi về thực hiện một số chương trình hát từ thiện... và Chào Xuân 2008... Hai chương trình này dưới sự tài trợ của UNESCO ».

Không có gì vinh dự bằng cho dân tộc Champa hôm nay nếu Chế Linh được bổ nhiệm làm thành viên của UNESCO, một cơ quan của Liên Hiệp Quốc. Tiếc rằng ca sĩ này không biết trụ sở của UNESCO nằm ở đâu và cũng quên

rằng UNESCO hôm nay chỉ có 191 thành viên chính thức dành cho quốc gia độc lập có chủ quyền trong đó có Việt Nam gia nhập từ ngày 6 tháng 7 năm 1951 và 6 thành viên bán chính thức dành cho lãnh thổ tự trị như Ma Cao, Trung Quốc, v.v. Thế thì làm sao Chế Linh được ghế thành viên trong tổ chức quốc tế này.

Đã là thành viên của UNESCO, tại sao Chế Linh chỉ thui thủi đến phi trường Việt Nam không ai đưa đón. Một mâu thuẫn nữa nếu là đại diện cho UNESCO, thì tại sao Chế Linh lại tuyên bố với “nhà thơ” Inrasara « Chế Linh về Việt Nam trong chương trình của UNESCO. Lịch trình của anh rất kín » (Inrasara.com, 8-11-2007). Chế Linh đâu có về Việt Nam để gây phong trào khủng bố, thành ra phải có lịch trình rất kín.

Sau khi hỏi về vụ này, cơ quan UNESCO có trụ sở tại Paris cho biết là UNESCO không biết Chế Linh là ai và không có tài trợ nào dành cho Chế Linh sang Việt Nam hát từ thiện hay Chào Xuân 2008 gì cả. Có chăng câu truyện UNESCO của Chế Linh chỉ là câu chuyện bịa để lừa độc giả.

- *Chế Linh nói gì với báo chí ở Việt Nam*

Một khi xin trở về Việt Nam để hợp tác, tất cả mọi người đều phải tôn trọng câu châm ngôn « ăn cơm chúa thì phải múa theo chúa ». Chính vì thế, Chế Linh khi đến Việt Nam phải đứng về phe nhà nước cộng sản và hòa theo chế độ cộng sản, dù ông ta đã từng là một ca sĩ lừng danh chống cộng sản ở hải ngoại. Đây là qui luật chung của những người làm chính trị ở trong tư thế qui hàng, ngoại trừ Trần Bình Trọng giám tuyên bố « Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc ».

Khi hỏi về cảm nghĩ nhân dịp trở về thăm quê hương, Chế Linh trả lời cho tờ VTC News (29-10-07) rằng « tôi chỉ thấy mình như kẻ đi làm xa nhà, giờ về nhà mình ». Một khi đã xin về Việt Nam hợp tác rồi, Chế Linh không thể

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

nói : tôi là kẻ vượt biên chống cộng, giờ về nhà để phản đối Việt Cộng đã hành hạ mình.

Nói đến sự hiện diện của ông ta ở hải ngoại, VTC News (29-10-07) thuật lại lời của Chế Linh như sau « Cái sự vượt biên của tôi cũng lạ lắm. Tôi chưa bao giờ có ý định vượt biên...Hôm đó tôi đi ăn với bạn bè, rồi cả đám vượt biên, tôi cũng đi luôn ». Thế thì câu chuyện tù đầy, khủng bố của cộng sản buộc Chế Linh phải vượt biên mà ca sĩ này thường kể lại cho bà con thân hữu người Chăm nghe cũng chỉ là một chuyện bịa để lừa dối thiên hạ.

Hỏi đến vấn đề khúc mắc giữa Chế Linh và đất nước Việt Nam, ca sĩ này trả lời cho tờ báo Ngôi Sao (30-10-2007) : « Anh thấy tôi trở về đây rồi mà. Đâu có khúc mắc gì nữa... Quá khứ chìm sâu rồi, bây giờ Chế Linh làm điều gì cũng vì dân tộc mình, vì đất nước mình. Những khúc mắc ở bản thân, tôi không muốn nhắc lại nữa và tôi cũng không muốn ai nhắc »

Quá khứ đã chìm sâu rồi, không nên nhắc nữa có nghĩa là những bài trường ca chống cộng mà Chế Linh từng đeo đuổi trong mấy năm qua phải ngừng lại ở đây. Hy vọng cộng đồng Việt Nam chống cộng ở hải ngoại sẽ hiểu lời kêu gọi này.

Cuối cùng, Chế Linh chỉ xin VTC News (8-11-07) loan tin một điều : « Mong bà con cho Chế Linh thay áo mới » có nghĩa là Chế Linh xin từ giả bộ áo dơ bẩn của chế độ Việt Nam Cộng Hòa để thay vào đó một bộ áo mới trong sạch hơn của Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Tại sao lại vứt đi những ân sủng của Việt Nam Cộng Hòa, một chế độ dù sao đi nữa cũng đã đưa Chế Linh đến đỉnh cao của sự nghiệp ?

Kết Luận

Xã hội là một không gian liên đới giữa những thành viên cùng chung một lý tưởng và một nhận định về giá trị lịch sử của cộng đồng mà họ xem đó là một hiện tượng thiêng liêng ăn sâu vào tiềm thức. Mọi hành động đi ngược lại với qui luật không gian liên đới này trở thành một thái độ phản bội và lừa gạt nhau.

Chế Linh và Lưu Quang Sang là người đã nhận lãnh trách nhiệm đứng ra tổ chức đại hội 2007. Không vì lý do gì, Chế Linh và Lưu Quang Sang lại trở tay chống phá đại hội, tức là tàn phá không gian liên đới mà chính ông ta là thành viên. Đây là thái độ lừa gạt nhau mà những thành viên của ban tổ chức đại hội không bao giờ chấp nhận, vì mọi thái độ lừa gạt nhau chỉ để lại một bi kịch đau xót cho xã hội Champa đổ nát này, khó mà hàn gắn lại trong tương lai.

Đối với những thành viên Chăm trong ban tổ chức đại hội, Chế Linh và Lưu Quang Sang đã trở thành một nhân vật ngoại lệ không còn ai tin cậy nữa, vì hai người này đã quay lưng với quê hương Champa đổ nát, quên đi lời thề của mình trước thần thánh Champa và bà con thân hữu người Chăm ở hải ngoại. Hiện tượng này chỉ làm khuyếch đại thêm sự chia rẽ và hận thù nhau trong một xã hội Champa đã mục nát đã diễn ra gần nửa thế kỷ rồi. Cựu dân biểu Lưu Quang Sang là nhân chứng hàng đầu của tiến trình xã hội mục nát này. Tại sao ông ta, người đại diện cho dân và vì dân, lại tạo thêm hiện tượng vào năm 2007 để xã hội mục nát này càng thêm mục nát nữa. Đó là trọng tâm vấn đề mà một số bà con thân hữu người Chăm tại hải ngoại thường đưa ra.

Vì bị thôi miên bởi một nhân vật núp dưới bóng hình để lèo lái biến cố, Chế Linh thay màu cờ chính trị xin về

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

Việt Nam để rồi phải gánh lấy một kết quả phủ phàng : nhà nước Việt Nam không biết ca sĩ này là ai.

Một khi đã trở về hợp tác với chế độ cộng sản, thế thì đâu là chân đứng của ca sĩ Chế Linh trong cộng đồng Việt Nam chống cộng hôm nay ở hải ngoại. Chỉ có thời gian mới có thể trả lời cho câu hỏi này.

Chế Linh ra đi với ngàn hy vọng hảo huyền, nay đã trở về tay không. Sự ra đi của Chế Linh đã chôn vùi một gia sản vô cùng quý báu, không có giá trị nào của vàng bạc có thể so bì được, đó là đánh mất lòng tin và sự trọng vọng của một tập thể trí thức người Chăm, trong đó có bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ, tốt nghiệp đại học, xuất thân từ quốc gia hành chính, quốc gia sư phạm, v.v. đã dành cho Chế Linh trong suốt 25 năm đấu tranh chung và cùng nằm chung trong một tổ chức ở hải ngoại này. Chỉ vì không sáng suốt nghe theo kẻ ném đá dấu tay, mà bản thân Chế Linh là người « vô tội » đã trở thành người « có tội » đối với đồng đội của mình.

Phân tích hiện tượng của Chế Linh trong một không gian của xã hội tức là làm sáng tỏ lại lịch trình của một biến cố mà dân tộc Champa cần biết sự thật và đã trở thành yếu tố cấu thành lịch sử hiện đại của dân tộc Champa.

Nói đến sự thật tức là sẽ mất lòng nhau. Nhưng sự thật của lịch sử không bao giờ làm mất lòng ai cả, nếu tất cả những nhân chứng của lịch sử chỉ hành động theo sự thật và phải tôn trọng sự thật với bất cứ giá nào. Bằng chứng cụ thể, nếu không lãnh trách nhiệm tổ chức đại hội nữa vì lý do muốn trở về Việt Nam, Chế Linh chỉ cần triệu tập một phiên họp với những thành viên của mình để nêu ra sự thật và tìm một giải pháp chung cho sự thật này, thế thì mọi chuyện đều xảy ra êm xuôi cho xã hội.

Mọi hành động không tôn trọng sự thật và không chấp nhận định nghĩa xã hội như là một không gian liên đới của các thành viên cùng chung một lý tưởng, một nhận định

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh

chung về giá trị di sản của lịch sử, chỉ mang lại bao sự phiền hà cho xã hội mà thôi. Hiện tượng Chế Linh là một bài học của lịch sử xã hội Champa hôm nay.

Hiện tượng ca sĩ Chế Linh